

**TÔNG MÔN CẢNH HUẤN**  
**TẬP 4**



THIỀN PHÁI TRÚC LÂM VIỆT NAM  
THIỀN SƯ THÍCH THANH TỪ



# TÔNG MÔN CẢNH HUẤN

PHÁP THOẠI TẠI MỘT SỐ THIỀN VIỆN - THIỀN TỰ  
VÀ ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ



PL 2566 - DL 2022



# MỤC LỤC



## PHÁP THOẠI TẠI MỘT SỐ THIỀN VIỆN - THIỀN TỰ VÀ ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ

1. Dẫn nhập..... 11

### **Phần I. Pháp thoại tại một số thiền viện - thiền tự trong nước**

2. Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử (Chùa Lâm)..... 27

☸ Khái quát về tinh thần Trúc Lâm Yên Tử..... 27

☸ Về thăm Trúc Lâm Yên Tử..... 40

☸ Cái biết chân thật ..... 48

3. Thiền viện Sùng Phúc ..... 58

☸ Tu là thoát khỏi luân hồi sanh tử..... 58

4. Thiền viện Trúc Lâm Tây Thiên..... 69

☸ Tích lũy thiện nghiệp ..... 69

5. Thiền viện Sơn Thắng..... 80

☸ Nhắc lại nhân duyên xưa ..... 80

6. Thiền viện Hiện Quang .....	91
☸ Thăm Hiện Quang .....	91
7. Thiền viện Hương Hải .....	94
☸ Hoa hay là rác .....	94
8. Thiền viện Phúc Trường .....	106
☸ Giáo huấn các vị lãnh Phật sự .....	106

## **Phần II. Pháp thoại tại một số thiền viện - tự viện - đạo tràng Phật tử nước ngoài**

9. Thiền viện Đại Đăng (Hoa Kỳ) .....	113
☸ Hòa thượng dạy nhân lễ Khánh thành .....	113
☸ Tánh không duyên khởi, chân không diệu hữu....	124
10. Thiền viện Quang Chiếu (Hoa Kỳ) .....	144
☸ Nói chuyện với chư Ni nhân ngày cuối năm Nhâm Ngọ .....	144
11. Thiền tự Bồ Đề (Hoa Kỳ) .....	150
☸ Ý nghĩa thiền tự Bồ Đề .....	150
12. Thiền viện Hoa Nghiêm (Hoa Kỳ) .....	159
☸ Ái là gốc của luân hồi sanh tử .....	159
13. Thiền tự Hương Hải (Canada) .....	174
☸ Người giành khôn là kẻ dại người chịu dại tức kẻ khôn .....	174

14. Thiền tự Đạo Viên (Canada) .....	183
☸ Phản quan tự kỷ .....	183
15. Chùa Bồ Đề (Canada) .....	198
☸ Nói về hai chữ Bồ Đề .....	198
16. Thiền đường Trúc Lâm Phúc Đức (Úc Châu).....	212
☸ Ý nghĩa chữ Phúc Đức .....	212
17. Thiền viện Trúc Lâm (Pháp) .....	219
☸ Hai ông vua xem ngai vàng như dép rách .....	219
18. Chùa Việt Nam (Hoa Kỳ).....	245
☸ Phước tuệ song tu .....	245
19. Chuẩn bị cho mình mai sau .....	263
20. Một ngọn núi ba con đường.....	269

### **Phần III. Pháp thoại tại một số chùa - đạo tràng Phật tử trong nước**

21. Đạo Phật là đạo của tất cả mọi người (Chùa Phật Quang - Bến Tre) .....	286
22. Ý nghĩa Phước Hậu (Chùa Phước Hậu - Vĩnh Long) .....	302
23. Cội nguồn Phật pháp (Chùa Quan Âm - Đà Lạt) .....	311

24. Hai chữ Huyền Không (Thiền tự Huyền Không - Huế).....	324
25. Giảng đạo tại tràng Thái Tuệ .....	336
26. Giảng tại đạo tràng Tuệ Tâm .....	341
27. Đạo Phật vì con người, xoáy sâu vào con người (Đạo tràng Trúc Lâm Tuệ Phát) .....	346
28. Căn bản tu hành của Phật tử .....	359
29. Tu là xây dựng bản thân.....	374
30. Chữ dững trong đạo Phật.....	382
31. Nói cho người già bệnh.....	399
32. Xây dựng một sự nghiệp bất hoại .....	414
33. Chết có phải là hết .....	424
34. Cuộc đời là mâu thuẫn .....	432
35. Người Phật tử phải tu như thế nào .....	451
36. Vu Lan mùa báo hiếu .....	463
37. ại sao Phật tử phải tụng kinh, niệm Phật, trì chú và tọa thiền.....	481





## Bút tích của Hòa thượng

- Thầy có vài lời nhắc nhở:
- Là người có trách nhiệm nặng, con phải an ở trong lòng bao dung thông cảm với mọi người, vì chúng sinh tâm lý nghiệp tập khác nhau.
  - Thế gian đang chìm trong mê lầm, người nào cũng là nạn nhân của tà mê, nên họ đang thường hỗn đàng giẫm.
  - Dù ở trong hoàn cảnh nào, con phải theo giữa đôn những tâm mây phiêu nào, không cho chúng che khuất mặt trăng trong sáng của con.
  - Trong cuộc đời phù du mong ảo vậy, dù ta có được mọi sự vĩ đại của đời, cũng chỉ là đưa tay bắt bóng, rút cuộc rồi chỉ là tay không.
  - Hòn ngọc quý đang nằm trong túi áo, ta chớ vì sự lợi ích của thân tục mà quên mất hòn ngọc của chính mình.

Thầy

2/9/2002



## DẪN NHẬP

Đạo Phật Việt Nam, Thiên tông Phật giáo Việt Nam, hai mối lương duyên này đồng hành trôi chảy, hình thành gắn bó xuyên suốt trên mảnh đất quê hương mãi tự thưở nào. Lịch sử Việt từ thời ban sơ, tràn dâng một sức sống uy linh, thấm đẫm giống nòi con rồng cháu tiên. Bản lĩnh Việt tồn tại đậm nét hào hùng, cuối cùng đề huề với năm châu. Nòi giống Việt trân kính quý báu văn miếu, có thể sánh bước cùng các nguồn văn minh sáng chói khắp châu lục lãnh thổ.

Buổi sơ khai các thiên tăng có mặt và gây dựng Phật pháp Thiên tông tại nước ta. Bước chân các đoàn du tăng mang dấu ấn đạo Phật đi vào nước Việt, đương thời hội ngộ tại trung tâm Phật giáo Luy Lâu, có thể sánh vai với Đông Ngô, Bành Thành, Lạc Dương... Bắc Quốc. Thời này một thiên tổ mang dấu ấn tông thừa là Tỳ-ni-đa-lưu-chi, vừa từ phương Bắc quảy tích sang Đại Việt hoàng dương Thiên tông. Phật pháp của ngài cắm sâu và phát triển vào khoảng thế kỷ thứ 6.

Sau đó, thiên sư Vô Ngôn Thông (? - 826) học trò đặc pháp của tổ Bách Trượng sang Đại Việt, trụ tại đạo tràng chùa Kiến Sơ, hồng truyền đạo Tổ, hóa độ chúng sanh. Hội này nhiều đoàn du tăng từ Bắc Ấn, Tây Hạ, Trung Hoa, trong đó có những vị thiên tăng Việt Nam cùng truyền thừa Thiền tông. Những kỷ nguyên liên tiếp nơi quê hương chúng ta liên tục phát triển đạo thiền.

Hoàng đế Lý Thánh Tông (1023 - 1072) sau thắng lợi cuộc chiến Việt - Chiêm, trong đoàn người hồi triều có thiên sư Thảo Đường. Đây là vị thiên sư thuộc dòng thiền Vân Môn, ngài sang hóa đạo Chiêm Thành, cùng về đất Việt và mở mang Thiền phái Thảo Đường, một thời uy chấn đất kinh đô. Các quân vương sĩ tứ đương thời quy hướng học pháp tu hành nơi ngài.

Thiền tông Lý - Trần thời kỳ hội nhập phát triển bền vững. Thời kỳ này những danh tăng nước Việt như thái sư Khuông Việt, thiên sư Vạn Hạnh, tổ sư Lý Khánh Vân, hòa hội cùng các minh quân hoàng đế Đại Việt hợp xướng tông phong, mở mang phát triển Thiền tông đạo Phật mang đậm bản sắc Việt. Từ đây mở ra một thời kỳ vàng son của dân tộc Việt Nam, Phật giáo Việt Nam, Thiền tông Việt Nam.



Phật hoàng Trần Nhân Tông (1258 - 1308) Sơ tổ Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tiếp nối phát triển Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm, Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử một thời huy đại toàn cõi Đại Việt, người người tin Phật, tu Phật, hành thiền. Các thiền tăng tiếp nối liên tục truyền bá Thiền tông Trúc Lâm Yên Tử. Thời này Tam tổ Trúc Lâm tục diệm tông Tổ, thiền sư Hiện Quang, quốc sư Viên Chứng, Đại Đăng, Phù Vân... nhất tề truyền bá đạo thiền. Bao nhiêu công hạnh công đức dâng về cho đạo pháp, dân tộc hưng thịnh mãi ngàn sau.

Tuy nhiên, đất nước bước vào hồi thịnh suy, dòng sinh mạng của chúng sanh cũng không dừng một chỗ. Thịnh rồi suy, suy để rồi phẫn đấu, cùng hình thành gây dựng. Xưa nay luôn là như vậy. Bánh xe thời gian là thứ gì ghê gớm nhất, luôn nghiền nát mọi thứ, trong đó cũng không thể giấu giếm nổi chất liệu làm nên, hiện thành. Dầu sao thời kỳ trung hưng, tổ Chân Nguyên Huệ Đăng cùng một số môn hạ chân tu thật học cùng chung phụng sự, thấp lại đèn Tổ, khiến tông phong Phật giáo thiền Trúc Lâm thời này sống dậy.

Thế là nhân duyên sự kiện mọi thứ chìm lắng, trải dài suốt bao nhiêu thế kỷ. Chính đây là thời kỳ yên lắng mà hoàng truyền. Căn cơ phúc duyên của chúng sanh khắp thế giới nói chung, dân tộc

Việt cùng cộng hưởng cũng không ngoại lệ. Cứ như vậy mà tạo dựng, mà sống còn, vươn lên, cống hiến thăng hoa. Các bậc long tượng cũng tùy duyên xuất thế bằng vào đại nguyện đại lực, tùy phần mở mang chánh đạo. Giá trị đạo pháp trong sự nghiệp truyền thừa, nhân đó lợi lạc quần sanh.

Thực sự mà nói thế sự thăng trầm, đạo pháp cũng chìm nổi. Cứ vậy mà thể hiện, hành trì, bảo vệ, tôn vinh. Chúng sanh cần Phật pháp có, nối nắm thừa đương mãi mãi. Tuy vậy, đâu đó cũng phát tín hương tín hiệu trời dâng, duyên lành hội tụ mọi thứ thông suốt. Thời cận đại phong trào chấn hưng Phật giáo, con thuyền vận mệnh Phật pháp thời cơ hội đủ nhất tề dâng lên.

Thời kỳ đương đại nhiều bậc chân tăng xuất hiện khắp ba miền đất nước. Bắc phần thì có chốn Tổ Vĩnh Nghiêm phát động phong trào. Miền Trung chư Tổ Tây Thiên, Phước Huệ, Báo Quốc cũng mở hội Tăng học sinh, cư sĩ học Phật hăng hái cầu pháp, siêng năng tu tập. Miền Nam sáng dậy, chư Tổ Huệ Quang, Khánh Hòa, Tổ Tổ thừa đương mở hội Nam kỳ nghiên cứu Phật học, Lương Xuyên Phật học. Đây là thời kỳ Phật pháp được khởi động, vun vén, chính là lúc người con Phật khắp nơi thức giấc, làm tốt nhiệm vụ truyền trì mạng mạch Phật tổ, lợi lạc quần cơ.

Đèn Phật sáng tỏ, mạch thiên lung linh, dòng thiên Trúc Lâm cũng theo đó mà phục sáng. Thiên sư Thích Thanh Từ cả đời hành trì Phật pháp, nhận thấu yếu chỉ tông thừa, từ xa vạn vọng phát đại nguyện vạn thuyền đại từ, xiển dương đại pháp, thừa thâm ân cảm hóa của liệt tổ liệt tông, thấp sáng ngọn đuốc Phật tâm, lợi lạc khắp nơi.

Tại miền Nam nước Việt, ngài khôi phục và truyền thừa Thiên tông Trúc Lâm. Thừa tư công đức mong báo đáp thâm ân Phật tổ, lịch đại Tổ sư, chuyển tải mạng mạch Trúc Lâm Yên Tử, dâng lên cúng dường mười phương Tam bảo, các bậc hiền thánh, hòa nguyện lợi lạc quần sanh, khiến đèn thiên Trúc Lâm sáng dội mai sau. Hướng nguyện tâm huyết của ngài, tâm hành và Phật pháp nơi ngài tuôn chảy khắp chốn tùng lâm.

Từ thiền viện Chơn Không - Vũng Tàu, núi lớn Tương Kỳ, Lão nhân Tương Kỳ dinh ninh mở hội dạy thiền cho Tăng Ni tứ chúng và đạo tràng Phật tử cùng về tu học. Giai đoạn chuyển tiếp ngài về đạo tràng Thường Chiếu mở rộng thiền pháp, xiển hóa cùng khắp. Đồng thời ngài khai mở đạo tràng thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng ở cao nguyên vào thập niên 90. Tại đây, khu nội viện cũng được thành lập cho đại chúng cùng tu học. Không lâu, nơi này trở thành trung tâm hướng dẫn tu thiền Trúc Lâm của ngài.

Thời gian ở thiên viện Trúc Lâm, mỗi tháng ngài vẫn trở về Tổ đình Thường Chiếu giảng dạy, hướng dẫn Tăng Ni tứ chúng tu học. Chư Tăng Ni, Phật tử pháp hữu về tu học rất đông. Đây, lời hướng dẫn của ngài cho chư hành giả tu thiền vào những mùa An cư và lời khai thị cho những Phật tử đến cầu pháp tu học:

*Ba tháng an cư của Tăng Ni là ba tháng tu hành miên mật, chín chắn. Thời gian này, Phật tử đem hết tâm hướng về Tăng Ni. Trách nhiệm của chúng ta là phải nỗ lực, không tiến nhiều cũng tiến ít, không thể lơ là được. Tu chẳng những lợi ích cho mình mà còn gây dựng niềm tin cho Phật tử. Nếu nói an cư mà cũng như những ngày bình thường, tu hành lơ là cho qua ngày đoạn tháng, nhận đồ cúng dường của Phật tử, đó là việc xấu hổ đáng buồn.*

*Tất cả Tăng Ni ở thiên viện hay các am thất chung quanh phải nhớ, chúng ta không tu thì thôi, tu thì phải thực hành cho đúng, nói cái gì phải làm cho được cái đó. Nói ba tháng an cư thanh tịnh tu hành, thì phải cố gắng thanh tịnh tu hành. Làm sao qua một mùa An cư chúng ta có những bước tiến rõ ràng, khác với khi chưa vào an cư. Được như vậy mới xứng đáng tăng thêm một tuổi đạo, là một tuổi công đức.*



Người xưa nói “Tu hành cốt yếu tại tâm”, nhưng biết tu tâm nào? Có người cho rằng nghĩ thiện là tâm tốt nên giữ, nghĩ ác là tâm xấu bỏ đi, đó là tu tâm. Sự thật đến chỗ cứu cánh của nhà thiên thì thiện ác đều buông. Bởi vì thiện ác thế gian chỉ mang tính tương đối, không cố định. Tâm chân thật thì không còn thiện ác, hai bên. Chúng ta tu nên bỏ tâm hơn thua, phải quấy, tốt xấu, được mất, trở về chỗ an tĩnh chân thật.

Tu thiên bắt phải ngồi nghiêm trang, đau nhức dữ dội vẫn phải chịu đựng một tiếng rưỡi, hai tiếng đồng hồ. Đó là để tự mình khắc phục cho được sự khó khổ trên thân. Thân cực khổ vẫn dễ thắng hơn tâm. Trong tâm lằng xằng muốn ngừng nhưng vẫn cứ chạy, không dừng bao giờ. Vọng tưởng là bóng dáng của các trần đã ghi sâu trong tàng thức, sẵn sàng xuất hiện bất cứ lúc nào, không thể ngăn cản, ngừa đón. Thực sự muốn thắng tâm vọng tưởng trước phải thắng thân. Hàng phục thân thành công mới có khả năng hàng phục tâm. Thân nhọc nhằn một chút chịu không nổi, như thế sẽ không bao giờ hàng phục nổi tâm.

Làm khách phong trần tha phương, càng đi càng xa quê nhà. Mỗi lần chúng ta sanh ra là một lần tạo thêm nghiệp và càng xa rời bản tâm chân thật. Người tu thức tỉnh trở về quê hương, phải

*làm sao mỗi ngày tiến gần hơn với chính mình. Về tận nhà mới xong việc. Đời này nếu chưa chấm dứt dòng sanh tử, ít ra cũng bớt khổ nhiều. Muốn được vậy thì đừng chạy theo vọng tưởng, danh lợi, tài sắc của thế gian. Vọng tưởng chỉ là cái áo phong trần nhiều bụi bặm, ngang đây rũ sạch để trở thành con ông trưởng giả ngồi trong nhà cai quản sự nghiệp.*

*Chúng ta tu là đi trên đường giải thoát, là con đường diệu diệu. Đi một ngày mệt thì ghé trạm nghỉ, ngày thứ hai đi tiếp. Có đi là có tiến, đi chậm thì tiến chậm, đi mau tiến mau. Dù chưa tới nơi nhưng luôn luôn cố gắng nỗ lực, chưa đến đích cũng vẫn cứ đi. Đi mãi cho tới cứu cánh mới thôi, đừng tính ngày tính tháng, tính năm này năm nọ, cứ thẳng một đường chăm bẵm đi mãi, nhất định có ngày sẽ đến.*

Thiền sư Thích Thanh Từ - Thầy chúng tôi - thế danh Trần Hữu Phước, ngài ứng thế vào thập niên 20, tiền bán thế kỷ 19 tại làng Tích Thiện, quận Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, trong một gia đình trung nông thuần Việt.

Năm lên 9 tuổi mà ngài đã cảm tác lời thơ:

*Non đảnh là nơi thú lắm ai,  
Đó cảnh nhàn du của khách tài,  
Tiếng mõ công phu người tỉnh giấc,  
Chuông hồi vắng vắng quá bi ai.*

Quả là chủng duyên tu hành từ nhiều đời của ngài đã sớm khai phát.

Năm 1949, ngài được tổ Thiện Hoa thế phát xuất gia vào ngày 15 tháng 7 tại chùa Phật Quang - Bang Chang, Trà Ôn. Tại đây ngài đã cần mẫn chuyên tâm tu học.

Năm 1953, ngài theo Tổ lên Sài Gòn tu học tại Phật Học đường Nam Việt chùa Ấn Quang. Vừa học vừa lưu giảng tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ theo sự chỉ giáo của Giáo hội và chư Tổ tại chùa Ấn Quang.

Năm 1957, ngài về chùa Phước Hòa - Trà Vinh thừa hành Phật sự.

Năm 1961, ngài nhập thất hành thiền tại Thiên Duyệt Thất - Bảo Lộc, Lâm Đồng. Thời gian này ngài cùng với các pháp hữu hình thành giáo trình Cao trung Phật học và Đại học Phật giáo Việt Nam.

Năm 1963, ngài cùng với hai hòa thượng Bửu Huệ, Thiên Tâm chịu trách nhiệm khai giảng trường Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm.

Năm 1966, Phật sự vừa xong ngài giã từ Sư tổ, các pháp hữu, lên núi Tương Kỳ dựng Pháp Lạc Thất, chính thức hành thiền.

Năm 1968, ngài sáng lý sắc không, mở ra một chân trời thông thống, thấu tột yếu chỉ Thiên tông, đặc biệt qua lời giảng giải của thiền sư Khuê Phong Tông Mật trong tác phẩm Thiên Nguyên Chư Thuyên Tập Đô Tự.

Năm 1970, ngài chính thức khai quang thiền viện Chơn Không.

Năm 1974, ngài thành lập thiền viện Thường Chiếu và sau đó các thiền viện ni Viên Chiếu, Linh Chiếu, Huệ Chiếu, Phổ Chiếu, Tịch Chiếu, Chơn Chiếu... cũng lần lượt ra đời. Tứ chúng khắp nơi đề huề tu học. Có thể nói Thường Chiếu là một đạo tràng lớn, thiền sư Thích Thanh Từ chủ hóa hồng truyền Thiên tông Trúc Lâm Việt Nam.

Năm 1993, ngài thành lập thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng - Đà Lạt. Đây là nơi lý tưởng tối hậu của ngài. Mạch nguồn Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử đến đây là thời kỳ phục hưng và phát triển mạnh mẽ. Ngài nói:

*Hoài bão của tôi là khôi phục Thiên tông Việt Nam. Bởi vì người Việt Nam lập thành một hệ phái Thiên tông chỉ có ở đời Trần, còn những đời trước và đời sau đều lấy theo hệ phái của Trung Hoa. Chúng ta là kẻ hậu học, tự hãnh diện ở Việt Nam*

*xuất hiện một hệ phái thiền Việt Nam trọn vẹn, mang dấu ấn của chư Tổ tiên bối và dung hội tài tình đường lối tu hành của người xưa, làm kim chỉ nam cho hành giả Việt Nam.*

Thế là các thiền viện khắp nơi trong đất nước lần lượt ra đời, và phát triển sang cả ngoài nước. Bước chân của ngài tới đâu là ánh sáng Phật pháp lan tỏa tới đó, đem an vui đến cho muôn người. Đặc biệt ngài đã trở về chốn Tổ, nơi phát tích dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, dựng lập thiền viện và đạo tràng Thiền tông nơi đây. Thiền phong một thuở bừng sống dậy nơi chốn Tổ non Yên, làm tiêu bản cho thiền tăng Việt Nam, giữ vững cương lĩnh và mạch nguồn Thiền tông nước Việt muôn thuở.

**Tông Môn Cảnh Huấn** được kết tập từ công đức giáo hóa một đời của ngài. Bao nhiêu tâm huyết, công phu, trí tuệ và lòng từ bi của ngài thể hiện trọn vẹn trong bộ sách này. Tăng Ni Phật tử hữu duyên với pháp tu thiền, thích tu thiền, có thể lấy đây làm cẩm nang trên con đường hành thiền. Đó cũng chính là hoài bão của Ân sư, mong muốn truyền bá dòng thiền nước Việt rộng sâu trong lòng dân tộc và Phật giáo quê nhà, đồng thời mở mang rộng khắp năm châu bốn bể, lợi lạc quần sanh, đền ân Phật Tổ.

Nơi đây,

Chúng môn hạ đệ tử của ngài, có những vị đã nhiều năm theo Thầy học đạo hành thiền, có niềm tin và niềm vui nơi pháp thiền. Quý kính, tưởng nhớ đến thâm ân cao vời của Ân sư, đồng thời vâng theo chí nguyện Thầy tổ, huynh đệ cùng nhau biên tập bộ **Tông Môn Cảnh Huấn** này, ghi lại lời giáo huấn của Thầy, làm kim chỉ nam cho hành giả tu thiền. Bao nhiêu công đức có được cung kính dâng lên cúng dường Thầy tổ, kính mừng bách thọ khánh tuế Ân sư.

Nguyện Thầy cứu trụ Ta-bà, trí tuệ viên mãn, truyền tải Phật pháp Thiên tông, làm lợi ích khắp nhân gian.

TM. Ban Văn Hóa Thường Chiếu

Khê thủ,

Pháp tử Thích Nhật Quang

# Mộng

Gá thân mộng

Dạo cảnh mộng

Mộng tan rồi

Cười vỡ mộng.

Ghi lời mộng

Nhấn khách mộng

Biết được mộng

Tĩnh cơn mộng.









**PHÁP THOẠI**  
**TẠI MỘT SỐ THIỀN VIỆN - THIỀN TỰ**  
**VÀ ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ**

**PHẦN I**  
**PHÁP THOẠI TẠI MỘT SỐ**  
**THIỀN VIỆN - THIỀN TỰ TRONG NƯỚC**



## THIỀN VIỆN TRÚC LÂM YÊN TỬ (CHÙA LÂN)

### KHÁI QUÁT VỀ TINH THẦN TRÚC LÂM YÊN TỬ

Hôm nay được phúc duyên trở về chốn Tổ, tôi xem nơi đây như Tổ đình của mình. Vì tôi chủ trương khôi phục Thiền tông Việt Nam nói chung, hay Thiền tông đời Trần nói riêng. Thế nên khi lập thiền viện ở Đà Lạt, tôi đặt tên là thiền viện Trúc Lâm, tức là gọi tắt từ chữ Trúc Lâm Yên Tử. Tôi thường nói, Thiền tông đời Trần là nền tảng của Thiền tông Việt Nam. Vì vậy muốn khôi phục Thiền tông Việt Nam, chúng ta cần phải biết rõ Thiền tông đời Trần có những ưu điểm gì mà chủ trương khôi phục.

Trước hết, tôi nói khái quát về tinh thần và sơ lược lịch sử của hệ Trúc Lâm Yên Tử. Xưa kia Trúc Lâm Yên Tử là nơi xa xôi hẻo lánh, rừng rú cọp sói ở đây, ít có người lai vãng. Vào đời Lý, thiền sư Hiện Quang là một bậc tu hành đặc lực, nhưng do ở

gần thành thị nên có một cô công chúa thường đến cúng dường, dần dần ra vẻ quyến luyến ngài. Cảm thấy trở ngại cho việc tu hành, ngài bèn rút lui lên vùng núi rừng Yên Tử để ẩn tu và đắc đạo ở đây. Như vậy, ngài Hiện Quang là vị thiền sư đầu tiên đến ở tu trên núi này, sau có quốc sư Phù Vân và kế tiếp là vua Trần Thái Tông.

Khi vua Trần Thái Tông trốn triều đình quyết tìm lên núi Yên Tử để tu, tới đây vua gặp quốc sư Phù Vân là đồ đệ của thiền sư Hiện Quang. Có thể nói, quốc sư Phù Vân vừa là một bậc tu hành đạt đạo, vừa là người rất có tâm đối với đất nước. Cho nên khi nghe vua Trần Thái Tông xin ở tu, ngài nói: “Lão tăng ở chốn sơn dã đã lâu, xương cứng mặt gầy, ăn rau rừng, nhai hạt dẻ, uống nước suối, vui cảnh núi rừng đã quen, lòng nhẹ như mây nổi, cho nên mới theo gió mà đến đây. Nay bệ hạ bỏ địa vị nhân chủ mà nghĩ đến cảnh quê mùa rừng núi, hẳn là muốn tìm câu gì ở đây cho nên mới đến?”.

Vua thưa: “Trẫm còn thơ ấu đã sớm mất mẹ cha, chơ vợ đứng trên sĩ dân, không có nơi nào để nương tựa. Lại nghĩ rằng, sự nghiệp đế vương đời trước hưng phế bất thường cho nên mới vào đây, chỉ muốn cầu thành Phật chứ chẳng muốn tìm gì khác”.

Quốc sư nói: “Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng lặng trí tuệ xuất hiện, đó chính là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm ấy, tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không cần đi tìm cực khổ ở bên ngoài”.

Quốc sư Phù Vân dạy cho vua biết, Phật trong tâm của mỗi người chứ không phải ở bên ngoài, dù có lên rừng lên núi cũng không bao giờ thấy Phật. Khi nào tâm lắng sạch mọi vọng tưởng phiền não, chỉ thuần một tánh tri giác thường nhiên thì đó chính là Phật, đừng đi tìm đâu xa xôi. Nhà vua nghe câu nói này liền khai ngộ.

Lúc đó Trần Thủ Độ là người đứng ra lãnh đạo quốc gia dưới nhà vua, nên khi biết vua bỏ triều đình đi tu, ông mới ra lệnh cho bá quan lên núi Yên Tử tìm đón vua về kinh. Trần Thủ Độ yêu cầu vua quay lại lãnh đạo đất nước, vì quần chúng thương trông đợi nhà vua trở về. Nghe lời Trần Thủ Độ nói tha thiết, vua Trần Thái Tông bạch lại với quốc sư.

Quốc sư cầm tay nhà vua, nói: “Phàm làm đấng nhân quân thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn đón bệ hạ về, bệ hạ không về sao được? Tuy nhiên, việc nghiên cứu nội điển xin bệ hạ đừng phút nào quên”.

Quốc sư dặn dò vua Trần Thái Tông, phàm đã là đấng quân vương thì làm việc gì cũng phải thuận theo lòng dân. Dân muốn rước về thì nhà vua nên trở về, quan trọng là dù lo việc nước nhưng đừng quên nghiên cứu, tu hành. Lời nhắc nhở của Quốc sư thật rất chí thiết, vừa trọng đạo đức tu hành vừa hợp đạo lý của nhân gian.

Một vị thiền sư ở núi tu hành mà vẫn đặt nặng vấn đề người lãnh đạo đất nước phải thuận theo lòng của muôn dân, muôn dân muốn sao thì mình phải thực hiện như vậy. Hai chữ quốc sư là do sau này vua Trần Thái Tông phong, chứ lúc ấy ngài chỉ là một thiền sư ở núi mà thôi.

Trần Thái Tông trở về rồi, từ đó về sau tuy lo việc triều chính mà vẫn không quên nghiên cứu kinh điển và tu tập thiền định. Mỗi lúc rảnh việc, vua thường tụng kinh Kim Cang. Một hôm tụng tới câu: “Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh hương vị xúc pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, nhà vua khai ngộ. Sau đó, vua có viết quyển Thiên Tông Chỉ Nam và trình lên Quốc sư, nhưng rất tiếc nguyên bản của quyển sách bây giờ đã lạc mất chỉ tìm được lời tựa. Lời tựa này tôi đã dịch trong quyển Khóa Hư Lục, nếu ai có đọc thì sẽ thấy.

Thời vua Trần Thái Tông là thời quân Nguyên - Mông kéo sang chiếm Việt Nam, đây cũng là trận đánh thắng Nguyên - Mông đầu tiên của nước ta. Một ông vua vừa lo việc dân, việc nước, lại còn chống ngoại xâm mà vẫn tu hành được, chúng ta bây giờ bảo ráng tinh tấn tu hành thì nói con bận quá tu không được. Quý vị thử nghĩ xem, so với nhà vua thì mình bận nhiều hay ít? Một ông vua đa đoan công việc mà vẫn để dành thời giờ tu hành và ngộ đạo, đó là chuyện quá hy hữu.

Chúng ta là con cháu thì phải học hỏi, để noi theo mà cố gắng tu. Nên biết, việc thế gian dù cho có lo hay, làm giỏi đi chăng nữa, nếu ngày nào mình chưa nhắm mắt thì việc cũng chưa rồi. Cho nên mỗi người phải khôn ngoan, khéo học theo gương người xưa, vừa lo việc nhà cũng vừa tu hành để gieo nhân tốt lành cho mình, đừng để mất thời giờ luống uổng.

Như vậy, thiên sư Phù Vân là thời vua Trần Thái Tông, kế đến là thiên sư Đại Đăng thuộc thời đại vua Trần Thánh Tông. Trần Thánh Tông cũng là một ông vua ở triều lo việc nước nhưng vẫn thấm nhuần và tỏ ngộ được lý thiền. Sang năm tôi sẽ cho in thêm quyển Thánh Đăng Lục, trong đó có kể đủ năm vị vua vừa làm việc nước mà vẫn tu thiền. Đó là Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Anh Tông và Trần Minh Tông. Quyển

sách này cho chúng ta thấy các vua Trần đều hướng về Phật pháp tu hành.

Vào triều đại nhà Trần, vị vua trốn đi tu đầu tiên là Trần Thái Tông, đến vị vua thứ ba là Trần Nhân Tông cũng trốn lên núi Yên Tử để tu. Lúc còn là thái tử Trần Khâm, vua cha là Trần Thánh Tông thấy con mền đạo nên gửi ngài đến học với Tuệ Trung thượng sĩ. Tuệ Trung thượng sĩ là một ông quan ngộ lý thiền, những lời dạy về thiền của Ngài rất hay, được ghi chép đầy đủ trong Tuệ Trung Thượng Sĩ Ngữ Lục.

Lúc còn nhỏ, vua Nhân Tông đã lớn lên trong sự dạy dỗ về lý thiền. Thế nên vào năm 16 tuổi, được lập làm Hoàng thái tử mà Ngài cố từ chối, nhường ngôi lại cho em mà không được, vì thế Ngài bỏ trốn lên núi Yên Tử để tu. Vua Trần Thánh Tông thấy rõ ngài là người đủ sức để lo việc nước lâu dài, vì vậy cho người lên núi Yên Tử bắt trở về, sau đó truyền ngôi lại cho ngài.

Trần Nhân Tông ngộ được lý thiền nơi Tuệ Trung thượng sĩ qua câu hỏi: “Việc bốn phận chủ yếu, căn bản của người tu thiền là gì?”; Tuệ Trung thượng sĩ đáp: “Phản quan tự kỷ bốn phận sự, bất tùng tha đắc”. Nghĩa là quay lại soi sáng chính mình đó là phận sự chính, không do tìm cầu bên ngoài mà được. Ngay câu ấy ngài ngộ, sau đó từ giả Thượng sĩ



trở về làm bốn phạm của mình. Như vậy, vua Trần Nhân Tông đã ngộ đạo lúc còn làm thái tử, nhưng vì trọng trách của một người lo cho dân, cho nước, nên ngài đành phải lên ngôi vua. Thời của ngài, đất nước chúng ta có hai trận đánh đuổi giặc Nguyên - Mông.

Sau khi chiến thắng ngoại xâm, năm đó ngài 40 tuổi nhường ngôi lại cho con là Trần Anh Tông, rồi lên núi Yên Tử xuất gia tu hành, mở ra một dòng thiền thuần túy Việt Nam. Đây được xem là thời đại kỳ đặc của Phật giáo nước ta. Tại sao như thế? Bởi vì thiền sư Phù Vân, thiền sư Đại Đăng tuy là quốc sư, nhưng vẫn theo hệ phái của Phật giáo Trung Hoa. Nhưng đến vua Trần Nhân Tông vì không muốn lệ thuộc nước ngoài, nên ngài chọn lấy tinh ba của dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường dung hội lại, lập thành một hệ phái lấy tên là Trúc Lâm Yên Tử, ngài là người đứng đầu và trở thành Sơ Tổ của phái thiền này.

Một thiền sư Việt Nam đứng ra lập một tông phái thiền Việt Nam, thế nên ngày nay khi muốn khôi phục Thiền tông Việt Nam, tôi y cứ vào Sơ tổ Trúc Lâm và coi đây là Tổ đình, điều này hoàn toàn hợp lý. Chủ trương của tôi là thế, nên xem như chúng ta thuộc hệ thống Trúc Lâm Yên Tử, đã là con cháu thì mình phải kính trọng, tôn quý chư Tổ ở đây, đó là lẽ đương nhiên.

Đây là lần thứ hai chúng tôi lên tới chôn Tổ. Kỳ trước là vào năm 1990, đường sá còn rất khó khăn, phải để xe xa tận ngoài kia rồi lội bộ lên đây. Bắt đầu đi từ 6 giờ sáng mà leo lên tới nơi đã gần 2 giờ chiều, nhìn thấy ngôi chùa quá nhỏ không tiện để ở lại, buộc lòng chúng tôi phải trở xuống chùa Long Động ngủ nhờ rồi trở về. Lần này phương tiện xe cộ tốt hơn, lên núi có thể tạm nghỉ lại được, nên tôi nhất định đi và xem như cũng là kỳ cuối, vì tuổi tôi đã cao rồi.

Chúng ta lên đây chiêm bái nhằm tỏ lòng quý kính, quy hướng chư Tổ. Chuyến đi này được sự hưởng ứng của quý Phật tử ở Hà Nội và các tỉnh thành lân cận khá đông, tôi thấy rất vui vì mình về đây không đơn độc. Chúng ta về đất Tổ với một lòng thành kính biết ơn, cùng có cả thầy trò Tăng Ni và Phật tử đông đảo như vậy là rất tốt, rất quý.

Tôi nói qua như thế để quý Phật tử thấy được chủ trương, đường lối mà tôi lập ra. Tôi lập thiền viện Trúc Lâm cũng chính là muốn Tăng Ni chuyên tu theo hướng của Sơ tổ Trúc Lâm chỉ dạy. Sơ Tổ dạy pháp tu rất nhiều, nhưng về nghi thức thời khóa thì không nói tới, nhưng ông nội ngài là vua Trần Thái Tông, có soạn ra nghi thức Lục Thời Sám Hối làm thời khóa tụng hằng ngày.

Tôi thiết nghĩ mình đã tu theo Phật giáo Việt Nam, vậy thì có hai điều chúng ta không thể thiếu được. Thứ nhất, Tổ sư Thiên tông Việt Nam phải là người Việt Nam. Thứ hai, nghi thức tụng niệm của Thiên tông Việt Nam phải do những vị Tổ Việt Nam soạn. Do vậy tôi y cứ theo khoa nghi của vua Trần Thái Tông soạn, lấy đây làm thời khóa tụng. Nhưng vì không đủ giờ tụng hết sáu thời, nên tôi tóm lược gom gọn lại, chỉ còn một thời để Tăng Ni, Phật tử tụng niệm hằng ngày.

Sơ tổ Trần Nhân Tông khi còn làm thái thượng hoàng, ngài có làm bài Cư Trần Lạc Đạo Phú, nói lên tinh thần ở trong lòng bụi bặm trần thế mà vẫn vui với đạo, vẫn tu tập được.

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,  
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.  
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.*

Câu kết của bài phú này rất quan trọng, vì thế ba câu trước tôi chỉ giảng sơ sơ thôi, đến câu cuối sẽ giải thích kỹ hơn.

*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên*, chữ trần là chỉ cuộc đời. Chúng ta ở giữa cuộc đời muốn được vui với đạo thì hãy khéo sống tùy duyên. Tùy duyên tức là không đòi hỏi, không thắc mắc. Việc gì đến thì

làm hết bốn phận, không ôm lòng so tính, không tiếc nuối hay lo buồn.

*Cơ tắc xan hề khốn tắc miên*, đói đến thì ăn một ngủ liền. Nói đói ăn một ngủ không phải chủ yếu ở việc ăn ngủ, mà trong tất cả việc làm của chúng ta, cũng đều như khi đói cần ăn thì ăn vậy. Việc cần làm thì làm, việc qua rồi thì thôi, đừng suy nghĩ việc làm này sẽ lợi hại thế nào, được mất nhiều hay ít... Đó là chúng ta khéo sống tùy duyên. Nếu làm xong rồi mà đầu vẫn cứ căng hoài thì không lợi ích gì. Việc đã làm, dù kết quả tốt hay không tốt mình cũng chấp nhận thôi, vì làm rồi có hối tiếc chỉ vô ích.

*Gia trung hữu bảo hựu tâm mịch*, trong nhà mình đã sẵn có của báu, đừng tìm kiếm ở đâu nữa. Của báu nhà mình là gì? Thân chúng ta và ngoại cảnh bên ngoài đều vô thường hư hoại, nhưng trong vô thường hư hoại đó lại ngầm có cái chưa bao giờ bị vô thường, chưa bao giờ hư hoại. Cái không bị vô thường hư hoại đó hơn hẳn tất cả của báu thế gian, cho nên ngay nơi mình mà nhận lấy chứ đừng chạy tìm kiếm bên ngoài. Không tìm kiếm ở đâu hết, vậy thì phải tu bằng cách nào?

*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên*. Thấy người vật, hoa cỏ v.v... tất cả các cảnh tượng, cái gì ra cái ấy, tốt biết tốt, xấu biết xấu mà không để tâm dính

mắc vào ngoại cảnh, gọi đó là vô tâm. Vô tâm là không dính chứ không phải là không biết gì. Thấy trắng biết trắng, đen biết đen mà nói không biết gì sao được? Nếu đối với sáu trần thấy biết tất cả nhưng thấy chỉ là thấy, biết chỉ là biết, không dính không kẹt thì dù cho đi đứng hay nằm ngồi cũng đều là thiền, chứ không phải lúc ngồi mới thiền.

Qua bài kệ này, chúng ta thấy ngài nói về lý thiền thật thấu đáo. Không để tâm rong ruổi theo sáu trần, đó là gốc của tu thiền. Ở Trung Hoa, Lục tổ Huệ Năng khai ngộ từ câu nói trong kinh Kim Cang: Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm. Nghĩa là, không nên khởi tâm dính mắc vào bất cứ một thứ gì. Ở Việt Nam, vua Trần Thái Tông cũng ngộ từ câu kinh này. Đến như vua Trần Nhân Tông, giải thích về thiền rất khéo vẫn không ngoài ý ấy. Gốc của thiền truyền bá từ xưa tới giờ là như vậy.

Phật giáo Việt Nam có một hướng đi do chư Tổ cùng các hàng tôn túc đã chỉ dạy rất rõ, nhưng rất tiếc bao nhiêu năm nay mình bỏ quên. Bây giờ đất nước yên bình, việc tìm hiểu và nghiên cứu được thuận lợi hơn, vì vậy tôi cố gắng làm sống dậy tinh thần thiền Trúc Lâm Yên Tử. Nói làm sống dậy, không có nghĩa để lợi ích gì riêng cho cá nhân, mà tôi làm việc này là vì muốn đem lại những điều tốt đẹp cho Phật giáo Việt Nam.

Tại sao tôi nói như thế? Bởi vì ở Ấn Độ, đức Thích Ca trước khi thành Phật, Ngài là một vị hoàng thái tử sắp lên ngôi vua, nhưng từ bỏ tất cả để tu đạo và giác ngộ thành Phật hóa độ chúng sanh, được hết thảy nhân loại đều kính trọng. Ở tại đất nước Việt Nam cũng có một ông vua hiểu được pháp Phật dạy, từ bỏ ngai vàng đi tu ngộ đạo rồi giáo hóa mọi người cùng hiểu đạo.

Thái tử Tất-đạt-đa tự tìm ra con đường giác ngộ viên mãn, nên gọi Ngài là Phật. Nhà vua chúng ta nương theo pháp Phật mà tu hành, tức là xưa kia đức Phật đã khơi dậy và vạch ra hướng đi sẵn rồi, bây giờ nhà vua nương theo lời chỉ dạy của Phật mà ngộ đạo, vì thế gọi ngài là Tổ. Một ông vua giàu sang phú quý, địa vị quyền thế tột cùng mà không màng, dám bỏ tất cả để đi tu theo đạo Phật, rồi lại đem đạo giác ngộ để truyền bá cho mọi người cùng hiểu. Bấy nhiêu đó chúng ta đạo Phật giá trị tới cỡ nào, vậy tại sao chúng ta lại thờ ơ xem thường đạo Phật!

Ngày nay đa phần cho rằng đạo Phật bị quan yếm thế, người tu theo đạo Phật là những người tiêu cực yếu đuối. Đây là một lầm lẫn lớn. Thêm vào đó, ngay trong đạo Phật cũng có những người đi tu vì hoàn cảnh chứ không phải thật tâm quyết tìm siêu thoát, nên càng làm cho giá trị của đạo Phật bị

thấp đi, khiến cho nhiều người coi thường. Bây giờ muốn người ta nhìn Phật giáo bằng tấm lòng kính trọng, đúng với giá trị thật của đạo Phật thì chúng ta phải làm gì? Phải nhắm vào ai để gây dựng lại? Hẳn là chỉ có Phật giáo đời Trần, với những ông vua dám xả bỏ thế gian tu Phật được giác ngộ, rồi đem pháp Phật truyền bá cho mọi người cùng giác ngộ, đó mới là cái cao siêu nhất.

Hôm nay đủ nhân duyên trở về chốn Tổ, tôi nói đôi chút về chủ trương khôi phục Thiền tông Việt Nam. Đây là điều mà tôi đã nhìn kỹ và quyết tâm làm cho kỳ được, mong rằng chư Tăng Ni và quý Phật tử thông cảm cho việc làm này. Đồng thời cũng xin nhắc lại, tôi cố gắng khôi phục Thiền phái Trúc Lâm đời Trần không phải chỉ lợi ích riêng mình, mà vì muốn cho toàn thể Tăng Ni cũng như Phật tử Việt Nam thấy được giá trị cao quý của đạo Phật. Để chúng ta cùng nhau làm sao cho Phật giáo Việt Nam không bị coi thường, mà càng ngày càng tốt đẹp hơn, được mọi người quý trọng hơn.



## VỀ THĂM TRÚC LÂM YÊN TỬ

*Năm 2005*

Sau khi thiền viện Trúc Lâm Yên Tử xây dựng xong, tôi đã nhập thất hơn hai năm. Hôm nay về thăm lại nơi đây, nhìn thấy chư Tăng nỗ lực vừa tu, vừa lo tôn tạo những cơ sở cần thiết như cất thêm Thiền đường và các thất nhỏ phía trên, còn Phật tử thì đi chùa đông hơn trước. Đó là điều đáng mừng, tôi rất hoan hỷ.

Chúng ta tu phải tiến, chứ không được lùi. Bởi vì mỗi năm qua mình càng già đi, cái chết gần kề. Mọi người nên biết cuộc đời vô thường, cố gắng thức tỉnh tu hành. Tu cho kịp với tuổi thọ của mỗi người, không nên trì hoãn, vô thường đến trở tay không kịp. Như vậy uổng phí một đời. Lục tổ Huệ Năng nói: “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác”. Nghĩa là Phật pháp ở ngay thế gian, không lìa thế gian mà tìm giác ngộ. Chúng ta thấy chỉ một năm mà chung quanh mình đã mất biết bao nhiêu người. Không ít thì nhiều, chẳng năm nào còn y nguyên như vậy. Mỗi lần đi qua những ngôi mộ, chúng ta thấy đây là nơi yên nghỉ của người trước. Một ngày nào đó mình cũng nằm yên dưới mộ. Nhớ như vậy thì thức tỉnh.



Biết thân vô thường nên nỗ lực tu, để khi nó bại hoại thì có hướng đi tốt đẹp, sáng sủa hơn. Người khéo tu phải biết như vậy. Nếu mặc tình sống vui với trần tục, tới đâu hay tới đó thì lúc ra đi tâm trạng lo sợ hoảng hốt. Thật khổ! Cho nên, quý vị gắng tu để khi ra đi an nhiên tự tại, vì đã chuẩn bị đầy đủ cho mình một hướng đi tốt đẹp. Hơn nữa, chúng ta lo tu để ngay đời này bớt khổ. Nhiều người cho rằng lớn tuổi mới tu gấp, còn trẻ thì lo gì, vì vậy chần chừ không tu.

Tất cả phải hiểu, việc tu tập không dành riêng cho người già mà cho cả người trẻ. Tại sao người trẻ phải tu? Vì nhờ tu mà tạo nên đời sống tốt đẹp, xử sự với nhau hiền lành. Nếu trong gia đình, anh chị em thương mến nhau thì gia đình có hạnh phúc. Nơi nào chúng ta cũng có bạn bè, ai cũng là người thân thì tốt đẹp biết mấy. Người với người cùng một màu da, một chủng tộc khác nào ruột thịt. Ai cũng thương yêu nhau, không hại nhau thì đâu cần phải lo sợ. Chỉ có tu mới đủ tình thương tạo nên một thế giới tốt đẹp. Người không biết tu dễ tàn nhẫn, sát phạt, mưu hại lẫn nhau. Như vậy gia đình riêng cũng không hạnh phúc, huống là cộng đồng xã hội.

Chúng ta không nên nghĩ tu tập là chuyện huyền bí xa xôi. Phải nhận định rõ ràng rằng, tu là một việc làm thiết yếu cho con người và cuộc sống

hiện tại. Người trong gia đình biết tu thì gia đình hạnh phúc, người trong xã hội biết tu thì xã hội yên ổn, thanh bình. Cho nên, chúng ta tu ngay ở thế gian này, chứ không phải ở cõi nào khác. Có vị đến trước bàn Phật thắp hương cầu xin đủ thứ, mà bình thường thì la mắng con cháu om sòm. Đó là chưa biết tu. Phật thương tất cả chúng sanh, không riêng một cá nhân nào. Không phải ai cầu xin Phật mới thương, không cầu xin Phật không thương.

Tình thương của Phật trải khắp nhân gian, vì thương tất cả chúng sanh nên Ngài tìm đạo giác ngộ giải thoát. Chúng ta là đệ tử Phật, phải biết noi theo gương hạnh của Ngài mà yêu thương chúng sanh, từ những người trong gia đình đến người không quen biết ngoài xã hội. Đối với người trong nhà càng phải dè dặt hơn, không nên nghĩ mắng chửi người ngoài có tội, còn la mắng con cháu trong nhà thì không tội. Nếu chúng ta cho rằng, đó là con cháu mình rồi cứ chửi bừa bãi mà không chịu lựa lời hiền hòa để dạy dỗ chúng, đó cũng là cái tội.

Phật dạy tu ba nghiệp: thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp. Mắng chửi con cháu tuy ý nghiệp không ác nhưng khẩu nghiệp rất dữ, vì vậy quý Phật tử phải khéo tu. Tu không phải để về Tây phương Cực Lạc mà tu là ngay trong cõi đời này, chúng ta đối xử với nhau trên thuận dưới hòa, thương yêu

đùm bọc. Mong mỗi về Cực Lạc mà gia đình bất an bất ổn liên tục thì Cực Lạc đâu không thấy, chỉ có địa ngục hiện tiền. Tu như vậy là sai lầm, thiếu thực tế.

Phật tử phải biết điều chỉnh thân miệng và ý cho tốt, đừng để ba nghiệp này lồi vào con đường xấu. Phật pháp tại thế gian là ngay thế gian này chúng ta tu, không đợi đến nơi nào khác mới tu. Đó là tu khẩu nghiệp, còn tu ý nghiệp là thế nào? Đầu tiên giữ cho ý đừng nghĩ xấu người này, người kia rồi ghét giận họ. Ai làm ác thì họ chịu tội, còn chúng ta phải nhìn tất cả đều là người tốt, xem như thân quyến của mình. Không oán thù và hờn giận ai thì tâm trong sạch an vui, oán giận người thì về mặt xấu xí, đêm ngủ không yên. Đối với mọi việc buồn thương giận ghét bỏ hết mới giải thoát triền phược khổ đau. Cho nên người biết tu luôn giữ ý trong sạch.

Nếu lỡ phạm sai lầm thì tự tâm sám hối: “Ngày nay con có nghĩ xấu, nghĩ ác, con xin thành tâm sám hối với Phật”. Mỗi tháng nên đến chùa sám hối vào ngày 30, ngày rằm để những nghiệp chướng cũ tiêu mòn dần. Người gan dạ là khi phạm lỗi với ai nên đến sám hối thẳng với người đó. Chúng ta sám hối với Phật thì được nhưng sám hối với người mình có lỗi thì không dám, rõ ràng là thiếu sự can đảm

trong tu tập, phải can đảm làm được việc đó thì tội lỗi mới hết. Sám hối với Phật thì Phật tha thứ nhưng người kia đâu có tha thứ, oan khiên còn hoài không tháo gỡ được. Vì vậy, can đảm đối diện với người mình trái nghịch, sẵn sàng sám hối những lầm lỗi mình đã gây tạo với họ; người đó thấy tâm ta đã hối cải, họ liền tha thứ. Như vậy mới hết tội. Sám hối với Phật thì dễ, sám hối với chúng sanh mới khó. Khó mà làm được mới hay, mới xứng đáng là người thức tỉnh.

Chúng ta tu ngay thế gian này chứ không ở đâu xa. Thiên hạ mơ tưởng cõi Cực Lạc mà không chịu tu với mọi người chung quanh thì làm sao về được? Muốn về Cực Lạc phải gỡ hết oan khiên trong cõi này, giận người này hờn người kia hoài, đến khi đi bị họ nắm kéo lại không cho đi. Phật tử siêng năng lễ lạy, cầu nguyện xin Phật đủ thứ mà giận ai giận hoài, ghét ai ghét hoài. Như vậy không phải tu tại thế gian, chỉ tu với cõi Tây phương xa xôi nào thôi.

Thí dụ ai đó đã làm phiền chúng ta, trong lòng mình buồn lắm, nhưng vì giữ đạo đức nên không cư xử hung dữ với họ. Một hôm, người ấy thức tỉnh đến trước mặt mình xin lỗi: “Hôm đó tôi đã làm điều không tốt khiến anh (chị) buồn. Bây giờ tôi xin lỗi, mong anh (chị) tha thứ”. Ngay đó, nếu chúng ta tha thứ thì cả hai bên đều hết buồn khổ, vui vẻ liền. Về

sau gặp mặt nhau là cười chứ không còn nhìn nhau bằng ánh mắt phiến giận nữa. Đó là lẽ thật.

Phật pháp không xa, chỉ ngay thế gian mà hiểu đúng đạo lý thì giác ngộ. Chúng ta làm được như vậy thì sẽ hòa thuận được với tất cả mọi người. Không chỉ riêng người ở ngoài, đối với người trong gia đình cũng vậy. Khi chúng ta biết mình rầy la con cháu không đúng, thì đến xoa đầu nó nói: Con bỏ qua cho ba, hồi nãy ba nói như vậy là không đúng. Chúng ta không nên cho mình đúng tuyệt đối, không muốn xin lỗi con cháu. Người lớn phải can đảm hơn người nhỏ. Nếu biết sai thì dù lớn cũng phải xin lỗi đứa nhỏ như thường. Được vậy tu mới tiến, mới không buồn khổ.

Tâm ý của chúng ta thường lăng xăng lộn xộn, ít khi được an lành, tự tại. Tăng Ni, Phật tử tu để tâm ý được thanh tịnh. Khi đó nghiệp chướng tiêu mòn, hết sạch. Nên biết tất cả tội lỗi đều từ ý xúi giục. Miệng nói xấu, thân làm xấu đều do ý nghiệp không đúng mà thành. Thế nên ý nghiệp là nghiệp rất nặng nề. Nó là chủ, là gốc tạo nên mọi tội lỗi. Tu tập phải đi từ cạn đến sâu. Ban đầu, chúng ta tu hình thức bên ngoài là cạn. Mỗi khi nghĩ sai liền quả rầy, không cho nghĩ nữa. Sau đó ngồi thiền để lặng cái ý lăng xăng. Một khi không còn nghĩ lăng xăng, không rối loạn trong lòng thì có thể làm chủ

được tâm mình, làm chủ được nghiệp. Đó là đi đến giải thoát sanh tử.

Quý vị nhớ lời Phật dạy, đừng mọi ý niệm lăng xăng. Ngồi yên tĩnh tọa thiền, thấy từng tâm niệm tốt xấu hiện lên, liền dừng. Ban đầu bắt dừng nó chưa chịu dừng, nhưng tập từ từ sẽ quen. Thực tập quen rồi thì đạo lực của chúng ta mạnh dần, khi đó sẽ làm chủ được. Đó là gieo nhân giải thoát ngay trong đời này. Người ham tu nên tập thói quen mỗi ngày ngồi thiền khoảng nửa tiếng, hoặc một tiếng để nhìn lại tâm ý mình. Thấy niệm khởi lăng xăng liền buông xả, lần lần sẽ yên tĩnh. Sự yên tĩnh này trong nhà Phật gọi là định. Có định thì trí tuệ mới đầy đủ.

Tuệ được phát sinh từ định chứ không thể bỗng dưng mà có. Tiếc rằng chúng ta thường nhận cái ý lăng xăng kia làm tâm mình, cái tâm thật thì quên mất, không biết ở đâu. Tôi nghĩ, tôi tính, tôi buồn, tôi giận... cái nào cũng là “tôi” hết. Những suy nghĩ này sanh diệt liên miên, qua rồi mất, không có cái nào là thật. Tâm thật lúc nào cũng hiện tiền, không nên mê lầm tưởng cái giả là thật.

Con đường tu không phải đi một chặng mà được. Phải tu từ cạn đến sâu; tu từ thân, miệng rồi đến ý. Người Phật tử biết tu phải hiểu và ứng

dụng cho đúng. Đừng tìm cái gì cao siêu, mà ngay nơi ba nghiệp này điều được nó đi đúng đường, tới chỗ thanh tịnh. Mong về cõi tốt đẹp mà ba nghiệp còn lãng xãng, mặc tình tạo nghiệp thì chỉ phí công, vô ích. Biết chuyển hóa ba nghiệp, giữ tâm ý trong sạch mới là thực tu. Đạo Phật không mơ hồ, không viễn vông mà chỉ ra lẽ thật. Chúng ta đã tu thì phải tu đúng với những lẽ thật đó. Được như vậy nhất định sẽ có kết quả tốt đẹp, dù tu chưa được nhiều nhưng vẫn có lợi ích.

Tôi mong Tăng Ni, Phật tử hiểu được đạo lý này, ứng dụng tu cho đúng để tự cứu mình và cứu người. Hạnh phúc là do chính chúng ta mang lại, chứ không phải ai khác làm cho mình. Đây là lời nhắc nhở đầu năm của tôi đến với các đạo tràng tại đây. Mong tất cả quý vị hiểu và cố gắng thực hành cho tốt.



## CÁI BIẾT CHÂN THẬT

Nhân dịp về dự lễ giỗ Trúc Lâm Đệ Tam Tổ Huyền Quang, tôi có đôi lời nhắc nhở chư Tăng Ni và Phật tử trên bước đường tu hành.

Trước hết, tôi xin nói lên tấm lòng cung kính, tôn trọng của chúng tôi đối với ba vị Tổ Trúc Lâm. Trước là Sơ Tổ, tức Điều Ngự Giác Hoàng hay còn gọi là Phật hoàng Trần Nhân Tông, kế đến là Nhị tổ Pháp Loa và Tam tổ Huyền Quang. Ngoài ba vị Tổ này, về sau còn nhiều vị tiếp nối Thiên phái, nhưng vì các ngài ẩn cư những nơi xa vắng, nên chúng ta không tìm được sử liệu. Chỉ có hành trạng của Tam tổ là đầy đủ sử liệu lịch sử nên chúng ta biết được các ngài tu và ngộ đạo như thế nào.

Tăng Ni, Phật tử noi theo đường lối của Tam tổ Trúc Lâm tu tập, mà không biết rõ Tam tổ tu như thế nào thì làm sao tu theo các ngài được. Cho nên, tuy không nhớ hết lời dạy của chư Tổ, nhưng tôi vẫn nói đại ý những gì các ngài đã tu và chỉ dạy lại để Tăng Ni, Phật tử biết, nương theo đó tu cho đúng.

Dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử được sáng lập bởi Sơ tổ Trúc Lâm. Ngài là vị vua dám bỏ ngai vàng, hy sinh cuộc sống hưởng thụ cao sang, làm nhà tu



khổ hạnh trong rừng sâu, núi thẳm. Trúc Lâm, Ngọa Vân Am chính là nơi ngài đã tu tập, thành đạo, hóa đạo và viên tịch. Kế thừa sự nghiệp của ngài là Nhị tổ Pháp Loa và Tam tổ Huyền Quang. Đây là những vị Phật sống trong đời thời ấy.

Những gì là sự nghiệp của chư Tổ? Các ngài đã hiểu lời Phật dạy, thấy được chỗ Phật chứng nên thực hành đúng như thế. Tu là phải ngộ đạo, kiến tánh chứ không phải tu lấy chừng. Có ngộ đạo, kiến tánh mới giải thoát sanh tử. Bằng không, chỉ loay hoay trong phạm vi phước báu, không giải thoát nổi.

Phật nói tu từ sơ phát tâm đến thành Phật phải trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp. Tuy nhiên, còn có một con đường tắt nhất, đó là con đường Thiền tông, con đường mà chư Tổ Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam đã đi. Người quyết chí tu, đi con đường này trong hiện đời có thể giác ngộ. Chỉ một đời mà từ kẻ phàm trở thành thánh. Đường đi rất ngắn nên nếu người không khéo, tu càn tu bướng sẽ sanh bệnh tật. Thế nên, trước khi hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử tu tập, tôi phải tìm hiểu rõ ràng hành trạng của chư Tổ, sau đó ứng dụng tu tập, thấy có lợi ích mới đem chỉ dạy.

Tại sao nói tu thiền là con đường thẳng tắt nhất? Vì hành giả tu thiền, ngay đời này đạt đến chỗ cứu cánh viên mãn thì liền giải thoát sanh tử.

Thiền tông gọi lối đi này là “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, tức là chỉ thẳng tâm người, nhận được bản tánh, y theo đó mà tu sẽ thành Phật. Có hai lối tu tập:

Thứ nhất là đi từ từ, từng bước tu các hạnh: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ... Thực tập một thời gian dài cho đến khi viên mãn các hạnh đó, chứng các quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, tiến lên Phật đạo.

Thứ hai là đi thẳng vào nội tâm của chính mình. Phật dạy mỗi chúng sanh đều có sẵn tánh Phật, nhưng chúng ta không nhớ nên cứ đi quanh co hết thời gian. Bây giờ, ngay nơi chính mình nhận lại tánh giác thì thấy con đường đó thật gần. Phật tánh không thể tìm ở bên ngoài mà phải đi thẳng vào nội tâm mới nhận ra.

Về phần nội tâm, tôi tạm chia ra hai phần: tâm sanh diệt và tâm không sanh diệt. Tâm là cái biết. Cái biết do suy nghĩ, tính toán, phân biệt mà hiện giờ chúng ta đang nhận làm tâm mình là cái biết của tâm sanh diệt. Cái biết không động, không có giới hạn mới là cái biết của tâm không sanh diệt. Cái biết không sanh diệt đó gọi là chân tâm, là Phật tánh, hay tánh giác sẵn có của chính mình. Chúng ta tu là buông hết những cái biết sanh diệt,

hằng sống với cái biết không sanh diệt. Nhận ra tánh thật thì thành Phật, không việc gì bên ngoài.

Đọc sử đức Phật, sau 49 ngày đêm ngồi dưới cội bồ-đề, Ngài đã giác ngộ viên mãn ngay từ tâm của mình. Thế Tôn thấy mỗi chúng sanh đều có sẵn tánh Phật. Rất tiếc chúng ta không nhận ra, cứ chạy theo vọng tưởng, cho đó là tâm mình. Năm tháng dần dà, bị tâm sanh diệt dẫn dắt, kéo lôi tạo nghiệp, nhắm mắt nghiệp dẫn vào luân hồi.

Phật là giác, là nhận ra những sai lầm mà lâu nay con người mê chấp. Chấp thân thật, chấp tâm sanh diệt thật. Đó là mê lầm. Chúng sanh cho những suy nghĩ tính toán là tâm mình, cho thân tứ đại duyên hợp tạm bợ là thân mình rồi bám vào đó. Thân này đến lúc hết duyên cũng phải hoại chứ đâu tồn tại mãi. Nó chỉ có trong một chạng, tùy theo nghiệp duyên riêng của mỗi người. Người dài bảy tám chục năm, người ngắn chỉ được ba bốn hoặc hai ba chục năm. Có rồi mất như vậy thì gọi cái gì là thật. Chúng ta thường quên mất điều này, nên cứ ở mãi trong mê lầm không ra khỏi.

Thân không thật thì suy nghĩ có thật không? Chúng ta thử nhìn lại tâm mình. Tôi suy nghĩ, tôi tính toán, tôi nhận định... Tất cả đều là “tôi”. Vậy thì có một hay có nhiều cái tôi? Nếu là một

thì cái một đó có từ khi chúng ta sanh ra cho đến trăm tuổi không bao giờ thiếu. Suy nghĩ thì chột có chột không, nay thế này mai thế khác. Chỉ một con người mà suy nghĩ tốt xấu, phải quấy đủ thứ. Mình thì chỉ có một, mà suy nghĩ thì đổi thay như chong chóng. Vậy mà chúng ta cho đó là tâm mình, có phải sai lầm không? Con người bị những thứ hư huyền quay cuồng, dẫn đi luân hồi muôn kiếp.

Bây giờ có chút thời gian thanh thoi, không nghĩ gì hết, lúc đó chúng ta biết không? Khi suy nghĩ chúng ta cho đó là biết, nhưng thật ra khi không suy nghĩ mình vẫn biết, bởi cái biết luôn luôn hiện hữu nơi mình. Hơn nữa, suy nghĩ có đối tượng, hình tướng, còn cái không suy nghĩ thì không có đối tượng, không hình tướng nhưng nó bàng bạc khắp hết. Cho nên, Phật dạy muốn tu đến giác ngộ thì phải dừng tâm lăng xăng. Tâm sanh diệt dừng thì tâm vô sanh hiện tiền đầy đủ. Tâm này không có tướng mạo nên không sanh diệt, không động nhưng luôn luôn thường biết.

Chúng ta nhìn lên trời thấy trời xanh mây trắng. Trời xanh biết trời xanh, mây trắng biết mây trắng. Cái biết đó chính là tâm. Nó không có hình dáng mà mình thấy tận trời xanh, mây trắng. Thế nên nói chúng ta có cái biết trùm khắp, không giới hạn. Vậy mà lâu nay mình bỏ quên, lại cho cái biết

lãng xãng trong đầu là cái biết của mình. Rồi đuổi theo buồn thương giận ghét, chất chứa cả đời thành một kho phiền não. Đến lúc nhắm mắt bị nó lôi vào lục đạo luân hồi, có khi đi đường tốt, có khi đi đường xấu.

Muốn giải thoát sanh tử thì phải dừng tâm lãng xãng, sống với tâm chân thật hiện tiền. Mắt biết thấy, tai biết nghe, thân biết xúc chạm... Nhận được cái biết chân thật này thì đừng nhận cái biết lãng xãng trong đầu là cái biết của mình để rồi khôn dại, hơn thua đủ thứ. Cái biết lãng xãng đó chỉ hữu dụng trong thời gian ngắn ngủi, có rồi mất. Khoa học ngày nay tiến bộ nhờ có cái biết sanh diệt này. Nhưng sự tiến bộ đó chưa phải là cuối cùng, qua thời gian khác nó lại tiến lên nữa, cứ như vậy mà tiến lên hoài. Trong khi cái biết chân thật miên viễn, muôn đời không mất. Khi chúng ta tu ngộ đạo rồi thì không có gì làm mình lui sụt hay thay đổi. Được vậy thì tự tại, thênh thang trên con đường giải thoát. Đó là điều hết sức cao quý.

Phật đã chỉ cho chúng ta biết cái nào thật, cái nào giả. Cái giả thì không theo, cái thật thì sống trở về với nó. Thế nên mới thấy đạo Phật rất khoa học, rất chân thật gần gũi, chứ không phải huyền bí như người đời thường nghĩ. Chúng tôi thấy rất thương những Phật tử, đến chùa thắp hương lễ Phật chỉ

để cầu xin. Quý vị tu Phật mà không biết quay lại nhận của báu nhà mình, cứ xin Phật ban cho con cái này cái kia. Điều đó không đúng với tinh thần của đạo Phật. Ngài dạy tu để giác ngộ nhưng chúng ta không chịu tu, cứ xin hoài. Nếu may mắn trúng ý thì nói Phật linh rồi rủ nhau xin nữa. Ngược lại không như ý thì nói Phật không thương. Hiểu đạo lý như thế thì rất nông cạn.

Muốn tu đúng với tinh thần của đạo Phật chúng ta phải học hiểu cho thật kỹ. Ngồi yên nhìn lại thấy rõ những suy nghĩ trong tâm, không chạy theo nó mới không có những hành động sai lầm. Vì vậy, trong thời khóa tu tập tại các thiền viện, tôi yêu cầu Tăng Ni phải ngồi thiền. Chỉ ngồi yên nhìn lại mới có thể thấy được. Tuy nhiên, ngồi thiền vọng tưởng vẫn khởi lên liên miên, hết nghĩ cái này tới nghĩ cái khác, nên chúng ta phải tập từ từ. Đang ngồi thiền mà nhớ hôm qua nói chuyện với ai thì liền buông, buông dần dần như vậy đến khi nào ngồi mà không khởi lên niệm gì hết tâm mới yên. Tâm yên thì trí sáng. Định sanh tuệ là như vậy. Trí sáng không phải ở đâu đem lại, mà là từ sự yên lắng, cái chân thật tự động hiển bày.

Có Phật tử phê bình Tăng Ni ở thiền viện lười tụng kinh, cứ ngồi làm thỉnh hoài, không lợi ích cho ai hết. Nghĩ như vậy là chưa đúng. Quý Phật

tử phải biết, ngôi thiên chính là cơ hội tốt nhất để chúng ta nhận ra những cái hư dối không theo, nhận lại cái chân thật sẵn có nơi mình. Đó cũng là lý do mà tôi quý kính, tôn trọng chư Tổ.

Sơ Tổ của chúng ta đang làm vua mà bỏ ngai vàng lên núi tu khổ hạnh. Bởi ngài biết rõ địa vị, danh vọng thế gian chỉ là tạm thời. Thân không thật thì địa vị cũng đâu có thật. Ngài đi tu để tìm ra cái thật của chính mình. Khi tìm được rồi, ngài chỉ dạy lại cho mọi người. Ở Ấn Độ có ông hoàng đi tu thì ở Việt Nam có ông vua đi tu. Thái tử tu thành Phật, vua đi tu cũng thành Phật, được gọi là Phật hoàng.

Con đường chư Phật, chư Tổ đã đi là con đường thẳng tắt, gần gũi nhất. Chúng ta là con cháu nối nghiệp các ngài phải nỗ lực tu hành. Thân này tan hoại rồi, về sau mang thân khác biết còn nhớ hay không. Nên khi đang được thân này phải cố gắng tu, đừng xao lãng. Đây là một việc rất dễ mà cũng rất khó làm.

Đối với việc tu tập và ngộ đạo, không chỉ riêng người xuất gia mà cư sĩ cũng có thể làm được. Như gia đình Bàn Uẩn ở Trung Hoa. Ông có hai người con, một trai một gái, cùng tu với nhau. Lúc gần tịch, ông báo tin thì hai người con cũng tịch theo, hết sức tự tại. Ở Việt Nam chúng ta, Tuệ Trung

thượng sĩ cũng là cư sĩ tu hành ngộ đạo. Ngài sống tại gia, có nhiều thâm thiệp, nhưng biết tu rồi thì vẫn ra đi tự tại. Trước khi ra đi, ngài báo cho mọi người biết: Hết duyên ta đi. Người nhà khóc lóc, ngài nói: Ta đi có nơi về có chốn, khóc làm gì?

Như vậy ai cũng có Phật tánh, ai cũng có quyền tu. Tuy nhiên, người đủ duyên ở chùa thì tu nhẹ nhàng, người chưa đủ duyên ở chùa thì tu nhọc nhằn hơn một chút, không ai vô phần. Nói thế để tất cả chúng ta có lòng tin vững mạnh nơi mình. Tin mình chứ không phải tin cái gì khác. Chúng ta có tánh Phật thì phải cố gắng sống trở về với nó. Đó là tu theo Thiên tông, là con đường thẳng tắt. Ngay nơi đời này chúng ta sống trở lại được thì thành Phật, chứ không phải trải qua bao nhiêu số kiếp.

Lối tu của Thiên tông là đi thẳng vào nội tâm, nhận ra ông Phật của chính mình. Tiến thẳng vào đó thì xong việc. Đây là điều mà đức Phật ngày xưa đã chứng ngộ. Trong kinh nói phải tu qua ba a-tăng-kỳ kiếp mới thành Phật, là dạy chúng sanh tu theo thứ lớp. Con đường chúng ta đang đi tuy thẳng tắt nhưng không phải chuyện mơ hồ. Chúng ta có cái thật, biết trở về cái thật của mình thì đâu có mơ hồ. Chỉ khi nào không nhận ra, không biết rõ mới mơ hồ. Người nhận ra biết rõ thì không còn nghi ngờ nữa. Cho nên, con đường này là con đường



quan trọng bậc nhất của người xuất gia và tại gia. Chúng ta biết tu mới thấy được giá trị siêu việt của nó. Đây là con đường chư Tổ Việt Nam đã đi, chúng ta là những người nối gót theo sau, kế thừa đường lối của các ngài, ứng dụng tu tập và chỉ dạy cho người sau tu hành.

Hôm nay, nhân ngày giỗ Tổ, tôi nhắc lại cho Tăng Ni nhớ việc mình phải làm, con đường mình đang đi. Quý vị không thể không biết mình đang làm gì và tu theo ai rồi nghi ngờ không tiến, uổng phí cả một đời. Mong Tăng Ni, Phật tử ghi nhận và cố gắng thực hiện cho được đường lối Phật tổ đã chỉ dạy thật tốt, thật xứng đáng.



## THIỀN VIỆN SÙNG PHÚC

### TU LÀ THOÁT KHỎI LUÂN HỒI SANH TỬ

*Ngày 18/01/ Ất Dậu - 26/02/2005*

Nhân ngày khai pháp đầu năm tại thiền viện Sùng Phúc, tôi có ít lời nhắc nhở Tăng Ni và Phật tử. Trước hết là nói về bài tán pháp mà chúng ta thường tụng mỗi đêm, để quý vị biết rõ giá trị của Phật pháp.

*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,  
Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,  
Ngã kim kiến văn đắc thọ trì,  
Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa.*

Pháp Phật trăm ngàn muôn kiếp rất khó gặp, hôm nay được gặp thì phải cố gắng gìn giữ, không nên xem thường. Tại sao pháp của Phật quý? Người thế gian học các môn học có lợi cho cuộc sống hiện tại. Chúng ta học pháp Phật, chẳng những hiện đời bớt đau khổ mà vị lai cũng được nhẹ nhàng giải thoát, ra khỏi vòng trầm luân. Trong nhà Phật không có những lời khen ngợi rỗng, mà là những lời nói hết sức thực tế. Nhưng vì quá tầm hiểu biết của

Phật tử, nên quý vị thấy dường như không đúng. Lời Phật đã nói thì không bao giờ sai, lời Phật là vàng ngọc, không phải tầm thường. Cho nên, người tu Phật cần hiểu cho thật kỹ.

Trong kinh A Hàm, đức Phật nói: “Ta nhìn thấy chúng sanh theo nghiệp luân hồi trong lục đạo, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường, thấy kẻ đi qua, người đi lại rõ ràng tường tận”. Phật nói về thuyết luân hồi là do Ngài thấy mà nói, chứ không phải do suy lý mà nói. Sự sống của chúng ta hiện giờ chỉ là một giai đoạn, dài lắm là bảy tám mươi năm, rồi cũng phải qua giai đoạn khác. Đừng lầm tưởng rằng chết là hết. Khi chết là thân tứ đại tan rã, chứ phần tinh thần không mất, vì nó không có tướng mạo. Nếu không mất thì đi đâu? Đây là một vấn đề chúng ta phải suy nghĩ.

Phật dạy chúng sanh luân hồi trong lục đạo, tùy theo hành động hiện đời mà sau này nhắm mắt sẽ đi vào một trong sáu đường. Trong lục đạo luân hồi, cao nhất là chư thiên cõi trời, kế đến là a-tu-la, cõi người, gọi là ba đường lành. Ba đường ác là súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Như vậy khi nhắm mắt, chúng ta nên chọn đường nào để đi? Đó là vấn đề tối quan trọng.

Nếu rơi vào địa ngục thì phải chịu khổ đau suốt thời gian dài không tính kể. Làm kiếp ngạ quỷ

thì lang thang đói khát, không sao hết khổ. Về súc sanh thì chúng ta thấy rõ, dù khôn mấy cũng là súc sanh, sống lẫn lẩn theo mệnh lệnh của chủ. Chỉ có ba đường lành mới trở lại làm người. Kế đó là cõi a-tu-la, cao hơn nữa là cõi trời. Sanh lên các cõi trời thì được thảnh thơi sung sướng.

Biết rõ sáu đường rồi thì nên chọn đường nào? Được làm người dù thấp nhất trong ba đường lành, nhưng vẫn hơn rớt xuống súc sanh, ngã quý, địa ngục. Như vậy chúng ta chọn tối thiểu là được làm người. Muốn vậy, phải tu để ngày ra đi được đến nơi tốt đẹp. Rơi vào ba đường khổ địa ngục, ngã quý, súc sanh; hay được sanh làm người, a-tu-la, chư thiên, tất cả đều từ nhân thành quả, chứ không phải do cầu nguyện mà được. Nhiều khi Phật tử gặp hoạn nạn, vô chùa nhờ thầy cô cầu cho mình qua tai nạn. Nhưng không ngờ nhân mình đã gây thì quả phải gánh, không ai chịu thay được. Cho nên, chúng ta học Phật là học nhân để chuyển quả, nhân tốt thì quả xấu cũng thành tốt, nhân xấu thì quả tốt cũng thành xấu chứ không phải bỗng dưng mà được.

Nhân nào đọa vào địa ngục? Người làm mười điều ác trọn vẹn sẽ rơi vào địa ngục. Mười điều ác là, thân có ba: sát sanh, trộm cướp, tà dâm; miệng có bốn: nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời hung ác; ý có ba: tham, sân, si. Trong mười điều

lành này, quý vị có phạm điều nào không? Ba điều về thân thì khả dĩ giữ được, còn bốn điều về miệng phải cố gắng giữ, đừng để đi xuống chỗ xấu rồi mới hối hận, xin người giữ ngục: “Tôi lỡ nói dối, cho tôi trở lên, tôi sẽ nói thật”. Đã lỡ xuống địa ngục thì đâu thể trở lên được. Cho nên, ngay bây giờ phải tránh. Lời nói tuy qua là mất nhưng gây thương tổn cho người rất nhiều. Một người trong sạch mà mình nói họ hư đốn thì chắc họ sẽ buồn lắm. Một lời nói sai sự thật có thể hại cả đời người khác. Cho nên phải vô cùng cẩn thận khẩu nghiệp. Về ý nghiệp, nếu bớt tham, sân, si thì được thông dong lên cõi trời.

Phật cũng dạy năm giới cho người Phật tử tại gia: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Không sát sanh thì tuổi thọ dài, không trộm cướp thì tiền của không mất, không tà dâm thì gia đình hạnh phúc, không nói dối thì được mọi người tin quý, không uống rượu say thì gia đình được bình an. Chỉ năm điều đó mà giữ được thì chắc chắn sanh ra làm người tốt, đem lại sự bình an cho mình và cho người. Khi nhấm mắt, nhất định không bị dẫn đi vào những chỗ xấu. Nếu làm những điều lỗi lầm thì sẽ bị quỷ sứ dẫn đi. Cũng như trên thế gian, người làm những điều phạm luật thì bị cảnh sát bắt giữ. Chuyện đó là thường, không có gì lạ.

Cho nên, người mới bước vào đạo Phật phải quy y Tam bảo để khi hết đời này sang đời khác vẫn còn duyên với Tam bảo, gặp Phật pháp tu, không lui sụt. Kế đó là giữ tròn năm giới để đời này làm người tốt, đời sau trở lại làm người càng tốt hơn. Trong ba đường lành, cõi người là thấp nhất, kế là a-tu-la, cao nhất là cõi trời. Cõi a-tu-la có phước nhiều hơn cõi người, nhưng vẫn còn tập khí nóng giận. Nên nhớ, làm điều thiện lành mà không nóng giận thì điều lành mới trọn.

Thí dụ gặp người khờ khạo nghèo khổ mình cho một số tiền, họ có cảm ơn hay không cảm ơn cũng không quan trọng, chỉ cần làm tốt việc của mình, sẵn sàng giúp người là được. Ngược lại, giúp người mà người không cảm ơn liền nổi giận, đó là nhân a-tu-la. Cho nên chỉ cần làm tốt việc của mình, người biết tu thì phải dè dặt, đừng để nhân nóng giận đốt cháy, khiến phải sanh về cõi a-tu-la, đi đánh nhau cả ngày.

Trong mười điều lành, người nào thực hiện đầy đủ, đời sau sẽ được sanh lên cõi trời. Con đường này, chúng ta tự đi, không thể nhờ người khác đi thay. Lâu lâu Phật tử nhờ quý thầy cầu nguyện giùm con cái này cái kia, nhưng có ai bảo đảm cầu nguyện chắc chắn sẽ được như ý? Tự mình phải tu, những điều gì chưa hiểu thì hỏi quý thầy hay quý cô chỉ

dạy để mình hiểu mà tu, chứ không phải nhờ thầy cô cầu an cho mình. Bây giờ, quý Phật tử cầu xin nhiều mà không chịu sửa nghiệp của mình, vậy cầu có khỏi không? Nếu khỏi thì nên cầu, không khỏi thì không nên cầu.

Tâm niệm của quý Phật tử thường hay yếu đuối, khi gặp tai nạn hoảng hốt, tự lực làm không nổi nên đến nhờ quý thầy cô cầu phụ. Quý thầy cô chỉ an ủi thôi, chứ không thể cầu được. Phật tử gặp nạn, thầy cô từ chối là tàn nhẫn, buộc lòng phải cầu nguyện nhưng được hay không là chuyện khác. Thí dụ một người đi ăn trộm bị công an bắt, tòa xử ở tù. Gia đình người đó đến nhờ thầy cầu cho chồng con, em con được thả. Cầu được không? Ở đủ thời hạn tù thì về, chứ làm sao cầu được. Nếu người ấy ở trong khám biết sửa đổi, làm những điều tốt thì được thả sớm hơn chứ không vì cầu mà được. Quý thầy không nỡ từ chối Phật tử, nhận cầu riết thành thói quen, khiến Phật tử càng thêm yếu đuối, động tới là cầu xin, mà không biết lo tu.

Thực tế trong cuộc sống, có những người đầy đủ phước tướng, có người tật nguyền, có người thông minh, có người khờ khạo. Sở dĩ sai biệt như vậy, là do không giữ năm giới trọn vẹn. Thí dụ giữ giới không giết người, nhưng vẫn giết trâu bò heo chó, xem đó là chuyện thường. Cho nên, tuy được làm người

nhưng phải bị tật nguyên. Mạng con vật không đổi được với mạng người, nhưng nếu sát hại nhiều con vật, sẽ gặp quả báo bị tật nguyên, đi đứng không tự do. Hay như người giữ giới không nói dối, tuy không nói dối những việc lớn mà nói dối việc nhỏ, nói riết thành thói quen. Dù không hại ai, nhưng sanh ra làm người bị sút môi, hoặc nói ngọng nghịu. Phật cấm không uống rượu, họ không uống rượu mạnh chỉ uống rượu nhẹ, mà uống nhiều thành say li bì. Đời sau sanh ra tuy được làm người nhưng tối tăm, không có trí tuệ, học hoài không thuộc.

Như vậy, rõ ràng làm người không trọn vẹn là do giữ năm giới không trọn vẹn. Hiểu rồi mới thấy, vì sao cùng được làm người mà có sai biệt. Nếu giữ tròn năm giới thì xứng đáng là một người tốt, đời sau được làm người đầy đủ phước tướng, thông minh trí tuệ. Nếu không khéo giữ giới thì đời sau không được đầy đủ, chứ không phải tại mù bà nắn không khéo. Những người đầy đủ sáu căn, thông minh sáng suốt, cũng chó nên tự hào phách lối. Đó là nhân đời trước giữ tròn năm giới, nhưng nếu đời này không khéo tu, e rằng đời sau cũng phải chịu tật nguyên. Tôi không nói lời cao siêu, chỉ nói lẽ thật cho quý Phật tử biết mà giữ gìn. Đừng để sau khi nhắm mắt rồi trở lại không bằng bây giờ. Đó là điều đáng buồn. Phật tử phải cố gắng tu, giữ tròn năm giới.



Tu là sửa, là chọn cho mình con đường tốt lành để đi, là chuẩn bị cho đời sau trở nên tốt đẹp hơn. Vì vậy, nếu không sửa là chưa biết tu, dù lạy Phật một ngày trăm lạy cũng chưa phải tu. Chúng ta tu để chuyển xấu thành tốt, chuyển đau khổ thành an vui, không phải tu để chấp nhận lang thang hoài. Nếu biết tránh, biết sửa đổi những điều xấu thì sự đau khổ sẽ hết. Không còn đau khổ là tu thành công, nếu không chịu sửa để đau khổ hoài là tu sai lầm, không đúng lẽ thật. Bước đầu trên con đường tu là phải biết rõ lục đạo luân hồi, biết nhân để tránh quả, không nên mờ mờ mịt mịt. Phật tử đi chùa lâu năm, tu hành nhiều mà lại không hiểu tường tận nên có những việc làm sai sót. Do đó, tôi mong tất cả cố gắng tu, hiểu cho tường tận, đi từng bước thấp rồi lần lần sẽ tiến lên những bước cao hơn.

Phật tử đi chùa là để nghe những lời nhắc nhở của quý Tăng Ni, rồi ứng dụng vào đời sống tu hành của mình. Nghe pháp, được nhắc nhở hoài thì sự tu mới tiến. Thí dụ, nghe tôi giảng lần này nhưng chừng năm bảy tháng sau thì các vị đã quên, nếu được nghe quý thầy khác nhắc tiếp thì quý vị sẽ nhớ lại. Mỗi lần nhắc là mỗi lần nhớ, như người đóng đinh vào cây, đóng một búa cây đinh mới dính vô miếng ván, đóng tiếp ba bốn búa thì cây đinh càng sâu càng chắc. Lời nhắc nhở của Tăng Ni thường

xuyên sẽ khiến quý Phật tử nhớ sâu đậm, không quên. Đừng hiểu lầm, cho rằng mình nghe rồi thì không cần nghe nữa. Không phải như vậy, mà càng nghe càng thấm, lợi ích càng nhiều.

Tu thập thiện, giữ mười điều lành thì được lên cõi trời. Làm mười điều dữ thì đọa địa ngục khổ sở. Chúng ta có quyền chọn con đường cho mình, khi lỡ chọn rồi thì đừng trách ai. Phật không xúi bảo, quý thầy cũng không xúi bảo. Các ngài chỉ là người chỉ đường cho chúng ta thấy tường tận rồi tự đi, không nên y lại vào ai hết.

Người xuất gia không cầu phước báu trời người, nên không tu mười điều lành. Xuất gia là thoát tục, không tạo nhân đi trong sáu đường, quyết tâm ra khỏi sáu đường, giải thoát sanh tử. Con đường Tăng Ni đi là như vậy, nhưng thực tế có Tăng Ni vẫn còn lẫn lộn như các Phật tử, không hơn bao nhiêu, có khi còn kém thua nữa. Về hướng đi, lập trường của người tu rất mạnh, nhưng khi bước đi lại chập chững, không được mạnh. Cho nên Tăng Ni phải nhớ, hoài bão của mình là ra khỏi sanh tử. Mỗi người tự nỗ lực tu hành, cho đúng với sở nguyện ban đầu của mình. Khi mới xuất gia, ai cũng muốn giải thoát sanh tử, phải nhớ mãi điều đó để rắng tu. Mong Tăng Ni cố gắng.

Tôi hỏi thêm, mỗi tối quý Phật tử có tập ngồi thiền không? Ngồi thiền để làm gì? Ngồi thiền là để dừng tâm loạn tưởng, bởi nhân đi trong luân hồi sanh tử là gốc từ tâm vọng tưởng của mình mà ra. Muốn dừng hoặc dứt tâm niệm vọng tưởng này thì phải ngồi thiền, để tập làm chủ tâm mình, khi làm chủ được tâm tức nhân giải thoát đã có. Nếu để tâm lăng xăng làm chủ thì nó lôi mình đi, không biết tới đâu mới hết.

Ngồi thiền là phương tiện dừng tâm lăng xăng, “dừng” thấy như rất khó nhưng không khó. Bởi nếu tâm lăng xăng là thật thì mới khó, còn nó vốn không thật thì nói gì là khó. Tâm lăng xăng chỉ là thứ tạm bợ, không phải chủ. Vì mình để nó lộng hành nên nó mới quay lại làm chủ mình. Tâm lăng xăng là tớ, không phải chủ. Mình là chủ mà lại sợ tớ, thật là vô lý. Là chủ tức có quyền quở rầy nó. Mỗi khi vọng tưởng nổi lên chỉ cần biết là giả dối, tạm bợ thì nó tự lặng. Cứ cương quyết ngồi thiền, niệm dấy liền bỏ, bỏ riết từ từ sẽ hết. Đừng sợ, nếu sợ thì vọng tưởng sẽ lộng hành, ngồi thiền hoài cũng không kết quả. Đó là điều rất thiết yếu trong sự tu.

Khi ngồi thiền làm chủ được vọng tưởng thì lúc ra ngoài, vọng vừa dấy lên liền thấy không theo, tức là không tạo nghiệp. Nếu không khéo tu để vọng mạnh quá, nó xúi giục mình làm theo thì sẽ

tạo nghiệp, khổ đến nhanh không lường trước được. Chúng ta tu tập trước phải sám hối để dứt trừ tội lỗi cũ, kế là tập ngồi thiền để bứng gốc rễ phiền não cho triệt hết. Giờ ngồi thiền rất quan trọng, thế nên mỗi đêm Phật tử nên tập ngồi thiền. Ngồi chừng nửa giờ hoặc một giờ mà chí thành thì cũng có lợi ích lớn. Đó là tôi chỉ rõ sự tu hành cho quý Phật tử hiểu, nhiều khi nói cao siêu quá quý vị không biết cách ứng dụng tu, nên tôi nói chuyện thực tế cho quý vị dễ nhớ, dễ thực hành.

Phật dạy, tu là thoát khỏi luân hồi sanh tử, là tránh không đi trong ba đường ác mà chỉ đi đường lành. Chúng ta hiểu thấu đáo mới thấy lời Phật rất chân thành, vì chúng sanh mà nói. Thế nên tất cả Tăng Ni và Phật tử cố gắng tu tập, thực hành theo như lời Phật dạy thì nhất định sẽ đi đường lành, không phải chịu khổ đau. Mong tất cả nghe, hiểu và ứng dụng tu cho đúng, để được an vui vĩnh viễn.



## THIÊN VIỆN TRÚC LÂM TÂY THIÊN

### TÍCH LŨY THIỆN NGHIỆP

Hôm nay, tôi vô cùng hoan hỷ và cảm động khi thấy tất cả Phật tử cùng chung lo xây dựng ngôi Chánh điện. Nơi đây là chốn núi rừng mà các Phật tử không nề hà nhọc nhằn, cùng tới đây để hợp tác với quý thầy làm Phật sự, thật đáng quý!

Tôi được biết, quý Phật tử ở đây phần nhiều không khá giả, nhưng mỗi người đều sẵn sàng hy sinh thời gian quý báu của mình, để Phật sự nơi này sớm được hoàn thành tốt đẹp như hiện tại. Với tinh thần cao cả của quý vị, nên tuy việc làm thấy dường như nhỏ mà kết quả thì không nhỏ. Bởi vì Phật sự này không chỉ của một đời nay thôi, mà còn mãi đến đời con cháu sau này nữa. Ngày nay quý vị đem hết nhiệt tâm làm Phật sự, cùng chung tay góp sức để địa phương có một ngôi thiền viện trang nghiêm rộng rãi, tạo duyên cho Phật tử các nơi có cơ hội về đây nghe pháp, học đạo. Đây là việc làm vừa hữu ích cho mình, mà cũng vừa hữu ích cho người, nên tôi nói lợi ích lớn lao là vậy.

Xưa kia, các vị tôn túc ở Ấn Độ từng sang truyền bá Phật giáo tại đây. Trước kia tôi muốn tìm đến di tích này nhưng chưa có cơ hội, cho nên khi được mời xây cất thiền viện tại Tây Thiên, tôi rất hoan hỷ. Theo trong sử sách Phật giáo Trung Quốc, xưa gọi Trung Hoa là Đông Độ; gọi Ấn Độ là Tây Thiên, tức chỉ cho người ở trời Tây.

Phật giáo có mặt trên đất nước Việt Nam từ rất lâu. Các nhà sử học thường nói, Phật giáo Việt Nam có nền móng Phật giáo từ thời tổ tiên mình chứ không phải mới đây. Nghĩa là cách đây hơn 2.000 năm, tổ tiên chúng ta đã tu theo Phật, được các bậc cao tăng người Ấn Độ sang trực tiếp chỉ dạy. Nhưng sau đó do đất nước ta bị Trung Hoa đô hộ hơn 1.000 năm, nên những di tích xưa bị mai một.

Ngày nay, việc tìm được di tích Tây Thiên này để dựng lại hình ảnh đạo Phật từ Ấn Độ truyền sang, nói lên tấm lòng chân thành của thế hệ chúng ta đối với những bậc tiền bối đã đến đây truyền bá Phật pháp. Ôn đức đó rất lớn, bởi vì các ngài đã quên thân mình, đi theo tàu buôn hoặc theo đường bộ từ Ấn Độ sang, rất vất vả. Nơi đây là một trong những di tích trước nhất của Phật giáo Việt Nam, thế mà lâu nay bị lãng quên nên bây giờ không còn gì. Tuy nhiên, những nơi nào đã có dấu chân các bậc truyền giáo chân chánh đi qua thì chúng ta bằng

mọi cách cũng phải gây dựng lại, để người hiện tại được biết và người sau cùng biết.

Tổ tiên chúng ta đã tu theo Phật, xem đạo Phật là đạo ông bà và đem Phật giáo truyền bá lại cho con cháu. Vì đã thấm nhuần Phật giáo từ xa xưa, nên đạo Phật đối với người Việt Nam không còn xa lạ. Nhưng sau này vì cách xa nên chúng ta quên, không biết gốc gác từ đâu. Khi chúng tôi nghiên cứu lịch sử, thấy có những giai đoạn đạo Phật có mặt ở nơi này nhưng bị lãng quên. Cho nên, chúng tôi đã tìm về đây nhưng tìm không được dấu vết.

Đến năm 1990, chúng tôi ra Bắc, chỉ tìm được lên Yên Tử, nơi các vua đời Trần đã tu và sau đó thì xin phép được xây dựng thiền viện Trúc Lâm Yên Tử. Còn nơi đây bấy giờ không có đường vô Tam Đảo, nên chúng tôi tới mà mờ mịt không biết làm sao tìm, vì không có người hướng dẫn. Ngày nay, chính quyền địa phương có thiện ý, muốn chúng tôi gây dựng lại nơi di tích một thời bị xao lãng, sống trở lại với quần chúng Việt Nam. Cho nên mới khởi sự xây dựng thiền viện ở đây, khơi lại chốn cũ và làm sống dậy hình ảnh của người xưa, để đông đảo người được lui tới tìm hiểu Phật pháp. Đó là duyên tốt cho Phật giáo Việt Nam hiện nay, cũng là phước lành của quý Phật tử.

Khi khởi công xây dựng được đồng bào Phật tử hưởng ứng đông đảo, nhiệt tình làm việc vui vẻ, không tỏ ra chút gì chán ngán. Tinh thần đó khiến chúng tôi thấy cần nỗ lực hơn, cố gắng hoàn thành Phật sự ở nơi này. Tuy nhiên, còn một điều quan trọng mà tôi muốn nhắc cho tất cả nhớ, đó là tuy Phật tử đã có nhiệt tâm hướng về đạo Phật, làm công quả lo cho Tam bảo, thì đối với sự tu hành của mình cũng cần phải cố gắng.

Đạo Phật là đạo như thật. Những lời Phật nói ra đều là chân lý, không huyền bí, không mờ ảo mê tín. Phật dạy người cư sĩ tại gia phải biết rõ lý nhân quả. Bởi vì tất cả việc xảy ra trong cuộc đời chúng ta không ngẫu nhiên có, mà đều bắt nguồn từ nhân thành quả. Thí dụ, khi thấy một người đói khát lang thang, chúng ta vì thương mà giúp cho họ cơm ăn áo mặc. Đến khi người ấy lớn khôn gặp lại ân nhân, họ luôn tỏ lòng biết ơn kính trọng và hết lòng giúp đỡ khi cần. Như vậy, nhân đã gieo thì quả tự đến, nếu gieo nhân tốt thì được quả tốt, gây nhân không tốt thì gặp quả không tốt.

Người thế gian thường nói làm ơn mắc oán, đó là không thấu triệt lý nhân quả. Sở dĩ làm ơn mắc oán là vì giúp người với tâm khinh thường, hoặc vì một lý do nào đó chứ không phải thật thương người, nên họ không mang ơn mình. Nếu chúng ta thật



thà, giúp người không cầu danh lợi, cũng không mong báo đáp thì chẳng người nào quên ơn mình. Nhân quả không ở đồng tiền bát gạo đưa cho người, mà cốt ở lòng mình. Giúp người với tâm từ bi thì dù giúp ít, người ta cũng mang ơn nhiều. Người xưa thường nói: Khi đói chỉ cần một bát gạo, người ta cũng nhớ cả đời. Cho nên, chúng ta hãy sẵn sàng giúp người bằng lòng thương, đừng khởi tâm khinh rẻ kẻ đang nghèo thiếu.

Nhân quả theo nhau như bóng với hình. Khi chúng ta đem tâm tốt giúp người thì quả cũng tốt, được người quý trọng. Khi đem tâm xấu giúp người thì quả cũng đơn sơ, không đầy đủ. Nhiều người không hiểu, thấy hồi trước người đó giàu có thường hay giúp người khác, tới chừng họ sa cơ thất thế thì không ai kính trọng, thương mến. Lỗi tại tâm của họ. Khi giúp người không có lòng thương, chỉ giúp để tỏ ra mình là người giàu có dư dả. Cho nên nhân quả rất tế nhị. Không phải đưa tiền bạc, cho gạo lúa là kết quả đều tốt. Gốc từ tâm mình. Tâm thương người thì quả sẽ tốt, chỉ cần chút ít mà luôn được người kính trọng.

Kinh Phật kể rằng, ngày xưa có một cô gái mồ côi cha mẹ, phải đi ăn xin ngoài chợ. Một hôm, nghe nói cúng dường Tam bảo thì có phước, cô liền tự nghĩ, làm sao tạo phước để khỏi nghèo khổ nữa.

Hôm đó xin được hai xu, cô muốn cúng cái gì mà chư Tăng trong chùa đều hưởng được. Nghĩ vậy cô mua hai xu muối đem vô chùa năn nỉ vị Tăng nấu ăn: “Con xin được có hai xu để mua muối, xin được cúng hết chư Tăng trong chùa, mong giúp đỡ giùm con”. Vị Tăng nấu ăn hôm ấy liền bỏ nắm muối của cô vào nồi canh to, thế là chư Tăng đều được hưởng đầy đủ. Bẵng đi một thời gian, cô không còn nhớ chuyện cúng muối ấy nữa.

Lần lần lớn khôn, cô càng xinh đẹp lạ thường. Khi đó trong triều đình, nhà vua muốn chọn vợ cho thái tử, bèn ra lệnh cho các quan đi tìm, nếu chọn được người thái tử vừa ý thì sẽ trọng thưởng. Bấy giờ, một ông quan đi ngang qua vùng ấy, thấy trên trời có vàng mây đỏ, ông nghĩ nơi đây chắc có dị nhân phước lớn. Trên đường trở về, ông thấy một cô gái khoảng 16, 17 tuổi đang trùm chiếu ngủ. Ông đến gần nhìn, bất chợt cô gái thức dậy tóc chiếu ra, trông xinh đẹp lạ thường. Thấy cô sống đầu đường xó chợ, ông tội nghiệp đem về nuôi cho ăn mặc, dạy dỗ đàng hoàng. Đến năm cô 18 tuổi, ông dẫn đến trình nhà vua, thái tử vừa thấy thì đẹp lòng ngay. Thời gian sau, nhà vua mất thái tử lên ngôi và cô trở thành hoàng hậu.

Cô nghĩ, không biết mình đã làm phước gì mà được thế này, có lẽ do việc cúng muối năm xưa mà

ra. Một hôm hoàng hậu sắm đủ thứ vật dụng sang trọng, truyền chở vô ngôi chùa ngày trước. Nhưng có một điều khác lạ, lúc còn là cô bé ăn xin chỉ với hai xu muối, mà thầy Trụ trì bảo chư Tăng đánh chuông trống đón đại thí chủ đến cúng dường. Bây giờ là hoàng hậu, đem rất nhiều tài vật đến cúng nhưng thầy Trụ trì không bảo ai đón. Hoàng hậu đến gặp thầy Trụ trì và hỏi duyên do. Thầy Trụ trì nói: “Ngày xưa hai đồng xu quý, vì đó là mạng sống của con. Do muốn cúng dường con phải nhịn đói, nên hai xu ấy lớn vô cùng. Ngày nay là hoàng hậu, của cải đầy xe nhưng đó là của dân chứ không phải của con. Lấy của người làm phước cho mình, đâu có gì là quan trọng”. Hoàng hậu nghe xong, giật mình thức tỉnh.

Qua câu chuyện này cho chúng ta thấy, nhân quả tùy theo tâm. Tâm rộng rãi biết hy sinh thì phước lớn, tâm hơi xem thường thì phước không lớn. Nhân đã gây thì quả phải đến, không chạy trốn đi đâu được. Nhiều vị hay than thở, mình làm phước nhiều mà sao bây giờ vẫn nghèo. Than như vậy là chưa tin nhân quả, bởi tuy ngày nay mình làm phước nhưng nợ trước trả chưa hết, chừng nào trả hết thì mới khá được. Như có người làm ăn được nhiều tiền, nhưng do thiếu nợ phải trả, thành ra không dư dả.

Phật tử phải hiểu xa, thấy rõ, đừng vội oán trách này kia, như vậy là không đúng nhân quả. Làm điều lành là gieo nhân lành, đã có nhân lành thì nhất định sớm muộn gì cũng sẽ có quả lành. Nếu chúng ta làm điều dữ, ngay lúc đó chưa trả liền thì thời gian sau cũng phải trả. Lý nhân quả là lẽ thật như vậy. Nếu hiểu và biết sống đúng như lý nhân quả thì đời sống hiện tại được an lành, mai sau cũng an lành. Không hiểu nhân quả, làm bừa làm bướng không sợ tội lỗi thì sau này sẽ khổ.

Tất cả mọi người không ai tránh khỏi cái chết, có thân là phải chết. Tôi hỏi quý Phật tử, chết là hết hay còn? Có người nói chết là còn, có người nói chết là hết, nhưng đúng với cái nhìn của đạo Phật thì chết không phải là hết. Bởi thân tứ đại này là do đất, nước, gió, lửa hòa hợp mà thành. Chất cứng là đất, chất ướt là nước, động là gió, nóng ấm là lửa. Khi thân chết tức là tứ đại tan rã, đất nước gió lửa trả về cho đất nước gió lửa chứ không mất. Còn cái hiểu biết của mình thì không có hình tướng nên không có chỗ trả.

Hiểu biết sáng suốt ấy, đạo Phật gọi là tâm, người thế gian gọi là linh hồn, tùy theo duyên nghiệp mà đi tới nơi tốt hoặc xấu. Nếu là người hiểu đạo, chúng ta biết ngày mai thân này hoại thì hiện tại phải làm gì? Đừng nghĩ là lên núi tìm thuốc trường

sinh uống để sống mãi. Thuở nhỏ chúng ta thường nghe nói, mấy ông tiên uống thuốc trường sinh sống mãi. Nhưng bây giờ quý vị tìm xem, có một ông tiên nào còn không? Nếu thuốc hay thì sống thêm vài trăm tuổi, rồi cũng chết. Cái chết không hẹn trước với người nào, bởi nó là một quy luật không ai chối cãi được.

Ai rồi cũng chết, hiểu như vậy rồi thì lúc đang sống tuy phải lo cho sự sống, nhưng cũng đừng quên chuẩn bị cho cái chết. Chuẩn bị bằng cách là ngay bây giờ làm được việc gì tốt lành thì cố gắng đừng bỏ qua, bỏ qua một việc tốt thì sau này thiệt thòi một phần. Làm điều tốt để giúp đỡ lẫn nhau, đem tình thương chan rải trong gia đình và xã hội. Giúp đỡ người bằng tất cả khả năng mình có, dù ít hay nhiều cũng làm với tâm thương người, sẵn sàng giúp họ. Muốn ngày mai ra đi được phước lành thì hiện tại phải làm điều lành, như hôm nay quý Phật tử về đây vui vẻ phụ đổ mái chùa, đó là nhân lành. Được như vậy thì bảo đảm khi nhắm mắt đi đường tốt lành, nếu hung ác thì sẽ đi đường xấu ác. Tương lai rõ ràng trước mắt.

Trong một tháng, chúng ta lo cho sự sống hết 20 ngày, còn 10 ngày phải nghĩ đến cái chết để chuẩn bị. Tuy tôi nói 10 ngày, nhưng lúc nào quý Phật tử cũng có thể chuẩn bị cho mình. Giữ tâm sáng suốt,

lượng thiện để đời sau được sanh ra chỗ lành. Đó là biết chuẩn bị cho cái chết. Nếu chỉ lo ăn uống hưởng thụ, tới chừng ngã ra chết không biết đi đâu thì thật đáng thương.

Người sáng suốt khôn ngoan khi sống phải biết, dù chứa tiền của đến bao nhiêu khi chết đến cũng không làm gì được. Nhiều khi con cái còn giành nhau, kiện tụng đủ thứ. Người làm ăn có tiền của nên sẵn sàng giúp đỡ những người nghèo, để cuộc sống này ai cũng no ấm vui tươi. Đó là biết thương người cũng là biết thương mình, dành dụm phước lành cho mai sau. Tất cả phải ý thức, đừng chỉ lo cho lúc sống mà quên cái chết. Lúc nào cũng nhớ mình sẽ chết, phải làm sao cho cái chết được tốt đẹp, đời sau bằng hoặc hơn đời này, đừng để sanh ra bị tật nguyên không tốt.

Phật tử khéo tu phải biết bòn mót những điều lành, từ việc rất nhỏ đến việc lớn, tránh chừa không làm những điều dữ. Nếu niệm Phật mà ai động tới liền chửi, tức là bị ác khẩu rồi. Nhiều người cứ lầm tưởng, mình tu với Phật chứ không tu với chúng sanh, đó là sai lầm lớn. Phật thương chúng sanh như con, mình không chịu thương con Phật mà cứ thương Phật. Phật đâu có khổ mà thương. Thương chúng sanh chung quanh mình, chính là quý kính Phật. Hiểu được như vậy thì sự tu mới có lợi ích.

Tôi đã kể hai vấn đề nhân quả và chuẩn bị cho đời sau, mong tất cả nhớ. Nếu cố gắng thực hành cho bằng được thì bảo đảm quý vị sẽ được bình an trong đời này và cả đời sau.



## THIỀN VIỆN SƠN THẮNG

### NHẮC LẠI NHÂN DUYÊN XƯA

Từ trước tới giờ, đối với Phật giáo tỉnh Vĩnh Long, tôi luôn cảm thấy rất thân thiết và gần gũi. Bởi vì ngày xưa Sư cụ Pháp Hải trụ trì tại chùa Sơn Thắng, cùng Sư cụ Huệ Quang và Sư ông tôi là Sư cụ Khánh Anh, chung lo làm Phật sự. Quý ngài lấy chùa Lưỡng Xuyên làm cơ sở cho Hội Phật học Lưỡng Xuyên, nhiệt tình gây dựng nền tảng Phật giáo miền Nam được bền vững. Kế tiếp đến Thầy tôi là hòa thượng Thiện Hoa, cùng quý hòa thượng đương thời tiếp tục gánh vác sự nghiệp giáo dục và hoằng pháp. Sau này huynh đệ chúng tôi được quý ngài giao phó trọng trách này.

Những năm còn học ở Ấn Quang, tôi đã xuống Vĩnh Long giảng dạy cho Phật tử, đồng thời qua Trà Vinh dạy cho chư Tăng. Trong số chư Tăng ở đây có những học trò là môn đồ của tôi, đang trực tiếp chịu trách nhiệm lãnh đạo tại thiền viện này. Cứ thế mà người đi trước có bốn phận dìu dắt người đi sau, làm cho ngọn đèn chánh pháp luôn luôn được tiếp nối không ngừng trệ, không tắt mất.



Từ năm 1955, khi khởi sự đi giảng mãi đến bây giờ, tôi miệt mài lo gây dựng thế hệ trẻ, làm sao cho họ hiểu thấu đạo lý và ứng dụng tu hành có kết quả. Như thế mới duy trì mạng mạch Phật pháp, xây dựng nền tảng Phật giáo nước nhà ngày càng kiên cố và tốt đẹp hơn. Việc hoằng hóa của tôi trong suốt thời gian qua có thể nói là khá dài, sức khỏe cũng đến lúc sắp cạn kiệt nên tôi quyết định nghỉ. Chuyến đi Vĩnh Long này cốt để thăm lại chùa Tổ và quê hương của mình, đồng thời thăm tất cả Tăng Ni và Phật tử, thay cho lời từ giã.

Với tuổi tôi hiện giờ xứng đáng được quyền nghỉ, để lo việc tu chưa tròn của mình. Tôi nói vậy chắc quý vị nghi ngờ, tại sao tu mấy mươi năm mà việc tu chưa tròn? Thực tình càng đi sâu trong đạo, càng nghiên ngẫm kỹ sự tu hành thì tôi lại thấy buồn. Bởi vì đa số chúng ta nói phát tâm tu mà tu không đến nơi đến chốn. Nhiều khi mình chỉ tu trên hình thức, còn tâm ý thì chưa thực sự giải thoát, còn nhiều trói buộc phiền não khiến tâm bất an. Thế nên đối với tôi, điều quý báu tột cùng là giác ngộ giải thoát sanh tử, có thể mới tròn bản nguyện của người xuất gia.

Chúng ta tu, ai cũng nguyện giải thoát sanh tử, muốn vậy thì trước tiên phải giác ngộ, vì có giác ngộ mới giải thoát sanh tử được. Giác ngộ viên mãn

hay chưa viên mãn là tùy theo công hạnh và khả năng của mỗi người, nhưng nhất định phải giác ngộ. Ngày nay chúng ta tu lơ mờ quá, trên đường tu hành không biết mình đã giác ngộ được cái gì, giác ngộ bao nhiêu. Vì chưa thắp sáng ngọn đèn trí tuệ, nên đường đi nước bước chưa sáng sủa rõ ràng.

Đức Phật là bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, còn gọi là bậc tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn. Bồ-tát là phần giác, tức giác ngộ từng phần. Các ngài đem sự giác ngộ của mình giác ngộ cho người khác, công hạnh đó tròn đủ thì gọi là Phật. Chúng ta ngày nay được gọi là hàng Thích tử, nghĩa là con cháu dòng họ Thích, dòng họ của bậc giác ngộ. Nếu mình chưa được phần giác như Bồ-tát thì ít ra cũng được chút nào đó. Đây là điều mà chúng ta phải chiêm nghiệm lại.

Nhiều Phật tử nói mình là “tín đồ đạo Phật”, nói như vậy e chưa đúng. Bởi vì đạo Phật không đặt lòng tin lên trên mà đặt sự giác ngộ làm mục đích tối hậu, cho nên dùng danh từ Phật tử tức con bậc giác ngộ là đúng nhất. Người xuất gia là dòng giống giác ngộ, hàng Phật tử cũng là con cháu dòng giống ấy. Cho nên tất cả chúng ta phải nhớ, nếu mình không giác ngộ được trăm phần trăm thì cũng giác ngộ chừng bốn năm chục phần, tối thiểu cũng phải mười phần mới được.

Hồi chúng tôi còn là Tăng sinh của Phật học đường, những năm đầu được học kinh Bát Đại Nhân Giác, tức tám điều giác ngộ của bậc đại nhân. Điều thứ nhất Phật dạy:

*Đệ nhất giác ngộ*

*Thế gian vô thường*

*Quốc độ nguy thúy*

*Tứ đại khổ không*

*Ngũ ấm vô ngã.*

Hiểu rõ thế gian này vốn vô thường là giác ngộ được một phần nhỏ. Quốc độ nguy thúy tức là cõi nước giòn bở; ít hôm vài tháng nghe động đất chỗ này chỗ kia, đổ nhà đổ cửa, chết chóc liên miên. Tóm lại, thế gian là một dòng chuyển biến liên tục không dừng theo thời gian, không bảo đảm vững chắc như chúng ta tưởng.

Thân này do bốn thứ đất nước gió lửa hợp thành. Chất cứng là đất, chất ướt là nước, động là gió và ấm là lửa. Trong con người nếu thiếu một chất là bại hoại ngay, nên nói tứ đại này là khổ, không. Ngày xưa thái tử Tất-đạt-đa dạo chơi ngoài bốn cửa thành, Ngài thấy cảnh già bệnh chết mà chán động phát tâm xuất gia. Ngài không cam chịu cái khổ đó, còn chúng ta mãi mê say sưa với ngũ dục thế gian, quên đi thân vô thường bại hoại này.

Ngày nay vui cười, ngày mai ngã bệnh rên rỉ, hạnh phúc ở chỗ nào? Còn khỏe mạnh tới lui làm công kia việc nọ, tới chùng già yếu đi đứng lụm cụp, hoặc khi sắp tắt thở thân thể vật vã đau đớn vô cùng. Những điều này không ai tránh khỏi, vậy mà nói cuộc đời vui sao được.

Chúng ta đang sống đây nhưng già bệnh chết luôn chực sẵn bên mình. Người mê không nhớ sự vô thường của thân, cứ ngỡ cuộc đời là vui nên muốn thụ hưởng cái này cái nọ, giành giật lẫn nhau, hơn thua đủ thứ. Nếu biết rõ ngày mai mình sẽ già bệnh chết, con đường đó nhất định phải đi qua thì lúc còn khỏe mạnh ráng cố gắng làm những việc có ý nghĩa, lợi đạo tốt đời. Chúng ta cố gắng lúc nào cũng tỉnh, nghe ai nói nặng vài câu, chỉ cần nhớ ngày mai già chết tới rồi hơn thua làm gì, lo làm điều cao thượng quý báu sẽ tốt hơn, như vậy mới không phiền não. Đó là người khéo tu.

Phật dạy thân này do tứ đại hợp thành, có hợp ắt có tan. Vô thường đến không thể nói trước được, tan hợp tùy duyên. Đừng tưởng ai ai cũng đi đúng theo quy trình sanh già bệnh chết, có nhiều người còn trẻ mà lặn ra chết cái ùng. Trước mắt chúng ta rất nhiều cảnh tượng chết bất đắc kỳ tử, vậy mà con người lại lo tính toán chuyện trăm năm, không nghĩ tới cái chết chực chờ bên mình. Người biết tu làm

sao một ngày qua là một ngày khỏe mạnh, làm điều ích lợi cho chúng sanh, đừng chần chờ thả trôi. Đó là ý nghĩa chân chánh của người cầu đạo giác ngộ.

Người tu không nên chỉ hiểu lý thuyết suông mà phải thực hành. Nghe nói lời Phật là lời vàng, rồi cứ vậy mà đọc hoài thì chẳng được kết quả gì. Tu hành là phải ứng dụng lời Phật dạy vào cuộc sống. Người học đạo trước tiên cần hiểu và hành trì Tam tuệ học, tức là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Trước phải học tập, kế là suy ngẫm, cuối cùng mới ứng dụng. Ứng dụng là tu, tức là trí tuệ. Thấy rõ những mê lầm về thân tâm lăng xăng sanh diệt của mình vốn không thật, là giác. Cái giác đó gọi là trí tuệ chứ không phải trí thức, đây là điều Phật tử cần phải hiểu rõ.

Tôi nhớ năm ra Bắc, Viện Hán - Nôm mời tôi nói chuyện với các vị giáo sư và học viên tại đó. Trước khi giảng, ông Giám đốc Viện đứng lên giới thiệu: “Đây là thầy Thanh Từ, một học giả trí thức học rộng nghiên cứu kỹ, quý vị ráng lắng nghe để lãnh thọ những điều hay Thầy trình bày”. Tôi liền đứng lên thưa: “Xin lỗi quý vị, cho tôi được cải chánh. Tôi không phải học giả, mà chỉ là hành giả”. Tất cả mọi người trong hội trường ai nấy đều rất ngạc nhiên, bởi vì tôi từ chối cái danh dự nhất lúc bấy giờ. Họ nghe hai chữ “hành giả” nhưng không hiểu nghĩa ra sao, thành thử tôi phải giải thích cho họ hiểu.

Học là hiếu học, ham học; giả là người. Học nhiều và rộng gọi là bác học, học giả hoặc trí thức. Đối với thế gian được làm học giả là rất vinh dự, nhưng với người xuất gia điều đó không quan trọng. Chúng ta tu cốt phải thực hành những lời Phật dạy để khai mở trí tuệ của mình, chứ không phải làm giàu trí thức bên ngoài. Vì vậy trước tiên cần học hiểu và hành trì ba môn học căn bản là văn tuệ, tư tuệ và tu tuệ. Kế là học và tu theo ba môn giải thoát giới - định - tuệ. Có định thì tuệ mới sanh chứ không phải học mà được tuệ. Cho nên người xuất gia học để buông bỏ, không nên say sưa mãi miết tích lũy kiến thức để thành nhà bác học.

Trong điều giác ngộ thứ nhất của kinh Bát Đại Nhân Giác, Phật dạy bỏ cái chấp thật về thế gian. Dù to như quả địa cầu hay nhỏ như hạt bụi, tất cả đều hư dối tạm bợ không thật. Chúng ta học buông bỏ chứ không học thu vào. Người thế gian phân tích chia chẻ, sau đó ghi chép thành bộ môn, sổ sách dạy lại cho thế hệ sau. Người tu học buông bỏ chùng nào thân không vướng mắc và đuổi theo sáu trần, tâm buông nghĩ suy hơn thua phải quấy, lẳng lẳng sáng suốt là định. Từ định mà trí tuệ phát sinh.

Ngày xưa khi đức Thế Tôn mới tìm đạo cũng học đủ thứ. Ban đầu Ngài theo học với các vị tiên, dù đã thông hết sở học và sở chứng của thầy, nhưng

vẫn chưa đáp ứng được nguyện vọng của mình. Ngài chuyển qua tu khổ hạnh, lại càng không đạt kết quả như ý. Cuối cùng đức Phật đến dưới cội bồ-đề, tu thiền định theo pháp Trung đạo. Lúc tâm an định trọn vẹn, Ngài chứng Tam minh, Lục thông, Tứ vô sở úy...

Trong đêm thứ 49, từ canh một tới canh hai, Ngài chứng Túc mạng minh, nhớ tường tận vô số kiếp về trước như chuyện mới xảy ra ngày hôm qua. Từ canh hai tới canh ba, Ngài chứng Thiên nhãn minh, thấy tột cùng tường tận vô số vi trùng nhỏ bé, cho đến vô số thế giới rộng lớn ở các phương xa. Phật nói thân tứ đại này là một ổ vi trùng, trong một bát nước có vô số vi trùng sinh sống. Phật còn thấy trong không gian có vô số thế giới nhiều như cát sông Hằng. Điều Phật thấy cách đây hơn 2.500 năm, cho tới bây giờ khoa học mới chứng minh được, chứng tỏ trí tuệ của Phật không hề lạc hậu. Ngày xưa nghe những điều này không ai tin nổi, nhưng ngày nay với sự tiến bộ của khoa học thì những điều đức Phật nói đang dần sáng tỏ.

Như vậy, trí tuệ do tâm an định phát sinh sáng suốt không cùng tận. Do trí ấy mà thấy tột cùng được lẽ thật của các pháp không nghi ngờ, cho nên đức Phật nhìn thấy chúng sanh lưu chuyển trong luân hồi sanh tử một cách tường tận, như người

đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy người qua kẻ lại rõ ràng. Nếu học hiểu bằng tâm phân biệt sanh diệt thì trí đó có giới hạn. Cho nên tất cả lời Phật dạy là chân lý, bằng vào sự thấy biết rõ ràng chứ không phải do suy lý mà được.

Trí tuệ chân thật có được là do tâm an định, vì vậy dù tu theo pháp môn Tịnh độ hay Thiền tông thì chỗ cứu cánh vẫn là nhất tâm. Khi tâm an nhiên không nghĩ gì hết thì không tạo nghiệp, còn suy nghĩ vọng tưởng là còn tạo nghiệp. Nghĩ tốt thì thân làm tốt, miệng nói tốt, tạo thành nghiệp lành. Nghĩ xấu thì thân làm xấu, miệng nói xấu, tạo thành nghiệp dữ. Như chúng ta ngồi chơi, thảnh thơi, không nghĩ gì hết, lúc ấy mình vẫn hiện hữu chứ không phải không có. Gió thổi nghe mát, chim kêu nghe tiếng, người đi qua mắt liền thấy... Cái biết thấy, biết nghe đó luôn hiện tiền, không vắng thiếu. Biết mà không suy nghĩ tạo nghiệp tức là giải thoát sanh tử, còn tâm nghĩ suy hơn thua là nhân dẫn đi trong luân hồi lục đạo.

Đức Phật phương tiện dạy đủ mọi phương pháp để chúng sanh dừng tâm tạo nghiệp. Dù tụng chú, niệm Phật hoặc tọa thiền... đều phải dừng vọng tưởng tạp nhạp để tâm an định. Có vậy mới tới chỗ tột cùng. Khi ngồi thiền không một niệm khởi, mình vẫn biết. Niệm dấy lên biết có niệm, niệm



lặng xuống biết không niệm. Cái biết chân thật đó luôn hiện tiền, thế nhưng lâu nay chúng ta bỏ quên, rồi lầm nhận niệm lăng xăng sanh diệt làm mình. Chẳng khác nào sẵn có viên ngọc quý mà không biết đem ra dùng, cứ chạy lên non lên núi tìm khắp chỗ này cho kia. Nhà thiền nói, như người cưới trâu tìm trâu là ý này vậy.

Phật dạy, phải buông hết tâm lăng xăng thì cái chân thật mới hiện ra, đó chính là tuệ giác chân thật. Sự học hiểu bên ngoài dù khôn ngoan mấy, cũng chỉ là vô thường biến động. Sở học mỗi thời mỗi khác, cái hay lúc trước qua đến thời sau trở thành lạc hậu, chỉ có tuệ giác phát sinh từ tâm chân thật mới là cứu cánh. Vì vậy con đường tu hành là con đường siêu thoát phi thường chứ không phải tầm thường.

Nhiều người không nắm vững chỗ này, rồi tự trách sao mình tu trầy trật hoài. Thế là tìm kiếm môn này, môn nọ học cho vui. Học coi tay, coi tướng... riết thành thầy bói, thầy bùa chứ không phải thầy tu. Do không hiểu cái gốc cao siêu của sự tu, nên tu không đến nơi đến chốn, rơi vào tà kiến. Sự tu thiết yếu ở chỗ phải thấy đúng như thật về các pháp, tức là giác. Có giác ngộ mới buông sạch mọi vướng mắc của thế gian. Chừng nào trí tuệ siêu thoát hiện ra, chừng đó mới an vui giải thoát.

Mong Tăng Ni và Phật tử khéo ứng dụng tu, mới có thể tiến gần tới con đường giác ngộ giải thoát. Nếu không tu thì dù cho có học hiểu mấy đi nữa, cũng vẫn đứng ở một chỗ. Để phiền não phủ vây thì không cách nào vượt qua được rào chắn của nghiệp, tức là không thể nào giác ngộ. Đó là điều thiết yếu. Mong tất cả luôn luôn cố gắng, tinh tấn trên con đường Phật đạo.



## THIỀN VIỆN HIỆN QUANG

### THĂM HIỆN QUANG

Hôm nay tôi về thăm lại thiền viện Hiện Quang. Ở đây xa xôi, khung cảnh hiu quạnh, nên tôi lấy tên của một vị thiền sư sống kham khổ, ẩn dật trên vùng núi miền Bắc đặt cho nơi này. Người nào về đây thì phải chịu khó, chịu cực, mới có thể gánh vác trọng trách, giữ gìn ngôi Tam bảo dài lâu.

Trước kia khi tôi nhận nơi này chỉ là một ngôi chùa nhỏ, đất đai chung quanh khô cằn. Bây giờ trở lại thăm thì thấy cơ sở tương đối sung túc, tất cả huynh đệ phát tâm vào đây tu đã nỗ lực sửa sang, sẵn sóc quang cảnh được như vậy là điều rất tốt. Nếu nhận một ngôi chùa khang trang đẹp đẽ ở thành phố, thấy như dễ nhưng thực sự khó. Vì người ta làm sẵn cho ở thì thường muốn mình phải theo ý họ. Chư Tăng về nơi quạnh hiu, thiếu thốn, phải nỗ lực xây dựng thuở ban đầu là đi đúng theo tinh thần thiền viện, từ không trở thành có.

Trong hoàn cảnh khó khăn cực khổ nhưng thiền sinh không chán nản, cố gắng thành tựu mới thấy

được công phu tu hành. Người tu luôn phải đối diện với gian nan, thử thách. Ngồi thiền hai tiếng đồng hồ đau chân mình vẫn làm được, thì những việc nhọc nhằn hơn cũng không sợ, không nản. Thấy mấy chú làm tốt, tôi rất mừng.

Hôm nay tôi muốn thăm xem công tác của mấy chú tiến tới đâu, có gặp trở ngại không. Nếu cần tôi sẽ hỗ trợ để công việc được hoàn thành. Việc khó của chư Tăng là từ chỗ đơn sơ mà tạo dựng thành một nơi trang nghiêm. Khó mà làm được mới thể hiện ý chí của người tu, còn việc gì cũng dễ dàng hết tự nhiên sẽ trở thành yếu đuối. Người tu không sợ khó khăn cực khổ, càng chịu được bao nhiêu thì đạo lực càng mạnh thêm bấy nhiêu.

Mong tất cả huynh đệ ở đây, kẻ làm việc này người lo việc nọ, cùng nỗ lực chung vai gánh vác Phật sự. Ngày nào đó tôi trở lại thăm lần nữa, chắc hẳn mọi thứ sẽ tốt đẹp hơn hiện nay. Thiền viện có mặt giúp cho người dân hiểu biết Phật pháp và được nhiều lợi lạc, vậy nên mấy chú đừng nản lòng. Khi thấy chỗ của mình cô quạnh thì cần phải dốc sức làm cho đạo tràng sung túc, đầy đủ hơn.

Nhớ ngày xưa, lúc tôi lãnh thiền viện Thường Chiếu cũng vậy. Chỉ một mái nhà tranh vách đất, lần lần được như ngày nay đều nhờ công sức nỗ lực

của chư Tăng mới thành tựu. Điều đó chứng minh rằng không có việc gì buổi ban sơ tự nhiên tốt đẹp, chúng ta có cố gắng thì từ xấu mới thành tốt, dở thành hay. Mong rằng chư Tăng ở đây cố gắng vừa làm công tác xây dựng, vừa tu hành. Ở chỗ vắng thì việc tu dễ dàng, thuận tiện, an ổn hơn. Chư Tăng ráng tu được kết quả tốt mới là điều đáng quý. Mong tất cả cố gắng.



## THIỀN VIỆN HƯƠNG HẢI

### HOA HAY LÀ RÁC

Một buổi sáng nọ, tôi đi dạo qua nội viện Ni ở Trúc Lâm, thấy mấy cây hoa trà my nở rộ thật đẹp. Vài hôm sau, tôi cũng đi qua chỗ đó nhưng hoa đã rụng. Thấy hoa rụng xuống đầy đất mà không ai chịu quét, nên Quản chúng rầy: “Rác rến đầy hết mà sao không chịu quét”. Nhân đó mà tôi có đề tài *Hoa hay là rác* nói chuyện với Tăng Ni và Phật tử ngày hôm nay.

Hôm qua hoa còn ở trên cành ai cũng trầm trồ khen đẹp, nhưng vài hôm sau héo rụng xuống đất thì không ai gọi là hoa đẹp nữa, mà nói là rác rưởi. Vì là rác nên không chịu dọn sạch thì bị rầy. Như vậy, hoa là hoa mãi hay chỉ ít hôm rồi thành rác? Chỉ việc này, nếu chúng ta nghiệm kỹ sẽ thấy đạo lý rất thâm sâu.

Lúc còn ở Chơn Không, nhân thấy con chó chết, tôi có làm hai câu kệ:

*Còn động còn ấm còn ta,*

*Động dừng ấm dứt thì ma ra đồng.*

Thân chúng ta cũng vậy, khi còn hơi ấm, còn thở ra vào thì còn là người thân yêu của mình; nhưng phút trút hơi thở cuối cùng, hơi ấm tan dần, lúc đó gọi là người thân yêu hay là thầy ma? Cũng như từ một đóa hoa tươi tốt, chúng ta khen quý, ít hôm sau thành rác rưởi bị chê bỏ, không quét không được. Từ một người thân đang được quý mến mà trút hơi thở cuối cùng, tất cả hơi ấm trong người tan hết liền trở thành một thầy ma. Dù thân quyến thương mến mấy, cũng không ai dám để thầy ma đó trong nhà quá năm bảy hôm.

Người quý mến của mình hôm trước, bữa nay có khác với đóa hoa không? Đóa hoa còn tươi trên cành được quý, ai hái mình la rầy. Mấy hôm sau nó rụng xuống đất khô héo, ai không quét mình quở. Thân chúng ta khi khỏe mạnh vui tươi ai cũng quý mến, nhưng mai kia tất thở không còn hơi ấm nữa, chừng năm mười tiếng đồng hồ người ta bắt đầu sợ từ từ rồi. Nếu để năm ba hôm không đậy, chắc chắn không ai dám nhìn, thế thì có thua gì xác hoa rụng đâu.

Chẳng những thân phận con người, mà tất cả sự vật trên thế gian này đều như thế. Chúng chỉ có giá trị khi còn tốt, còn lợi ích; đến lúc sức tàn lực kiệt, sắc màu phai nhạt thì tất cả đều không ra gì. Vậy mà khi sống còn nói năng đi lại, chúng ta

có chịu nhẹn, chịu thua ai không? Ít nhiều gì cũng ráng cãi cho thắng người, dù cuối cùng mình chỉ là một thầy thối.

Thiền sư Mãn Giác có làm bài kệ:

Xuân khứ bách hoa lạc,  
 Xuân đáo bách hoa khai,  
 Sự trục nhãn tiền quá,  
 Lão tùng đầu thượng lai.  
 Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,  
 Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Dịch:

*Xuân đi trăm hoa rụng,  
 Xuân đến trăm hoa cười,  
 Sự việc trôi qua mãi,  
 Trên đầu già đến rồi.  
 Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,  
 Đêm qua sân trước một cành mai.*

Chỉ bốn câu trên, đủ tả sự đổi thay không bao giờ dừng lại của cả thế gian. Mùa xuân đến hoa nở, mùa xuân đi hoa tàn. Hoa nở rồi tàn, người sinh rồi tử, cũng giống như nhau. Từ các sự vật bên ngoài cho đến bản thân con người đều chịu chung một quy luật, nở rồi tàn, sinh rồi tử, không ai thoát được hết.



Chúng ta hiện sống trên quả địa cầu đang quay vùn vụt, nếu nó ngừng quay thì mọi vật sẽ nổ tung. Con người cũng vậy, sống trong cái động thì tự nhiên chúng ta phải chịu chung một quy luật vô thường. Luật vô thường này không chừa một ai, thế mà mình lại không nhớ. Làm được việc này, việc nọ rồi cứ thế hăng hái xông pha hoài, không nhớ ngày mai mình ra sao!

Thiền sư Mãn Giác nói *sự trực nhãn tiền quá*, tức là trước mắt luật vô thường giống như dòng nước cuốn trôi hết. Tất cả sự vật trên thế gian đều bị dòng nước vô thường cuốn đi, không dừng ở một chỗ, nhìn lại mình thì đầu đã bạc trắng lúc nào không hay. Đó là luật vô thường cuốn trôi.

Nhưng trong vô thường đó, thiền sư còn có hai câu thơ sau:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,  
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

Tôi dịch là chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua trước sân còn cành mai. Tất cả hoa đều bị thời gian xuân, hạ, thu, đông làm tàn phai, rơi rụng; nhưng có một loài hoa vẫn nở rục vào tiết mùa đông.

Hai câu thơ chót thật là thấm thía. Trong cảnh đời vô thường, muôn vật cho đến con người, không ai thoát khỏi sự sanh diệt, thế mà vẫn còn có một

cái không bị luật vô thường chi phối, vẫn đứng vững giữa dòng chảy vô thường. Đó là cành mai. Như vậy cành mai nói lên ý nghĩa gì? Đạo Phật nhìn đúng chân lý của muôn sự muôn vật, thấy rõ luật vô thường nhưng trong vô thường ấy lại ngầm có chân thường bất sanh bất diệt. Song con người không biết, không nhận ra, nên chỉ thấy luật vô thường chi phối. Chúng ta là hàng xuất gia có nên chấp nhận dòng cuốn ấy, hay giống như hoa mai vẫn nở rục giữa mùa đông lạnh giá? Nếu vượt ra luật vô thường thì gọi là giải thoát sanh tử, còn đi theo luật vô thường là trôi lăn trong sanh tử. Đó là vấn đề hết sức thiết yếu.

Người xuất gia là người chấp nhận trôi lăn trong luân hồi sanh tử, hay giải thoát luân hồi sanh tử? Đó là câu hỏi mà tất cả Tăng Ni, Phật tử phải hiểu, phải thấm. Chúng ta chịu đưa tay đầu hàng con quỷ vô thường, mặc tình cho nó dẫn đi đâu thì đi. Hay ngược lại, phải thoát ra vòng tay của nó? Nếu quy thuận đầu hàng thì tu làm gì! Ở ngoài thế gian hưởng thụ ăn ngon, mặc đẹp cho sướng. Đi tu chạy lạt, khổ sở làm chi rồi cũng bị quỷ vô thường dẫn đi, có hơn ai đâu! Vấn đề này cần phải thâm hiểu cho thấu đáo mới thấy giá trị của người tu là cao siêu. Nếu ta thả trôi, ai sao mình vậy thì người tu không kém gì kẻ thế tục.

Vậy muốn đối đầu với vô thường chúng ta phải làm sao? Hoa mai nở vào mùa đông là hình ảnh thoát ra ngoài định luật vô thường, chúng ta tìm ở đâu ra cái thoát khỏi vô thường đó? Đây là điều then chốt người tu cần phải thấu triệt. Tôi chủ trương mỗi đêm Tăng Ni phải tụng kinh Bát Nhã, xả thiền cũng tụng Bát Nhã, là để làm gì? Nhắc lại một đoạn trong kinh Bát Nhã: “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”. Nghĩa là: Bồ-tát Quán Tự Tại khi hành sâu Bát-nhã ba-la-mật-đa, ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền vượt qua tất cả khổ ách. Một câu này thôi, đức Phật đã chỉ cho chúng ta lối thoát ra khỏi vô thường rồi.

Từ lâu chúng ta sống trong vô minh tăm tối nên chấp thân tứ đại là thân mình thật, tâm sanh diệt nghĩ suy phân biệt là tâm mình thật. Vì chấp thân thật nên quý thân, cũng quý luôn những gì thân ưa thích. Như vậy, từ chấp thân thật mà chúng ta chạy theo sự đòi hỏi của thân, gom góp tất cả vật chất nó thích về mình. Do cho cái hay suy nghĩ, phân biệt, cảm xúc là tâm mình, nên chấp tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế nọ, tôi buồn, tôi thương, tôi giận, tôi ghét v.v... tất cả đều là “tôi” hết. Thấy thân tâm là thật, Phật gọi đó là vô minh.

Cuộc sống con người quan trọng ở hai mặt: vật chất và tinh thần; hay nói cách khác là thân và tâm. Thân thì chấp tứ đại thật, tâm thì chấp phân biệt, hơn thua, phải quấy, tốt xấu... là tâm mình thật, rồi tự mãn với bao nhiêu đó. Không biết thân này tạm bợ, đủ duyên thì còn, thiếu duyên thì mất. Trăm người, vạn người, cho đến ức triệu người, không ai thoát khỏi già chết. Cái không thể giữ, không thể còn mãi mà chúng ta cố giữ, như vậy có đúng không?

Nếu thân này thật thì cha ông chúng ta phải còn. Hỏi ra tất cả đều mất hết, mình cũng sắp mất nữa, vậy thật ở chỗ nào? Thân không thật mà tưởng là thật, đó là mù tối, không nhận chân được lẽ thật. Những suy nghĩ, tưởng tượng, được mất, hơn thua, phải quấy... cho đó là tâm mình. Nhưng nhìn kỹ xem, những thứ đó ở đâu? Tìm lại không thấy, nó biến dạng, biến hình mất tiêu. Nếu thật thì phải có chỗ trú ẩn, nếu không có thì rõ ràng là không thật. Chẳng qua chúng chỉ là bóng dáng tiền trần do mình tưởng tượng ra, rồi theo đó tạo nghiệp chịu luân hồi sanh tử.

Chấp thân thật, tâm thật là gốc của luân hồi sanh tử, nên đức Phật dạy Bồ-tát Quán Tự Tại quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không. Sắc tức là thân tứ đại, duyên hợp tạm có không thật. Thọ

tức là cảm giác của mình, mắt thấy sắc liền phân biệt đẹp xấu, đẹp thì thích, xấu không thích, đó là cảm thọ của mắt. Tai nghe tiếng khen chê liền vui buồn, đó là cảm thọ của tai. Cho tới lưỡi, thân cũng vậy, những cảm giác mình ưa thích hoặc không ưa thích v.v... đều thuộc về thọ uẩn. Chúng không tự có, đợi cảnh duyên tiếp xúc với các căn mới có. Như vậy thọ cũng không thật, là tánh không.

Tưởng tức những tưởng nhớ về quá khứ hay vị lai v.v... chúng cũng là bóng dáng không thật. Quá khứ đã qua, vị lai chưa đến, hiện tại là một dòng sanh diệt, thế thì tưởng cái gì? Cho nên biết, tưởng chỉ là ảo tưởng thôi, không thật.

Hành là suy tư, niệm này sanh niệm kia diệt. Thí dụ chúng ta đi chợ, định mua món thứ nhất là rau cải, món thứ hai là nước tương, thứ ba là gì gì đó. Nghĩ cái này tiếp cái kia, nghĩ luôn luôn không dừng, nên gọi là hành. Nghĩa là từng bước từng bước tiếp nối, chứ không dừng ở một chỗ. Nên nói, hành cũng không thật.

Thức phân biệt đẹp xấu, hơn thua, phải quấy... là y cứ trên căn và cảnh mà có sự phân biệt. Nếu căn cảnh đã không thật thì thức cũng không thật.

Tóm lại thọ, tưởng, hành, thức, bốn thứ này thuộc tâm; sắc thuộc về thân. Bản tánh của thân

tâm là không, duyên hợp tạm có, hư ảo không thật. Do chúng ta thấy nó thật nên mới sanh ra luân hồi, khổ đau muôn kiếp. Chỉ cần soi thấu sắc uẩn là thân duyên hợp hư dối; thọ, tưởng, hành, thức là bóng dáng duyên theo sáu trần không thật. Hai thứ đó đều không thật, tánh nó là không, theo duyên tạm hiện. Thấu đáo điều đó rồi, chắc chắn chúng ta vượt qua hết tất cả khổ ách.

Chúng ta tu là thâm nhập lời Phật dạy, hiểu cho thấu đáo để ứng dụng tu, chứ không phải tụng kinh cho Phật nghe. Phật thuộc rồi mới dạy mình, vậy mà đêm nào ta cũng tụng cho Phật nghe. Bắt Phật nghe hoài, hết bài kinh này đến bài kinh nọ, vậy thì tội nghiệp Phật quá, nghe riết cũng mệt mỗi chú! Tụng kinh là nhắc lại lời Phật dạy, nhớ hiểu để ứng dụng tu cho đúng. Không phải đánh mõ cho nhanh, tụng cho lẹ để làm xong bốn phận, rồi giải y ra thấy cái gì cũng thật, chứng nào vẫn thật nấy. Tụng kinh như thế, chẳng khác nào chê bai đùa giỡn với Phật.

Phật nói pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên, hàng Nhị thừa chấp cho đó là chân lý, nên Phật bảo pháp ấy cũng không thật. Vì sao? Vì pháp là để trị bệnh chúng sanh, chúng sanh có bệnh gì Phật nói pháp đó để trị. Bệnh lành rồi thì thuốc cũng phải bỏ, bởi thuốc và bệnh đều không thật. Nếu

bệnh thật thì không lành, đã lành thì không thật, bệnh không thật thì thuốc cũng không thật. Cho nên pháp Tứ đế, Mười hai nhân duyên... đều không thật, tất cả pháp đối đãi đều không thật. Vì vậy Phật nói “không vô minh, không vô minh diệt”. Phá được mê lầm về thân, về tâm thì chúng ta hết khổ.

Như vậy, làm sao tìm ra cái thật? “Dĩ vô sở đắc cố, Bồ-đề-tát-đỏa y Bát-nhã Ba-la-mật-đa cố tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố vô hữu khủng bố viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết-bàn”.

Dĩ vô sở đắc cố, nghĩa là vì không có sở đắc, nên Bồ-tát diệt hết những buồn phiền, đau khổ để đi tới Niết-bàn vô sanh. Như vậy cái gì biết tất cả pháp không thật? Đó là Bát-nhã. Bát-nhã là trí tuệ chân thật của chính mình, soi thấy được lẽ thật nên tiêu diệt hết những nghĩ tưởng điên đảo, cứu cánh đạt đến Niết-bàn.

Trong thân hư ảo tâm giả dối vẫn còn có cái biết chân thật. Cái biết đó, chính là trí tuệ Bát-nhã. Chúng ta sống được với trí tuệ này, tức là tới chỗ vô sanh. Chẳng riêng Bồ-tát thấy như vậy, mà cả ba đời chư Phật cũng đều thấy như vậy. Đọc kinh Bát Nhã, chúng ta có cảm tưởng dường như có sự mâu thuẫn. Trước thì nói không có gì thật, không có gì được, cuối cùng lại nói được. Được cái chúng

ta đã từng có mà quên, nên nói được nhưng thật ra không được gì cả.

Nơi mình có sẵn trí tuệ Bát-nhã mà không biết sử dụng, cũng như người chiến sĩ có sẵn cây kiếm bén nhưng giặc tới thì đưa tay chịu trói, chứ không sử dụng kiếm của mình được. Chúng ta cũng vậy, có trí tuệ Bát-nhã bén nhạy, rất siêu thoát, nhưng vì không sử dụng được nên quý vô thường tới liền đưa tay đầu hàng, không chống cự, mặc tình nó dẫn đi trong lục đạo luân hồi.

Trí tuệ Bát-nhã không dính, không kẹt với tất cả các pháp hư ảo, nên thoát ly được sanh tử. Mọi vật trên thế gian đều bị vô thường chi phối, đều bị biến động, còn trí tuệ Bát-nhã không bị vô thường chi phối, không bị biến động, nên không có lực nào làm tổn hại nó được. Tu như vậy mới xứng đáng một đời tu, cầu đạo giác ngộ giải thoát. Nếu chỉ tu hình tướng, ngày này qua ngày nọ, tụng kinh cho Phật nghe thì không biết kiếp nào mới thoát khỏi luân hồi sanh tử. Hiểu tường tận thế rồi, trên đường tu chúng ta mới khỏi lầm lẫn.

Tôi thấy có người tu còn quý thân như vàng ngọc, rất quan trọng lời khen tiếng chê, cho nên phiền não đầy đầy. Đó là vì không thấu triệt được lý đạo. Cứ ngỡ mình tụng kinh, gõ mõ thế là tu tốt rồi.



Nên biết, đâu phải ăn chay hay tụng kinh nhiều là giải thoát, mà phải thấu đáo được lời Phật dạy và sống đúng như vậy thì mới giải thoát sanh tử.

Hôm nay nhân ngày lễ Khánh thành thiền viện Hương Hải, tôi nói cho Tăng Ni hiểu rõ. Chúng ta là hàng xuất gia thì phải tu sao cho xứng đáng, không hổ thẹn vì đã đầu hàng quy luật vô thường. Nhất quyết giải thoát khỏi vô thường, đó là điều ghi tâm khắc cốt của những người con Phật. Mong tất cả Tăng Ni nghe hiểu và ứng dụng đúng những gì Phật dạy. Được vậy, lo gì không ngửi được mùi hương của hoa mai giữa mùa đông lạnh giá.



## THIỀN VIỆN PHÚC TRƯỜNG

### GIÁO HUẤN CÁC VỊ LÃNH PHẬT SỰ

*Ngày 07/9/ Mậu Dần - 26/10/1998*

Theo sở nguyện của Sa-di-ni Phúc Trường trước kia có thưa với tôi, xin hiến cúng khu đất của gia đình để làm ngôi Tam bảo, tôi cũng đã cử các vị về nhận nhưng chưa đủ duyên. Đến kỳ này thì tôi hứa khả và chỉ định cho ba cô tại thiền viện Linh Chiếu về chịu trách nhiệm tại đây. Hạnh Nguyên, Linh Thường và Phước Lạc. Ba vị này sẽ về ở đó để tu và nhắc nhở quý Phật tử tu hành. Hôm nay gia đình đến đây cầu xin thỉnh quý cô, trước khi cử đi tôi có ít lời nhắc nhở trong gia đình và các vị sắp lãnh Phật sự.

Gia đình của đạo hữu Chánh Trực đã theo tôi tu học từ lâu, đặc biệt là bà Phúc Trường, ủng hộ một số Phật sự của tôi trong thời gian dài. Cho nên khi quý vị đến xin hiến cúng miếng đất này, tôi không thể không quan tâm. Bởi vì tôi nghĩ quý Phật tử đã nhiệt tâm hộ trì chánh pháp nhiều năm qua. Ân nghĩa sâu nặng, tôi cũng muốn tạo duyên cho gia đình quý Phật tử có nơi nương tựa tu hành dài lâu.

Chọn người về Phúc Trường, theo nguyện vọng của gia đình Phật tử là quý cô bên Ni, người miền Nam mang họ Nguyễn hoặc họ Phạm, để tiện việc hợp thức giấy tờ. Do vậy tôi cũng hơi suy nghĩ. Ở Viên Chiếu, Ni chúng vững chãi hơn nhưng đa số người miền Trung, còn ở Linh Chiếu có người miền Nam nhưng chúng lại còn nhỏ, không biết phải làm sao. Thấy tôi lo lắng, Hạnh Nguyên ở Linh Chiếu phát tâm đi, tôi rất vui vì đã gỡ được mối lo trong lòng, sắp xếp cho nơi này có người về tu tập với Phật tử, đáp lại thâm tình của gia đình bà Phúc Trường.

Thật ra, nếu nơi đây là một ngôi chùa lớn, thì phải cử Trụ trì đi tới đó để mở mang rộng rãi. Nhưng vì chỉ là ngôi chùa nhỏ do cái gia vi tự, nên trước mắt coi như chỉ là một tịnh thất để quý cô về ở đó tu. Sự việc rất là đơn giản như vậy, thế nhưng theo cái nhìn của tôi thì khác.

Lòng chân thành của quý Phật tử từ trước đến giờ luôn hướng về đạo đức, học pháp tu tập. Trong gia tộc mà được một ngôi chùa nhỏ, quý cô luôn có mặt để tụng kinh, tu hành thì tự nhiên phân hương khói cho ngôi chùa mỗi ngày sẽ được ấm áp hơn. Nếu để hiu quạnh quá thì sở nguyện của bà Phúc Trường không tròn, con cháu cũng cảm thấy lạnh lẽo.

Như vậy, tịnh thất này nguyên là một ngôi nhà Từ đường, đổi lại thành ngôi chùa nhỏ, mới nhìn

vào coi như là ngôi chùa của gia đình. Nhưng theo cái thấy của tôi, nơi nào dù cho hiện tại chỉ là một chùa nhỏ, mà có người tu chân chánh, thực hành đúng như lời Phật tổ dạy thì lần lần nơi ấy cũng trở thành lớn. Lúc đầu, tưởng chừng như giúp cho một gia đình được vững lòng tin trên đường tu, nhưng nếu người tu chân thành thì ở đâu Phật tử xung quanh cũng sẽ lần lần lui tới, hiểu đạo lý rồi họ cũng tiến tu theo.

Như vậy, không phải chỉ quý cô lên lo hương khói cho chùa nhỏ ở trong gia đình, mà đây cũng chính là cơ hội để mấy cô lần lần nhắc nhở thêm dân chúng chung quanh sống có đạo đức, đến chùa nghe pháp hiểu đạo rồi phát tâm tu tập. Thế là có đủ cả hai phương diện, tự lợi và lợi tha. Tự lợi là gia đình của quý Phật tử có người hương khói và nhắc nhở tu hành. Lợi tha là nhân cơ hội này mà xóm giềng chung quanh lui tới, lần lần thấm nhuần đạo lý, hiểu được đạo đức để tu. Mới ban đầu, tưởng chừng chỉ là việc nhỏ chưa đáng kể, nhưng lâu dài lại là cơ hội lớn để cho Phật pháp tại đây được mở mang tốt hơn.

Tôi nhận thấy, hiện tại Phật tử Bình Dương có thể nói là đông đảo hơn các nơi. Nếu các Phật tử biết có quý cô về ở tu đàn tràng hoàng và biết cách hướng dẫn tu hành thì tự nhiên Phật tử sẽ lần lần tới lui.

Đây là cơ hội tốt để cho Phật tử tới lui lễ Phật và được sự nhắc nhở của quý cô để tu. Đó là điều thiết yếu. Như vậy thì xem như trong gia quyến đã thực hiện được bản nguyện của bà Phúc Trường. Đó là phần của quý Phật tử.

Kế đến là phần của các vị chịu trách nhiệm nhận lãnh cơ sở này. Thầy thường nói với tụi con, chư Ni thiền viện Viên Chiếu phải đi nơi này nơi kia nhiều, còn ở tại thiền viện Linh Chiếu đa phần còn nhỏ nên tụi con được yên tu, chưa cử đi đâu đáng kể. Thầy cũng thử cho đi một hai nơi mà chưa hợp duyên, đều rút lui. Hôm nay, gia đình đạo hữu Chánh Trực mời tụi con về ngôi tịnh thất ở Bến Thố, sau này nếu đủ duyên thì để tên là thiền viện Phúc Trường.

Nếu về ở đó tu, tụi con tu hành yên ổn là điều tốt, là một duyên lành. Bởi vì ở đâu cũng vậy, thiền viện hay chùa hoặc các trường, Tăng Ni ở tu học một thời gian rồi cũng phải đi nơi này nơi kia để lãnh trách nhiệm, không phải ở mãi một chỗ hoài. Mình tu đã vững rồi thì phải nhường chỗ cho người khác vào tu, chứ đâu có ai ở một chỗ từ trẻ đến già. Ngày nay tụi con được Thầy giao trách nhiệm, phân công lên đó. Thầy nhắc nhở dặn dò thêm, để tụi con hiểu rõ.

Bốn phận của tụi con là phải tu cho đúng như lời Phật tổ dạy, lời quý Thầy nhắc nhở. Đừng đi sai, đừng lệch đường. Đó là tụi con biết nghe theo sự hướng dẫn của Thầy, tu có kết quả tốt. Đồng thời cũng giúp đỡ những người trong gia đình, các Phật tử địa phương. Ai đến chỗ của tụi con, thấy gương tu hành của các cô người ta quý mến, muốn thưa hỏi đạo lý hoặc cần dạy bảo thì tụi con phải đem hết khả năng và nhiệt tâm của mình mà hướng dẫn, giúp đỡ, khiến cho mọi người đều hiểu đạo, tu hành có lợi ích.

Như vậy, có cơ sở để yên tu là phần tự lợi. Chính ở cơ sở đó, tụi con giúp cho gia đình của đạo hữu Chánh Trực biết đạo, đồng thời nhắc dạy để cho láng giềng cùng những Phật tử chung quanh hiểu đạo vững tu, đó là lợi tha. Phần lợi tha ngày càng rộng, vậy là tụi con làm tròn bốn phận của người xuất gia. Mình tự tu, tự lợi và cũng không quên phần lợi tha.

Nếu chư Ni ở đây lười thôi, không cố gắng, không giữ gìn giới đức trang nghiêm, khiến cho phần tu tự lợi không tròn, Phật tử thấy vậy cũng buồn chán thì phần lợi tha không có. Đó là hai điều quan trọng. Một bên là đem lại lợi ích lớn, một bên có thể làm suy giảm đức hạnh. Không những thế mà còn có thể mang tiếng không tốt cho Thầy, vì Thầy là người hướng dẫn chỉ dạy tụi con tu từ ban đầu cho tới giờ.

Ngày nay tụi con đã khôn lớn, nếu ra đi mà làm không tròn Phật sự Thầy giao, để cho Thầy phải mang tiếng, Thầy phải buồn thì đó là lỗi lớn của tụi con. Cho nên hôm nay, trước khi lãnh trách nhiệm, Thầy dặn dò tụi con phải nhớ. Mình là người tu thì lúc nào cũng đem hết tâm lực hướng tới sự tu hành, đạo đức. Tụi mình được an vui, được sáng suốt và giúp cho mọi người chung quanh cùng an vui, cùng sáng suốt. Như vậy mới đúng nghĩa người xuất gia làm lợi ích cho chúng sanh.

Hôm nay, trước khi lãnh trách nhiệm, Thầy mong tất cả tụi con nhớ những lời Thầy dạy. Dù gian nan khó khổ, thuận nghịch gì cũng phải tiến chứ không được rút lui. Tụi con làm tròn cho Thầy vui, mấy Sư cô của tụi con vui, cho tất cả Phật tử cùng vui, để uy tín của thiền viện Linh Chiếu được mọi người tin tưởng. Đó là một trách nhiệm rất lớn, tụi con phải cố gắng.



**PHẦN II**  
**PHÁP THOẠI TẠI MỘT SỐ**  
**THIỀN VIỆN - TỰ VIỆN**  
**ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ NƯỚC NGOÀI**





## THIỀN VIỆN ĐẠI ĐĂNG (HOA KỲ)

### HÒA THƯỢNG DẠY NHÂN LỄ KHÁNH THÀNH

Tại sao tôi chủ trương lập Hội Thiền học Việt Nam? Tại sao tôi lại đặt tên thiền viện Đại Đăng?

Trước nhất, chúng tôi rất tán thán công đức của Ban Sáng lập. Khi quý vị xin phép thành lập thiền viện Đại Đăng, tôi bảo chỉ còn thời gian 20 tháng nữa thôi là tôi nghỉ không làm việc. Nếu quý vị thực hiện sớm, trước thời hạn ấy thì tôi qua làm lễ Khánh thành, nếu sau thì tôi rút lui.

Do đó, những Phật tử có trách nhiệm đứng ra vận động và các vị nghe lời vận động thì hưởng ứng rất tích cực, nên chỉ 11 tháng thiền viện Đại Đăng ra đời. Đây là điều quá sức tưởng tượng của tôi. Từ con số không, không có đồng xu, không chút cơ sở, cũng không có hội hè gì hết, mà bỗng dưng trong mấy tháng lại lập được thiền viện. Đủ thấy quý vị lãnh

trách nhiệm rất tận tụy, nhiệt tình. Chẳng những tận tụy, nhiệt tình góp công, lo lắng kêu gọi mà còn góp của cho có số tiền căn bản, để sau này các huynh đệ hưởng ứng giúp vào mới được như thế này.

Thường chúng ta xây dựng một công tác lớn, hay làm Phật sự xây cất chùa hoặc thiền viện. Những người có công tạo dựng sáng lập, khi sáng lập rồi giao lại, điều đó là ít có. Nhưng ở đây với tinh thần Phật tử không vì danh, không vì lợi mà chỉ vì đạo, đứng ra vận động tạo thành. Khi thành lập tạm ổn thì quý vị xin rút lui, nhường lại cho chư Tăng lãnh đạo chịu trách nhiệm, do những lý do sau:

1. Quý vị không muốn để danh lợi ràng buộc.

2. Là muốn cho các Phật tử tin tưởng rằng việc làm này vì đạo, vì thầy chứ không phải vì mình. Làm rồi thì giao.

Từ đây về sau, thiền viện Đại Đăng là của chư Tăng. Tất cả Phật tử gần xa đến đây là đến vì chư Tăng, chứ không phải qua hội hè gì hết. Để thấy rằng việc làm này đã đem hết công sức tạo lập cơ sở chung cho Thiên học Việt Nam. Như vậy Phật sự này đã thành tựu.

Tuy nhiên Phật sự này mới thành tựu bước thứ nhất, còn bước thứ hai là sau một hai năm, chư Tăng nhận trách nhiệm rồi phải trả hết nợ. Trả xong nợ,

đó là bước thứ hai. Bước thứ ba, là sau khi trả xong nợ rồi, chư Tăng có thể chuẩn bị xây cất một Thiền đường ở trên phần đất cao, để có chỗ rộng rãi cho Phật tử tụ hội về tọa thiền, tụng kinh hay tu tập.

Phật tử đã làm xong bước thứ nhất. Bước thứ hai dành cho Trụ trì, Phó Trụ trì phải không? Bước thứ hai, nếu Trụ trì có để trả nợ thì chắc cũng trong túi Phật tử, chứ không phải túi Trụ trì, đó là lẽ thật. Vì vậy tôi muốn nói cho toàn thể quý vị hiểu rằng chặng thứ hai này là chặng có trách nhiệm chung. Vì chặng đầu không ai biết, chỉ có ít Phật tử trực tiếp với tôi, được tôi chỉ thị rồi quý vị làm. Khi làm chỉ có năm ba người biết, còn bao nhiêu người thì chỉ hưởng ứng. Tới chặng thứ hai này thì toàn thể Phật tử đều biết, biết rất rõ, nên từ đây quý vị hưởng ứng chung lo, cho quý thầy được an ổn tu. Phần này là toàn thể chứ không phải một nhóm như trước nữa.

Bước thứ hai này, theo tôi biết lẽ ra phải trả nợ đến 15 năm, nhưng bây giờ Phật tử đông đảo, số nợ cũng không nhiều lắm, đợi đến 15 năm thì tội nghiệp Trụ trì, ngôi mang nợ hoài. Vì vậy tôi đề nghị quý vị cố gắng trả nợ chỉ trong vòng 3 năm. Ba năm trả hết nợ rồi, nếu còn khoẻ thì tôi sẽ qua làm chứng cho quý vị, khuyến khích quý vị nỗ lực chuẩn bị bước thứ hai.

Tôi chỉ là người hun đúc cho quý vị phát tâm, hướng dẫn một lối đi mà lâu nay chúng ta mong muốn nhưng chưa làm được. Cơ hội này rất tốt, rất hy hữu. Tôi nghĩ làm việc lớn, một cá nhân không thể làm nổi mà phải đông người. Toàn thể Phật tử mỗi người một phần cùng chung lo, thì việc lớn nào cũng có thể làm được. Như ở Trúc Lâm Đà Lạt, khi khởi sự xin được đất, bắt đầu xây dựng trong túi tôi không có tiền, mà cơ sở ở đó phải khá lắm mới làm nổi.

Khi khởi công tôi nói mình làm với mục đích lo cho Tăng Ni có nơi tu hành, nhanh hay chậm là quyền của Phật tử. Phật tử muốn nhanh thì tôi làm nhanh, muốn chậm thì tôi thủng thảng làm, chứ tôi không có khả năng để quyết định nhanh hay chậm được. Tôi dự trù trước là làm Chánh điện, đến Nhà khách, Tham vấn đường, Lầu chuông. Ba bốn công trình nếu làm giỏi lắm cũng phải một năm mới xong. Năm thứ hai tôi sẽ xây dựng nội viện Tăng, năm thứ ba xây nội viện Ni. Khi khởi công, người hứa cho cái này, người hứa cúng cái nọ. Tôi thấy nhiều quá nên ba chỗ đồng loạt làm một lượt, không ngờ chỉ 10 tháng là đâu vào đấy, thấy đều hoàn tất. Tôi khánh thành.

Như vậy tinh thần Phật tử rất mạnh, tôi nghĩ có một phần mà Phật tử giúp đến mười phần. Do đó

tôi tin ở Đại Đăng này, dự định ba năm mới xong bước thứ hai, nhưng không biết chừng rồi, để tôi được mời qua nữa. Đó là điều mà tôi trông đợi ở quý vị tại đây. Tôi là người sợ nợ số một mà bây giờ phải lãnh nợ. Tuy lãnh nợ nhưng không phải tôi trả, mà ai trả? Tất cả quý vị chung trả, mà đại diện là Ban Trụ trì ở đây. Tôi đã nói rõ ý nghĩa tinh thần của Ban Sáng lập thiền viện, và nói rõ trách nhiệm của tất cả Phật tử ngày mai cùng chung lo đóng góp cho ngôi thiền viện này.

Đến phần thứ hai, tại sao tôi để tên hội này là Hội Thiền học Việt Nam, thiền viện để tên Đại Đăng. Tôi sẽ giải thích cho quý vị hiểu rõ thâm ý của tôi.

Tôi là một Tăng sĩ Việt Nam đã phát nguyện tu thiền từ năm 1964 đến nay. Vì là người Việt Nam, nên tôi chỉ muốn tu thiền theo đường hướng của chư Tổ Việt Nam. Sau đó hướng dẫn Tăng Ni, Phật tử tu theo đường lối của Thiền học Việt Nam. Tổ tiên đã xây dựng nền Thiền học Việt Nam là người Việt Nam, vì vậy tôi đặt tên cho hội là Hội Thiền học Việt Nam.

Thiền học Việt Nam là môn chuyên ròng học thiền, theo hướng Thiền học Việt Nam, chứ không mắc kẹt ở Giáo hội này hay Giáo hội khác. Nó chỉ

là một bộ môn riêng trong việc tu thôi. Như vậy nói đến Thiên học Việt Nam là nói đến sự chuyên tu, không nói theo danh nghĩa nào. Tất cả quý vị biết rõ chúng ta đang tu, lấy sự tu của thiên Phật giáo từ đời Lý qua nhà Trần làm nền tảng. Con đường tu của chúng ta là con đường thiên.

Tại sao chúng tôi lại khuyến khích tu thiên? Ở xứ sở mình và hiện giờ các chùa Việt Nam của mình tại đây đều tu Tịnh độ. Khi nghiên cứu giáo điển và ứng dụng tu hành, tôi thấy rõ hai pháp tu Thiên, Tịnh tùy thời. Tổ tiên chúng ta tu thiên từ thế kỷ thứ 6, nếu nói trước là thế kỷ thứ 2. Nên Thiên tông đã có mặt trên đất nước Việt Nam từ thế kỷ thứ 6 mãi đến thế kỷ thứ 19. Sau đó chư Tổ chuyển qua tu Tịnh độ, cho đến giờ thì không biết thiên là gì nữa.

Tại sao tổ tiên mình lại chuyển nhanh như vậy. Bởi vì phương pháp tu thiên đòi hỏi phải dùng trí tuệ nhiều. Có trí tuệ quán chiếu, nhận định chín chắn giúp chúng ta ứng dụng tu có hiệu quả. Còn phương pháp niệm Phật chỉ dạy chúng ta đủ lòng tin, tin đức Phật A Di Đà, tin cõi Cực Lạc là thật. Người tu niệm Phật, sau khi chết Phật sẽ đón về Cực Lạc. Người chậm lụt đến mấy niệm Lục Tự Di Đà thì ai cũng niệm được. Nên niệm Phật là phương pháp rất phổ thông, già tu cũng được, trẻ tu cũng

được, thông minh tu cũng được, quê mùa tu cũng được, không có gì trở ngại.

Nước mình lúc đó người dân đa số ít học, có thể nói quê mùa gần 80%, như vậy dạy tu thiền làm sao tu? Cho nên các Tổ chuyển dạy tu Tịnh độ. Ngày nay khác xa, dân Việt Nam không đọc được, không viết được chỉ chừng 1%, còn 99% đọc và viết được, khoảng 50% có thể học tới Trung học. Đây là thời dân trí cao, cũng là thời khoa học. Điều gì nói phải có chứng cứ cụ thể người ta mới tin. Nói mà không có bằng chứng thì họ không tin, thời này cần phải thực tế. Làm việc gì đều phải có ích lợi chứ không thể làm suông, nói suông được.

Muốn cho giới trí thức trong Phật giáo có một hướng đi lâu dài thì phải làm thế nào? Tôi đã từng chứng kiến vào những năm 1990, một số vị trí thức Việt Nam thích tu thiền, nhưng vào chùa hỏi thầy này thầy nọ về tu thiền, đều được trả lời: “Coi chừng tu thiền điên”. Như vậy sao đây? Thế là họ chạy qua những pháp thiền ngoại đạo. Lỗi đó tại đâu? Tại trong giới Phật giáo không thấy được lẽ thiết yếu của thời đại, rồi xao lãng đi. Người trí thức không thể chấp nhận niệm Phật để chờ về Cực Lạc, họ muốn biết cái hay cái quý trong hiện tại này, thì phải làm sao? Cho nên tôi nghĩ mình phải khơi dậy nguồn thiền đã có từ tổ tiên chúng ta, cho

mọi người thấy rằng tổ tiên mình tu thiền đã từng chứng đắc, từng sanh tử tự tại. Phật tử thấy việc tu có hiệu nghiệm ngay trong cuộc sống này, chứ không phải đợi chết mới về Cực Lạc.

Do đó tôi khởi đầu tìm kiếm thực hành tu thiền cho tới ngày nay, lòng tin đã đủ và tôi tin chắc chắn không nghi lằm nữa. Tin được rồi tôi nói cho Tăng Ni Phật tử nghe, đa số cũng tin và muốn thực hành như vậy. Vì lý do này nên các thiền viện ở Việt Nam ra đời, và được mở rộng lần lần đến ngày nay. Sự tiến triển đó không phải ý tôi muốn mà được, chẳng qua nó hợp với tâm tư nguyện vọng của người tu thời nay. Cho nên tôi đề ra quý vị hưởng ứng liền, nhờ vậy mà việc hướng dẫn của tôi được dễ dàng.

Đến như hiện nay tại xứ Mỹ này, tôi là người dốt không biết tiếng ngoại quốc, cũng chẳng bao giờ dám nghĩ mình sẽ qua đây nói đạo. Nhưng vì gần đây người Việt Nam sang Mỹ đông quá, nên Phật tử mời tôi qua đây hướng dẫn quý vị tu. Do vậy mà tôi có chỗ đứng ở xứ người. Thật ra tôi làm các Phật sự ở đây không phải vì danh vì lợi, mà vì thương Phật tử xa nhà, mong muốn tu thiền nhưng không biết phải tu thế nào. Mình có một cơ sở tu thiền ở Mỹ, là nơi Phật tử Việt Nam tương đối đông đảo, có thể nương theo tu hành, thật quý biết bao. Các vị sáng lập viên ở đây có con mắt nhìn cũng hơi mỹ



thuật. Trên núi phong cảnh đẹp, mát mẻ, lập một cơ sở tu thiền thì ai đến đây cũng có cảm tình, vui thích.

Bước thứ hai, thiền viện này của chư Tăng, nên tôi chọn chư Tăng qua đây. Ở thiền viện chúng tôi chư Tăng đông lắm, trên Trúc Lâm bảy tám chục vị, dưới Thường Chiếu cả trăm vị. Người nào đáng tin tưởng tôi cho đi xa, người nào ít tin tưởng cho đi gần. Mình chọn được rồi, còn phải qua phỏng vấn nữa. Quyền của mình có một phần, quyền của mấy ông phỏng vấn đến mười phần. Nào ngờ phúc duyên tốt, mọi việc đều trôi chảy. Yên phần bên kia, qua đến bên đây tôi cũng ngại nữa. Nếu qua đây chỉ cho ở ba tháng rồi về, chắc thầy trò phải ôm gối lui. Nhưng mà khi được ký cho ở ba năm, tôi rất yên lòng.

Thế nên, công tác ở tại thiền viện Đại Đăng từ trước đến giờ mọi việc đều tốt đẹp. Những gì chúng ta muốn đều thực hiện được. Do đó, tôi tin từ đây về sau, ngày càng tốt hơn, ngày càng thành công hơn. Đó là cái nhìn và sự tin tưởng của tôi.

Tại sao tôi để tên Đại Đăng? Chữ Đại Đăng là tên lịch sử chứ không phải tôi tự đặt ra. Trong hệ thống thiền Trúc Lâm Yên Tử, vị thiền sư đầu tiên ở trên núi Trúc Lâm Yên Tử là ngài Hiện Quang.

Thiền sư Hiện Quang sống vào đời Lý, sau thiền sư Thường Chiếu. Vì thấy ở gần thành thị nhiều chướng duyên khó tu, nên ngài đi thẳng lên núi Yên Tử, ở một mình trong rừng vắng chuyên tu. Ngài tu ngộ đạo, nên đã có đường hướng rõ ràng. Sau ngài có quốc sư Phù Vân, tức là ngài Đạo Viên. Ngài Đạo Viên kế thừa ngài Hiện Quang. Dưới ngài Hiện Quang có thiền sư Đại Đăng. Ngài Đạo Viên là quốc sư của vua Trần Thái Tông. Ngài Đại Đăng là quốc sư của vua Trần Thánh Tông.

Như vậy Đại Đăng là tên vị quốc sư đời Trần, tu thiền trên núi Yên Tử. Ngài dạy vua, được vua tin tưởng kính nể tôn làm thầy, thì không thể tài hèn đức mỏng được. Chúng ta lấy tên đó đặt cho thiền viện cũng đẹp cho quê hương xứ sở mình, phải không? Vì vậy, tôi đặt tên thiền viện là Đại Đăng.

Trước đây có mấy vị lập am thất, nhất là ở nhóm của cô Huệ Thường, xin cất một thiền thất để tu, xin tên mà đòi phải có chữ Chiếu, buộc lòng tôi đặt tên là Ngọc Chiếu. Rồi bên Texas cất thiền viện cũng đòi có chữ Chiếu, nên tôi đặt là Quang Chiếu. Quang Chiếu, Ngọc Chiếu cái gì cũng chiếu hết. Cái gì chiếu? Đèn sáng mới chiếu. Cho nên Đại Đăng này là chỗ tựa của hai Chiếu kia. Bởi vậy Đại Đăng có một trách nhiệm rất to lớn, chứ không phải thường.

Phật là bậc giác ngộ, mà giác ngộ là tối hay sáng, nhất định là sáng. Giác ngộ là trí tuệ, là sáng suốt. Bởi vậy nên nói tới đạo Phật là nói tới sự sáng suốt, sáng suốt thì phá được u tối, mê lầm. Chỗ nào tối tắt đem ngọn đèn tới liền sáng. Như vậy chúng ta tu nên sáng hay tối? Nếu tối thì rất cần ngọn đèn để được sáng. Tôi nghĩ làm sao soi sáng cho mọi người bớt tối tắt. Chỗ tối tắt, từ chuyên môn của nhà Phật gọi là si mê hay vô minh. Vô minh là không sáng, muốn trừ cái không sáng thì phải tắt đèn.

Ngọn đèn sáng này không thể bị vải hay giấy che, mà phải để sáng ra cho mọi người cùng thấy, cùng sáng, không thể chỉ sáng trong phạm vi riêng của mình. Tôi thích chữ Chiếu là vậy. Chiếu là soi sáng, sáng khắp, sáng cùng hết. Ở Việt Nam soi cũng đỡ đỡ rồi, bên đây quý Phật tử người Việt Nam chắc cũng cần tắt sáng, phải không? Vì vậy ngọn Đại Đăng sang đây đủ soi sáng cho các Phật tử nào còn tối, vị nào sáng rồi thì khỏi. Đó là ý nghĩa chân thật mà tôi đặt tên cho thiền viện này.

Hôm nay ngày lễ Khánh thành thiền viện Đại Đăng, bước đầu rất tốt đẹp. Tôi nghĩ bước thứ hai, thứ ba chắc càng đẹp hơn. Mong tất cả quý vị có mặt ở đây, một là nhớ công ơn của những người sáng lập, đã hy sinh vì đạo pháp và không kệt danh

lợi; hai là có trách nhiệm đóng góp vào bước thứ hai để cho Đại Đảng được ngày càng phát triển tốt đẹp, vững chắc. Bước thứ ba thì còn xa, chúng ta lo hai bước đầu trước. Mong các Phật tử hưởng ứng và thực hành được những gì tôi mong mỏi.



## TÁNH KHÔNG DUYÊN KHỞI CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU

Năm 2002

Hôm nay tôi nói về *Tánh không duyên khởi, chân không diệu hữu*. Đề tài này rất khó hiểu, quý vị phải chú ý mới có thể tiếp nhận được.

Trong kinh Phật nói sắc tức không, không tức sắc. Câu này lâu nay nhiều người thắc mắc, nhất là giới học giả, vì nghe khó hiểu quá. Xưa nay chúng ta luôn sống theo mê lầm, nên những gì mình nói, làm hay suy nghĩ đều theo hướng mê lầm. Do đó khi được chỉ thẳng lẽ thật, chúng ta khó nhận ra. Đức Phật là bậc giác ngộ, Ngài thấy và nói trái hẳn với cái nhìn mê lầm của chúng sanh, vì vậy chân lý Phật dạy rất khó nhận.

Tại sao gọi *tánh không duyên khởi*? Phật nói tất cả pháp tánh không, do duyên hợp thành các pháp. Chữ tánh là chỉ cho cái có sẵn, từ cái đã có sẵn đó theo duyên hợp mà thành. Ví dụ ngôi nhà trước khi chúng ta xây cất nó không có, từ chỗ trống không do duyên hợp đủ các vật liệu, kết hợp với thợ thầy và nhiều phương tiện mới xây dựng thành cái nhà. Từ chỗ trống không do duyên hợp thành nên nói ngôi nhà tánh không. Từ cái nhà chúng ta quy ra muôn pháp đều như thế. Sự vật, con người v.v... có mặt trong một thời gian ngắn, tạm bợ thì không thể nói nó thật được.

Nói *tánh không duyên khởi* thì biết các pháp đều hư dối, không thật. Đi thẳng vào con người, cũng từ không duyên hợp thành có. Ai cũng bằng lòng như thế, nhưng bây giờ nói mình là giả thì không chịu. Bởi vì thấy mình thật nên muốn ăn ngon, mặc đẹp, thụ hưởng tất cả những gì thế gian có. Một khi muốn thụ hưởng mà bị ngăn trở thì không vui, nổi nóng lên liền. Phật gọi đó là si mê. Từ si mê sanh ra tham lam, từ tham lam sanh ra nóng giận.

Người học Phật phải có trí tuệ, phải giác ngộ mới thấy đúng như thật. Khi biết thân mình là giả, duyên hợp hư dối thì chúng ta sẽ có cái nhìn khác về cuộc đời. Nghe khen đẹp cũng cười, nghe chê xấu

hoặc bị khinh miệt cũng cười. Vì biết nó là đồ giả, có gì quan trọng đâu để mà vui hay buồn. Do đó nghe khen không mừng, chê không giận. Rõ ràng tu giỏi là từ trí tuệ thấy đúng như thật mà ra. Không si nên không tham, không tham nên không sân. Các vị Bồ-tát thấy rõ thân giả nên dám hy sinh thân mạng để cứu muôn loài, còn chúng ta thấy thân mình quan trọng nên nghe nói hy sinh thân mình liền hoảng sợ thì làm sao dám hy sinh! Ai hy sinh cho mình thì được, còn mình hy sinh cho người khác thì không được. Bệnh chấp ngã là lý do khiến chúng ta bị ích kỷ, tham lam.

Người tu Phật phải có trí tuệ Bát-nhã, nhìn thấu suốt được lẽ thật từ con người cho tới muôn vật. Thấy đúng như thật rồi thì việc tu hành rất thuận tiện, dễ dàng. Nếu thấy theo mê tình thì sự tu hành rất trở ngại. Tôi hỏi một trăm Phật tử: Quý vị tu khó không; một trăm người đều nói khó. Tại sao khó? Vì tu là làm những điều trái ngược với thói quen của mình, thói quen hay buồn, hay giận, hay thương, hay ghét. Vì vậy luôn luôn thấy sự tu khó khăn.

Nghiên ngẫm sâu hơn chúng ta thấy rõ thân này từ không, do duyên cha mẹ tụ lại nên có thân. Từ đó nhờ nuôi dưỡng mà thân lần lần lớn khôn, rồi trưởng thành. Như vậy, gốc ban đầu để thành

người nguyên từ tánh không, duyên hợp mà có. Bởi duyên hợp nên đủ duyên nó còn, thiếu duyên nó mất. Thân ta do đất nước gió lửa tụ lại, thiếu một trong bốn thứ ấy thì thân không còn tồn tại. Các pháp cho đến con người và muôn loài có hợp ắt có tan, chỉ là tan sớm hay tan muộn mà thôi. Duyên hợp xấu thì thân rã sớm, tốt thì rã chậm, nhưng sớm chầy gì cũng phải rã, phải tan.

Ở thế gian luôn luôn hỏi, cái này là thật hay giả. Nếu cái nào không đúng tiêu chuẩn thế gian thì gọi là giả, còn đúng tiêu chuẩn gọi là thật. Phân biệt giả thật theo thế gian là không đúng chân lý. Bởi không có gì do duyên hợp mà thật cả. Hiểu được lý Bát-nhã, chúng ta tu hết sức gần với Phật. Trong kinh Kim Cang, Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai”. Các pháp có tướng đều hư giả, nếu thấy các tướng biết nó hư giả, đó là thấy Phật. Thấy Phật là thấy tánh giác của mình luôn hiện hữu, nhưng phải giác mới nhận ra được, còn mê thì không nhận được. Phật là giác, nếu thấy các pháp hư giả không thật, đó là chúng ta có trí tuệ giác ngộ.

Khi thấy tất cả sự vật và thân mình đều là hư giả thì tâm chúng ta không còn tham sân si, mà không tham sân si tức là thành thánh rồi. Nên nói,

thánh với phàm cách nhau chỉ một cái nhìn. Thấy thân này thật, chấp đuổi theo nên có tham sân si. Thấy thân này giả thì hết si, hết tham, hết sân. Ai cũng sợ tham, sân, si mà cứ nuôi dưỡng si mê hoài thì làm sao hết tham, hết sân được. Đức Phật nắm thẳng cái gốc chỉ cho chúng ta tu, người thấy đúng lẽ thật sẽ thấy Phật. Phật ở hết sức gần chúng ta, vậy mà bao nhiêu năm chúng ta đi tìm kiếm, không ngờ Phật ở bên cạnh mình mà lại bỏ quên.

Ngày nay chúng ta học Phật, học giáo lý chân thật thì phải soi thấy năm uẩn đều không. Năm uẩn là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức thân tứ đại, thọ là cảm giác, tưởng là suy tưởng, hành là niệm tương tục, thức là tâm phân biệt. Những thứ đó sanh diệt, không thật mà chúng ta ngỡ nó là thật. Chấp thân thật nên giành nhau vật chất, chấp tâm suy nghĩ của mình là thật nên chống đối, giành phần đúng về mình, do đó mà thế gian đau khổ tràn trề.

Bây giờ biết thân không thật, tâm suy nghĩ cũng không thật thì qua hết khổ nạn. Lời Phật dạy phải là lời nói suông, nhưng vì chúng ta không thực hành tới nơi nên vẫn còn khổ hoài. Tụng Bát-nhã thuộc lòng, nhưng ý nghĩa trong kinh thì không biết. Cứ nghĩ, tụng nhiều biến sẽ có phước. Tu như thế không được lợi ích gì cả. Tu là cốt làm sao thấy



được lẽ thật của Phật dạy, chứ không phải đọc tụng kinh ngoài môi.

Kinh Bát Nhã có chia ra ba phần: văn tự Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã, thật tướng Bát-nhã. Văn tự Bát-nhã là chữ nghĩa văn kinh, chiếu kiến Bát-nhã là y lời Phật dạy, dùng trí tuệ soi xét thân năm uẩn không thật. Từ chiếu kiến Bát-nhã mới đi đến thật tướng Bát-nhã. Cho nên soi thấy năm uẩn đều không thì qua hết khổ nạn. Kinh Kim Cang nói, thấy tất cả pháp không thật là thấy được Phật, tức lên đến bờ giác.

Chỉ một bài kinh ngắn, nếu chúng ta sống đúng, tu đúng thì đã giác ngộ rồi. Ngày nay người tu học kinh thật nhiều, hết bộ này đến bộ khác, mỗi đêm tụng một hai phẩm, liên miên như vậy mà khổ vẫn cứ khổ hoài. Vì chúng ta tu bằng văn tự chớ không tu bằng trí tuệ soi xét. Đó là chỗ sai lầm. Tôi thường ví dụ, như người qua biển lỗ chìm thuyền, bấy giờ gặp khúc gỗ mục, người ấy ôm khúc gỗ mục tạm sống chờ cầu cứu hoặc bơi vô bờ, đó là người khôn. Nếu nghĩ nhờ ôm khúc gỗ mục nên không chết đuối rồi ráng đeo cứng nó không chịu bơi, không chịu kêu cứu thì người đó khôn không? Chúng ta kiểm lại xem mình thuộc loại nào?

Thân này như khúc gỗ mục vậy, nó rã lúc nào không biết mà cứ bám vào nó luôn. Không lo bơi vô

bờ, không lo cầu cứu, cứ ghì nó mãi, chờ ngày nó rã. Đó là việc làm thật không sáng suốt chút nào hết. Chúng ta có đang hài lòng với khúc gỗ mục này không? Người tu phải biết dựa vào thân để tu, nhưng cũng biết rõ bản chất nó là tạm bợ hư dối. Chỉ nương nó để tìm một lối hướng thượng, vượt thoát chết chìm trong biển sanh tử thôi. Sớm cầu thoát khỏi sanh tử là người khôn ngoan.

Chúng ta đã hiểu đạo rồi, khi thấy người khác khổ mình không thể ngồi yên nhìn, phải khuyên giải cho họ biết để đừng lầm nữa. Chúng ta là người dẫn đường, phải nhận ra cái cao thượng, quý báu hơn, để dẫn dắt kẻ mê ra khỏi sai lạc. Tinh thần của Bồ-tát đạo là biết giả nhưng vẫn thương và hết lòng cứu độ chúng sanh, nên chư Bồ-tát cứ lăn xả vào đời cứu độ chúng sanh.

Phật dạy: “Khổ bị thiêu đốt trong địa ngục chưa phải là khổ, khổ làm ngựa quý đói khát chưa phải là khổ, khổ làm súc sanh mang ách kéo cày, kéo xe chưa phải là khổ, chỉ si mê không biết lối đi mới là khổ”. Như vậy Phật cho nỗi khổ lớn nhất là si mê. Bởi vì tạo tội đọa địa ngục, khi hết tội được trở lên làm người, lại do si mê mà tiếp tục tạo tội bị đọa vào địa ngục. Ngựa quý, súc sanh cũng thế. Chỉ có si mê, cứ lao mình đi sâu trong mê lầm không biết chừng nào ra được, đời này kiếp nọ liên miên

không dừng, đây mới là đáng sợ nhất. Chúng sanh hiện giờ sợ địa ngục, nạ quý, súc sanh mà không sợ si mê. Trong khi chính si mê là nguồn gốc đưa mình vào sanh tử liên miên không dừng.

Phật dạy tất cả các pháp do nhân duyên sanh, đã do nhân duyên sanh thì phải thấy nó huyễn hóa, không thật. Chúng ta có bệnh chấp thật. Cái đó thật hay không? Trả lời thật hoặc không thì thiên hạ chịu, chứ nói giả họ không chịu. Nhưng cuộc sống này không thật hẳn, cũng không phải không ngờ. Hiện tại chúng ta đang có mà chỉ có tạm thôi. Trong kinh thường dùng thí dụ, như đêm rằm trăng sáng, một người đứng cạnh hồ nước trong, thấy dưới hồ có trăng. Nếu hỏi mặt trăng có thật không thì trả lời sao cho đúng chân lý? Nếu nói không thì rõ ràng mắt có thấy, nếu nói có sao đưa tay vớt không được. Cách trả lời đúng nhất là mặt trăng dưới hồ không thật, cũng không phải là không có, mà chỉ là hình bóng tạm bợ hư dối. Đủ duyên, trên có mặt trăng dưới có hồ nước trong, nên tạm có bóng mặt trăng. Bóng đó giả có, không phải thật có cũng không phải không có.

Thân chúng ta cũng vậy, bây giờ đâu thể nói không ngờ được. Có ăn, có mặc, có nói năng... đủ thứ, không phải không nhưng đừng ngỡ thật có. Không biết nó giả ngỡ là thật có thì thấy sai lẽ thật,

thấy sai lẽ thật là si mê. Chúng ta học Phật là học trí tuệ, trí tuệ không cho phép chúng ta thấy sai lầm. Kinh Kim Cang, Phật nói kệ:

*Nhất thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ diệc như điện,  
Ung tác như thị quán.*

Các pháp sanh diệt trên thế gian này chỉ như giấc mộng, như vật huyễn hóa, như bọt nước, như làn chớp v.v... nó không có thật. Chúng ta luôn luôn thấy đúng như vậy là thấy đúng chân lý, thấy ngược lại là không đúng lẽ thật. Cũng trong kinh Kim Cang, Phật nói giả sử có người đem bảy báu nhiều bằng núi Tu-di để bố thí, phước không bằng người tụng bốn câu kệ. Tại sao? Vì của báu bố thí đó đối với thế gian rất nhiều, nhưng Phật thấy nó chỉ là tạm bợ, có rồi mất. Còn bốn câu kệ trong kinh Kim Cang là trí tuệ thấy đúng như thật, đây mới là phước lâu dài, đúng với ý nghĩa thoát khỏi mê lầm. Học kinh, hiểu kinh phải thấy đúng lẽ thật như vậy.

Nhiều Phật tử tụng kinh Kim Cang nghi ngờ, bố thí thân này nhiều như số cát sông Hằng, sao không bằng người trì tụng kinh Kim Cang, vô lý quá? Chúng ta bỏ bao nhiêu thân mạng này mà vẫn ở trong mê thì biết vẫn còn phải bỏ không biết bao

nhiều lần nữa. Nếu hiểu thấu được bốn câu kinh Kim Cang, biết rõ các pháp hư dối, thân này tạm bợ, đó là trí tuệ ra khỏi sanh tử, cứu mình muôn đời.

Chúng ta thấy việc hết sức khó làm là bố thí thân, đã thế Phật còn bảo vô số lần bố thí thân như vậy, không bằng trì bốn câu kinh Kim Cang. Mới nghe ai cũng hoảng hốt, kinh gì mà giá trị lắm vậy? Thật ra đó là trí tuệ chân thật. Bốn câu kinh Kim Cang thâm nhập được là chúng ta có trí tuệ, hết mê lầm, hết sanh tử, không giá trị sao được. Còn bố thí, cúng dường bao nhiêu đi nữa đều là sanh diệt, tạm được rồi mất, không phải chân lý cứu cánh.

Chúng ta tu phải thâm nhập được lẽ thật của Phật dạy là trí tuệ Bát-nhã. Hiểu thế rồi cuộc đời tu hành của mình nhẹ nhàng, thanh thoi mà kết quả rất tốt. Ngược lại không hiểu như vậy, chúng ta tốn không biết bao nhiêu công phu mà kết quả chẳng có bao nhiêu. Phải thấy được gốc của mê lầm để chuyển thành giác ngộ. Phật giác ngộ nên Ngài nói đúng lẽ thật. Song lẽ thật ấy khác với phàm tình, nên ai cũng cho rằng lời Phật khó hiểu quá. Vì sao khó? Vì ngược với cái nhìn của thế gian.

Biết các pháp tánh không duyên khởi chúng ta bớt được tham sân si. Bớt tham sân si mới tiến tới giải thoát. Nếu không biết như vậy, dù dụng công phu bao nhiêu cũng không thể nào giải thoát nổi. Nói

tánh không là nói cái không sẵn có từ trước, từ không do duyên hợp giả có. Các pháp do duyên hợp giả có đều không thật, khi tan hoại cũng sẽ trở về tánh không ban đầu. Đó là nói về tánh không duyên khởi.

Khi hiểu được các pháp tánh không do duyên khởi mà có, chúng ta thấy nó như mộng, huyễn, bọt, bóng. Cuộc sống năm, bảy mươi năm như giấc mộng, có gì đâu. Khi đang nằm mộng, chúng ta cứ ngỡ mộng là thật trăm phần trăm, nhưng vừa tỉnh lại liền biết mộng là giả. Cũng vậy, khi đang say với cuộc sống mê lầm này, chúng ta thấy nó thật trăm phần trăm, nhưng thức tỉnh được rồi liền biết nó giả. Một khi biết nó giả thì mọi đam mê, mọi giành giật đều tan hết. Biết các pháp duyên hợp hư giả chúng ta hết si, hết si thì hết tham, hết tham thì hết sân. Tham sân si hết là thánh rồi.

Người bị nói nặng liền nổi giận là tại sao? Tại cho mình thật, lời nói thật nên bị xúc phạm danh dự thì nổi nóng. Bây giờ biết mình không thật, lời nói không thật, có gì xúc phạm, danh dự chỗ nào? Trên đầu hay lỗ tai? Thật ra con người tự tưởng tượng đặt ra, rồi tranh hơn tranh thua, giận hờn thù oán đủ thứ hết. Đó là nguyên nhân của đau khổ. Bây giờ biết rõ tất cả đều không thật thì chấm dứt các thứ hơn thua thù oán. Như vậy dễ tu không? Rất dễ, chỉ một mấu chốt ấy thôi.

Bát-nhã không phải nói tánh không, tướng không để chúng ta biết suông, mà nói để nhận rõ thân này giả, cảnh đời giả. Thấy giả rồi thì tiêu hết tham sân si. Đó là bước nhảy vọt của người tu. Ngược lại, nếu ôm nó cho là thật thì dù trì tụng Bát-nhã mấy chục năm, mấy trăm năm rồi cũng đi mất. Cái thật của mình sẵn đó mà không chịu thấy, không chịu biết mới là thiệt thòi lớn lao.

Sang phần thứ hai, nói về chân không diệu hữu. Chân không là gì? Tôi dẫn bài kệ Lục tổ Huệ Năng trình với Ngũ Tổ, đối chiếu với bài kệ của ngài Thần Tú:

Bồ-đề bốn vô thọ,  
 Minh cảnh diệt phi đài,  
 Bản lai vô nhất vật,  
 Hà xứ nhạ trần ai.

Dịch:

*Bồ-đề vốn không cây,  
 Gương sáng cũng chẳng đài,  
 Xưa nay không một vật,  
 Chỗ nào dính bụi nhơ.*

Ngũ Tổ chịu câu *bản lai vô nhất vật*. Bản là xưa, lai là nay, “bản lai vô nhất vật” là xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi bặm mà lau chùi?

Câu này có giá trị như thế nào? Chúng ta tu niệm Phật hoặc tọa thiền, đòi hỏi phải nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là chỉ còn một tâm, không còn nghĩ tưởng lăng xăng nữa.

Lâu nay chúng ta cho nghĩ tưởng lăng xăng là tâm mình, tôi nghĩ thế này, tôi tưởng thế kia, tôi phân biệt thế nọ v.v... cho nghĩ suy, phân biệt, thương ghét v.v... là tâm mình. Như vậy từ khi cha mẹ sanh ra cho tới ngày nhắm mắt mình là một hay nhiều? Nếu là một tại sao thương cũng mình, ghét cũng mình, giận cũng mình, oán thù cũng mình v.v... có bao nhiêu thứ mình? Chẳng lẽ mình là một lối tạp nhạp? Cho nên nói những nghĩ suy buồn thương, giận ghét là mình thì thật sai lầm. Những suy nghĩ đó là tướng sanh diệt, nó sanh diệt còn mau hơn sự sanh diệt của thân nữa, làm sao thật được!

Bây giờ muốn hết chấp phải biết những thứ ấy hư dối, vọng tưởng bỏ đi, chừng nào không còn một niệm mới được. Không còn suy nghĩ, lúc đó hết mình hay còn mình? Khi không còn niệm nghĩ suy thì hết vọng tưởng chứ không phải hết mình. Quý vị thử nghiệm chừng một hai phút ngồi chơi, không một niệm nào trong đầu hết, lúc đó gió thổi nghe mát không, chim kêu nghe tiếng không, người đi ngang thấy không? Thấy là biết, nghe là biết thì



mình hiện tiền, đâu phải có nghĩ mới có mình. Vậy mà lâu nay chúng ta lầm mê, cho suy nghĩ là mình rồi bỏ quên cái biết hiện tiền luôn luôn ở bên mình.

Niệm suy nghĩ là tướng sanh diệt liên miên tạm bợ mà cho nó là mình, còn cái không suy nghĩ luôn biết hiện tiền từ khi có thân này cho đến ngày nhắm mắt lại không nhận ra. Thế nên, Phật dạy chúng ta tu để dừng những suy nghĩ sanh diệt, đừng nhận nó là mình nữa. Ngồi thiền với mục đích định các loạn tưởng, định được rồi trí tuệ chân thật mới hiện ra. Nếu chưa định thì trí tuệ không thể hiện được, vì các loạn tưởng phủ che hết.

Nghĩ suy là vọng tưởng hư dối không thật, đừng chạy theo nó. Quả rầy riết nó lặng, lặng đến bao giờ không còn một niệm nào hết gọi là định. Định rồi thì tâm thể chân thật hiện tròn đủ. Chỗ này Lục Tổ nói xưa nay không một vật. Tại sao? Vì nó nguyên vẹn, không một niệm, không một suy nghĩ nào hết. Một niệm, một nghĩ là một vết nhơ. Cho nên ngài Thần Tú bảo, phải chùi tấm gương tâm cho những niệm nhơ ấy hết. Lục Tổ nói tấm gương đó vốn trong suốt, còn những thứ phủ che thì không thật. Nếu biết thể trong suốt không có gì che phủ được thì rõ bản lai vô nhất vật, tức xưa nay không một vật, không cần phải lau chùi.

Ngài Thân Tú nói lau gương thì gương mới sáng. Vì thấy mặt gương bị dơ nên nói gương dơ, phải lau cho nó sáng. Lục Tổ thì không như thế. Nói lau gương mà không ngờ là lau bụi, bởi gương vốn đã sáng do bụi phủ nên tối, bây giờ muốn sáng thì phải lau bụi. Bụi phủ mấy lớp cũng được, chỉ cần lau sạch bụi thì tự nhiên gương sáng. Cái sáng ấy có từ thuở nào, chính khi bụi phủ nó cũng sáng, nhưng do bụi che nên ta không thấy sáng. Nói gương tối phải lau mới sáng thì không được nên Ngũ Tổ không chịu. Lục Tổ thấy được bản chất của gương là sáng, nên khi ngài trình kệ Ngũ Tổ nhận liền.

Tâm thể chúng ta vốn trong sáng, do những nghĩ suy lăng xăng buồn vui, giận ghét che phủ nên mờ tối. Vì thế tu là dừng nghĩ suy, bằng cách nhìn lại thấy nó giả thì không theo. Tâm lăng xăng làm khổ chúng ta biết bao nhiêu đời rồi, nó tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Bây giờ muốn dứt luân hồi sanh tử thì phải dừng nó lại. Không còn một mảy may lăng xăng nào chen lẫn thì bản lai vô nhất vật hiện ra, đó mới là cái thật mình. Gốc của sự tu là chỗ đó.

Chúng ta tu là trở về cái thật muôn đời của chính mình, chứ không phải ở đâu mang lại. Vì vậy Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tức tánh Phật sẵn có nơi tất cả mọi người. Ngài là Phật đã

thành, còn chúng ta là Phật sẽ thành. Nếu chúng ta biết dừng lạng hết những lạng xăng, thì trí tuệ chân thật hiện ra, đó chính là ông Phật sẵn nơi mình.

Chúng ta theo đuổi cái bóng mà bỏ quên cái thật. Theo đuổi mãi, càng ngày càng nhiều hơn, đến một ngày tràn ngập, muốn ngủ ngủ cũng không được, nó cứ tràn ra hoài. Những cái bóng ấy sẽ dẫn mình đi tạo nghiệp. Thương thì tạo nghiệp ái, ghét thì tạo nghiệp sân. Cứ như vậy, thương ghét buồn giận cột trói nhau dẫn đi sanh nơi này, nơi kia trong lục đạo không ngừng. Chừng nào dừng hết những niệm buồn thương, giận ghét, chỉ còn một thể trong lạng sáng suốt, chừng đó mới giải thoát sanh tử.

Giác ngộ thấy được thân tâm là hư dối, không bị lừa gạt nữa dần dần chúng ta sẽ bỏ được nó. Bỏ đến bao giờ đi đứng nằm ngồi không còn một niệm thì được nhất tâm hay được định. Như vậy, thiền định hay nhất tâm của niệm Phật không khác. Đó là lý đạo chúng ta phải hiểu thấu. Phật Di Đà là Vô lượng thọ, Vô lượng quang, tức ánh sáng vô lượng và tuổi thọ vô lượng. Tánh giác của chúng ta không sanh không diệt, sáng suốt vô lượng, nên không khác với Phật Di Đà. Hiểu như vậy, tu pháp môn nào cũng đưa đến giác ngộ giải thoát.

Chúng ta tu buông hết vọng tưởng, lúc đó có ngu không? Các thiền sư thường hay dùng câu “như

ngây như ngu”. Như ngu chứ không phải ngu. Đừng nghe nói như ngây như ngu, rồi cho rằng ngu thật. Khi không có niệm phân biệt hơn thua, nghe ai nói phải quấy tâm không dính mắc, nên gương mặt có vẻ ngây ngô vì không quan tâm gì cả. Thật sự lúc đó rất tỉnh sáng, nhưng người không hiểu cho là ngu. Nhất là khi mọi người xúm lại bàn tán phải quấy, mình cứ lặng yên không có ý kiến gì hết, đối với thế gian tưởng như ngu, nhưng thật là không ngu. Những kẻ đeo đuổi vọng tưởng thấy như khôn, nhưng thật ra lại không khôn. Khôn để tạo nghiệp sanh tử, ngu để giải thoát sanh tử, như vậy nên khôn hay nên ngu? Quý vị nhận biết thật rõ điều này, để trên đường tu không bị lầm.

Nói đến đạo Phật là nói đến giác ngộ, giải thoát. Nếu muốn giác ngộ giải thoát thì phải thấy đúng như thật, dùng hết niệm sanh diệt. Còn niệm sanh diệt tức còn tạo nghiệp, mà còn tạo nghiệp thì còn luân hồi. Cho nên nói tới tu Phật, chúng ta cần phải biết rõ lối dạy nào đúng chánh pháp, lối dạy nào không đúng chánh pháp. Nếu nghe ai nói cái gì linh thiêng, mầu nhiệm... mình ham quá chạy theo là hỏng đi nhiều đời.

Phật tử nên nhớ không có thần thánh nào thay mình được. Bỏ vọng tưởng là mình bỏ chứ không ai bỏ thế mình cả. Tu là gạt bỏ từ từ những sai lầm,

khi sai lầm hết thì cái chân thật hiện ra, không do ai đem đến cho mình. Chúng ta đang có tánh giác hiện tiền mà bỏ quên, có của báu mà không giữ, để cho bọn lãng xăng lộn xộn vô làm khuất mất đi. Thật đáng thương.

Trong kinh Viên Giác, ngài Văn Thù hỏi Phật thế nào là vô minh? Phật trả lời: Nếu đối thân tứ đại cho là thật, tâm đối đái lãng xăng cho là thật, đó là vô minh. Trong mười hai nhân duyên, vô minh đi đầu. Manh mối của sanh tử là vô minh. Thân giả dối mà tưởng là thật, tâm lãng xăng sanh diệt mà tưởng là tâm thật, hai cái đó là vô minh. Ngược lại, thấy thân giả dối không thật, tâm lãng xăng sanh diệt bỏ đi thì hết vô minh, hết vô minh thì hết sanh tử, được giải thoát. Như vậy giải thoát thuộc quyền của ai? Quyền của chúng ta. Vậy mà cứ cầu thần thánh hoài, làm sao hết khổ, hết nghiệp được.

Lục tổ Huệ Năng nói bản lai vô nhất vật được Ngũ Tổ thừa nhận cho vô thất. Đến khi nghe kinh Kim Cang, tới câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền đại ngộ. Đi đứng nằm ngồi không dính mắc với sáu trần, đó là trụ tâm Bồ-đề, trụ tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng ta tu hàng phục tâm bằng cách không chấp ngã, ở ngoài đối với sáu trần không vướng mắc. Lúc đó còn cái gì che đậy tâm của mình không? Hoàn toàn trong sạch.

Nghe đến đây Lục Tổ giác ngộ, liền thốt lên rằng: “Đâu ngờ tánh mình vốn tự thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt, đâu ngờ tánh mình vốn tự đầy đủ, đâu ngờ tánh mình vốn không dao động, đâu ngờ tánh mình hay sanh muôn pháp”. Cái chân thật ấy không sanh không diệt, lại hay sanh muôn pháp. Đó là để chỉ cho chân không mà diệu hữu. Chân không là không tất cả niệm che đậy, hay sanh muôn pháp là diệu hữu. Diệu hữu là khi đạt được thể chân không rồi, từ đó phát sinh ra rất nhiều diệu dụng, làm lợi ích vô lượng chúng sanh, Lục Tổ gọi là “hay sanh muôn pháp”.

Phật có ba thân: Pháp thân, Báo thân, Hóa thân hay Ứng thân. Người tu thể nhập được Pháp thân liền đủ ba thân, có những thần thông diệu dụng Tam minh, Lục thông, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng v.v... nhiều vô số. Như vậy vào được thể chân không sẽ có diệu hữu, chứ không phải tới đó hết trơn. Đừng lo buông hết rồi mình ngu ngu khờ khờ không biết gì cả, tới đó có đủ ba thân, trí tuệ và diệu dụng vượt cả thế gian.

Trong mười mục chần trâu, mục thứ tám là trâu và chần đều mất. Thằng chần là trí tuệ thấy các pháp hư giả. Con trâu là niệm hơn thua, phải quấy, tốt xấu. Những niệm đó chạy cuồng loạn giống như trâu điên, nên phải tìm đủ cách cột nó, điều phục

được rồi từ từ nó thuận, đến lúc thành thơi cũng chưa xong. Khi trâu mất hẳn tức niệm không còn nữa, thì thằng chăn cũng không còn. Vì thằng chăn là để giữ trâu, trâu hết thằng chăn cũng phải hết. Trí tuệ Bát-nhã dùng để ruồng phá các mê lầm, mê lầm hết thì trí tuệ cũng buông luôn. Lúc đó mới thể nhập Pháp thân gọi là chim bay về tổ, lá rụng về cội. Thể nhập Pháp thân rồi liền có Ứng thân để độ chúng sanh. Đó là hình ảnh ông già bụng bự cầm cá chép, xách bầu rượu vô xóm.

Như vậy chúng ta mới biết cái cao siêu của đạo Phật. Khi tu hành thuận thực, đến chỗ dứt hết nhân ngã mới có thể tự tại, liền biết không còn nghi ngờ nữa, đó là diệu hữu. Từ chân không đi đến diệu hữu, nếu chưa nhập được thể chân không thì thân thông chỉ là trò đùa, không bao giờ có. Như vậy muốn được diệu hữu trước phải có chân không.

Đó là tôi tạm nói về tánh không duyên khởi và chân không diệu hữu. Mong tất cả nắm vững và ứng dụng tu cho đúng, để đến được chỗ giải thoát an vui, lợi mình lợi người viên mãn.



## THIÊN VIỆN QUANG CHIẾU (HOA KỲ)

### NÓI CHUYỆN VỚI CHƯ NI NHÂN NGÀY CUỐI NĂM NHÂM NGỌ

*Năm 2002*

Thiền viện Quang Chiếu là một thiền viện Ni, được thành lập đúng với tinh thần của các thiền viện ở Việt Nam, đây là nơi chư Ni cùng chung lo Phật sự và tu hành theo tinh thần Thiên tông Việt Nam. Tại thiền viện sự tu là trên hết, nếu thiếu tu thì nơi đây không còn là thiền viện nữa, cho nên tất cả chư Ni phải hết lòng quyết chí tu hành. Nhất là quý vị lớn tuổi, thời gian còn lại không bao lâu, đừng để trôi qua một cách vô ích, sau này hối tiếc muốn tìm lại cũng không được. Mỗi một ngày trôi qua là kho báu nhà mình đã khuyết mất một phần, nên quý vị phải cố gắng tu. Muốn việc tu được tiến bộ đòi hỏi hai điều:

Điều thứ nhất là phải hòa hợp. Sống chung với nhau, điều gì huynh đệ hoan hỷ thì chúng ta làm,



điều gì huynh đệ bực bội không vui thì nên tránh. Sinh hoạt tập thể chứ không phải sống riêng một mình, vì vậy không thể muốn làm gì thì làm, không cần biết đến ai. Dù người đã tu lâu hay mới tu, một khi đã vào thiền viện đều phải trên dưới một bề. Sống vui vẻ hòa thuận thì việc tu mới tiến, nếu ở chung với nhau mà cứ buồn bực, giận hờn, oán ghét thì làm sao tu được. Tu là dẹp phiền não mà cứ chứa chấp phiền não trong lòng hoài, sao gọi là tu. Thỉnh thoảng chị em có nói hay làm điều gì khiến mình không vừa ý thì phải bỏ qua, để sống hòa thuận vui vẻ. Như thế là khéo tu, đúng với tinh thần lục hòa.

Điều thứ hai là phải biết thiền viện là của chung. Phật tử đứng ra xây dựng, thành lập thiền viện là muốn có chỗ cho quý cô tu hành, để Phật tử đến nghe đạo lý. Thiền viện là gốc, mỗi cá nhân chỉ là ngọn. Tất cả mọi công việc đều hướng về cái chung, thiền viện trang nghiêm tốt đẹp, đầy đủ cơm ăn thì chư Ni an ổn tu hành. Thiền viện không tốt, chư Ni không đủ cơm ăn, làm sao tu hành được. Vị nào có Phật tử ủng hộ rồi bỏ túi xài riêng là không được. Ai cũng muốn Phật tử ủng hộ riêng cho mình, rốt cuộc thiền viện nghèo thiếu. Thiền viện thiếu thốn trong khi đó mỗi cá nhân lại hưởng thụ riêng, như vậy là trái với những gì tôi và các Phật tử mong muốn. Chư Ni thực hiện tốt hai điều thiết yếu này thì thiền viện an ổn và tiến triển.

Về phần tu, quý cô lớn tuổi thiếu sức khỏe, tu hành không theo đúng thời khóa. Nhưng đừng nghĩ rằng phải ngồi thiền tụng kinh đúng thời khóa mới là tu, mà hoàn cảnh nào, trường hợp nào cũng tu. Những khi mệt mỏi, quý cô có thể đi kinh hành chung quanh thiền viện hoặc nghỉ ngơi, nhưng đừng để tâm chạy theo cảnh. Đó cũng là tu. Đừng để tâm buông lung nghĩ chuyện đời, bỏ phí thời gian tu hành quý báu của mình.

Phần quý Phật tử, tôi cũng nhắc nhở thêm. Quang Chiếu là thiền viện đầu tiên ở nước Mỹ mà tôi và chư Tăng Ni qua đây làm lễ khánh thành. Quý Phật tử đã nhiệt tình, quyết tâm thành lập thiền viện quy củ là vì đạo. Nhờ có thiền viện Quang Chiếu, nên năm sau mới có thêm thiền viện Đại Đăng. Như vậy, Quang Chiếu là đàn chị. Người đứng ra cố gắng mua đất rồi lo xây dựng thiền viện là những người có công lớn, vì vậy quý vị phải nên cố gắng duy trì gìn giữ đừng để tiêu hao, làm sao mỗi ngày mỗi tốt đẹp hơn, hưng thịnh hơn.

Tôi lúc nào cũng nhớ công của người sắp đặt từ buổi ban sơ, công đó rất lớn, rất quý. Như thời đức Phật tại thế, có vua Bình-sa cúng dường tinh xá Trúc Lâm, trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường tinh xá Kỳ Viên, kỹ nữ Ambapālī cúng dường vườn xoài... cho Phật và chúng Tăng, đó là những người

tạo phước đức lớn. Công đã lớn thì phải gìn giữ, đã tạo phước đức rồi phải vun bồi cho ngày càng tăng trưởng. Đừng để công đã gây dựng bị mất đi, cũng đừng vì vui buồn cá nhân mà thối chí bỏ cuộc.

Quý Phật tử phải cố gắng dù ở hoàn cảnh nào cũng nỗ lực duy trì, tìm đủ cách bảo vệ thiền viện, đừng để suy tàn. Những Phật tử đi đầu phải vững thì người theo sau mới tiếp bước được, nếu đi đầu mà hỏng thì những người sau không biết đường nào đi. Vì vậy tôi nhắc tất cả Phật tử cố cự, đã góp công góp của gây dựng thiền viện Quang Chiếu, và những Phật tử đang đến học pháp, tất cả phải chung lòng chung sức lo cho thiền viện được lâu bền, được phát triển. Quý sư cô ở càng ngày càng đông, Phật tử đến càng ngày càng nhiều; như thế mới xứng đáng một thiền viện Ni mà quý vị đã ra công gây dựng, xứng đáng là một nơi quý Thầy đặt chân đến đầu tiên để mở mang Phật pháp tại hải ngoại.

Người tu ở đây đông thì phúc đức của quý Phật tử càng tăng trưởng, việc làm của tôi mới có ý nghĩa. Vì vậy mong quý Phật tử cố cự, đừng bao giờ nghĩ: Tôi đủ bản phận rồi tự ai làm gì thì làm. Quý vị mới gieo được hạt giống thì phải ráng vun bồi, tưới tắm, chăm sóc chờ gặt được những kết quả tốt đẹp, không nên bỏ dở nửa chừng. Đồng thời những Phật tử mới

phát tâm sau này, khi đến Quang Chiếu phải thấy được những điều tốt đẹp ở nơi đây, quý vị tập tu học theo gương tinh tấn nỗ lực của chư Ni. Quý cô tu được mười, mình tu đôi ba, từ từ tiến lên.

Thiền viện là nơi giúp cho quý Phật tử có cơ hội tỉnh giác, sống trở lại với chính mình. Đã đến đây rồi quý vị cố gắng tu học để trở thành con người tốt trong xã hội, sống đạo đức. Người xưa nói, có đức mặc sức mà ăn. Quý vị có tiền mà thiếu đạo đức thì đời sống cũng không bảo đảm, vì tiền của xài đến một lúc nào đó cũng hết, còn đạo đức là của quý mà không ai có thể lấy được. Đạo đức là nền tảng bảo vệ mình đời này cũng như những đời sau. Tôi mong tất cả quý Phật tử đã phát tâm về thiền viện thì phải cố gắng, ngày nay tu một, ngày mai tu hai ba. Cứ như vậy mà tiến lên. Chư Ni và Phật tử cùng tu, cùng hướng dẫn nhau đi trên con đường giác ngộ giải thoát cho đến nơi đến chốn. Như thế mới không uổng phí một đời, xứng đáng là đệ tử của đức Phật.

Tôi nhắc chung cho tất cả chư Ni và quý Phật tử. Chư Ni là những người phát tâm tu hạnh giải thoát, chứ không phải tu lấy lệ nên luôn phải nhớ việc tu của mình. Tuy nhiên, chư Ni phải có cái nhìn thấu suốt. Mặc dù tu hành là việc chính, nhưng cũng không thể bỏ mặc những Phật sự khác cho Phật tử lo. Việc Phật sự thì chư Ni và quý Phật

tử một lòng một dạ chung lo. Cùng lo tốt mọi việc để cùng tu, làm bước tiến cho thiền viện ngày càng vững mạnh hơn. Nếu quý Phật tử nghĩ việc này là của quý cô, còn quý cô lại nghĩ việc này của Phật tử, không ai có trách nhiệm rồi bỏ mặc là không được.

Đây là của chung, tôi là người lãnh trách nhiệm do quý Phật tử hiến cúng. Tôi gánh vác để Ni chúng có nơi tu hành, quý Phật tử đến cùng chung tu học. Nếu quý cô ở đây không có sự ủng hộ của Phật tử thì thiền viện cũng khó mà tồn tại. Mỗi một ngày thiền viện còn hiện hữu là một ngày tốt cho quý Phật tử cùng tới lui học đạo. Mỗi ngày đến thiền viện quý vị sẽ thấy tâm Bồ-đề càng tăng trưởng, như thế phước báu càng vuông tròn. Quý vị hợp tác chung lo với quý cô, chư Ni an ổn tu hành thì mới có thể nhắc nhở Phật tử tu hành. Chúng ta cùng nâng đỡ, dìu dắt nhau trên con đường đạo, hợp sức bảo vệ chánh pháp.

Tôi cố gắng tạo duyên cho Quang Chiếu đứng vững, để Phật tử có nơi an ổn học đạo tu hành. Vì vậy tôi mong mỗi Ni chúng và Phật tử cùng chung sức, để gìn giữ ngôi thiền viện Quang Chiếu ngày càng hoàn chỉnh tốt đẹp, Phật tử đến đông đảo và sự tu ngày càng tăng tiến hơn. Được như vậy tôi rất mãn nguyện.



## THIÊN TỰ BỒ ĐỀ (HOA KỲ)

### Ý NGHĨA THIÊN TỰ BỒ ĐỀ

*Năm 2002*

Nhân ngày Khánh thành thiên tự Bồ Đề và an vị tượng Phật Bốn sư Thích Ca Mâu Ni, Phật tử Tuệ Chấn cùng các Phật tử tại đây tha thiết cúng dường thiên tự Bồ Đề này cho chúng tôi, để chư Tăng trong các thiền viện về truyền bá Phật pháp. Với tâm chân thành đó, tôi hứa nhận thiên tự này. Sau đây, tôi có ít lời giải thích ý nghĩa tên thiên tự Bồ Đề.

Tại sao tôi gọi chỗ này là thiên tự, trong khi ở Việt Nam các chỗ tu thiền cho Tăng Ni tu tập, tôi đều gọi là thiền viện? Như thiền viện Chơn Không, thiền viện Thường Chiếu, thiền viện Trúc Lâm, thiền viện Viên Chiếu, thiền viện Linh Chiếu, thiền viện Huệ Chiếu, thiền viện Phổ Chiếu v.v... Bởi vì chư Tăng Ni tu ở mỗi nơi có từ 50 người trở lên, với số người tu đông đảo như vậy nên gọi là thiền viện. Ở đây chỉ có vài thầy, nếu gọi là thiền viện thì chưa đủ tầm, nên tôi chuyển lại thành thiên tự, tức chùa tu thiền.

Như vậy, thiền tự là chỉ cho nơi ở tu của một số ít Tăng Ni tu thiền, có các Phật tử lui tới tập tu thiền dưới sự hướng dẫn của Tăng Ni. Ngoài ra còn có những vị quyết tâm tu thiền, cắt cái thát ở một mình chuyên tu thì gọi là thiền thát. Tóm lại, tu một mình gọi là thiền thát, tu năm ba huynh đệ thì gọi là thiền tự, đông đảo hơn thì gọi là thiền viện.

Bồ-đề là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là giác ngộ. Ngày xưa đức Phật ngồi dưới cội tất-bát-la tu hành được giác ngộ, nên cây tất-bát-la được đổi tên thành cây bồ-đề. Tôi nghĩ, Phật tử hợp tác với chư Tăng chọn nơi đây để dựng lập ngôi thiền tự tu hành, tự mình được giác ngộ và dìu dắt chỉ dẫn cho Phật tử cùng giác ngộ, nên tôi chọn chữ Bồ-đề đặt tên cho ngôi thiền tự này.

Danh từ Phật hay Bồ-đề thường được dùng từ tiếng Phạn mà không dịch nghĩa, bởi vì sự giác ngộ của đức Phật là sự giác ngộ triệt để, thấu suốt cả nhân loại và thế gian chứ không phải chỉ thấy cạn cợt như một số người thường. Trên ý nghĩa đó, người học Phật phải là người giác ngộ triệt để, chứ không thể giác ngộ chút chút được. Các vị tôn túc sợ người sau dịch kinh hiểu lầm ý nghĩa hai chữ giác ngộ, nên để nguyên âm Bồ-đề cho chúng ta suy gẫm, thấu hiểu tới nơi tới chốn.

Đức Phật giác ngộ là giác ngộ cái gì? Đó là vấn đề lâu nay người tu Phật luôn ngộ nhận. Tu Phật là phải giác ngộ, nếu không giác ngộ thì chưa phải tu Phật. Ở đây tôi sẽ nói giác ngộ từ cạn tới sâu.

Giác ngộ thứ nhất là hiểu lý nhân quả nghiệp báo. Lâu nay người đời cứ làm điều này, điều nọ, hoặc lành, hoặc dữ... mà không nghĩ ngày mai kết quả ra sao. Khi nóng giận họ làm những việc dữ, khi cảnh thuận lợi thì làm việc lành, mà không biết đến kết quả. Ngày nay chúng ta học Phật biết rõ nhân đã tạo thì quả phải lãnh, nhân quả không sai chạy bao giờ. Bởi thấu hiểu lý nhân quả nên khi làm việc gì, nói việc gì đều cẩn thận, dè dặt. Làm việc lành, nói lời lành, ý nghĩ lành, không để tất cả niệm xấu xa chen vào thân, miệng, ý. Đó là tạo nhân lành sẽ được hưởng quả lành. Những người không biết cứ tha hồ nói, làm, nghĩ trái với đức hạnh, trái với lợi ích chúng sanh, đó là tạo nhân dữ. Nhân dữ thì nhất định phải gánh quả dữ.

Giác ngộ thứ hai là thấu triệt lý nhân duyên. Phật nói tất cả các pháp do nhân duyên sanh, không có tự tánh, tức là không có thật thể. Duyên hợp thì có, duyên tan thì mất. Vì duyên sanh nên tất cả các pháp không thật. Pháp không thật mà chúng ta ngỡ thật, đó là mê. Vì vậy Phật tử phải giác ngộ tất cả pháp duyên sanh đều không có tự thể, đủ duyên



thì còn, thiếu duyên thì mất, sanh diệt không bền. Thế nên trong kinh thường nhắc, các pháp duyên hợp giả có. Đã là duyên hợp nên có đó phải là giả có. Nhìn từ con người cho đến muôn vật đều đúng như vậy, đó là giác. Thấy mình thật, người thật, sự vật bên ngoài thật, đó là mê.

Trên đường tu thấy đúng lẽ thật, đó là chúng ta đang đi trên con đường giác ngộ, nếu thấy sai lẽ thật là đi trên đường mê. Tại thiền viện, trong mỗi thời khóa đều đọc Bát Nhã Tâm Kinh, để nhắc chúng ta nhớ dùng trí tuệ soi thấy tất cả sự vật đúng như thật, đó là giác. Mở đầu bài Bát Nhã nói: “Bồ-tát Quán Tự Tại soi thấy năm uẩn đều không, liền qua tất cả khổ ách”. Thấy năm uẩn không thật, tức là thấy thân và tâm này đều không thật thì qua hết khổ nạn. Người nào thấy đúng như vậy, trên đường tu không còn gì vướng bận, lúc ngồi thiền tâm sẽ an ổn. Nếu tâm còn vướng bận hơn thua, phải quấy thì ngồi thiền bao nhiêu thứ lằng xằng trói buộc mình, mất hết sự yên tĩnh.

Người tu thiền trước phải vận dụng trí Bát-nhã chiếu soi các uẩn đều không thật, đó là bước đầu để chúng ta tiến tới giác ngộ. Có giác mới là con Phật, vì đức Phật là bậc giác ngộ viên mãn. Có giác ngộ mới cứu giúp chúng sanh, nên Phật dạy tự giác rồi giác tha. Nghĩa là chúng ta có giác ngộ thì mới dạy

người giác ngộ được, mình mê làm sao dạy người giác ngộ. Như vậy tự giác rồi mới đem cái thấy biết giác đó nhắc nhở, chỉ dạy cho hàng Phật tử, có thể mới đúng nghĩa tự giác giác tha đầy đủ. Từ tự giác giác tha đó chúng ta bước sang tự độ độ tha. Bản thân có giác mới qua hết phiền não, sau đó dạy người giác ngộ qua hết phiền não. Đó là tự độ mình qua được phiền não, sau mới dạy người độ họ qua hết phiền não, cho nên gọi là độ tha.

Ngày nay chúng ta cứ nghĩ mình tu, nếu ai muốn đi tu theo mình thì mình độ người đó đi tu, mà không biết độ cái gì. Độ không phải là cạo đầu, mặc áo nhuộm. Xuất gia chỉ là hình thức trợ duyên cho người phát tâm tu thôi, còn nói độ là phải giác, giác rồi mới hết phiền não. Chừng nào mình qua khỏi sông mê thì chừng đó mới độ người khác qua sông mê được. Đó là tinh thần tự giác giác tha, tự độ độ tha. Thiếu hai phần này thì sự tu của chúng ta trở thành vô nghĩa.

Là người xuất gia mà mãi mê lo chuyện thế tục không chịu tự giác giác tha, không chịu tự độ độ tha thì uống đi một đời tu. Tăng Ni và Phật tử nên nhớ, chúng ta tu là vì cầu giác ngộ giải thoát sanh tử và cứu độ những người khác cũng được giác ngộ giải thoát sanh tử như mình. Tu mà không có tự giác, tự độ thì chỉ là chuyện nói suông. Như vậy làm sao giác ai, độ ai?

Trọng trách của Tăng Ni không phải nhỏ, làm sao bản thân mình giác ngộ giải thoát sanh tử mới có thể cứu độ chúng sanh. Nếu tự mình không giác ngộ, không giải thoát mà nói độ chúng sanh thì chỉ là nói cho vui miệng thôi. Tệ nhất là những người chưa giác thật mà khoe mình giác, tội này đọa địa ngục. Tại sao? Trong luật Phật dạy rõ, ai đại vọng ngữ chưa chứng mà nói chứng, chưa ngộ mà nói ngộ để gạt gẫm người, kẻ đó sẽ đọa vào địa ngục.

Vì vậy người tu cần phải cẩn thận từ lời nói, điều gì trái đạo lý thì không nói, lời nào đề cao bản ngã cũng không nói. Sống khiêm cung từ tốn đối với tất cả mọi người, đó là tư cách của người tu chân chánh. Có một nói mười, nói quá những gì mình thấy, mình hiểu, đó là lừa gạt thiên hạ chứ không phải người tu. Chúng ta mang một trọng trách lớn như vậy, mà không lo chuyện giác cứ lo những chuyện thế tục, không khéo sẽ rủ nhau đi trong trầm luân sanh tử, chịu nhiều khổ đau, không thể nào giải thoát được.

Tôi mượn ý nghĩa thiền tự Bồ Đề để đánh thức quý vị nhớ tu. Nói tới đi chùa là nói tới giác ngộ, không phải nói tới chuyện hơn thua phải quấy, thị phi. Ai đem hơn thua phải quấy đến chùa là không biết đi chùa, mà là đi trong bể khổ. Chúng ta vì quý trọng chánh pháp nên mới đến với đạo cầu được

giác ngộ, giác ngộ rồi mới tu tập qua khỏi trầm luân sanh tử. Con đường của chúng ta đi là con đường phi thường, thế gian không thể biết không thể hiểu. Do đó tất cả Tăng Ni và Phật tử khi bước chân vào đạo, phải đi từng bước đúng trên đường giác ngộ. Những gì sai thì tránh liền, đừng để mang danh Phật tử mà làm những chuyện tà giáo ngoại đạo, uổng đi một đời. Việc tu hành muốn thành tựu đến nơi đến chốn, đừng bao giờ xem thường, đừng bao giờ quên lãng, chúng ta nhất quyết tu cho tới giác ngộ mới thôi. Đó là điều thiết yếu.

Chúng ta sống trong mê lầm, giành giật, tranh đua nhau những thứ tạm bợ, do đó nên khổ. Nếu biết nắm vững đều không thật thì hết khổ, nên Phật bảo qua hết mọi khổ ách. Khổ và hết khổ là từ mê với giác mà ra. Cái không thật mà tưởng thật là mê, cái không thật biết không thật là giác. Biết rõ như vậy rồi khổ nào cũng qua được hết, ngược lại không thật mà tưởng là thật thì khổ dồn dập tới. Giả sử ai chửi, mình nghĩ thân không thật thì chửi thật sao? Nghĩ thế tự nhiên mình cười, còn gì là khổ. Cho nên đau khổ không phải ở đâu đem đến, chỉ tại mê mà mình khổ. Bây giờ hết mê thì ngay đó khổ liền qua, dễ như trở bàn tay.

Phật dạy một đàng, chúng ta làm một nẻo hoặc không chịu tu theo lời Phật dạy, rồi kêu Phật cứu,

làm sao Phật cứu được. Mỗi khi tụng kinh, chúng ta nghe lời Phật dạy thấm dần, thấm rồi ứng dụng, đó là tu. Đừng tưởng tụng được nhiều bộ kinh là tu, tụng kinh mà không hiểu, không ứng dụng lời Phật dạy là không tu chút nào hết. Nhiều người tụng bộ này qua bộ kia, cho rằng mình tu nhiều, nhưng ai nói trái ý liền la rầy. Như vậy không biết tụng kinh để làm gì? Phật có dạy tụng kinh để nóng giận đâu, mà tụng kinh ra ai động tới la um sùm. Rốt cuộc càng tu càng dễ sân hận, càng làm khổ mình khổ người. Đó không phải là người thật tu.

Tu phải thật tu, quyết tâm tu, càng tu tâm càng nhẹ nhàng thanh tịnh, càng tu càng tỉnh táo sáng suốt, không bị danh lợi phù phiếm thế gian quyến rũ. Đó mới thật là người tu. Tu là cứu mình cứu người. Nếu không thật tu chỉ gây phiền lụy cho mình và người thôi. Đó là chủ đích tôi đặt tên thiền tự Bồ Đề. Khi tới cửa thiền tự Bồ Đề, Phật tử luôn nhớ mình đang tập giác ngộ, bước vô chùa tụng Bát-nhã là đang giác, ra ngoài cũng giác. Không nên vô chùa dục năm, dục bảy nói chuyện phải quấy của thế gian rồi phiền não, không có lợi ích gì hết. Học đạo giác ngộ, tu theo đạo giác ngộ là mục tiêu của người xuất gia cũng như tại gia. Đây là điều tất cả phải ghi nhớ và thực hành cho được viên mãn.

Thiền tự Bồ Đề trực thuộc thiền viện Đại Đăng, tôi cử người qua đây chịu trách nhiệm và trợ lực cho Tuệ Chân. Vì thiền viện này là một cơ sở trực thuộc Đại Đăng, nên chư Tăng phải chung lo góp sức với nhau. Trụ trì, Phó Trụ trì Đại Đăng thỉnh thoảng thay phiên qua đây giảng dạy cho Phật tử. Tôi tuổi đã già không làm Phật sự được nhiều nữa, tôi chỉ có trách nhiệm nhận còn duy trì, gìn giữ và phát huy là trách nhiệm chung của tất cả quý vị. Mong tất cả quý vị cố gắng thực hiện cho được tốt đẹp.



## THIỀN VIỆN HOA NGHIÊM (HOA KỲ)

### ÁI LÀ GỐC CỦA LUÂN HỒI SANH TỬ

*Ngày 19/9/ Canh Thìn - 16/10/2000*

Hôm nay tôi sẽ nói về đề tài *Ái là gốc của luân hồi sanh tử*. Đây là điều cần yếu trên đường tu. Mong rằng tất cả Tăng Ni và Phật tử nghe hiểu để lãnh hội và ứng dụng tu hành cho được kết quả tốt đẹp.

Người tu theo đạo Phật luôn quyết tâm tìm cho ra con đường giải thoát sanh tử, tức là giải thoát tất cả khổ đau trong đời này và những đời khác. Đức Phật lúc còn làm thái tử, Ngài từng chứng kiến cảnh già bệnh chết của chúng sanh. Lớp người trước như thế, lớp người sau cũng như thế. Ngài không cam chịu chấp nhận sống trong sự luân hồi sanh tử, nên quyết tâm tìm cho được con đường giải thoát. Sau khi thành đạo, Ngài dùng phương tiện giáo hóa chúng sanh, đưa họ đến đạo giác ngộ giải thoát.

Phật bảo ái là nguyên nhân đưa đến luân hồi sanh tử. Trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Di Lặc hỏi

đức Phật làm sao đoạn được cội gốc luân hồi. Đức Phật chỉ thẳng ái là cội gốc của sanh tử luân hồi, trong đó ái dục làm nhân, ái mạng làm quả. Ai cũng thương quý thân mình, dù nó không khỏe mạnh, không sáng suốt đẹp đẽ mấy cũng vẫn thương. Từ đó phát sinh tâm niệm ngã ái và ngã sở, cái gì cũng muốn mình được ưu tiên. Từ tiền của, sắc đẹp cho đến tất cả thụ hưởng đều muốn ưu tiên. Muốn không được thì đau khổ, mọi đau khổ từ ái ngã, ái thân này mà ra.

Trong kinh A Hàm kể, một hôm vua Ba-tư-nặc hỏi phu nhân Mạt-lợi, là người được vua yêu quý nhất:

- Trên đời này ái khanh yêu ai nhất?

Mạt-lợi đáp:

- Dĩ nhiên người thiếp yêu nhất đời là bộ hạ.

- Trẫm biết ái khanh sẽ nói như thế.

Mạt-lợi nói tiếp:

- Tâu bộ hạ, nếu bộ hạ cho phép, thần thiếp sẽ nói khác một chút.

Nhà vua đồng ý, bà nói:

- Tâu bộ hạ, người thần thiếp yêu nhất chính là thần thiếp.



Vua ngạc nhiên hỏi:

- Sao ái khanh lại yêu ái khanh nhất? Trẫm không hiểu điều đó.

Mạt-lợi thưa:

- Tâu bệ hạ, do ái cái ngã này nên thần thiếp mới thương bệ hạ. Vì bệ hạ làm cho thần thiếp hạnh phúc và hưởng tất cả mọi thứ tốt đẹp nhất trên đời. Cho nên nói yêu bệ hạ chứ thực tế chính là yêu thần thiếp.

Chân lý ở ngay đó. Người nào đối xử với mình tử tế thì nói người đó dễ thương, người nào đối xử với mình không tốt thì nói người đó dễ ghét. Rõ ràng thương ghét từ ngã ái mà ra. Ý của bà Mạt-lợi quá rõ ràng, nhưng câu chuyện vẫn chưa kết thúc. Vua Ba-tư-nặc bảo:

- Trẫm biết điều đó nhưng vẫn chưa hiểu rõ ý của khanh?

Mạt-lợi hỏi lại:

- Thưa bệ hạ, bệ hạ yêu ai nhất?

Vua đáp:

- Ta yêu ái khanh nhất.

Mạt-lợi thưa:

- Tâu bệ hạ, thân thiếp mạn phép nêu ra một câu hỏi để bệ hạ thấy rõ. Nếu thân thiếp yêu một người nào khác không phải bệ hạ, lúc đó bệ hạ sẽ xử sự thế nào?

- Sao khanh hỏi rắc rối vậy?

- Có lẽ bệ hạ sẽ chặt đầu thân thiếp phải không?

- À, à... có lẽ vậy.

Qua đó chúng ta thấy, nếu mình nói yêu người nào mà không được họ đáp lại thì thành thù mất rồi, điều này chúng ta yêu mình chứ không phải yêu người. Bởi vậy tất cả tốt xấu, hay dở trên đời đều do chúng ta tạo ra. Tùy cách xử sự của mọi người với nhau mà trở thành tốt hoặc xấu. Có người hung dữ ác độc mà xử sự tốt với mình thì mình khen. Ác độc với ai không biết, miễn tốt với mình là mình chịu. Công lý ở chỗ nào? Lấy gì làm thước đo? Chỉ có cái ngã này làm thước đo tốt xấu trong cuộc đời. Đó là một thực tế.

Dù người đó hiền lành lương thiện nhất, ai cũng biết đến nhưng đối xử với mình không tốt thì chắc chắn mình sẽ không quý. Qua đó mới thấy, cái mà chúng ta thương nhất trên đời là bản ngã, còn tất cả những thứ khác đều phụ. Thân này quý nhất nên khi nó mất tự nhiên phải lo tìm cái thứ hai, thứ ba. Cứ vậy mà loay hoay tìm kiếm trong sanh tử không lúc nào dừng.

Ai cũng cho thân quý, từ đó mới có phân biệt thương ghét này kia. Nhưng nó thật đáng quý không? Thân này là đất nước gió lửa, mà đất nước gió lửa đâu có gì quý. Với con mắt giác ngộ, đức Phật thấy rõ thân này chỉ là một đống da chứa toàn đồ hôi thối. Bởi vậy lúc Ngài sắp thành đạo, ma vương biến hiện ra một đám thiếu nữ kiều diễm tới trước múa hát dụ dỗ, khuyên Ngài hãy trở về cung hưởng lạc thú thế gian. Ngài sáng suốt trả lời bằng một câu ngắn gọn: “Các người chỉ là đống da hôi thối. Đi! Ta không dùng”. Nghe xong, chúng hổ thẹn rút lui.

Xét kỹ thân này không có gì quý, nhưng tại sao chúng ta lại thương nó? Cái không đáng quý mà quý là tỉnh hay mê? Điều này hết sức rõ ràng. Thân tứ đại của chúng ta là cái vay mượn tạm bợ, vậy mà chúng ta cứ ngỡ nó thật. Chất cứng trong người là đất, chất ướt là nước, động là gió, ấm là lửa. Hiện giờ chúng ta tồn tại được là nhờ tứ đại tụ hợp. Nếu chúng ly tán thì mình cũng tiêu tan không còn gì.

Trong kinh Niết Bàn, đức Phật dùng ví dụ rất cụ thể. Như người nuôi bốn con rắn: hổ đất, hổ lửa, hổ nước và hổ mây chung trong một cái giỏ. Chúng luôn luôn chống chọi, cắn xé nhau chẳng khác nào bốn đại trong con người chúng ta. Nước không dung được lửa, lửa không hòa với nước. Nước thịnh, thân bị cảm lạnh. Lửa thịnh, thân bị sốt. Gió nhiều khiến

đất rung rinh, nghe ê ẩm thân thể đòi cạo gió. Bốn đại lúc nào cũng chống chọi, thù địch nhau. Đại này không dung được đại kia, muốn chúng hòa hợp thì phải lo điều hòa suốt ngày này qua ngày khác, không biết mệt mỏi. Nếu điều không nổi thì nhờ bác sĩ phụ giúp.

Thân này vốn bất an như vậy mà chúng ta cứ ngỡ nó lâu dài chắc thật. Nuôi bốn con rắn thật nhọc nhằn, giả sử ngày nào đó cái giỏ thủng chúng chạy hết, khỏe biết mấy. Nhưng người ta lại tiếp tục chạy kiếm bốn con khác về nuôi. Nuôi cho đã rồi mất, mất lại kiếm, cứ vậy làm hoài thật đáng thương. Người sáng suốt biết đây là bệnh ngu số một. Cái không thật mà lo gìn giữ và kiếm tìm để chịu khổ không có ngày cùng.

Đức Phật thương xót mở bày phương tiện giáo hóa giúp chúng sanh dừng nghiệp và dứt nghiệp, vậy mà đâu ai can đảm dám bỏ thân này. Đa số mọi người lúc sửa soạn tất thảy thì rên rỉ, khóc lên khóc xuống chứ mấy người cười được, vì sợ mất thân này phải lo kiếm thân khác. Đó là căn nguyên cho dòng sanh tử tiếp nối không ngừng, trong đó ái ngã là cội gốc.

Muốn bớt ái ngã, chúng ta phải thấy đúng như thật về thân tâm. Đừng bị ảo tưởng làm say mê

trong điên đảo. Thân tứ đại chỉ là dây da hôi thối, không nên thương nó, đó là điều thứ nhất. Thứ hai, mang thân này không được sống một cách thoải mái tự tại. Lỗ mũi đang thở, nghĩa là hít không khí từ ngoài vô rồi trả ra. Hít vô là mượn, thở ra là trả. Mượn trả đều đặn liên tục, tới lúc chán không muốn mượn trả nữa là chết. Nếu thân đã thật thì trả ra phải còn nguyên, đấng này trả ra không mượn lại sẽ chết ngay. Cho nên nói thân này không thật. Mang cái thân vay mượn mà nói thật là sai chân lý. Điều cụ thể này đa số chúng ta không nhớ, không biết. Thân đã không thật lại thêm nhớp nhúa, vậy mà cả cuộc đời chúng ta sống đây chỉ lo mượn trả. Mượn tốt trả êm xuôi thì thấy khỏe khoắn vui tươi. Mượn trả trực trặc thì kêu hội Hồng thập tự tới cấp cứu.

Như vậy, giá trị sự sống không có gì thật quý. Do chúng ta lầm mê nên mới quý trọng nó. Giả sử người thân trong gia đình chết chừng ba bốn hôm, ai đó kêu mình lại nằm bên cạnh một chút cho có tình, dám không? Nếu thân quý tại sao vừa tắt thở đã coi như đồ bỏ? Người thân nhất còn không dám gần, đừng nói những người xa lạ. Thực tế cái chúng ta tưởng quý lại không có thật, chỉ là ảo tưởng. Thấy hiểu như vậy rồi chúng ta mới không còn mê lầm bám chặt vào thân tạm bợ. Sự sống trên cõi đời này tưởng chừng an vui hạnh phúc nhưng sự thật

nó chỉ là vay mượn. Vậy mà mình cứ ngỡ nó đáng quý, từ đó sanh ra bao nhiêu thứ phiền não.

Đức Phật thương chúng sanh quá lắm lắm, nên Ngài chỉ tưởng tận cho biết gốc của luân hồi chính là ái ngã. Muốn thoát ly luân hồi sanh tử, chúng ta phải dùng con mắt trí tuệ nhìn đúng như thật, thấy đúng như thật. Bớt thương mình rồi, tới chừng bị ai khinh chê mới không tức giận. Đã coi nó là đồ bỏ, ai động tới cũng mặc kệ, không quan trọng. Do ái ngã mà chúng ta có đầy đủ tham sân si. Thấy đúng lẽ thật rồi, tham sân si sẽ giảm. Đó là người sống bằng trí tuệ.

Tuy biết thân tạm bợ, như nhớp nhưng chúng ta phải mượn nó đưa mình qua bể khổ. Như người đi ngoài sông biển gặp lúc thuyền chìm, bấy giờ gặp gốc cây mục trôi lững lờ cũng phải bám vào nó. Nó vốn không có giá trị nhưng lúc này rất cần, rất quý. Làm sao tới được bờ rồi mới bỏ gốc cây mục, đó là người có trí biết thương mình. Phật dạy thân này không thật, biết vậy để chúng ta không lầm nhưng phải sáng suốt mượn nó để tới bờ giác ngộ giải thoát. Lợi dụng nó để đi đến chỗ an lành tự tại là khôn ngoan. Nghe nói nó tạm bợ giả dối rồi hủy hoại là dại. Đó là giá trị của sự tu. Thấy rõ thân vô thường, bất tịnh, hư dối mà vẫn duy trì đến ngày nào thức tỉnh, giác ngộ, lên được bờ Niết-bàn mới xả bỏ.

Đạo Phật mới nghe dường như bị quan nhưng thực tế rất lạc quan. Vì vậy, Phật cấm không cho tự tử. Trong kinh A Hàm nói, thí như một con trâu mỗi khi bị chủ nhà gác cái ách lên cổ bắt kéo xe hoặc kéo cày, nó rất tức giận. Nó nghĩ rằng chính cái ách này gây cực khổ, cho nên tìm mọi cách quật gãy cái ách. Tưởng đâu làm như vậy sẽ được thành thoi, không ngờ chủ nhà sắm cái ách mới chắc chắn hơn. Thế nên chừng nào hết kiếp trâu, nó mới được thành thoi.

Chúng ta lỡ phải sống trong hoàn cảnh không tốt và nhiều điều bất như ý, đừng vì thế mà đòi tự tử. Chết như vậy không hết khổ, lại còn khổ hơn. Bởi nợ chưa trả xong mà muốn trốn, sẽ bị người ta kéo lưng, hành hạ. Thôi thì khổ mặc nó, ráng mà trả. Trả hết nợ rồi sẽ được thành thoi. Hiểu như vậy mới đúng tinh thần đạo Phật. Người không hiểu đạo, cho rằng đạo Phật bị quan chán đời, nhưng đi sâu rồi mới thấy đạo Phật rất lạc quan, yêu đời. Vì vậy chúng ta nên sống trọn vẹn một cuộc đời để yên ổn trả hết nợ, tới chừng ra đi mới an ổn. Đó là ý nghĩa chân thực trong cuộc sống này.

Chúng ta đang giữ thân tạm bợ vô thường nhóp nhúa để tu và làm lợi ích cho mọi người. Đó là biết dùng thân đúng ý nghĩa, để tạo thêm phước đức cho mình trong đời này và mai sau. Ngược lại, nếu

chỉ biết mượn nó để lo thụ hưởng ăn ngon mặc đẹp, che mắt thiên hạ, rốt cuộc cũng đi tới ngày cùng. Lúc bình thường che đậy được, chứ lúc nhắm mắt tắt thở nghiệp sẽ hiện nguyên hình. Cho nên, điều quan trọng là phải có trí tuệ thấy đúng như thật.

Người biết dùng thân hữu ích luôn sống trong sự tu hành đạo đức, làm lợi ích cho mọi người. Hiểu như vậy chúng ta nên chọn lựa cách sống xứng đáng, nếu không hiểu cứ loay hoay chạy theo cái tạm bợ uống một đời người. Tu là phải tỉnh, tỉnh thì đừng để trở lại mê. Giả dối biết giả dối, nhớp nhúa biết nhớp nhúa, tạm bợ biết tạm bợ. Biết cái nào ra cái đó một cách rõ ràng, sáng suốt không lầm mê là tinh thần của người tu học theo đạo Phật.

Trở lại câu chuyện của vua Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi. Sau khi nghe phu nhân Mạt-lợi nói, nhà vua còn nghi ngờ nên muốn đến chỗ đức Thế Tôn, cầu xin Phật chỉ dạy xem lý của ai đúng. Gặp đức Phật, vua Ba-tư-nặc trình bày lại câu chuyện bàn luận giữa hai người, rồi hỏi đức Phật là đúng hay sai. Đức Phật đáp bằng bài kệ:

*Tâm ta đi cùng khắp,  
Tất cả mọi phương trời,  
Cũng không tìm thấy được,  
Ai thân hơn tự ngã.*



*Tự ngã đối mọi người,  
Quá thân thiết như vậy,  
Vậy ai yêu tự ngã,  
Chớ hại tự ngã người.*

Phật nói chúng sanh chạy khắp bầu trời tìm người mình thương hơn tự ngã không có, bởi vì tự ngã là số một. Đây chính là bệnh chung của tất cả chúng sanh, vậy người nào quý tự ngã mình thì không nên sát phạt, làm khổ tự ngã của người khác. Từ tâm ái ngã chuyển sang tâm từ bi, biết thương mình thì phải nhớ người khác cũng biết thương họ.

Sống trên thế gian này nếu tất cả chúng sanh đều ứng dụng đúng lời Phật dạy sẽ bớt khổ rất nhiều. Lâu nay chúng ta mang bệnh ích kỷ trầm trọng, chỉ biết mình mà không biết tới người. Bây giờ học Phật được tỉnh giác, biết thân này tuy không ra gì nhưng cần mượn nó làm lợi ích cho cộng đồng. Vì tôn quý người khác nên không dám xúc phạm khiến người ta đau khổ, đó là tâm từ bi. Nghĩa là từ ái ngã chuyển thành từ bi. Thấy ai ai cũng đáng thương đáng quý, không nên làm phiền lụy cho nhau. Được như vậy thế gian sẽ trở thành Cực Lạc. Phá được cái ích kỷ mê lầm là người biết sống đúng đạo nghĩa chân thật. Ngược lại, nếu sát phạt nhau để giành sung sướng là phi đạo lý. Đây là bài học được đúc kết qua lời dạy của đức Phật khuyên vua Ba-tư-nặc.

Người tu theo đạo Phật phải thấy rõ do ái ngã nên khi mất thân này chúng ta lo tìm thân khác. Đây chính là gốc luân hồi sanh tử. Bởi vậy đức Phật dạy: “Nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước bể cả”. Phật không nói một đời mà vô số kiếp sanh tử dồn lại, nước mắt của chúng sanh bằng nước biển cả. Thế nên đức Phật dạy chúng ta trước phải giác ngộ, sau mới tu. Giác ngộ là thấy được đúng như thật về thân này để không còn đắm mê, yêu chiều nó một cách mù quáng. Từ đó mới có thể dễ dàng tiến tới chỗ giải thoát. Còn yêu quý nó hoài, tới chừng nhắm mắt nhất định phải tìm kiếm thân khác để bám chấp.

Đạo Phật chủ trương giác ngộ, vì giác ngộ là ngọn đuốc soi đường cho chúng sanh đi tới giải thoát. Người ta cứ ngỡ giác ngộ là khi nào tu được phát sáng, đó là sự lầm lẫn vô cùng. Giác ngộ là ngay trong thân này và cuộc sống này, nên Lục tổ Huệ Năng nói trong bài tụng Vô Tướng:

Phật pháp tại thế gian,  
Bất ly thế gian giác,  
Ly thế mịch Bồ-đề,  
Kháp tợ tâm thố giác.

Dịch

*Phật pháp tại thế gian,  
Không lìa thế gian giác.*

*Lìa thế tìm Bồ-đề,  
Tợ như tìm sừng thỏ.*

Phật pháp ở ngay nơi thế gian, lẽ thật ở ngay nơi con người và sự vật. Nếu thấy đúng như vậy là giác. Người muốn tìm giác ngộ nơi phương trời nào khác, chẳng khác nào tìm lông rùa sừng thỏ, không bao giờ có. Tu mà tìm giác ngộ trên non trên núi, tưởng giác ngộ kỳ đặc mà không biết giác ngộ thực tế ngay nơi con người mình.

Biết thân này giả dối như nhóp là giác ngộ, còn thấy thân mình cao cả sang trọng là người mê. Như vậy, chỉ cần đổi cái nhìn là có thể làm người giác ngộ rồi. Cho nên giác ngộ rất gần rất dễ, không đâu xa. Điều này ai cũng có quyền làm, đừng đợi phải phát hào quang hoặc sáng quắc như đèn pha. Chỉ cần nhìn đúng hiểu đúng lẽ thật là giác ngộ.

Như vậy sự giác ngộ thực tế gần gũi vô cùng. Nó không phải cái gì huyền bí siêu nhiên mà thiết thực ngay nơi con người và cuộc sống này. Thấy đạo là thấy được lẽ thật. Dù đau bệnh bao nhiêu ngày không cần biết, chỉ cần thở khi ra không hít lại là chết. Thấy đến chỗ tột cùng gọi là thấy chân lý. Chân lý đó là đạo. Đức Phật ngày xưa đi tìm đạo chính là tìm lẽ thật này. Thấy mạng người trong hơi thở dễ hiểu dễ biết, vậy mà người đời thật đáng

thương, đầu năm gặp mặt chúc nhau sống chừng trăm năm, xưa các ông vua còn muốn chúc vạn tuế vạn tuế. Nghĩa là sống trong cái tưởng tượng không có lẽ thật.

Bên Nhật Bản có một vị thiên sư đặc biệt, Phật tử tới xin một lời chúc tốt lành, ngài chúc cho gia đình ông nội chết, bà nội chết, cha chết, con chết, cháu chết. Nghe ngạc nhiên quá, chúc gì mà lạ đời. Nhưng thiên sư giải thích chúc như vậy là đúng, bởi vì mọi người trong gia đình được chết theo thứ tự. Lớn đi trước nhỏ đi sau, quá hạnh phúc rồi. Nếu cha còn sống mà con chết trước mới là bất thường. Lẽ thật sờ sờ đây, chỉ vì chúng ta quen sống bằng ảo tưởng nên không dám nhìn sự thật. Chỉ thích những lời chúc hảo huyền mà không thấy được sự thật, đó là người mê.

Chân lý không ở phương trời nào xa xôi, ngay nơi cuộc sống và con người chúng ta. Do mình né tránh nên không chịu nhìn, không chịu thấy. Người tu theo đạo Phật phải thấy đúng như thật tất cả sự việc xung quanh. Được như vậy là tỉnh giác, ngược lại là mê lầm. Chúng ta có quyền làm người mê hoặc người giác ngay nơi cuộc đời này, không cần đợi về Tây phương mới giác. Ai muốn giác thì chịu khó nhìn đúng sự thật. Đừng lầm tưởng phải có thần thông kỳ đặc mới siêu tuyệt. Đạo Phật chỉ quý giác

ngộ chứ không quý thân thông. Bởi vì đó chỉ là trò chơi, không phải cái chân thật.

Chân lý không phải điều gì lạ lùng, chỉ vì lâu nay chúng ta quen vẽ mặt, tô son điểm phấn cho nó. Thành thử tưởng tượng chân lý trên trời trên mây nên không dám nhìn, không dám thấy sự thật ngay nơi cuộc sống này. Ai cũng ưng làm người giác ngộ thì phải sẵn sàng chấp nhận những lẽ thật. Được như vậy phiền não mới tiêu mòn và cuộc sống ngày càng an lạc hạnh phúc hơn. Người nào can đảm nhìn và sống đúng như thật là giác, sống trong ảo tưởng là mê.

Nội dung bài giảng hôm nay tuy ngắn gọn bình thường nhưng rất thiết thực. Mong rằng tất cả Tăng Ni và Phật tử, khéo sống đúng với tinh thần giác ngộ, ngõ hầu đời này hết khổ, đời sau được an lạc. Đó cũng là chỗ mong mỏi trông đợi của tôi.



## THIÊN TỰ HƯƠNG HẢI (CANADA)

### NGƯỜI GIÀNH KHÔN LÀ KẺ DẠI NGƯỜI CHỊU DẠI TỨC KẺ KHÔN

Đề tài tôi nói hôm nay là *Người giành khôn là kẻ dại, người chịu dại tức kẻ khôn*.

Ở đời ai cũng nghĩ mình khôn, nên nghe chê mình dại là nổi tức liền. Trong xã hội này mọi người đua nhau giành khôn, đã giành thì có tranh, có chống chọi nhau. Có tranh, có chống chọi nhau thì không phải là thật khôn. Như có người nói anh hay chị ngu quá, người nghe nổi tức chửi nhau, rốt cuộc hai người ngu hết. Vậy, nếu người ta nói mình ngu thì nên trả lời phải, tôi là người ngu. Người xưa bảo càng học càng thấy dốt, không ngu sao được!

Trên thế gian này muôn ức việc phải biết, mà chúng ta chỉ biết một ngành nghề chuyên môn thôi, có khi ngay ngành chuyên môn còn biết chưa hết nữa, bao nhiêu việc khác mình đâu có biết. Như người chuyên ngành may mặc chỉ giỏi may mặc

còn công việc văn phòng hoặc kế toán thì không biết, người giỏi văn phòng kế toán thì không biết ngành khoa học, người ở ngành khoa học lại không biết ngành xây dựng... Muôn ngàn việc ở thế gian, chúng ta chỉ biết chút xíu thôi. Như vậy có phải ngu không, mà người ta nói ngu mình không chịu. Thế nên tôi nói, người giành khôn trở lại thành ngu.

Nếu biết tu, chúng ta nên hiểu trên cõi đời này ai cũng có hiểu biết theo khả năng, trình độ, kiến thức mà mình huân tập. Ngoài phạm vi ấy ra, mình chưa biết hết các lãnh vực khác. Như vậy ai có nói ngu, mình nên chấp nhận. Người giành khôn thật ra chỉ là tưởng tượng thôi, không có chân lý, không có lẽ thật. Chân lý lẽ thật là tất cả chúng ta còn đang ngu. Mai một ai nói ngu mình không tức giận nữa, đó là khá hơn phạm tình rồi.

Muốn làm người tỉnh táo sáng suốt thì ai làm gì, nói gì, phải tỉnh táo trả lời. Như nghe người ta nói mình là con bò, khi chưa hiểu đạo Phật tử giận đỏ mặt, bây giờ hiểu đạo rồi thì nói thế này: “Phải, vì tôi có uống sữa bò nên có tế bào bò trong người tôi”. Nói thế có sanh chuyện cãi vã không? Ngược lại, chúng ta không chịu ngu, lớn tiếng cãi lại với người kia, một lát thành điên hết cả đám.

Người tu là người tỉnh sáng, không phải ngu tối. Biết lẽ thật để mình không chống chọi một cách vô lý, sanh thù oán nhau, đó là tu. Người khôn ngoan không phải nghe một câu trái tai liền phản ứng nóng giận, như vậy chỉ càng trở thành khờ dại. Người ta hiểu lầm nói bậy, mình phải sáng suốt nhắc họ. Một người sáng ở cạnh một người tối thì phải bình tĩnh để giúp người tối sửa sai, như vậy mới gọi là người sáng. Đằng này người ta nói bậy, mình cũng nói bậy theo, một hồi nổi nóng có thể đánh đập nhau nữa, hóa ra cả hai đều tối hết. Đó là những điều vô lý do mê lầm, cố chấp mà ra.

Đối với người mắng chửi mình thậm tệ, lúc đó nên nhịn hay nên chống cự lại? Lý lẽ thì nói nhịn, nhưng thực tế khó nhịn được. Một ít người cho rằng, người ta mắng chửi mà nhịn, đó là ngu. Nghĩ vậy nên họ không nhịn mà chửi lại cho hơn, người kia chửi nặng chừng nửa ký, mình đáp lại một ký. Như vậy mới vừa, chứ đáp lại nhẹ sợ thua người ta, sợ thiên hạ chê mình ngu. Vì thế người đời cứ đua nhau giành khôn hóa ra lại ngu, ai cũng muốn nói cho hơn, chửi cho nặng, để mình được khôn. Người thế gian càng chửi, càng mắng, càng đánh nhau thì càng điên đảo, càng đau khổ thù hận không có ngày cùng. Vậy mà họ đâu biết, đâu chịu tỉnh!



Như chúng ta vào bệnh viện tâm thần thấy bệnh nhân đang chơi trước sân, mình đi ngang, họ kêu lại chửi, lúc đó mình có nên nổi tức không? Biết họ là kẻ bệnh, mình là người tỉnh thì gây gổ với họ làm gì. Cự cãi với kẻ bệnh tức mình cũng là người bệnh, chắc cũng muốn vô ở trong đó rồi. Bị người điên chửi, chúng ta nhớ mình không phải người bệnh, nên nghe chửi càng thương càng tội nghiệp, họ bệnh hoạn nên mới nói bậy làm bậy, đó là những người đáng thương. Cũng vậy, nếu Phật tử biết tu thì phải tỉnh táo. Người không biết tu họ giành khôn, giành dại, nói bậy bạ, Phật tử nên thương họ. Người không biết đạo là mê, người biết đạo là tỉnh. Bị mắng chửi mà vẫn thản nhiên không giận, mới là người biết đạo lý, là người tỉnh.

Một hôm đức Phật đi giáo hóa tới một khu vực của Bà-la-môn, khát thực xong Ngài đến ngồi dưới gốc cây thọ trai. Thọ trai xong, Phật nói pháp cho dân chúng ở đó. Sau khi nghe pháp, họ phát nguyện quy y Tam bảo, trở thành đệ tử Phật, không theo đạo Bà-la-môn nữa. Thấy vậy, thầy Bà-la-môn tức quá đi theo chửi Phật. Phật đi khát thực ở trước, ông theo sau chửi. Ông chửi từ đầu đường đến cuối đường, Phật vẫn ung dung tự tại im lặng đi. Tới cuối đường, chịu hết nổi ông chặn Phật lại hỏi:

- Cù-đàm, ông thua tôi chưa?

Phật liên nói bài kệ:

*Người hơn thì thêm oán,  
Kẻ thua ngủ chẳng yên,  
Hơn, thua hai đều xả,  
Ấy được an ổn ngủ.*

Nếu mình thắng người thua thì người sẽ oán hờn mình, còn mình thua người thắng thì trần trọc ngủ không được. Chỉ xả bỏ hết hơn thua mới an ổn ngủ. Phật bị người ta chửi Ngài vẫn bình thản, còn chúng ta bị chửi thấy nhục nên phải làm dữ với người chửi. Rốt cuộc cả hai đều thành kẻ dữ. Bên cạnh người dữ phải có người hiền mới thấy ai tốt ai xấu, chứ người ta dữ mình cũng dữ thì đâu ai hơn ai.

Người chân thật biết đạo phải nhường nhịn, bỏ qua những điều kẻ khác nói nặng, giành hơn. Như vậy mới thật là người biết đạo. Không giành hơn với ai thì đâu có thua. Ngày xưa đức Phật bị chửi, nếu Ngài nổi giận chửi lại thì chắc bây giờ chúng ta không lạy Ngài. Như vậy, nhường nhịn không phải nhục mà là hành động cao cả. Phật tử phải hiểu cho thật kỹ, mai kia mới có thể vươn lên được.

Chúng ta tu tức là người tỉnh sáng, nhận chân được lẽ thật thì không bao giờ chống đối lại kẻ ngu khờ. Càng chống lại kẻ ngu khờ, càng làm mất hết giá trị của mình. Nên nhớ, càng giành khôn trở lại

càng ngu, càng nhận ngu trái lại càng khôn. Phật tử nên hiểu thấu đáo ý nghĩa đó để tu. Là người tu ở trong chùa tuyệt đối không nên cự cãi, phải trên thuận dưới hòa, giữ không khí yên ổn để tu. Cãi qua cãi lại làm gì, Phật không rước những người cãi lanh cãi giỏi đâu, Phật chỉ rước những người tu hành đàng hoàng chân chánh. Đó là điểm thứ nhất tôi muốn nói.

Điểm thứ hai, trên đời này không có ai là người toàn vẹn hết. Mười phần tốt được năm sáu, còn ba bốn phần chưa được tốt, vậy mà ai nói mình xấu liền không chịu. Nếu người ta nói mình xấu, chỉ nên trả lời: “Phải, trăm điều tốt tôi làm chưa tới năm sáu chục điều, nên xấu là hợp lý”. Nói như vậy, người kia cũng thấy họ chưa làm được điều tốt nên họ cũng nhận ra mình sai. Người toàn vẹn lại càng không nên cãi, vì còn cãi là còn chưa toàn vẹn. Đó là điều cần yếu, Phật tử phải nhớ để tu trong xã hội này.

Người tu đối với tốt xấu không giành, đối với nghèo giàu cũng không giành. Ai cũng muốn mình giàu sang, khi nghe chê nghèo là không chịu, mà quên xét lại xem mình giàu chưa. Nhiều người vì muốn được người nể nang, nên trau chuốt bề ngoài ra vẻ giàu sang để đánh lừa thiên hạ. Nghèo đâu phải là xấu. Nghèo mà không làm điều xấu thương tổn đến xã hội thì đó là người tốt. Còn người ăn mặc

sang trọng, mà làm thương tổn cho gia đình và xã hội, đó mới là người xấu.

Có người nghèo xơ xác mà lại giàu, có kẻ giàu kếch xù lại nghèo. Tại sao? Bởi vì dù người đó nghèo xơ xác nhưng gặp ai khổ liền biết chia sẻ, có cơm họ chia cơm, có áo chia áo, đó là nghèo mà giàu. Ngược lại, những người giàu sang đi xe lộng lẫy mà ai khổ ai đói, họ không ngó tới, đó là giàu mà nghèo. Tóm lại, người biết sử dụng đồng tiền, sử dụng của cải, biết chia sẻ cho kẻ nghèo, người đó có tâm rộng lớn nên tuy thiếu mà vẫn thấy dư. Người nhiều tiền nhiều của mà không biết chia sẻ với ai, luôn luôn muốn bòn mót thêm thì chỉ là người nghèo, vì chưa bao giờ thấy dư. Cho nên trong đạo Phật quý trọng những người có ít tiền của mà dám làm những điều tốt, hơn là kẻ có nhiều tiền của mà không có lòng tốt.

Chúng ta đừng nói khi nào tôi giàu mới bố thí cúng dường. Nói như vậy là hứa suông, không phải lòng tốt. Lòng tốt là nghèo khó mà biết làm phước đức, do tâm rộng lớn nên được phước báu. Như vậy không phải người giàu dễ làm phước, hay người nghèo khó làm phước. Ai có tâm rộng lớn đều có thể làm phước được, còn tâm hẹp hòi dù có của nhiều cũng không làm phước được. Quý ở tấm lòng, chứ không phải ở tài sản bên ngoài. Có một số Phật tử đi chùa, thấy các Phật tử khác có tiền cúng dường

nhiều hơn mình thì buồn, có khi còn đố kỵ nữa. Nghĩ rằng mấy người giàu háo danh, cúng nhiều cho thầy khen. Đó là những ý nghĩ sai lầm, quý Phật tử phải chữa bỏ, đừng nuôi dưỡng trong tâm mình không tốt.

Phật dạy, không phải tiền của nhiều hay ít mà được phước nhiều hay ít. Chỉ do tâm của mỗi người, có người không có xu nào nhưng thấy người khác cúng dường thì vui vẻ tán thán. Người có tâm tùy hỷ đó, phước bằng người cúng dường kia. Phước từ tâm tùy hỷ mà ra, cho nên Phật nói công đức tùy hỷ rất lớn. Chúng ta không có tiền của, thấy ai làm được việc phước mình vui vẻ, tán thán, khích lệ, gọi là tùy hỷ.

Tại sao công đức tùy hỷ lớn? Vì người thế gian luôn có tâm ganh tị, không muốn ai hơn mình. Thấy ai hơn mình thì ghét, đó là tâm ganh tị. Người có của lại có tâm rộng rãi, giúp chùa lo cho đạo, mình phát tâm tùy hỷ tán thán, khen ngợi. Làm được việc đó là phá tan tâm ganh tị. Bên cúng dường bố thí dẹp lòng tham, bên tùy hỷ dứt tâm ganh tị, cho nên phước hai bên đều như nhau. Chúng ta thấy tán thán người làm việc phước có tốn hao gì đâu, mà nhiều vị không chịu, phải hơn người ta mới chịu. Mình ít hơn, thấy khó chịu nên cũng đua nhau giành phần hơn. Nhưng người nghèo làm sao giành hơn được. Do đó phải học tâm tùy hỷ.

Phật tử chân chánh không sợ mình nghèo làm phước không được. Nghèo giàu gì cũng làm được hết. Chị khá thì chị đi chùa, cúng dường chùa. Tôi nghèo không có tiền cúng chùa thì tôi tùy hỷ với chị. Khéo tu, biết tu thì trường hợp nào chúng ta cũng có công đức, có phước hết. Người tùy hỷ, người bố thí đều được phước như nhau, còn người thấy bạn cúng nhiều sanh tâm ganh tị thì chỉ thêm tội. Mình không làm, người ta làm mà còn đổ ky thì xấu quá. Chính tâm xấu ấy làm tăng tội.

Như vậy trên đường tu, có mấy điều Phật tử phải ghi nhớ và thực hành. Điều thứ nhất đừng giành khôn. Điều thứ hai đừng giành hơn. Điều thứ ba đừng sợ nghèo không làm phước được. Nên nhớ trong đạo Phật không có ai không tu được, chỉ sợ không muốn tu thôi. Muốn tu, biết tu rồi hoàn cảnh nào tu cũng được hết.

Mong tất cả quý Phật tử có mặt hôm nay đều hoan hỷ tập những hạnh lành như tôi vừa nói, để được lợi ích cho mình và mọi người chung quanh. Làm sao mỗi ngày quý vị càng trở thành một Phật tử chân chánh, thuần thành, không bị ai phê phán là Phật tử mà còn dữ quá! Được vậy là đem tiếng tốt cho đạo, cũng là đem tiếng tốt lại cho mình và mọi người.



## THIỀN TỰ ĐẠO VIÊN (CANADA)

### PHẢN QUAN TỰ KỶ

*Năm 2002*

Khi tổ Đạt-ma sang Trung Hoa truyền bá thiền, ngài nói bốn câu kệ:

Bất lập văn tự,  
Giáo ngoại biệt truyền.  
Trực chỉ nhân tâm,  
Kiến tánh thành Phật.

Dịch:

*Không lập văn tự,  
Truyền ngoài giáo lý.  
Chỉ thẳng tâm người,  
Thấy tánh thành Phật.*

Bốn câu kệ này là chủ trương, đường lối của tổ Đạt-ma truyền dạy thiền. Vì thiền không có văn tự, không có giáo lý, nên nói giáo ngoại biệt truyền. Bởi nhận ra bản tánh của mình thì thành Phật, nên nói trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật. Đơn giản như vậy.

Xưa nay chúng ta đều ngộ tâm hơn thua, phải quấy, tốt xấu, được mất, khen chê... là tâm mình nên cứ chạy theo nó hoài. Đến cả khi ngồi thiền hay niệm Phật cũng bị tâm lăng xăng chi phối. Do đó mới tìm đến thầy để cầu cho tâm được an, nhưng làm gì tâm cũng không an. Pháp tu theo Nguyên thủy, muốn an tâm thường dạy quán hơi thở hoặc quán Tứ niệm xứ... Tổ Đạt-ma thì không dạy pháp nào hết, chỉ bảo “đem tâm ra ta an cho”.

Như vậy, Tổ an tâm mà không dùng một pháp nào, chỉ quay lại tìm xem tâm bất an ở đâu. Chỗ này nhà thiền còn gọi là “phản quan tự kỷ”, tức xoay trở lại chính mình. Câu nói của Tổ làm cho ngài Huệ Khả sửng sốt, quay lại tìm tâm thì không thấy. Không thấy tức là lúc đó tâm đã an rồi, nên Tổ xác nhận “ta đã an tâm cho người rồi”. An tâm mà không có một pháp, nên nói không một pháp cho người. Đây là chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật.

Phật nói thân này do tứ đại hợp thành. Đây đủ bốn chất đất nước gió lửa thì thân tồn tại, nếu thiếu một thứ là thân mất liền. Trong thân chúng ta, chất cứng là đất, ướt là nước, động là gió, ấm là lửa. Bốn thứ này từ cha mẹ sanh cho tới bây giờ, nó còn nguyên hay luôn đổi thay? Mũi mượn không khí ở ngoài hít vô rồi trả ra, cứ mượn vô trả ra như



thế. Nếu mượn trả đều đặn thì sống, còn thỏ khì ra mà không hít lại thì chết. Một lát mượn tách nước, chén cơm... rồi cũng phải trả. Rõ ràng cuộc sống con người chẳng qua là sự vay mượn. Mượn trả suôn sẻ thì sống, mượn trả không suôn sẻ thì chết. Như vậy, thân này có giá trị chân thật gì đâu mà lằm cháp nó để gây tạo phiền não.

Về thân là như vậy, còn về tâm thì sao? Đa số người cho rằng những nghĩ suy khôn đại, hơn thua, phải quấy, tốt xấu là tâm mình. Thế nên, cái thân nặng mấy chục ký này bị tâm suy nghĩ ấy điều khiển. Khi niệm muốn đi dấy lên sai thân đi thì nó đi, niệm ăn cơm dấy lên sai thân ăn thì nó ăn... tất cả đều do tâm dấy động thúc đẩy rồi thân làm theo. Có nghĩ mới có hành động, có nghĩ mới có nói năng. Như vậy, nói năng hành động là từ suy nghĩ mà ra, cho nên tâm suy nghĩ là chủ động, còn thân là cái bị động. Nếu suy nghĩ của chúng ta là thật thì phải biết nó ở đâu, ra sao. Bình thường tâm ấy dấy nghĩ hơn thua, nhưng tìm lại thì nó mất, rõ ràng nó không thật. Thiên tông dạy, chỉ cần nhìn lại xem cái tâm suy nghĩ ấy không thật thì tâm tự an.

Phần vật chất thì nhận thân là thật, nên tìm vật chất cung phụng cho nó ấm no. Phần tinh thần thì nhận suy nghĩ phân biệt là tâm mình thật. Lằm nhận hai thứ này thật là tỉnh sáng hay mê lằm? Tất

cả chúng ta hiện giờ đang mê lầm, thế mà ra đường có ai nói mình mê quá thì nổi sân liên, vì ngâm cho mình khôn ngoan nên không chấp nhận mình mê muội. Lúc nào cũng thấy mình khôn ngoan, nhưng sự thật không biết mình là gì hết.

Trong kinh Viên Giác, Bồ-tát Văn Thù hỏi Phật thế nào là vô minh. Phật dạy, chấp thân hư giả cho là thân thật, chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần cho là tâm thật, đó là vô minh. Sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Mắt duyên sắc, tai duyên tiếng, mũi duyên mùi, lưỡi duyên vị, thân duyên cảm xúc, ý duyên pháp trần. Tâm duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho đó là tâm thật. Thấy thân thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là đang ở trong vô minh.

Ngài Huệ Khả thấy tâm lăng xăng làm chướng ngại mình vì ngài ngộ nó thật. Khi nghe Tổ bảo thì ngài quay tìm, tức là dùng trí tuệ soi sáng lại tâm lăng xăng. Như vậy, tổ Đạt-ma đã dạy ngài Huệ Khả phản quan rồi. Thiên tông từ thời đức Phật truyền cho tổ Ca-diếp mãi về sau, đến ngài Đạt-ma là Tổ thứ 28 thì truyền thiên sang Trung Hoa. Dòng thiên này sang tới Việt Nam, được chư Tổ đời Trần ứng dụng tu, chỉ thẳng không quanh co. Chỉ thẳng ngay tâm mình, biết bóng dáng không thật liền dẹp bỏ, tức cái chân thật hiện tiền.

Pháp Phật dạy cốt dừng tâm lăng xăng. Tâm lăng xăng là hư dối, nhưng nó lại là chủ tạo nghiệp. Do đó, nếu chạy theo nó thì sẽ tạo nghiệp lành hoặc nghiệp dữ. Tạo nghiệp lành, nghiệp dữ đều đi trong luân hồi sanh tử. Nếu tâm lăng xăng theo chiều xấu thì đi xuống ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tâm lăng xăng theo theo chiều tốt thì được làm người, a-tu-la hoặc trời. Tâm lăng xăng đối đãi còn là còn đi trong sanh tử, khi nào tâm lăng xăng đối đãi lặng mất, chừng đó chúng ta mới giải thoát sanh tử.

Vì để dừng tâm vọng động lăng xăng này, đối với người nặng về lòng tin thì đức Phật dạy niệm Phật. Tin Phật A Di Đà, tin cõi Cực Lạc, tin mình niệm Phật sẽ được Phật đón về Tây phương. Dùng lòng tin tha thiết chí tâm niệm Phật như thế, dần dần tâm lăng xăng lặng sạch. Với người nghiêng về trí quán thì Phật dạy có nhiều cách, như hệ Nguyên thủy thì quán thân bất tịnh như nhớp. Thiền tông thì đi thẳng, biết gốc tạo nghiệp sanh tử luân hồi là tâm niệm lăng xăng, nhìn thẳng niệm lăng xăng lặng hết thì tâm an định, an định thì tâm chân thật hiện tiền, đó là giải thoát sanh tử.

Thiền tông nhìn thẳng để biết tâm vọng tưởng hư giả, tức là không mượn một phương tiện nào để dừng tâm, nên nói không có pháp môn. Vì không có

pháp môn nào nên nói giáo ngoại biệt truyền. Nhìn thẳng bằng trí tuệ thấy vọng tưởng không thật, làm chủ được nó lâu ngày tự nó tan biến. Tâm lăng xăng hết, nhưng cái biết tâm lăng xăng vẫn hiện tiền, đó là chỗ đặc biệt của nhà thiền. Đi sâu trong cái giả dối không thật để nhận ra cái chân thật muôn đời của mình, tạm gọi là “bản lai diện mục”.

Dùng trí tuệ nhìn lại thì tâm lăng xăng tan biến, gọi là phản quan tự kỷ. Đây là một pháp tu mà không có pháp gì hết, chỉ lấy trí chiếu rọi lại mình. Người ta tu hay cầu được Phật xoa đầu, Bồ-tát ấn chứng v.v... nhưng nhà thiền không cầu như thế. Dứt tâm lăng xăng rồi thì trí tuệ tự sáng, không cầu chi hết, nên nói không phải từ ngoài mà được. Phá tan mê lầm, gọi là giác ngộ. Dùng được tâm sanh diệt, lăng xăng không còn dấy động nữa là đi tới giải thoát sanh tử. Đường lối tu theo Thiền tông là lối tắt, đi thẳng không quanh co cũng không mượn phương tiện.

Nếu ai nghiên cứu mười bức tranh chặn trâu của Thiền tông, sẽ thấy lối minh họa của các thiền sư hết sức đích xác. Trong mười mục chặn trâu, mục thứ nhất là thàng chặn đi tìm con trâu. Thàng chặn tượng trưng cho trí tuệ Bát-nhã, con trâu là tâm vọng tưởng. Thàng chặn đi tìm trâu, không thấy dấu vết gì hết nhưng vẫn xách roi đi tìm. Sang mục

thứ hai, dần dần thấy dấu rồi, thằng chặn tay cầm roi, tay nắm dây dầm xỏ mũi trâu dắt về.

Chỗ này người ta không hiểu làm gì, đây chính là dùng phương tiện để dùng tâm lãng xăng. Phương tiện là giới luật, là sợi dây xỏ mũi kiềm chế con trâu. Như hàng cư sĩ thì giữ 5 giới, Sa-di giữ 10 giới, Tỳ-kheo-ni giữa 348 giới, Tỳ-kheo giữ 250 giới... Bị sợi dây xỏ mũi kiềm chế nên ngoảnh đầu bên này bị giật lại, ngoảnh đầu bên kia bị giật lại. Cũng vậy, giới luật dụ như sợi dây dầm xỏ mũi con trâu. Người tu giữ giới không cho phạm tức là không đi lệch ra phạm vi của mình. Nếu trâu hung hăng quá, lôi không thềm đi thì chú mục đồng phải cầm dây roi để đánh. Roi và dây dầm dụ cho giới luật.

Trí tuệ Bát-nhã là trí tuệ sáng suốt của mình, biết con trâu hung hăng nên đi tìm bắt, trừng phạt không cho nó chạy nữa. Sở dĩ chúng ta ngồi thiền là để kiềm chế, giữ tâm không cho lãng xăng. Sau khi giữ được rồi thì kéo trâu trở về, từ đó thằng chặn mới leo lên lưng cỡi được. Giữ gìn kỹ một thời gian trâu thuần hòa, bấy giờ nó nằm dưới cội cây, thằng chặn dựa cây ngủ không cần làm gì, mà trâu cũng quanh quẩn ở bên, không đi đâu hết. Đây là chỉ cho khi chúng ta theo dõi, điều phục tâm lãng xăng đến lúc nó hiền hòa, yên lặng từ từ. Giai đoạn sau trâu

mất hẳn, tức tâm lăng xăng lạng hết rồi, đó là giai đoạn thành công thứ nhất.

Trâu và thừng chẵn đều mất, đây là tới mục thứ tám. Không còn trâu, không còn thừng chẵn chỉ có một vòng tròn như mặt trăng. Thừng chẵn là đối với con trâu, khi trâu còn hung hăng thì phải có lần tìm, đuổi bắt, chẵn giữ để kiềm chế nó. Khi trâu thuần rồi thì thừng chẵn đâu cần làm gì nữa. Cũng vậy, khi tâm còn lăng xăng thì chúng ta phải nhìn theo dõi, không để cho nó lăng xăng. Khi tâm lăng xăng ấy đã yên lặng rồi thì mình còn dùng trí nhìn nó làm chi. Do đó trâu mất thì chẵn cũng không còn. Thế nên, lúc đó trí cũng lặng. Cái bị thấy hết thì người hay thấy cũng lặng luôn. Cái bị thấy là tâm lăng xăng, người hay thấy là trí Bát-nhã, cả hai đều mất chỉ còn một tâm lặng lẽ.

Đến đây nhà thiên gọi là đầu sào trăm trượng, cần phải nhảy qua khỏi chỗ này nữa. Như người trèo lên cây trăm thước, khi trèo lên là còn có cây để trèo. Trèo tới đầu sào chót ở trên, phải nhảy qua khỏi mới đến đích được. Nhảy khỏi đầu sào trăm trượng mới thể nhập Pháp thân. Chúng ta có Pháp thân chân thật nhưng lâu nay quên mất, bây giờ trở về được nên gọi là thể nhập. Trong mục thứ chín, tượng trưng bằng hình ảnh lá rụng về cội, chim bay về tổ.

Thể nhập Pháp thân rồi thì tới mục thứ mười là thông tay vào chợ, với hình ảnh ông già bụng bự, tay quảy cá chép, tay cầm bầu rượu đi vô xóm làng để giáo hóa chúng sanh. Thể tánh chân tâm có đầy đủ ba thân: Pháp thân, Báo thân, Ứng thân hay Hóa thân. Người thể nhập Pháp thân rồi thì tùy duyên thị hiện độ sanh. Bằng con mắt trí tuệ nhìn thấy chúng sanh nào có căn cơ thức tỉnh thì lăn xả vào đó để hóa độ họ. Với kẻ say mê rượu chè thì tới quán rượu tìm cách gần gũi để giáo hóa. Tóm lại, chúng sanh mê say cái gì thì tùy theo đó mà hiện thân ứng hóa độ họ. Vì vậy, tượng trưng bằng hình ảnh ông già tay xách bầu rượu đi vào xóm làng. Đây là pháp Đồng sự nhiếp trong Tứ nhiếp pháp.

Bồ-tát có đủ hình thức, đủ phương tiện thị hiện để làm lợi ích cho chúng sanh. Khi người say mê rượu chè, cờ bạc hoặc làm việc gì không tốt, kịp thời có người ngăn cản không nên làm, đó chính là Bồ-tát hiện thân để nhắc nhở chuyển hóa họ. Với hình thức của một thầy tu thì không thể giao du với người uống rượu được, vậy làm sao khuyên ngăn. Thế nên Bồ-tát phải có hình thức như vậy, gọi là ứng thân để giáo hóa chúng sanh. Tinh thần tu Phật kỳ đặc ở chỗ đó. Thấy thân giả, tâm hư dối, biết rõ không mê lầm, nên Bồ-tát luôn nỗ lực quyết tu tiến tới giải thoát. Thế nhưng các ngài luôn thị

hiện tất cả tướng để tùy duyên hóa độ chúng sanh, chứ không thành thói bỏ mặc ai làm gì thì làm. Đó là tinh thần tu hành của Bồ-tát.

Người tu theo Thiên tông tới chỗ tâm thanh tịnh không còn vọng niệm, khi đó trí tuệ Bát-nhã cũng buông luôn. Có người thắc mắc, nếu buông luôn trí tuệ Bát-nhã vậy mình có ngu không. Nhiều người sợ tu thiên riết thành khờ, vì cho rằng có suy tính việc này việc nọ mới khôn, còn không nhớ nghĩ, không tính toán gì hết thì thành ngu. Nếu tu để thành ngu thì chúng ta tu làm chi?

Một khi tất cả những loạn động sạch rồi, tâm chân thật thanh tịnh sáng suốt hiện ra thì lúc ấy diệu dụng cùng khắp. Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, hay còn gọi là trí vô sư. Người đời quý trọng những vị thông minh có kiến thức cao, nhưng trong đạo Phật thì ngược lại, không quý trí tuệ thế gian mà quý trí tuệ xuất thế gian. Trí tuệ thế gian là trí hữu sư, còn trí tuệ xuất thế là trí vô sư. Vô sư là không thầy.

Khi thái tử Tất-đạt-đa rời bỏ khổ hạnh, đến dưới cội cây tất-bát-la thiên định. Đến đêm thứ 49, trong khoảng canh một tới canh hai Ngài chứng Túc mạng minh, rõ sáng biết được sanh mạng vô số đời trước của mình. Ngài nói: “Ta nhớ vô số kiếp



về trước như nhớ việc mới xảy ra hôm qua, rõ ràng không có chỗ sai sót”. Từ đó Ngài biết con người không phải mới có mặt một lần ở đời này, mà đã vô lượng lần sanh đi tử lại.

Khoảng canh hai tới canh ba, Ngài chứng được Thiên nhãn minh. Với con mắt này, Ngài thấy thấu suốt tất cả sự vật lớn nhỏ dù ở rất xa. Ngài nói trong bầu hư không này có hằng hà sa số thế giới. Phật thấy các thế giới nhiều như cát sông Hằng ở Ấn Độ, mà không phải nhìn qua kính viễn vọng, cho đến những vật nhỏ tí ti như vi trùng trong bát nước. Thế nên Phật dạy các thầy Tỳ-kheo khi uống nước phải lọc kỹ và tụng bài kệ:

*Phật quán nhất bát thủy,  
Bát vạn tứ thiên trùng,  
Nhuộc bất trì thủ chú,  
Như thực chúng sanh nhục.*

Đức Phật thấy xa thật xa, nhỏ thật nhỏ. Ngài thấy chúng sanh sau khi thân hoại bị nghiệp dẫn đi luân hồi trong sáu đường, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ qua người lại rõ ràng. Vì vậy Phật mới nói lý luân hồi nghiệp báo, để nhắc nhở mọi người biết thức tỉnh, dè dặt để đời sau đừng đọa vào những đường khổ.

Từ canh ba đến canh năm, khi sao mai vừa mọc Ngài chứng được Lộ tận minh, không còn rơi rớt lại trong sanh tử ở tam giới nữa. Sau đó, Phật giảng nói về pháp Tứ đế v.v... chỉ rõ nguyên nhân nào chúng sanh trầm luân, nguyên nhân nào thoát khỏi vòng sanh tử.

Như vậy, thời gian Phật ngồi dưới cội bồ-đề, Ngài chỉ định tâm cho yên lặng hoàn toàn, từ đó tự sáng lên chứ hoàn toàn không học với ai hết. Trí tự sáng ấy là trí vô sư. Thế nên Phật nói: “Ta học đạo không thầy”. Ngồi thiền là một phương tiện để dừng tâm lăng xăng tạo nghiệp, tới chỗ an định hoàn toàn. Khi tâm an định hoàn toàn rồi thì trí tuệ vô sư hiển bày, vượt hết tất cả trí phàm tục. Biết thấu chốt đó chúng ta mới nắm vững đường tu mà Phật đã dạy.

Phật chỉ cho chúng ta hai con đường:

1. Nếu còn sanh tử thì lựa sanh tử tốt, tránh sanh tử xấu. Đó là đi trong ba đường lành: trời, a-tu-la, người.

2. Hai là giải thoát sanh tử. Định tâm yên lặng dứt hết mầm suy tưởng, được hoàn toàn an định, trí vô sư hiển hiện. Đây đủ tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông, v.v... đây là chỗ siêu thoát nhiệm mầu.

Phật chỉ ra con đường rồi tùy chúng ta chọn lựa, ai muốn đi gần thì chọn lựa đường tốt, ai muốn đi xa thì phải cố gắng tu để vượt ra khỏi sanh tử.

Trong nhà thiền, các thiền sư luôn luôn chỉ cho người tu thiền biết mà nhận ra cái thật của mình. Đức Phật trên hội Linh Sơn, không thuyết pháp mà chỉ đưa cành hoa sen lên. Sau đó Ngài nhìn khắp chúng hội, tất cả đều ngơ ngác chỉ riêng ngài Ca-diếp nhìn Phật mỉm cười. Phật liền ấn chứng, bảo: Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, nay trao cho Ca-diếp. Ngang đó ngài Ca-diếp được truyền y bát, làm Tổ kế thừa thứ nhất.

Phật đưa cành hoa sen lên rồi nhìn từng người, vậy Phật muốn chỉ cái gì? Quả là một bài pháp không lời. Câu nói kỳ đặc mà lâu nay ít ai để ý tới, đó là: “Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm”. Chánh pháp nhãn tạng là chánh pháp từ kho con mắt. Phật đưa cành hoa lên, ngài Ca-diếp nhìn Phật, Phật nhìn ngài Ca-diếp. Ngài Ca-diếp mỉm cười là nhận được chánh pháp từ kho con mắt, từ kho con mắt mà nhận được tánh giác. Do nhận được yếu chỉ này, nên ngài Ca-diếp trở thành Tổ sư.

Tại sao từ con mắt có chánh pháp? Như bình hoa ở đây, tất cả mọi người nhìn vào ai cũng thấy. Khi thấy bình hoa không suy nghĩ gì, vừa khởi

niệm phân biệt bình hoa đẹp xấu thì có thứ khác chen vô. Thấy bình hoa là bình hoa, cái thấy biết đó rõ ràng nhưng vừa có ý nghĩ bình hoa đẹp xấu thì liền có niệm tiếp theo, ai chưng hoa khéo quá hoặc ai chưng xấu quá. Có khen chê thì có thương ghét, từ đó tạo nghiệp. Nếu thấy bình hoa chỉ là bình hoa thì đâu có tạo nghiệp.

Từ đây nghiệm ra các việc khác cũng như thế. Cái thấy biết sẵn ngay nơi tai mắt mình, thấy biết ở chặng thứ nhất thì đúng, mà qua chặng thứ hai, thứ ba thì sai. Bởi chặng thứ nhất là cái thấy thật, qua chặng thứ hai, thứ ba có tình thức xen vô nên hết thật. Có tình thức là có tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử. Nếu biết sống trở lại tâm chân thật thì ra khỏi luân hồi sanh tử, ngược lại sống với tâm phân biệt lăng xăng thì trôi lăn mãi trong sáu đường, không biết bao giờ ra khỏi. Phật muốn cho chúng sanh thấy cái chân thật hiện tiền của mình, nên dạy dẹp bỏ hết những thứ hư dối, đừng mê lầm nữa. Như vậy tu thành Phật là trở về với tâm bất sanh bất diệt thường hằng của mình.

Ở Việt Nam, Thiên tông đời Trần lấy “phản quan tự kỷ” làm bốn phận chủ yếu của người tu. Đến ngày nào tâm hoàn toàn yên lặng thanh tịnh, chừng đó sẽ giác ngộ viên mãn. Cách chỉ dạy này không khác với cách chỉ dạy của đức Phật chỉ dạy

cho ngài Ca-diếp, tổ Đạt-ma chỉ dạy cho tổ Huệ Khả. Thật là một hệ thống từ đầu tới cuối, nhất quán không hai.

Tuệ Trung thượng sĩ tu đúng như vậy nên tuy còn gia đình, đầy đủ thê thiếp mà vẫn ngộ đạo. Tối giờ phút sắp lâm chung, ở tại Dưỡng Chân Trang, ngài nằm yên nhắm mắt, các thê thiếp nghe vậy chạy ra khóc lóc, ngài mở mắt ngồi dậy bảo lấy nước rửa mặt. Rửa mặt xong, ngài quở: “Ta đi có nơi, về có chốn. Các người khóc lóc làm náo loạn chân tánh ta”. Nói rồi nằm xuống thị tịch. Dù là một người cư sĩ nhưng khi nhận ra cái thật rồi, lúc ra đi rất thanh thoi. Điều này cho thấy, quý Phật tử còn tóc đừng ngại tu không được. Còn tóc hay cạo tóc gì miễn là thực hành đúng thì kết quả như nhau.

Đó là những gì tôi muốn nhắc nhở quý Phật tử, mong tất cả ghi nhớ và cố gắng thực hành để được giải thoát an vui.



## CHÙA BỒ ĐỀ (CANADA)

### NÓI VỀ HAI CHỮ BỒ ĐỀ

*Năm 2002*

Hôm nay tôi nói về ý nghĩa của hai chữ Bồ-đề, vì Bồ-đề cũng là tên gọi của ngôi chùa này. Vì vậy tôi sẽ giải thích trọng tâm hai chữ Bồ-đề, theo trong kinh giáo và qua cái nhìn của các thiền sư, để quý vị nắm rõ hơn.

Bồ-đề tiếng Phạn là Bodhi, đọc trại âm là Bồ-đề, Trung Hoa dịch là giác. Sau khi đức Phật thành đạo dưới cội tất-bát-la thì cây này được đổi tên thành cây bồ-đề. Đạo Phật lấy giác ngộ làm chỗ cứu cánh, nếu không giác ngộ coi như sự tu chưa xong. Bồ-tát Sĩ-đạt-ta do giác ngộ mà thành Phật, chư vị Bồ-tát, A-la-hán cũng do giác ngộ mà thành.

Giác ngộ có hai: phần giác và mãn giác. Phần giác là giác ngộ từng phần, mãn giác là giác ngộ viên mãn. Các vị Thanh văn, do giác ngộ lý vô thường, vô ngã mà chứng thánh quả. Những hàng

Duyên giác giác ngộ các pháp do nhân duyên sanh mà chứng quả. Chư vị Bồ-tát giác ngộ các pháp tự tánh không, tu lục độ vạn hạnh thành tựu quả vị Bồ-tát. Đây gọi là phân giác. Phật giác ngộ đến chỗ tốt cùng đầy đủ tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn; nghĩa là tự mình đã giác ngộ lại giác ngộ cho người, công hạnh tròn đủ, nên gọi Phật là bậc toàn giác hay mãn giác. Bây giờ tôi sẽ nói về trường hợp giác ngộ của các vị thiên sư.

Trường hợp thứ nhất. Ngũ tổ Hoàng Nhẫn đến lúc tuổi già muốn đồ đệ trình kiến giải để tìm người kế thừa, xứng đáng được trao y bát làm Tổ thứ sáu. Trong hội của Tổ có cả thầy 500 vị, đứng đầu là Giáo thọ sư Thần Tú. Tăng chúng không ai dám trình kệ, vì nghĩ chỉ có thầy giáo thọ mới vào cửa được. Ngài Thần Tú lâu nay chưa dám nghĩ đến việc này, giờ ở vào hoàn cảnh tiến thoái không xong, dù rất lo âu nhưng buộc lòng phải làm kệ. Làm xong trong tâm bất an, không dám trình thẳng với Ngũ Tổ, ngài lén viết lên vách ngoài hành lang chùa bài kệ:

Thân thị bồ-đề thọ,  
 Tâm như minh cảnh đài,  
 Thời thời cần phát thức,  
 Vật sử nhạ trần ai.

Dịch:

*Thân là cây bồ-đề,  
 Tâm như đài gương sáng,  
 Luôn luôn phải lau chùi,  
 Chớ để dính bụi nhơ.*

Ngũ Tổ đọc bài kệ thâm biết chưa đạt nhưng vẫn khen hay, rồi bảo chúng mỗi người đều phải lễ bái, học theo đó mà tu. Sau đó, Ngũ Tổ cho gọi ngài Thần Tú vào thất hỏi: “Phải ông làm bài kệ này không?”. Ngài khiêm nhường thưa: “Bạch Hòa thượng, con làm nhưng không dám mong cầu Tổ vị, chỉ trình để Thầy xem có chút trí tuệ chăng?”. Ngũ Tổ nói: “Bài kệ này chưa vào cửa được, nên viết bài khác”. Ngài xuất hạn mồ hôi, không biết phải viết lại thế nào.

Ngài Huệ Năng đang làm công quả giã gạo dưới nhà trù, nghe chú điệu đi ngang đọc bài kệ của ngài Thần Tú. Ngài Huệ Năng bèn nhờ dẫn đến hành lang đọc lại bài kệ cho ngài nghe. Lúc ấy có quan Biệt giá họ Trương cũng đang đứng đó, ngài Huệ Năng nói tôi cũng có một bài kệ, nhưng không biết chữ, nhờ quan Biệt giá viết giùm. Quan Biệt giá ngạc nhiên hỏi:

- Cư sĩ công quả mà cũng có kệ sao?

Ngài đáp:



- Kẻ hạ hạ cũng có trí thượng thượng, người được xem là thượng thượng vẫn không có ý chí. Không nên nhìn hình thức bên ngoài để đánh giá, người tâm thường vẫn có của báu bên trong.

Quan Biệt giá liền viết giùm ngài bài kệ:

Bồ-đề bốn vô thọ,  
 Minh cảnh diệt phi đài.  
 Bản lai vô nhất vật,  
 Hà xứ nhạ trần ai?

Dịch:

*Bồ-đề vốn không cây,  
 Gương sáng cũng chẳng đài.  
 Xưa nay không một vật,  
 Chỗ nào dính bụi bặm?*

Viết xong, ai nấy đều ngạc nhiên, không ngờ một cư sĩ mà có thể làm kệ hay như thế. Ngũ Tổ nghe bàn tán xôn xao liền đến xem, rồi lấy dép xóa đi và nói cũng chưa thấy tánh. Ngài Thần Tú nói thân là cây bồ-đề, tâm như đài gương sáng, phải lau chùi đừng để dính bụi nhơ, vì bụi nhơ khiến gương không sáng. Ngài Huệ Năng nói ngược lại, Bồ-đề vốn không cây, gương sáng cũng không đài, xưa nay không một vật thì chỗ nào dính bụi bặm mà lau chùi?

Nhìn trên mặt văn chương, ngài Thần Tú nói rất hay. Ngài cụ thể hóa Bồ-đề và tâm nhưng vô tình trở thành vướng mắc. Đã biết Bồ-đề là tánh giác không hình tướng mà còn nói cây. Tâm như đài gương sáng, chữ đài làm giảm giá trị của gương. Gương vốn tự sáng, không cần để trên đài nó mới sáng. Cho nên Lục Tổ nói, gương sáng cũng chẳng đài để phá cái chấp hình thức. Bồ-đề là tánh giác, thể Bồ-đề không hình tướng, tự nó sáng và thanh tịnh, không phải vật thì lau chùi cái gì? Nếu đợi chùi rửa mới thanh tịnh thì không đúng tâm Bồ-đề. Nên nói, xưa nay không một vật, chỗ nào dính bụi nhơ.

Ngài Thần Tú dụ tánh giác như đài gương, phải ráng lau chùi nó mới hiện rõ. Nhiều người cho rằng dạy như thế dễ tu vì thực tế hơn. Phiền não là bụi bặm nhơ nhiễm, nếu chịu khó gột rửa đều đều gương tâm mới sáng. Ngài Huệ Năng nhận ra tánh giác sẵn có không sanh diệt, không phải do lau chùi mà được. Cách trình bày này có vẻ trừu tượng không thực tế, nhưng con mắt của Ngũ Tổ nhìn người không lầm. Một bên còn hình thức và dụng công, một bên không mắc kẹt hình thức mà chỉ thẳng tánh giác.

Khi biết Huệ Năng xứng đáng được truyền tâm ấn, giữa đêm khuya Ngũ Tổ gọi vô thất giảng kinh

Kim Cang cho nghe. Tới câu: “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài liền đại ngộ thốt lên rằng:

*Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,  
Đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt,  
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ,  
Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động,  
Đâu ngờ tự tánh hay sanh muôn pháp!*

Ngũ Tổ biết ngài đã thấy tột lý đạo liên truyền y bát và đặt pháp hiệu là Huệ Năng, ẩn chứng ngài là vị Tổ thứ sáu của Thiên tông Trung Hoa. Vì sợ ngài bị hại nên Ngũ Tổ đưa qua sông lánh nạn. Từ đó về sau ngài Huệ Năng phải ẩn trong nhóm thợ săn nhiều năm, chịu không biết bao gian nan khó khổ, đợi khi đủ duyên mới xuất hiện truyền bá pháp môn đốn giáo của Tổ sư.

Qua sự giác ngộ sâu cạn của hai vị thiền sư vừa nêu trên, chúng ta có thể hiểu rõ hơn ý nghĩa chữ Bồ-đề trong nhà thiền. Ngài Thần Tú thấy biết mình có tánh giác nhưng bị bụi phủ, phải ráng lau chùi. Ngài Huệ Năng thấy biết tánh giác không hình tướng, luôn luôn trong sạch, không cần lau chùi. Hai cái nhìn khác nhau rất xa. Thấy tánh giác tròn đủ, không hình tướng là trực ngộ được bản thể chân thật. Vì thế việc tu hành vượt ngoài các hình thức thông thường.

Trường hợp thứ hai. Thiên sư Hoài Nhượng ở núi Nam Nhạc. Trước học với thiên sư Huệ An ở Tung Sơn, sau qua Lục Tổ tham vấn. Tổ hỏi:

- Ở đâu đến?

Ngài trả lời:

- Ở Tung Sơn đến.

- Vật gì đến như thế?

- Nói in tuồng một vật tức không trúng.

Ngài Hoài Nhượng biết Tổ muốn hỏi chỗ chân thật chứ không phải vật có hình tướng, vô thường sanh diệt nên thưa, nói in tuồng một vật tức không trúng. Thiên ngữ thật đặc biệt. Nói in tuồng một vật tức không đúng, giống câu bản lai vô nhất vật. Rõ ràng xưa nay không một vật.

Lục Tổ tuy thâm biết ngài đã vào được cửa, nhưng vì muốn thử xem có lạc vào sở tri chướng hay không, nên hỏi tiếp: “Lại có thể tu chứng chăng?”. Ngài đáp: “Tu chứng tức chẳng không, nhiễm ô tức chẳng được”.

Đã thật thấy được bản tâm, tuy không phải một vật nhưng vẫn có tu chứng, đúng với chỗ Lục Tổ nói: “Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?”. Cái thấy của hai thầy trò không khác, vì vậy Tổ truyền tâm ấn cho ngài.

Thiền sư Hoài Nhượng hoát nhiên khế hội và được Lục Tổ ấn chứng. Từ đó ngài hầu Tổ ngót 15 năm, sau về tu ở núi Nam Nhạc. Dưới ngài có Mã Tổ Đạo Nhất và nhiều vị thiền sư truyền bá Thiền tông cho tới bây giờ. Hệ phái Tào Động, Lâm Tế rất phổ biến ở Việt Nam, Trung Hoa và Nhật Bản. Tông Lâm Tế truyền thừa đến ngày nay đều là con cháu của ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng.

Tại Việt Nam, vào cuối thế kỷ 18 có thiền sư Thanh Đàm hiệu Minh Chánh ở Bích Động. Ngài từng làm một bài kệ giải công án của Thuần-đà. Sau khi Phật thọ thực bữa cơm do Thuần-đà cúng dường thì bị bệnh, vì thế bữa cơm đó gây ra nhiều dư luận. Đồ đệ Phật kết án ông đã đầu độc đức Phật, thế nhưng Thế Tôn lại tán thán. Hai người cúng dường được lợi ích lớn, đó là mục nữ Su-già-ta cúng dường bát sữa đầu tiên trước khi Phật thành đạo, và cư sĩ Thuần-đà cúng dường bữa cơm sau cuối trước khi Phật nhập Niết-bàn.

Như vậy, Thuần-đà có tội hay không? Thiền sư Minh Chánh có làm bài kệ giải thích:

*Không nói ngắn, chẳng nói dài,  
Ngắn dài, phải quấy thấy đều sai,  
Cầu hay lại hóa người chê vụng,  
Bấn sẻ đâu ngờ sói chực ngay.*

*Công danh cái thế màn sương sớm,  
 Phú quý kinh nhân giấc mộng dài,  
 Chẳng hiểu bản lai vô nhất vật,  
 Công phu uổng phí một đời ai.*

*Không nói ngắn, chẳng nói dài; ngắn dài, phải quấy thảy đều sai.* Ngắn dài, phải quấy vốn không thật, không cố định. Như cái cây 2 thước ngắn hơn cây 4 thước, nhưng lại dài hơn cây 1 thước. Rõ ràng ngắn dài không cố định, chẳng qua phân biệt đối đãi thôi, vậy mà chúng ta chấp cho là thật. Văn hóa mỗi nước cũng khác nhau, nơi này phải, nơi khác quấy; thời này phải, thời khác quấy. Như ngày xưa phụ nữ thường bị coi thường hơn nam nhân, nhưng bây giờ nam nữ đã bình quyền. Phải quấy không cố định, vậy mà chúng ta cứ cãi nhau thật vô lý. Biết phải quấy không thật, buông đi, cười thôi. Hiểu được như thế, cuộc sống an lành biết mấy.

Trong kinh A Hàm Phật dạy rất rõ, người biết tôn trọng chân lý là khi nghĩ hoặc thấy thế nào, cứ trình bày đây là điều tôi nghĩ, tôi thấy. Ngay đó thôi, đừng thêm đúng sai. Dù trải thời gian lâu xa, cái nhìn của đức Phật và thiên sư vẫn không khác. Điều này cho thấy đạo Phật rất sáng suốt cởi mở, không cố chấp. Ai cũng có quyền trình bày sự hiểu biết của mình, nhưng không độc đoán cho mình đúng, còn khác mình là sai.

Thiền sư Minh Chánh nói, người nào còn thấy dài ngắn phải quấy là chưa nhận được lẽ thật. Mình đưa ra ý kiến gì đều muốn thiên hạ chấp thuận, ai cãi lại liền nổi giận lôi đình. Bởi vậy trong nhà vợ chồng cãi nhau, ra ngoài công sở đồng nghiệp khẩu chiến. Cứ thế mà con người sống trong điên đảo, bị phiền não làm cho khổ đau. Nội dung bài kệ là một pháp tu rất thiết thực, khởi căn nhọc nhằn, miễn đừng thấy thị phi, trường đoản thì cả ngày không phiền não, an ổn nhẹ nhàng. Một khi nhận định đúng, mọi thứ đều hay.

Vì vậy trong Bát chánh đạo, đức Phật đặt chánh kiến lên trên. Trước phải có nhận định đúng, sau mọi việc mới đúng theo. Người tu sáng suốt thấy rõ tất cả pháp đối đãi không thật. Nhiều Phật tử than thở tu hoài không hết phiền não, là do chấp chặt phải quấy thành ra khó tu. Nhà thiền không dạy nhiều, chỉ một câu ách yếu mà ứng dụng tu suốt đời có khi cũng chưa rồi.

*Công danh cái thế màn sương sớm, phú quý kinh nhân giấc mộng dài.* Công danh dù tột đỉnh rồi cuộc cũng như màn sương buổi sáng, nắng lên liền tan hết. Người thế gian ai cũng muốn được công danh, trọn đời mãi mê theo đuổi mà không biết nó hư ảo. Giàu sang đến nỗi người ta nghe tới tên liền hoảng sợ, cũng chỉ là một giấc mộng dài

thôi. Đến lúc nhắm mắt tắt thở, ra đi với hai bàn tay trắng, bao nhiêu sự nghiệp tài sản bỏ lại hết. Cả đời theo đuổi công danh phú quý, nhưng kết quả chỉ là sương sớm, giấc mộng dài, không có gì thật. Nếu lúc nào chúng ta cũng nhớ điều này thì cuộc sống nhẹ nhàng thanh thoi.

*Chẳng biết bản lai vô nhất vật, công phu uống phí một đời ai.* Không nhận ra bản lai vô nhất vật thì luống uổng một đời tu. Người xuất gia cả đời đi tu mà không nhận ra tánh giác, là vô ích. Tánh giác chân thật không bại hoại, không gì có thể làm lem luốc lại không hay biết, mãi chạy theo những thứ hư ảo sớm còn tối mất thì làm sao nắm giữ được. Thật đáng buồn!

Cái nhìn của Lục Tổ với cái nhìn của thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng và ngài Minh Chánh không khác, tất cả đều đi tới chỗ nhận ra tâm chân thật bất sanh bất diệt. Sự giác ngộ của thiền sư là nhận lại bản lai vô nhất vật của chính mình. Nhận ra mặt thật lâu nay mình bỏ quên mới xứng đáng với tâm nguyện xuất gia cầu giác ngộ giải thoát. Tu không phải chuyện xa xôi lạ lẫm mà thực tế rõ ràng.

Sau khi Lục Tổ nhận y bát từ Ngũ Tổ, ngài phải trốn đi trong đêm khuya vì sợ Tăng chúng đuổi theo



giành lại. Đọc tới đây tôi rất buồn, tại sao trong chùa còn giành giật như vậy? Càng sống lâu trong đạo, nghiên cứu và học hỏi giáo lý, tôi mới thấu hiểu điều này. Năm trăm chúng xuất gia không được thầy truyền y bát, ông cư sĩ mới tới chưa bao lâu lại được truyền, không tức sao được! Nếu chúng ta có mặt trong hội đó chắc cũng giống vậy thôi.

Trong số đó có thượng tọa Huệ Minh, trung niên mới xuất gia, trước làm tướng đánh giặc nên rất hăng, đuổi theo kịp Lục Tổ. Tổ thấy thế mới để y trên tảng đá nói: “Y này là biểu tín, có thể dùng sức mà tranh sao!”. Rồi ẩn vào bụi rậm. Huệ Minh chạy lại ôm y bát lên mà không được, liền kêu: “Cư sĩ, cư sĩ! Tôi vì pháp mà đến, không phải vì y đến”. Lục Tổ bước ra bảo: “Ông nên bật hết các duyên, chớ sanh một niệm, ta sẽ vì ông nói”. Huệ Minh im lặng giây lâu, Lục Tổ bảo: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, chính khi ấy cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?”. Ngay đó Huệ Minh nhận ra và tôn Lục Tổ làm thầy.

Lúc ở thiền viện Chơn Không, có lần tôi nhập thất ba tháng. Sau khi ra thất, thầy đại diện trong chúng bạch:

- Bạch Thầy! Ba tháng qua Thầy có điều gì hay xin kể lại cho chúng con nghe.

Tôi nói:

- Không có gì đặc biệt, nhưng tôi sẽ kể cho mấy chú nghe câu chuyện. Có anh chàng nọ rất thích son phấn, nên ngay cửa ra vào anh để bên đây hộp son, bên kia hộp phấn. Mỗi khi trong nhà đi ra anh chấm phấn quẹt lên mặt một cái, lúc trở vào anh chấm son quẹt lên mặt một cái. Quẹt hoài không chịu rửa, lâu ngày mặt bên đây trắng mặt bên kia đỏ. Người ta kêu anh là thằng mặt trắng mặt đỏ, dần dần anh cũng chấp nhận tên gọi đó. Một hôm có người bạn thân từ thuở nhỏ về chơi, hỏi tại sao mặt mày lại như thế. Anh đáp: “Tôi mặt trắng mặt đỏ vậy mà”. Người bạn nói: “Không phải. Tao nhớ hồi xưa mày không như vậy. Tại mày bôi phấn trét son lên hoài nên thành mặt trắng mặt đỏ. Nếu bây giờ chịu khó chùi rửa, sẽ hiện ra mặt thật”. Nghe người bạn nói có lý, anh bắt đầu chùi rửa. Lâu ngày son phấn trôi hết, hiện lại bộ mặt xưa.

Qua câu chuyện này, tôi muốn nhắc tới gương mặt xưa của chúng ta. Son phấn dụ cho thiện ác, phải quấy hai bên. Bởi quá thích son phấn nên anh chàng kia đánh mất mặt thật, cũng vậy chúng ta chạy theo đối đãi nên quên mất bản lai diện mục của chính mình. Do chúng ta cố chấp đối đãi nên tâm luôn bất an. Đang mặc bộ đồ tương đối ấm áp vừa ý, thấy ai mặc bộ khác đẹp hơn liền muốn được

như họ. Đủ tiền sắm không nói gì, chưa đủ phải lo tính toán. Hoặc ăn tạm no rồi mà nghe người ta nói món kia ngon, lại muốn ăn thêm thành ra phát ách. Từ sớm tới chiều bị mấy thứ đó quay cuồng khiến quên mất mình. Nếu tỉnh lại không chạy theo nữa thì tâm an nhiên tự tại.

Người tu thiền phải thấy rõ các pháp hư ảo không thật, nhận chân được cái thật của chính mình. Thấy biết như vậy là giác, chưa thấy biết như vậy là mê. Yếu chỉ nhà thiền dạy “trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật”, đây là Phật nhân chứ không phải Phật quả, cần nỗ lực công phu nhiều hơn nữa mới thành Phật quả.

Tóm lại, ý nghĩa Bồ-đề là giác, giác từng phần hoặc giác viên mãn. Giác viên mãn là nhận và sống được với tâm chân thật của chính mình, biết rõ mọi thứ hư dối không lầm. Nắm được ý nghĩa Bồ-đề rồi, sự tu không khó. Đó là tôi nói qua ý nghĩa sự giác ngộ của đức Phật và các vị thiền sư trong nhà thiền.

Mong tất cả quý Phật tử ghi nhớ và thực hành được nhiều lợi lạc.



## THIÊN ĐƯỜNG TRÚC LÂM PHÚC ĐỨC (ÚC CHÂU)

### Ý NGHĨA CHỮ PHÚC ĐỨC

Thiên tự này tên là Phúc Đức, vì vậy hôm nay tôi sẽ giải thích về ý nghĩa của hai chữ này. Chúng ta làm việc có danh nghĩa thì phải thấu hiểu danh nghĩa đó, để ứng dụng tu tập cho bản thân mình và những người thân cận biết mà tu tập theo. Hai chữ Phúc Đức rất bình dân, không có gì lạ. Phúc là phước chúng ta tạo, đức là tư cách, hành động trong việc tu hành của mỗi người.

Trong kinh Phật dạy, người Phật tử phải tập hạnh bố thí để giúp người. Bố thí có tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Tài thí là đem tiền của giúp người qua cơn đói khổ. Bố thí là phương pháp làm tăng trưởng phước đức. Chung quanh chúng ta có những người thiếu thốn hoặc bệnh tật, mình giúp họ có phương tiện trị bệnh và được ăn no mặc ấm. Trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta cứ theo khả năng của mình mà giúp đỡ người, thấy người khổ đau không dừng

dùng bỏ mặc. Dùng tình thương bố thí, làm sao cho những người xung quanh đều được thương mến, không nỡ để ai chịu đau khổ riêng, đó là bố thí tài.

Phật dạy bố thí là dùng lòng từ bi thương xót giúp đỡ người, chứ không phải như quan niệm của thế gian, bố thí là cho người thì sau này sẽ được lợi lộc nhiều hơn. Nghĩ tới cái lợi mà làm, tức là lòng từ bi còn hạn hẹp. Bố thí vì tình thương để giúp đỡ nhau, không vì lý do nào khác, mới là cao thượng.

Pháp thí là đem lời Phật dạy nhắc nhở huynh đệ chung quanh, để cùng áp dụng tu hành cho cuộc sống được an lành tự tại. Nếu thấy có người chưa thấu suốt giáo lý thì những người đã hiểu biết, phải đem giáo lý ra nhắc nhở để họ cùng biết những lời hay ý đẹp của Phật, làm sao cho tất cả đều hiểu lời Phật dạy mà sống đúng đạo đức. Đó mới là người Phật tử chân chánh.

Vô úy thí tức là bố thí sự không sợ hãi cho người, thấy người khác sợ mình tìm cách nói lời an ủi, chỉ dạy cho họ thấu hiểu đạo lý, chứ không dọa nạt cho họ sợ thêm. Tóm lại, chúng ta không nỡ làm cho những người xung quanh phải sợ sệt chính là vô úy thí.

Quý Phật tử tu Phật mà không chịu ứng dụng lời Phật dạy, cứ cầu xin Phật ban cho cái này cái kia,

như vậy là không đúng với tinh thần người Phật tử. Nhiều vị đi chùa lễ lạy, cúng ít mà xin nhiều, đó là tham lam chứ không chân chánh tu Phật. Tu Phật là tin lời Phật dạy để ứng dụng vào đời sống của mình, còn tin Phật ban cho mình cái này cái kia thì không phải là tin Phật. Chúng ta chỉ nên cầu nguyện Phật gia hộ cho con hiểu giáo pháp, cố gắng tu hành làm lợi ích chúng sanh, đừng xin mình có sức khỏe, có tiền của, xin vậy thì ích kỷ quá.

Lời Phật dạy là vàng ngọc, không thể xem thường. Thí dụ, Phật nói thân này vô thường, có thân thì phải già, bệnh, chết, không ai tránh khỏi. Đó là lẽ thật. Nhưng chúng ta thường quên mình sẽ chết, nên chỉ lo cho sự sống. Khi cái sống mất đi, cái chết đến thì chừng đó lo cho ai? Cho nên, chỉ nên lo cho cái sống trong chừng mực, còn lại phải nghĩ tới cái chết. Ai rồi cũng tới ngày chết, cái chết sẵn sàng chờ chực chúng ta, không sót người nào.

Khi khỏe mạnh, Phật tử làm ra tiền của để nuôi sống người trong gia đình. Nhưng mỗi ngày, chúng ta dành được bao nhiêu thời giờ để lo cho cái chết? Đâu phải ai cũng sống đến tám chín mươi tuổi mới chết, mà có người chết sớm, có kẻ chết muộn. Vì vậy, chúng ta đừng ỷ lại đợi đến tuổi nào mới tu, mà phải tu ngay lúc còn trẻ khỏe để bảo đảm khi mình nhắm mắt được tới chỗ an lành.

Tu không phải chỉ xin Phật ban cho này nọ, mà là chuẩn bị, là biết lo cho mình. Thí dụ thấy một người nghèo khổ thiếu cơm áo, Phật tử giúp đỡ cơm áo. Khi ấy, quý vị có nghĩ Phật sẽ ban phước cho mình hay không? Phật không ban phước giáng họa cho ai cả, Ngài chỉ nói lẽ thật. Nhân đã gây thì quả tự đến, gây nhân tốt thì hưởng quả tốt, gây nhân xấu thì chịu quả xấu, không ai hưởng thế cho mình cả.

Chúng ta phải hiểu nhân quả là lẽ thật, sẽ trả ngay trong đời này hoặc đời sau chứ không mất. Gieo nhân lành, tránh nhân dữ, đó là biết tu. Phật tử niệm Phật rất nhiều, nhưng ai động tới liền chửi um sùm. Tu như vậy có kết quả không? Niệm Phật là để tâm thanh tịnh, mắng chửi người ta thì tâm đã sân hận rồi, đâu có đạo đức gì. Muốn trở thành một Phật tử chân chánh, biết tụng kinh niệm Phật thì phải tránh tạo ác khẩu. Niệm Phật, tụng kinh là khẩu nghiệp lành. Chửi mắng người là khẩu nghiệp ác, tạo nghiệp ác là chưa biết tu.

Tu là sửa đổi ba nghiệp thân, khẩu, ý cho thanh tịnh. Thân làm lành, miệng nói lành. Nhiều người cho rằng chửi người ngoài thì có tội, chứ chửi con cháu không có tội. Thật ra chửi con mắng cháu thuộc về ác khẩu, không phải thiện. Tôi nghe nói nhiều vị niệm Phật ăn chay, nhưng giận con cháu

thì chửi tất bết. Vậy là không đúng với tinh thần Phật tử. Phật tử bao giờ cũng giữ khẩu nghiệp lành, mở miệng ra nói điều lành với tất cả mọi người, chứ không phải với người này nói lành, với con cháu tha hồ chửi mắng, đó là trái đạo lý. Nếu quý Phật tử đã phạm lỗi ấy thì phải sửa lại.

Kế đó là ý nghĩ lành. Nhiều người tu theo Phật, thấy ai không được hiền thì nguyên rửa cho người đó chết sớm. Muốn người ta chết, người ta khổ là không tốt. Chuyện làm sai quấy của người, mình không khuyên được thì thôi, đừng nguyên rửa người ta. Bởi vì người giữ thân miệng ý đều lành mới là người biết tu. Chúng ta không làm điều ác, không nghĩ xấu ai là biết tạo phúc đức. Tới thiên viện xưng hô phúc đức mà về nhà tạo nghiệp xấu ác thì không nên. Làm sao trong đạo tràng cũng như trong xóm giềng không lớn tiếng nặng lời, huynh đệ không phiến nhau. Nếu vô chùa lạy Phật, mà ra khỏi chùa cãi nhau um sùm thì chỉ tu trước mặt Phật chứ chưa phải thực tu.

Quý vị biết những điều sai lầm thì cố gắng sửa đổi. Nhờ sửa đổi mới hết sai lầm, chứ không phải sanh ra liền không có sai lầm. Người tốt hết thì đâu cần tu. Sở dĩ quý thầy giảng kinh thuyết pháp cho Phật tử nghe là vì muốn nhắc quý vị tu. Đối với lời Phật dạy, chúng ta phải tin sâu, không nên



hiểu lệch lạc sai lầm. Nhiều người hiểu lầm rồi dạy con cháu cũng lầm theo thì đáng tiếc lắm. Lời Phật dạy thì tán thán hết mức, nhưng lại không hiểu ý Phật dạy nên đi sai hướng. Phật tử tin lời Phật chân thành, áp dụng tu cho có kết quả.

Phật nói sanh già bệnh chết là con đường ai cũng đi qua, quý vị nghiệm xem có đúng không? Phật dạy lý nhân quả, không làm những điều hung ác hoặc tội lỗi. Ngài cũng dạy phải tu ở tâm mình, chúng ta làm phúc giúp đỡ mọi người nhưng đức tại tâm. Tâm tốt, hiền lành, nghĩ những điều phải thì hành động mới tốt lành. Cho nên, người tu phải hướng về nội tâm để chuyển đổi. Niệm Phật bao nhiêu mà trong tâm không tốt thì cũng không có giá trị. Vì vậy, Phật dạy tất cả Phật tử luôn nhớ xây dựng, mài giũa tâm cho tốt đẹp. Đừng để miệng nói tu mà tâm nghĩ xấu, như vậy không nên.

Tâm có khi nghĩ lành, có khi nghĩ dữ. Cho nên khi vừa có một ý nghĩ xấu khởi lên thì phải quở rầy không nên nghĩ những điều sai quấy, làm những điều tội lỗi. Tâm trong sáng hiền lành, sẽ hiện ra đức hạnh tốt đẹp bên ngoài. Tâm xấu ác thì hiện ra bên ngoài cũng không tốt. Phải nhớ muốn tu ba nghiệp được trong sạch thì tu tâm là gốc. Để tâm tánh trong sạch, theo lời Phật dạy nên tập ngồi thiền yên tĩnh, dứt trừ những suy nghĩ lăng xăng,

gạn bớt các thứ loạn động. Tọa thiền là phương pháp căn bản của đạo Phật. Chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội bồ-đề, thiền định 49 ngày đêm mà được ngộ đạo.

Tập yên tĩnh bằng cách theo dõi hơi thở, hít vô biết hơi thở sâu, thở ra biết hơi thở sạch. Nhớ hơi thở nên quên suy nghĩ bậy bạ. Tu thiền hay niệm Phật đều là phương tiện đưa chúng ta tới tâm yên tĩnh trong sáng, tâm được yên tĩnh thì sự tu hành mới vững. Tu hành trên hình thức, trong tâm chưa làm chủ được thì cũng sanh chướng ngại, mất hết công đức.

Tóm lại, phúc là phước có được nhờ bố thí. Đức là nhờ sửa tâm, giữ tâm trong sáng mà có đức lâu dài cho bản thân và con cháu sau này. Muốn tâm luôn trong sáng thì tập tọa thiền, niệm Phật với lòng chân thành. Đó là ý nghĩa tên Phúc Đức. Mong quý vị nghe dạy rồi, nhớ và thực hành cho tốt.



## THIỀN VIỆN TRÚC LÂM (PHÁP)

### HAI ÔNG VUA XEM NGAI VÀNG NHƯ DÉP RÁCH

*Năm 2002*

Hôm nay tôi về thăm thiền viện Trúc Lâm thì hòa thượng Thiện Châu đã vắng bóng, cụ Hoàng Xuân Hãn cũng không còn. Lần thứ nhất tôi đến đây, từ năm 1994 tới bây giờ là 8 năm.

Kỳ trước được cụ đến thăm và giúp chúng tôi nhiều tài liệu về Phật giáo Việt Nam. Kỳ này tôi qua với tinh thần một người bạn quen thuộc về thăm thiền viện, vì lúc trước tôi và hòa thượng Thiện Châu cùng có chỗ tâm đắc là hướng về Việt Nam, muốn làm sao cho Phật giáo Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn, làm sao đem cái hay cái quý của Phật giáo Việt Nam cho mọi người trên thế giới thấy biết. Vì vậy Hòa thượng đặt chùa này là thiền viện Trúc Lâm, ở Lâm Đồng Việt Nam tôi cũng để tên thiền viện Trúc Lâm. Chúng tôi cùng hướng về

Trúc Lâm Yên Tử, nơi có hệ thống tu thiền của chư Tổ Việt Nam, làm nền tảng cho Phật giáo nước nhà.

Tại núi Yên Tử, người tu đạt đạo đầu tiên là thiền sư Hiện Quang cuối đời Lý đầu đời Trần. Kế ngài Hiện Quang là ngài Đạo Viên, có chỗ gọi Viên Chứng Phù Vân. Dưới ngài Viên Chứng là thiền sư Đại Đăng. Dưới thiền sư Đại Đăng có thiền sư Đại Tuệ. Dưới Đại Tuệ có Tam tổ Trúc Lâm. Như vậy hệ thống tu thiền ở núi Yên Tử gần như là một hệ thống lớn nhất của Phật giáo Việt Nam.

Vua Trần Nhân Tông sau khi xuất gia đắc đạo đã khai sáng ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Vì thế những người có tâm muốn tìm hiểu Phật giáo Việt Nam đều quay về núi Yên Tử. Hôm nay tôi nói tinh thần của những vị vua Trần ở Việt Nam, cái nhìn, cái thấy đối với đạo Phật thế nào. Đề tài đó là *Hai ông vua đời Trần xem ngai vàng như dế rách*.

Chúng ta muốn tìm hiểu Phật giáo Việt Nam phải nhìn thẳng vào hệ phái Trúc Lâm Yên Tử, vì hệ phái này do một ông vua Việt Nam đi tu đắc đạo sáng lập ra. Trước vua Trần Nhân Tông có vua Trần Thái Tông, là một vị vua được sử sách luôn tán thán vừa có tài lãnh đạo đất nước, vừa là một nhà văn, một nhà đạo đức. Cho nên vị thứ nhất xem ngai vàng như dế rách, đó là vua Trần Thái Tông.

Ngài sanh năm 1218, tịch năm 1277 khoảng đầu thế kỷ 13. Khi lên ngôi, ngài có tâm tìm hiểu Phật pháp, nhất là pháp thiền. Có lần đọc kinh Kim Cang tới câu “ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài dừng lại đó và bỗng dưng giác ngộ. Đó gọi là an trụ tâm. Sau này ngài có viết những quyển sách thiền rất hay như Khóa Hư Lục... nhưng rất tiếc chúng ta không còn được nhiều.

Bình thường tâm chúng ta lăng xăng xuôi ngược là do chạy theo sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ngày nay muốn nó an trụ thì đừng cho dính với sáu trần, nên Phật dạy không dính với sáu trần là trụ tâm. Ngày xưa Lục tổ Huệ Năng nghe được câu này bỗng nhiên đại ngộ, thốt lên: Không ngờ tâm mình xưa nay thanh tịnh, không ngờ tâm mình xưa nay bất sanh bất diệt v.v... năm lần không ngờ như vậy. Do đây Ngũ Tổ truyền y bát cho ngài.

Vua Trần Thái Tông đọc tới chỗ tâm không trụ nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; ngài vừa để cuốn kinh xuống nghiên ngẫm thì bỗng nhiên cũng ngộ ngay chỗ ấy. Do ngộ nên ngài thấu hiểu được đạo và sống gần gũi với đạo tuy ở địa vị một ông vua. Tôi dẫn một ít đoạn nhỏ trong bài Phổ Khuyến Phát Bồ Đề Tâm, tức là Khấp khuyến mọi người phát tâm Bồ-đề, để chúng ta thấy rõ tinh thần này của nhà vua:

*Công danh cái thế chẳng qua một giấc mộng dài,  
Phú quý kinh người khó tránh vô thường hai chữ.*

Người được công danh, phú quý rất cao, rất quý nhưng chỉ là một giấc mộng dài thôi, chứ không đáng gì hết. Giàu có, sang trọng cũng khó tránh được vô thường. Cái nhìn như vậy rõ ràng đâu còn quý trọng ngai vàng nữa!

*Tranh nhân, tranh ngã rốt cuộc là không,  
Khoe giỏi, khoe hay rốt cùng chẳng thật,  
Tứ đại rã rời thôi già trẻ,  
Lối xe mòn mỏi hết anh hùng.*

Một ông vua không mến danh, không giành lợi, không đắm mình thụ hưởng những tài sắc thế gian. Ngài ngồi trên ngai vàng để bảo vệ đất nước, làm lợi cho dân tộc, chứ không phải vì thụ hưởng. Do đó ngài sớm thức tỉnh, không mê đắm ngai vàng như bao vị vua khác, nên người đời rất quý kính ngài. Tuy chưa xuất gia nhưng vua Thái Tông đã thấy tốt được lý đạo, nên đời sống của ngài rất thanh thản, nhẹ nhàng. Cuối cùng ngài kết thúc bằng bài kệ rất dài, tôi chỉ trích một đoạn ngắn:

*Vô vị chân nhân xích nhục đoàn,  
Hong hong bạch bạch mặc tương man.*

Thùy tri vân quyện trường không tịnh,  
Thúy lộ thiên biên nhất dạng san.

Dịch:

*Vô vị chân nhân thật đở au,  
Hồng hồng, bạch bạch chó lằm nhau.  
Ai hay mây cuộn không toàn tịnh,  
Phương biếc bên trời một màu xanh.*

*Vô vị chân nhân thật đở au.* Chữ vô vị chân nhân là của Lâm Tế ở Trung Hoa, ngài nói mỗi người có vô vị chân nhân từ cửa mắt, cửa tai mà ra v.v... nhưng chúng ta không thấy biết được. Ở đây dịch sát vô là không, vị là ngôi vị, chân nhân là người thật. Người thật không có nơi chốn. Tất cả chúng ta ai cũng nghĩ thân này là mình, những nghĩ suy tốt xấu, hơn thua, phải quấy là tâm mình.

Với cái nhìn của người đạt đạo thấy thân này là tướng duyên hợp, tạm bợ, có đó rồi mất chứ không thật. Nếu người thật thì còn nguyên vẹn, không bao giờ bại hoại, không bao giờ tan biến, đã bại hoại tan biến thì không phải người thật. Đó là nói về thể xác. Về tinh thần, thế gian cho cái hơn thua, phải quấy, khôn dại v.v... là tâm mình. Như vậy chẳng lẽ mình là cái lộn xộn, không thật! Cả ngày chúng ta sống với hai thứ là thân tạm bợ và tâm sanh diệt đổi thay, còn cái mình thật thì không biết.

Tổ bảo ngay cái thân thịt đở au này có một cái thật không nơi chốn, không chỗ trú, trùm hết mà chúng ta bỏ quên. Tuy ta bỏ quên, không biết nhưng nó vẫn hiện tiền đầy đủ. Nên ngài nói vô vị chân nhân ở trong khối thịt đở au này, chứ không ở đâu hết. Đó là câu thứ nhất.

*Hồng hồng, bạch bạch chớ lầm nhau.* Người ta gạt nhau bằng cái gì? Hoặc được màu da hồng hoặc màu da trắng, trau chuốt điểm tô cho đẹp để lừa gạt nhau. Nếu lột lớp da ngoài bỏ đi thì chỉ còn một khối thịt đở au như nhau thôi. Thấy người qua thân thịt đở au thì có ghét, có thương không? Không. Tại vì thấy hồng hồng, bạch bạch mới có thương ghét. Đó là sự lầm lẫn của con người.

*Ai hay mây cuộn không toàn tịnh.* Ai biết được rằng khi mây tan hết thì còn lại một bầu hư không trong trẻo. Mây dụ cho những tâm niệm vui buồn, thương ghét luôn luôn dấy động trong tâm con người. Chỉ cần năm ba phút chúng ta không suy nghĩ cũng khó kiếm rồi, ngay khi ngồi thiền muốn yên năm ba phút cũng không được. Đó là vì quen, như mây cứ bị gió đùa bay tới bay lui, che khuất bầu trời trong trẻo. Một khi đám mây tâm niệm cuồng loạn tan hết thì bầu trời xanh hiện ra.

Trăng đêm rằm dù có sáng tròn giữa bầu trời, nhưng mây đen kéo đến mãi thì chúng ta cũng



không thấy được mặt trăng. Còn những niệm lăng xăng lộn xộn thì chúng ta không thấy được con người chân thật của mình. Bao nhiêu phương pháp tu của đạo Phật đều quy về chỗ này. Niệm Phật để làm gì? Để nhất tâm. Tu thiền để làm gì? Để được định. Định cái gì? Định tâm lăng xăng. Định tức là dừng lại, dừng tâm lăng xăng lại thì cái chân thật hiện ra.

Như vậy trọng tâm của người tu Phật là thức tỉnh nơi mình có cái thật, nhưng vì chạy theo cái giả nên ta quên đi. Bởi theo giả quên thật nên đức Phật mới dạy mình phương pháp này, phương pháp nọ. Trong kinh A Hàm, Phật nói người tu Tứ niệm xứ từ một ngày, hai ngày cho tới bảy ngày không dời đổi tâm niệm, người đó liền chứng A-la-hán. Người tu thiền cũng vậy, nhất là Thiền tông, chúng ta thức tỉnh dừng cho tâm vướng mắc với sáu trần thì cũng thấy được chỗ chân thật của mình. Ngài Trần Thái Tông cũng thấy như vậy, nên nói một khi mây tan hết, còn lại bầu hư không trong trẻo.

*Phương biếc bên trời một màu xanh.* Khi mây đen tan thì thấy bầu trời xanh biếc. Tâm lặng, niệm dấy động tan hết thì chúng ta mới thấy cái chân thật của mình trùm khắp, viên mãn, trong kinh thường gọi là Phật tánh. Người tu Phật không tìm bên ngoài, không cầu xin ở ai mà quay lại dọn dẹp nơi

tâm mình, để bao nhiêu thứ loạn tưởng, bao nhiêu thứ mờ mịt che khuất tan hết thì tâm trong sạch.

Chúng ta bây giờ là người xuất gia vẫn chưa thấy cái chân thật nơi mình, còn ngày xưa vua Trần Thái Tông bận rộn với bao nhiêu việc quốc gia triều chính như thế, mà ngài còn nghiên ngẫm thấy được con người chân thật nơi mình. Thật đáng khâm phục! Có nhiều Phật tử than đa đoan công việc, không có thời giờ tu. Chúng ta thử đặt lại câu hỏi, Phật tử đa đoan công việc, chỉ là một việc làm trong sổ, còn nhà vua bao nhiêu việc? Cả nước bao nhiêu việc phải lo, phải biết mà ngài còn tu được. Nghĩ như thế rồi chúng ta hổ thẹn không? Có đồ thừa nhiều việc tu không được không?

Trần Thái Tông sanh ra Trần Thánh Tông, Trần Thánh Tông sanh ra Trần Nhân Tông, người Việt Nam thường gọi ngài là ông vua Phật, tức Phật hoàng Trần Nhân Tông. Ngài là vị vua thứ hai cũng coi ngài vàng như dép rách. Vua Trần Nhân Tông, Sơ tổ Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngài sanh năm 1258, tịch năm 1308. Vì vua Trần Thánh Tông mộ tu thiền nên gởi thái tử Trần Khâm theo học với sư huynh Tuệ Trung thượng sĩ, là một cư sĩ ngộ được lý thiền. Tuệ Trung tuy làm quan sống giữa cuộc đời mà tu rất hay, nên Nhân Tông sớm được ngài dạy về thiền học.

Học được đôi ba năm, đến lúc sắp trở về, ngài từ già thầy, hỏi rằng: Việc chủ yếu của thiền là gì? Tuệ Trung thượng sĩ liền đáp bằng một câu chữ Hán: Phản quan tự kỷ bốn phạm sự, bất tùng tha đắc. Phản quan tự kỷ bốn phạm sự, tức là chiếu rọi lại chính mình, đó là phạm sự gốc của người tu thiền. Chiếu rọi lại để thấy nơi mình cái gì là niệm lăng xăng hư ảo, cái gì là chân thật; buông xả hết lăng xăng hư ảo thì mới nhận được cái chân thật. Vì vậy việc gốc của người tu thiền là quay lại.

Khi ngài về làm thái tử rồi lên ngôi vua, nước nhà trải qua nhiều cuộc chiến tranh nguy hiểm, ngài phải lãnh quân ra trận, sau đó đất nước mới được thanh bình trở lại. Khi việc quốc gia đại sự đã yên ổn, ngài lo chuyện tu hành nhưng vẫn ở trên ngai vàng vừa dạy vua con việc chăn dân giữ nước, vừa tu chứ không bỏ cuộc. Ở ngai vàng tu một thời gian, sau đó thấy con lớn khôn có thể trao ngôi lại được, ngài mới trao ngôi và lên núi xuất gia tu hành. Như vậy ngài ở ngoài đời từ khi sanh ra tới năm 31 tuổi, sau đó tu tập 10 năm tức tới 41 tuổi. Từ 41 tuổi đến 51 tuổi, ngài vừa tu vừa giáo hóa chúng sanh, tức tu 5 năm ngộ đạo rồi 5 năm truyền bá, sau đó ngài tịch.

Ngài có bài thơ Sơn Phòng Mạn Hứng, diễn tả tâm niệm ưa thích ở núi của mình:

Thùy phược cánh tương cầu giải thoát,  
 Bất phạm hà tất mịch thân tiên.  
 Viên nhân mã quyện nhân ưng lão,  
 Y cự vân trang nhất tháp thiên.

Dịch:

*Ai trối lại mong cầu giải thoát,  
 Chẳng phạm nào phải kiếm thân tiên.  
 Vượn nhân, ngựa mỗi, người đã lão,  
 Như cũ vân trang một tháp thiên.*

Bài kệ này được viết khi ngài đã đi tu ở núi và thấy đạo rồi.

*Ai trối lại mong cầu giải thoát, chẳng phạm nào phải kiếm thân tiên.* Thường thường người ta nói tu Phật để được giải thoát sanh tử, từ phạm chuyển thành thánh. Chử thân tiên đây là chỉ cho bậc thánh. Tại sao ngài nói ai trối lại mong cầu giải thoát? Ý này xuất phát từ ngài Đạo Tín, Tổ thứ tư ở Trung Hoa. Lúc gặp Tổ thứ ba là ngài Tăng Xán, Đạo Tín mới có 14, 15 tuổi mà đã phát tâm cầu đạo. Gặp tổ Tăng Xán, ngài hỏi:

- Bạch Hòa thượng, xin Ngài dạy con pháp tu giải thoát.

Tổ Tăng Xán nhìn thẳng vào mặt ngài, hỏi:

- Ai trói buộc người?
- Bạch Hòa thượng, không ai trói buộc.
- Không ai trói buộc, cầu giải thoát làm gì?

Ngay đó ngài liền ngộ. Chữ *giải* là cởi mở, *thoát* là ra khỏi ràng buộc. Kẻ bị trói yêu cầu người ta mở trói cho mình, mở được rồi gọi là giải thoát. Bây giờ mình không bị ai trói hết, cầu giải thoát cái gì? Đó là một vấn đề lớn đối với người tu Phật.

Ở đây nói thẳng về Thiền tông. Thiền tông không cho chúng ta nhìn theo mặt đối đãi, thấy có phải quấy, đúng sai, thật giả đều là thấy hai, là mê lầm, chưa giải thoát. Chừng nào không còn thấy hai mới giải thoát. Cho nên tổ Tăng Xán có viết quyển Tín Tâm Minh, câu kết thúc là “tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm”. Người tin tâm mình thì không hai, không hai mới là tin tâm mình.

Chúng ta bây giờ mở miệng nói là có không, phải quấy... luôn luôn ở trong đối đãi. Từ cái nhìn đối đãi mà sanh ra mọi sự ràng buộc, khổ đau. Nếu hết tâm đối đãi thì không còn ràng buộc, khổ đau. Như tổ Lâm Tế hội còn là thiên sinh ở chỗ Hoàng Bá rất hiền lành, đức hạnh nghiêm chỉnh. Suốt thời gian ở đây ngài không hỏi câu nào hết, thấy vậy ngài Đạo Minh mới xúi:

- Sư huynh, lên hỏi Hòa thượng đi chứ.
- Tôi không biết hỏi gì bây giờ.
- Thì cứ lên hỏi thế nào là đại ý Phật pháp.

Ngài vâng lời. Hôm đó đáp y lên đánh lễ, hỏi:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?

Vừa hỏi xong liền bị một gậy đuổi xuống. Chúng ta bây giờ đi học đạo, gặp như vậy dám ở nữa không? Chắc xá lui về liền, nhưng ngài cũng trở xuống bình tĩnh như thường. Thời gian sau, thầy Thủ tọa thúc hỏi nữa. Ngài cũng đáp y lên đánh lễ hỏi:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?

Lần này cũng bị phát cho một gậy rồi đuổi xuống. Trở xuống ngài cũng ráng chịu đựng, thời gian sau lại được xúi hỏi nữa. Lần thứ ba, ngài quyết chí hỏi cho được:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là đại ý Phật pháp?

Cũng như hai lần trước, lần này bị một gậy nữa, ngài đau đớn quá chịu hết nổi, không biết mình hỏi như vậy có lỗi gì mà bị đánh, không được nghe một lời. Thất vọng quá ngài chuẩn bị cuốn gói đi. Ngài Đạo Minh không nói gì, âm thầm lên thưa với tổ Hoàng Bá:

- Người hỏi đạo đức hạnh rất tốt, xin Hòa thượng tìm cách giải quyết cho y.

Ngài Hoàng Bá nhận lời. Khi tổ Lâm Tế sửa soạn đồ đạc, ngài Đạo Minh nói:

- Trước khi đi, huynh lên bạch với Hòa thượng rồi hãy đi.

Ngài vâng lời lên bạch:

- Bạch Hòa thượng, con không đủ duyên ở đây, xin đi nơi khác.

Ngài Hoàng Bá hỏi:

- Ông đi đâu?

- Con cũng không biết đi đâu.

Tổ Hoàng Bá bảo:

- Hãy qua núi Đại Ngu.

Ngài xuống núi, vừa đi vừa khóc. Chúng ta nếu gặp trường hợp như ngài có khóc không? Chắc khóc sưng vù, tức tối không biết mình lỗi làm gì mà bị đánh. Khi qua tới ngài Đại Ngu, Đại Ngu hỏi:

- Ông từ đâu đến?

Ngài thưa:

- Con từ Hoàng Bá tới.

- Hoàng Bá dạy ông cái gì?

- Con ba lần hỏi “thế nào là đại ý Phật pháp”, ba lần bị ăn đòn, không biết có lỗi hay không lỗi?

Ngài Đại Ngu nói:

- Hoàng Bá thật là tâm lão bà, ông còn nói có lỗi không lỗi?

Ngay câu này ngài đại ngộ, nói:

- Thì ra Phật pháp Hoàng Bá rất ít.

Ngài Đại Ngu liền chụp vai hỏi:

- Vừa rồi nói có lỗi không lỗi, bây giờ thấy gì mà nói Phật pháp Hoàng Bá rất ít?

Ngài thoi cho Đại Ngu một thoi vô hông, không nói gì hết. Ngài Đại Ngu xô ra bảo:

- Thầy của người là Hoàng Bá, chẳng can hệ gì đến ta.

Trọng tâm của Phật pháp là chỗ không hai. Vừa dấy niệm hỏi “đại ý Phật pháp” là thành hai rồi nên bị ăn đòn. Tổ Hoàng Bá cho ăn đòn để Lâm Tế tỉnh rằng cái đó không có lời, hỏi tức là có đối đãi. Ba lần như vậy nhưng ngài Lâm Tế tưởng như Hoàng Bá không dạy gì hết.

Đến Đại Ngu, được khai thác cho thấy đó là chỗ dạy tốt cùng mà ngài còn nghĩ có lỗi, không lỗi. Có



lỗi không lỗi là hai bên, vừa nghĩ hai bên là đã sai đại ý Phật pháp rồi. Nghe vậy ngài tỉnh liền, mới biết đại ý Phật pháp. Chỗ không lời làm sao nói, cho nên khi được ngài Đại Ngu hỏi lại, Lâm Tế chỉ còn biết thoi cho một thoi.

Người không hiểu, đọc sách thiền thấy sao vũ phu quá, ông thầy đánh bằng gậy, học trò thoi bằng tay, không có đạo lý gì hết, nhưng đó là chỗ tối thiết yếu. Từ đó về sau, hệ của ngài Lâm Tế truyền dài cả ngàn năm, chính vì chỗ thấy tội cùng này. Ngài chịu đựng ba đòn, nhớ đời không quên, còn chúng ta bây giờ nếu gặp khó một chút, đánh một tát tai đã bỏ đi rồi, nói chi đến đánh bằng gậy! Vì vậy nên tu không bao giờ thấy đạo.

Người tu Phật mục đích làm sao tìm được con người thật của chính mình mà lâu nay ta bỏ quên. Nhà Phật gọi mê là quên, giác là nhớ, nhớ tức tỉnh. Chúng ta có vật thật mà quên, cứ cầu xin bên ngoài hoài, suốt kiếp không bao giờ được. Bây giờ phải quay lại, phải tìm cái thật của chính mình, chừng đó nó mới hiện ra. Phật nói tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nên đều có khả năng thành Phật. Có khả năng thành Phật mà không chịu, cứ đi xin Phật. Như vậy là bỏ nhà đi cầu bên ngoài. Vì tâm điên đảo lăng xăng lộn xộn đó che khuất nên không thấy được ông Phật thật của mình. Bây giờ dừng lặng tâm ấy thì Phật hiện ra.

*Vượn nhân, ngựa mới, người đã lão.  
Như cũ vân trang còn nguyên một tháp thiên.*

Con vượn, con khỉ có mặt rồi cũng phải già, con ngựa kéo xe rồi cũng mới mệt, con người trẻ rồi cũng già. Tất cả người vật đều bị vô thường chi phối, chỉ như xưa ở tại vân trang còn nguyên một tháp thiên. Đây muốn nói chỉ nơi ngồi thiền tại trang sở mà ngài đặt tên là vân trang là còn nguyên, để ngầm nói rằng chỉ ai biết quay lại mới nhận ra cái thật của mình. Cái không bại hoại chính là ngồi yên sống trở lại với tâm chân thật của mình. Người xưa nói hết cho chúng ta biết để tu, đâu có giấu giếm gì, nhưng vì mình có bệnh tin ở ngoài hơn tin mình nên tu hoài không xong.

Đó là đoạn thứ nhất của bài Sơn Phòng Mạn Hứng. Đoạn thứ hai, ngài viết:

Thị phi niệm trực triều hoa lạc,  
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.  
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,  
Nhất thanh đề điều hựu xuân tàn.

Dịch:

*Phải quấy niệm rơi hoa buổi sớm,  
Lợi danh tâm lạnh với mưa đêm.  
Mưa tạnh, hoa trơ, non vắng lặng,  
Chim kêu một tiếng lại xuân tàn.*

*Phải quấy niệm rơi hoa buổi sớm*, nghĩa là sáng thấy hoa rụng thì phải quấy trong lòng cũng rụng theo. Chúng ta trái lại, nuôi dưỡng phải quấy tươi hoài không rụng nổi.

*Lợi danh tâm lạnh với mưa đêm*, đêm khuya mưa lạnh thì tâm danh lợi của ngài cũng lạnh theo. Bây giờ tâm danh lợi của chúng ta lạnh hay nóng? Nóng. Sôi bỏng nữa là khác. Được cái này đòi cái kia, cấp thấp muốn lên cấp cao, cứ thế đuổi theo danh lợi, không lạnh được.

*Mưa tạnh, hoa trơ, non vắng lặng*. Mưa tạnh tức chỉ cho tâm lợi danh đã lạnh hết rồi. Hoa trơ tức tâm phải quấy cũng không còn. Mưa tạnh, hoa trơ, non vắng lặng, khi hai thứ đó đã không còn thì như mưa tạnh núi vẫn còn nguyên. Mưa không làm mất núi, cũng như hoa rụng chứ núi đâu có rơi. Như vậy để thấy khi tâm chúng ta theo niệm phải quấy thì mờ đi, không thấy cái thật của mình. Cũng như mưa làm khuất núi, chứ núi không bao giờ mất.

*Chim kêu một tiếng lại xuân tàn*; trước nói hoa nói mưa, đến đây ngài nói tiếng chim kêu là loài động vật, những thứ thuộc bên ngoài cho tới thời gian như xuân, hạ, thu, đông v.v... tất cả đều bị lôi dẫn theo chiều sanh diệt, chỉ có hòn núi đứng trơ trơ, không thay đổi. Mọi thứ từ ngoại cảnh chung

quanh đến người, vật đều là một dòng vô thường sanh diệt, còn cái chân thật của mình không từng đổi thay. Ngài nhắc như thế để chúng ta tỉnh thức, biết nơi mình có cái quý báu mà qua bao đời đã bỏ quên không nhớ.

Khi làm thái thượng hoàng chưa đi tu, ngài có viết bài Phú Cư Trần Lạc Đạo bằng văn Nôm, để nói tâm trạng ngài sống trong cảnh trần tục mà vui với đạo. Đây là chỗ thiết yếu, tất cả quý Phật tử ráng học theo để ứng dụng tu. Tôi trích một đoạn:

*Mình ngồi thành thị,  
Nết dùng sơn lâm,  
Muôn nghiệp lạng an nhàn thể tánh,  
Nửa ngày rồi tự tại thân tâm.*

*Mình ngồi thành thị*, đang làm thái thượng hoàng, ở địa vị như vậy mà ngài thấy giống như ở núi, không nhiễm không đắm theo lợi danh, nên nói *nết dùng sơn lâm*. Chúng ta bây giờ có người ở sơn lâm mà cũng bắt chước thành thị, phải không? Đó là đi ngược lại với người xưa.

*Muôn nghiệp lạng an nhàn thể tánh, nửa ngày rồi tự tại thân tâm*. Muôn nghiệp lạng tức là các nghiệp dùng lạng hết, thể tánh rất an nhàn tự tại. Nửa ngày rồi, chữ “rồi” là rảnh. Thái thượng hoàng làm việc một buổi, còn một buổi rảnh. Nửa ngày

ngủ việc trong triều ngài thấy thân tâm tự tại, rất thanh thoi an nhàn. Bây giờ quý vị được nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật mà có tự tại không? Cũng bận rộn chạy chỗ này chỗ kia, không dừng một chỗ để được tự tại.

*Tham ái nguồn dừng,  
chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý,*

*Thị phi tiếng lặng,  
được dầu nghe yến thốt oanh ngâm.*

*Tham ái nguồn dừng*, tức là nguồn tham ái đã dừng rồi, thì *chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý*, không còn yêu châu nhớ ngọc gì nữa hết. Châu ngọc ở đây để chỉ cái đẹp của con người hay của ngọc báu. Do nghiệp đã lặng nên Ngài rất tự tại trước tâm danh lợi và tham ái nên không còn mẩn thương cái gì nữa.

*Thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm*, ở trong triều oanh yến nhiều lắm. Bà này bà kia ganh tị với nhau, tâu vô tâu ra, nói xấu nói tốt nhau... nhưng tiếng thị phi đối với ngài không còn vướng mắc nữa, nó lặng hết rồi. Làm vua trong triều mà ngài còn như vậy. Chúng ta ở thế gian bao nhiêu lỗi lầm, phải quấy đều là việc thị phi. Người này nói phải, người kia nói quấy, nghe qua nghe lại rồi giận hờn, buồn trách nhau cho nên khổ đau dài dài.

Tôi trích tiếp một đoạn trong hội thứ hai:

*Biết vậy!*

*Miễn được lòng rồi,*

*Chẳng còn pháp khác.*

*Gìn tánh sáng, tánh mới hầu an;*

*Nén niềm vọng, niềm dừng chẳng thác.*

*Dứt trừ nhân ngã thì ra tướng thực kim cương,*

*Dừng hết tham sân mới lấu lòng mâu viên giác.*

*Tịnh độ là lòng trong sạch,*

*chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương;*

*Di Đà là tánh sáng soi,*

*mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc.*

*Biết vậy*, là người biết được như vậy. *Miễn được lòng rồi* là lòng đã rộng, không còn bận rộn nữa. *Chẳng còn pháp khác*, tu cốt để tâm yên lặng, rảnh rỗi chứ không còn pháp nào khác nữa. Đó là gốc của sự tu.

*Gìn tánh sáng, tánh mới hầu an*. Đối với tánh giác của mình, chúng ta phải nhớ đừng quên, vì đó là gốc để mình được bình an, thanh tịnh. *Nén niềm vọng, niềm dừng chẳng thác*. Những niệm nghĩ tưởng lôi thôi dấy lên, chúng ta buông xả hết. Nén đè thì không đúng, buông xả mới khỏe. Tu là bỏ vọng, là buông hết những loạn tưởng. Đó là gốc của sự tu.

*Dứt trừ nhân ngã thì ra tướng thực kim cương, dừng hết tham sân mới lấu lòng mâu viên giác.* Người tu nếu còn chấp nhân chấp ngã thì không bao giờ được trí tuệ kim cương. Muốn được trí tuệ kim cương phải xóa hết nhân ngã. Nhân ngã chúng ta còn to quá nên tu hoài không sáng, rồi than tu khó. Bao giờ hết tham sân mới tỏ rõ được sự mâu nhiệm viên giác. Muốn được giác ngộ tròn đầy phải dừng hết tham sân si. Chúng ta tu năm mười năm rồi, tham sân si giảm chừng bao nhiêu? Một nửa không? Được một nửa là tốt. Người tu cốt làm sao hết tham sân si, chừng đó lòng mới thanh thản, nhẹ nhàng. Giác ngộ tròn đầy gọi là viên giác. Tham sân si còn thì không giác ngộ được. Đó là điều thực tế.

*Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương; Di Đà là tánh sáng soi, mượn phải nhọc tìm về Cực Lạc.* Di Đà là tánh sáng soi. Tịnh độ là cõi trong sạch, yên lặng. Tịnh độ ở đâu? Ở nơi lòng trong sạch của mình. Nhà Phật có câu “tâm tịnh là độ tịnh”. Người tu đòi về Cực Lạc mà không lo tịnh tâm thì làm sao về được. Ở Cực Lạc không có tham sân si, nếu người còn ôm tham sân si về đó, chắc đức Phật Di Đà rước về ít bữa rồi phải gởi trở lại, chứ ở bên ai chịu nổi!

Ở cõi Ta-bà người ta gọi là uest độ, tại tham sân si làm ô uest. Bởi tham sân si nên nổi lên đủ thứ

chuyện, ngồi trong nhà mà lo sợ hoài, làm khổ cho nhau đủ cách. Nếu hết tham sân si thì ở đây thành Cực Lạc rồi, có ai giành giật với ai, có ai lấn hiếp ai. Như vậy ở đây cũng là Cực Lạc, đâu cần phải đòi về bên đó. Đó là chuyện ngớ ngẩn không có lẽ thật.

*Di Đà là tánh sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực Lạc.* Ngay nơi đây nếu chúng ta thấy được tánh sáng, tánh giác tức là Phật rồi. Tâm mình khi sống được chỗ chân thật rồi thì không sanh tử nữa, nên đâu có chết. Chúng ta sống được với tánh giác hằng sáng thì đâu có tối. Như vậy Phật A Di Đà ở trong tâm mình, hình ảnh Cực Lạc được mượn để cho những người tin bên ngoài cố gắng niệm Phật, đến chỗ nhất tâm thì sẽ nhận ra tánh giác chân thật của chính mình. Đó là gặp Phật Di Đà, được về Cực Lạc.

Vua Trần Nhân Tông khi còn ở ngôi thái thượng hoàng, ngài đã thấy rõ đạo lý, biết rõ tinh thần tu hành như vậy nhưng ngài chưa tự mãn. Sau đó thấy con lớn, ngài liền truyền ngôi cho con rồi dứt khoát lên núi tu. Đó là điểm đặc biệt. Ngài làm bài phú này bằng chữ Nôm nhưng đúc kết bằng bốn câu kệ chữ Hán:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,  
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.



Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch,  
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiên.

Dịch:

*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,  
Đói đến thì ăn mệt ngủ liền.  
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,  
Đối cảnh không tâm chớ hỏi thiên.*

Ở cõi trần mà vui với đạo là nhờ biết tùy duyên. Tùy duyên làm sao? *Cơ tắc xan hề khốn tắc miên*; đói đến thì ăn, mệt ngủ khò, khỏe biết mấy. Chúng ta nghe nói tùy duyên là đói ăn, mệt ngủ thì thấy dễ, trẻ con làm cũng được, nhưng không phải vậy. Thật ra người đời sống không biết tùy duyên. Ví dụ như đến bữa ăn, phải có ớt có tiêu, có rượu... nếu thiếu những thứ đó thì không chịu ăn, hay ăn mà không vui. Như vậy có tùy duyên không? Không. Tùy duyên là có gì ăn nấy không đòi hỏi, không lựa chọn khen chê. Quý vị mệt có chịu ngủ không? Nằm xuống nhớ chuyện hôm qua hôm kia, ai rầy, ai nói nặng nói nhẹ mình, đủ thứ nhớ nên không ngủ được.

Hai hình ảnh đói ăn mệt ngủ, nói lên mọi sinh hoạt trong cuộc sống chúng ta dù tốt, dù xấu đều tùy duyên; không oán hờn, không buồn giận khi gặp xấu, không vui mừng khi được tốt. Tùy duyên,

đến thì nhận mất thì thôi, không buồn giận ai. Giả sử, bữa đó quý vị trúng số cũng không quá mừng tới mất ngủ. Tùy duyên, trúng thì cứ trúng, chứ đừng lặn qua trở lại, ngủ không được, đó là chúng ta không biết tùy duyên. Hai chữ tùy duyên nghe dễ nhưng khó thực hiện được. Bởi vậy nên mới nói phải khéo tu.

*Gia trung hữu bảo hưu tâm mịch.* Trong nhà mình có báu sẵn, đừng tìm kiếm ở đâu hết. Nơi chúng ta có hòn ngọc quý mà mình quên, bây giờ cứ ngay đó dừng lại, tìm sẽ gặp nó chứ không đâu khác. Trong kinh Pháp Hoa, Phật dụ như anh chàng say rượu đi ăn mày, khi gặp người bạn giàu đãi rượu chè rồi anh say nằm mê man. Người bạn thương mới lấy hòn ngọc quý nhét trong túi áo, vì có việc đi gấp không chờ anh tỉnh dậy. Người bạn giàu đi đôi ba năm trở lại, gặp anh bạn say vẫn y nguyên là ăn mày. Người bạn tức quá hỏi: “Hôm đó tôi đã nhét hòn ngọc trong túi anh, sao bây giờ anh vẫn nghèo?”. Nghe vậy anh giật mình sờ tay vô túi, lấy hòn ngọc ra. Từ đó anh trở nên giàu có.

Chúng ta ai cũng có hòn ngọc quý mà bỏ quên, tại vì mê. Mê cảnh trần tục quá nên quên hòn ngọc của mình. Phật tổ nhiều lần nhắc đi nhắc lại mà chúng ta cũng không chịu nhớ. Bởi vậy đừng nghĩ mình nghèo, chúng ta rất giàu nhưng chưa đem

hòn ngọc ra xài. Nếu lấy ra xài thì ai cũng như ai, đâu có thua kém chi. Trên đường tu đừng mặc cảm bạn tu được, mình tu không được. Có lắm Phật tử hỏi quý thầy: “Thưa Thầy, Thầy coi tuổi con tu được không?”. Ai cấm không cho mình tu mà hỏi tu được không, chuyện vô lý!

Chúng ta tu là quay lại tìm của báu nhà mình, ta có đủ thẩm quyền. Phật cho chúng sanh đủ thẩm quyền quyết định mê hay giác. Muốn mê thì mê, muốn giác thì chuyển mê thành giác, chứ Phật đâu có bắt chúng ta thế này thế kia. Ngài chỉ ra, ai biết dùng thì dùng, không chịu dùng thì thôi, Phật cũng không ép. Người nào chuyển mê thành giác, đó là tu. Ngược lại, cứ giữ mãi cái mê là không tu, là trầm luân không dứt. Chúng sanh thường sợ mê mà không dám giác. Sợ mê thì phải thích giác chứ. Mê với giác là quyền của chúng ta, sẵn nơi mỗi người, không ở đâu xa hết.

Phật tử đi chùa học đạo, hiểu đạo, thực hành đạo đúng như Phật pháp thì cuộc sống rất tốt đẹp. Ngược lại, nếu Phật tử cứ đi con đường mê hoài thì dù đến chùa thường xuyên cũng không có lợi ích chi. Mong tất cả quý vị nghe hai ông vua này rồi, tự hổ thẹn mình là dân thường, không bận rộn như quý ngài, mà cứ nói tu không được, thật xấu hổ! Ông vua ngồi trên ngai vàng, mà chùng buông thì

buông cái một. Như vậy mới thấy sự yếu đuối của chúng ta.

Tôi mong tất cả Tăng Ni, Phật tử phải can đảm, cương quyết một lần thực hiện việc gì phải làm đến nơi đến chốn. Tu cho đến giác ngộ mới thôi. Là Phật tử phải xứng đáng với danh hiệu Phật tử, bỏ tham, bỏ sân, bỏ si, để trở thành người con Phật toàn thiện, viên mãn, không lỗi thôi nữa. Con Phật là con đáng giác ngộ, chứ đâu phải con người thường, hiểu vậy quý vị sẽ thấy đời tu là vinh hạnh, thanh thoát. Nếu không hiểu vậy thì thấy người tu cũng tầm thường như ai, không hơn không kém. Từ đó không cố gắng vươn lên, lầm chấp thân phận kẻ cùng tử mà quên mất nguồn gốc trưởng giả của mình.



## CHÙA VIỆT NAM (HOA KỲ)

### PHƯỚC TUỆ SONG TU

*Năm 2002*

Hôm nay, tôi có duyên đến thăm chùa Việt Nam và thuyết pháp cho quý Phật tử nơi đây, tôi rất vui. Đối với chúng tôi, Phật tử Việt Nam đến đâu cũng là người Việt Nam, ở xứ nào cũng có gốc rễ quê nhà, đó là điều đáng mừng. Vì vậy ngôi chùa này được đặt tên chùa Việt Nam. Đề tài tôi giảng hôm nay là *Phước tuệ song tu*.

Trong kinh hay nói, người tu đủ phước, đủ tuệ như chim đủ hai cánh. Nếu chim mất đi một cánh thì không thể bay được, cũng vậy người tu có tuệ mà thiếu phước hoặc có phước mà thiếu tuệ đều không được, vì vậy phước tuệ phải song tu. Người tu nào đủ hai phần này thì việc tu mới đạt kết quả tốt. Nên nói “phước tuệ lưỡng toàn phương tác Phật”, tức là phước tuệ đầy đủ thì mới có thể thành Phật. Phước từ đâu có, làm sao được phước? Tuệ từ đâu ra và làm sao có tuệ? Trả lời được hai câu hỏi này,

tức là thấu suốt được đề tài tôi giảng hôm nay. Đó là điều căn bản trên đường tu hành.

Động cơ để Phật tử làm phước là lòng từ bi, do có tâm từ bi nên thấy ai khổ liền giúp đỡ, thành ra có phước. Phật dạy, muốn tăng trưởng lòng từ bi nên tu hạnh bố thí. Bố thí có chia làm ba phần, bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy. Ba phần bố thí này phát xuất từ lòng từ bi. Hiện giờ Phật tử thường thực hành tài thí, tức là bố thí của cải vật chất.

Bố thí tài có hai: một là nội tài, hai là ngoại tài. Người có tiền của thấy kẻ nghèo đói liền chia bớt tiền của cho họ, đó là bố thí ngoại tài. Nếu người nghèo không có tiền của, khi thấy người gặp khổ nạn liền dùng sức mình giúp cho họ bớt khổ nạn, đó là bố thí nội tài. Ví dụ Phật tử đi đường thấy một cây đing, chúng ta lượm quăng đi để người khác không giẫm lên. Hoặc gặp mấy cụ già qua đường khó khăn, chúng ta dìu qua yên ổn, đó là bố thí nội tài.

Như vậy, ở thế gian này không ai là không bố thí được, chỉ có người thiếu lòng từ bi mới không làm việc bố thí. Trên đường tu, bước đầu phải khởi tâm từ bi. Từ là ban vui, bi là cứu khổ. Dem vui cứu khổ cho người, cho vật, gọi là tâm từ bi. Hành động bố thí bằng nội tài, ngoại tài là những hình ảnh

cụ thể làm cho người bớt khổ. Muốn tự thân đầy đủ công đức, trước hết chúng ta phải có tâm từ bi mạnh mẽ. Đó là tâm từ bi ban đầu.

Bố thí pháp là sao? Giảng pháp như quý Tăng Ni là bố thí pháp, tuy nhiên không hẳn chỉ có quý thầy, quý cô mới bố thí pháp được. Quý thầy giảng dạy cho Phật tử nghe hiểu Phật pháp, ứng dụng tu hành, làm tiêu bớt những đau khổ, đó là bố thí pháp. Khi các Phật tử thấm nhuần đạo lý rồi, gặp bạn hoặc người thân đang đau khổ, liền đem pháp giảng giải cho họ nghe. Họ nghe hiểu thấm rồi không buồn khổ nữa, đó là Phật tử bố thí pháp.

Như vậy, dù xuất gia hay tại gia, ai khéo tu, khéo ứng dụng pháp đều có thể bố thí pháp được, thế nhưng chư Tăng Ni thì có trách nhiệm lớn lao và chủ yếu hơn. Vì Tăng Ni là những người không bận việc gia đình, tu học dễ dàng, do đó kết quả tu tập cũng tốt, Phật tử nghe Tăng Ni nói dễ tin, dễ hiểu hơn.

Quý Phật tử tại gia bận việc này, việc nọ, nên thời gian tu ít, nghiên cứu Phật pháp không nhiều, nếu bố thí pháp cho người khác thì họ hơi khó tin hoặc tin ít ít thôi. Trừ người thân của mình gặp hoàn cảnh trắc trở khó khăn, Phật tử dùng Phật pháp an ủi, họ nghe dần dần sẽ thức tỉnh, đó là một vài

trường hợp riêng. Đa số Phật tử đều trong cây vào chư Tăng, chư Ni bố thí pháp. Đem chánh pháp của Phật dạy như Tứ đế, hoặc lý nhân duyên... giải thích cho Phật tử hiểu, áp dụng thực hành dần dần bớt buồn giảm khổ, sâu nữa thì quán chiếu tu tập giải quyết hết tất cả duyên nghiệp cũ, để được giải thoát sanh tử. Đó là bố thí pháp để cứu khổ chúng sanh.

Cuối cùng là bố thí vô úy, tức là bố thí sự không sợ hãi. Người thế gian thường lo sợ, không sợ cái này cũng sợ cái khác, lúc nào cũng có cái sợ trong lòng. Như có người sợ ma quá tối không dám ngủ một mình, muốn cho người đó hết sợ thì phải dẫn kinh giải thích cho họ hiểu. Phật dạy trong lục đạo luân hồi thì ma ở hàng thấp thứ hai. Thấp nhất là địa ngục, thấp thứ ba là súc sanh.

Chúng ta là người tức cao hơn ma quỷ, chúng sẽ không dám làm gì mình. Chỉ vì tưởng tượng nên mới sợ, nếu đừng tưởng tượng nữa thì sẽ hết sợ. Bọn chúng thấp hơn tại sao mình lại sợ chúng, sợ là sợ cái gì cao hơn mình chứ sao lại sợ cái thấp hơn mình? Quỷ đói khát khổ đau phải nhờ loài người cho ăn nó mới bớt khổ, trở ngược lại con người đi sợ ma quỷ, thật là chuyện vô lý!

Người ta hay nói ma nhát mà không biết ma có nhát thật không? Hồi tôi còn nhỏ, có anh đó lớn



hơn tôi năm bảy tuổi, anh hay đi chơi đêm. Nhiều người ở vùng đó nói, ngang khu vườn cạnh đường có ma hay đeo trên cây mù u, xòa tóc xuống. Mọi người đồn nhau như vậy, nên ai đi ngang đó cũng rất sợ hãi. Hôm nọ anh đi chơi một mình về khuya, thấy xa xa phía trước có cái gì lơ mờ đánh đòng đưa đòng đưa, xòa tóc rủ xuống. Anh nghĩ kỳ này mình gặp ma rồi, bèn liều chết cầm cây gậy to xông tới đập cái chất, coi kỹ lại hóa ra là tàu cau. Vỡ lẽ, anh khám phá ra con ma này là ma tàu cau.

Con người còn nhiều cái sợ lắm, ở đây tôi chỉ nêu một hai sự việc điển hình thôi. Như có kẻ sợ người ta không thương mình, rồi cứ lo nghĩ về điều đó hoài. Trên lý công bằng mà nói, người ta thương mình thì mình thương lại, người ta không thương mình thì mình khỏi thương lại, có gì phải sợ! Vậy mà nhiều người không ngớt lo sợ về điều này. Từ sợ nên đi coi bói, xin xăm... xem người ta có thương mình không. Chuyện quá đơn giản, đâu có gì mà phải khổ như vậy. Thế gian con người tự làm khổ mình một cách vô ích.

Có một cái sợ chung cho tất cả mọi người, đó là sợ chết. Làm sao để buông được cái sợ chết. Trước hết, chúng ta phải tự đặt câu hỏi, trên đời này có ai khỏi chết không? Cái chết là chung cho tất cả, chỉ kẻ trước người sau thôi. Sự thật hiển nhiên ai cũng

phải chịu thì sợ có khỏi được đâu. Nếu sợ mà khỏi chúng ta cũng nên sợ, còn sợ cũng không khỏi mà vẫn cứ sợ, đó là đại khờ. Muốn không sợ chết thì làm sao để đối phó với cái chết? Đó là vấn đề then chốt mà đức Phật ngày xưa đã đi tìm.

Có thân thì phải có chết, đức Phật cũng chết huống là mình. Thế nhưng khi chết, Phật tự tại, không sợ sệt, không lo buồn. Chúng ta khi chết tới thì kinh hoàng hoảng hốt, không biết rồi sẽ ra sao. Từ sự hoảng hốt ấy, nên không biết đường nào đi. Cho nên tu là chọn con đường đi. Phật dạy rõ ai giữ tròn năm giới tu Nhân thừa Phật giáo là lên chiếc xe người đi đến cõi người. Tu Thập thiện tức Thiên thừa Phật giáo là lên chiếc xe trời đi tới cõi trời. Tu Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa là đi những cỗ xe Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát đi tới những cảnh giới tương ứng.

Trong phạm vi bài giảng này, tôi chỉ nói hai cõi là Nhân thừa và Thiên thừa. Quý Phật tử đang tu về Nhân thừa Phật giáo, nếu tu chín chắn kỹ lưỡng thì khi nhắm mắt sẽ trở lại làm người. Tu Thập Thiện thì được sanh lên trời. Trên lý nhân quả, đức Phật đã chỉ dạy rất rõ ràng như vậy, có gì mà sợ. Chiếc xe này cũ hư đổi lại chiếc xe mới tốt hơn, có gì đâu phải buồn, ra đi thanh thoi tự tại. Như vậy là biết chọn đường đi. Những kẻ lang bang gặp gì

làm nấy, phải cũng được quấy cũng được, khi nhắm mắt đi đâu khó định, tùy theo nghiệp nặng nhẹ mà sanh vào các cõi.

Tuy Phật dạy tu Thập thiện được sanh lên cõi trời, nhưng Ngài không muốn chúng ta lên cõi trời mà nên ở cõi người. Tại sao? Vì lên cõi trời muốn gì được nấy, thỏa thích quá, ăn chơi mãi hết phước tuột xuống trở lại. Lên rồi xuống, lên rồi xuống, rốt cuộc chẳng đi tới đâu. Cõi người có lúc vui, lúc khổ, khổ vui xen lẫn nhau, nhờ thế cảnh tỉnh, đánh thức chúng ta. Khi vui quá lo ăn chơi, đến chừng gặp tai nạn hoặc thất bại gì đó buồn quá mới thức tỉnh. Như vậy có vui, có khổ là cảnh dễ tu nhất. Do đó Phật bảo, phải ngay nơi cõi người mà tỉnh tu, đừng nghĩ lên cõi trời mới tu được.

Chuẩn bị được lối đi thì chúng ta bớt sợ chết, vì mình có đường rồi. Không biết chuẩn bị lối đi, đến lúc đó bàng hoàng, sợ hãi, rất khổ. Ai biết chuẩn bị cho mình con đường mai sau, đó là người khôn. Người đời cứ ngỡ tu là thiệt thòi, khờ dại nhưng sự thật không phải vậy. Tu là chuẩn bị kỹ càng cho mình một đời sống tốt đẹp trong hiện tại và mai sau. Xét kỹ, ở thế gian này, nếu muốn gì được nấy thì chắc là sống không thọ. Vì muốn ăn món này có món này, muốn ăn món kia có món kia, muốn thụ hưởng tài sắc... đều có hết, riết rồi sanh bệnh.

Càng được nhiều càng tiêu giảm sức lực, đâu có lợi ích gì. Đừng nghĩ thỏa mãn tất cả dục lạc thế gian là sống lâu. Người biết hạn chế, biết cần kiệm mới sống thọ. Đó là lẽ thật.

Trong kinh A Hàm Phật dạy, nhìn gương mặt những người sắp chết có thể biết đi đường lành hay đường dữ. Nếu ai sắp chết mặt mày sợ hãi, người đó sẽ đi đường dữ. Ngược lại, ai sắp chết mà vui cười sẽ đi đường lành. Tại sao? Vì khi sắp chết do nghiệp ác chiêu cảm, những cảnh ác đến khiến người ấy kinh hãi, lo sợ. Hồi trước hại ai, tới giờ sắp chết thấy kẻ kia tới hại lại, thần thức hoảng hốt chạy xuống địa ngục. Nếu người lành, khi gần nhắm mắt do nghiệp lành chiêu cảm thấy bạn bè, thân quyến tới đón chào, vui vẻ, không sợ gì hết nên gương mặt vui tươi.

Tất cả chúng ta ra đi đều theo nghiệp lành hay dữ mà hiện tướng khổ, tướng vui. Vậy thì dại gì chúng ta không tạo duyên tốt, nghiệp lành để ngày mai ra đi thanh thoi. Hiện đời dù khôn ngoan, làm ăn giỏi, giàu đến cỡ nào, nhưng đến khi chết thì những thứ ấy cũng không còn. Thở khì ra không hít lại, tất cả đều buông tay không còn gì hết. Lúc đó chỉ có nghiệp lành giúp mình đến cảnh lành mà thôi.

Người khéo nhận định, khéo suy gẫm sẽ chuẩn bị ngay khi còn sống, tạo duyên tốt cho mình lúc nhắm mắt. Mấy chục năm lo cho thân này, tới cuối cùng ra đi hoàn toàn trắng tay, thật là uổng phí. Chi bằng chúng ta vừa lo cho cuộc sống, vừa chuẩn bị cho cái chết để phút ra đi được an lành, như vậy có tốt hơn không. Tu hành là chuyện thiết thực chứ không phải chuyện băng quơ, rỗng không. Người nào khéo tu tới ngày chết không sợ, người không khéo tu cứ nơm nớp sợ chết.

Như vậy do lòng từ bi, chúng ta tu ba hạnh bố thí: bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy. Tùy căn cơ, tùy trường hợp, tùy hoàn cảnh, chúng ta dùng ba thứ ấy bố thí cho mọi người chung quanh. Tu bố thí như thế rất công bằng, giàu nghèo đều có thể làm được hết. Phật tử muốn có phước thì phải bố thí. Do bố thí phước tăng trưởng, phước tăng trưởng lòng từ bi càng tăng trưởng.

Nên biết, từ bi là nhân tạo các phước lành, cũng là việc làm đưa chúng ta tới giải thoát sanh tử. Ba phần bố thí trên tuy có cứu người, nhưng chưa đưa chúng sanh tới chỗ chấm dứt hoàn toàn khổ đau, chỉ làm sao cứu người thoát khỏi đường mê đến được bờ giác, đó là cách duy nhất cứu chúng sanh thoát ly sanh tử. Trọng tâm của đạo Phật là chỉ ra cho chúng sanh thấy si mê là nguồn gốc của

đau khổ. Muốn hết khổ phải bứng tận gốc si mê. Vì si mê nên mới tạo nghiệp, nghiệp này chưa hết tạo tiếp nghiệp khác, cứ thế mà đi trong luân hồi mãi mãi không có ngày cùng. Nếu thức tỉnh dừng tạo nghiệp thì mới có ngày giải thoát sanh tử.

Phật lấy giác ngộ để độ chúng sanh, làm sao cho mọi người đều tỉnh, đều giác mới hết khổ. Nếu giúp nhau trong sự mê muội, hết khổ này sang khổ khác, không bao giờ hết khổ. Ý nghĩa cứu khổ sâu thẳm nhất là cứu cho mình và tất cả chúng sanh hết si mê. Cho nên người tu phải can đảm, thấy được cội gốc si mê của mình. Chúng ta mê đủ thứ, nào là tiền tài, danh lợi v.v... nhưng cái si mê đó mới chỉ là ngọn ngành thôi, chưa phải gốc. Gốc sâu hơn đó là thấy thân này thật.

Bởi thấy thân thật nên tham tài, tham sắc... từ thân này thật mới có sân hận, tham lam. Biết thân không thật đó là trí tuệ. Do trí tuệ nên phá được si mê, hết si mê thì hết tham lam, hết tham lam thì hết nóng giận. Con người không định được thời gian sống của mình, chỉ thở ra không hít vào là chết. Vậy mà ai nói mạng sống của mình chỉ trong vòng vài tháng thì lo lắng vô cùng. Bởi ngầm ẩn si mê tham sống nên vừa nghe ai nói chết, liền cảm thấy bị xúc phạm nên nổi nóng. Nghe người nào chúc mình sống muôn năm thì cười, dù biết đó là lời

chúc rộng. Lời nói rộng nhưng phù hợp với sở thích của mình cũng vui, còn nói thật mà không đúng với sở thích thì giận. Chúng ta tu là phải sáng suốt, có sáng suốt mới buông xả tham, sân. Nếu không sáng suốt thì tham sân mãi mãi vây khốn.

Như trên đã nói, phước tuệ song tu. Chúng ta lo tu phước song song đó phải lo tu tuệ. Người tu Phật phải có trí tuệ chứ không thể tu một cách mơ màng được. Thế gian thường nói trí thức, vậy trí thức với trí tuệ là một hay khác? Đó là vấn đề quan trọng, Phật tử cần phải nắm vững. Nhiều người tưởng trí tuệ giống trí thức, thật ra hai cái khác nhau. Học những kiến thức ngoài đời gọi là trí thức, tức là gom nhặt sự hiểu biết của người này, người kia lại thành sự hiểu biết của mình, vì vậy người có hiểu biết rộng được gọi là người trí thức. Trí tuệ trong nhà Phật thì không như thế. Học Phật là học pháp của Phật, đó là pháp giải thoát sanh tử, pháp chân thật không sanh diệt, muôn đời không dời đổi. Tóm lại, trí thức thuộc phần phân biệt, còn trí tuệ thuộc phần chân thật.

Trong kinh chia trí tuệ có ba là: văn tuệ, tư tuệ, tu tuệ. Văn là nghe pháp hay học kinh. Tư là nghe học Phật pháp rồi suy gẫm chín chắn, nhận định đúng mới tin. Tu là áp dụng điều mình đã tin sâu đó ứng dụng tu. Văn, tư, tu, được gọi là Tam tuệ học. Ba tuệ học này còn trong sanh tử nên nói hữu

lậu. Ngoài ra có ba môn do tu mà được, gọi là Tam vô lậu học. Đó là giới, định và tuệ. Do giữ giới nghiêm chế không cho tâm buông lung, chao đảo theo ngoại duyên, dần dần tâm được an định. Từ an định phát sinh trí tuệ. Tuệ này là do định sanh, còn tuệ ở trên là do học mà sanh.

Người thế gian trí thức rộng, suy gẫm và nói ra triết lý nào được nhiều người quý trọng thì xem như người đó tài giỏi. Tuy nhiên các triết lý chỉ ứng dụng được một thời gian thì bị lỗi thời. Vì vậy nhà triết học này đến nhà triết học khác nối nhau ra đời, đổi thay luôn. Con người học suốt đời cũng không hết các triết thuyết bên ngoài. Những triết lý đó với hoàn cảnh ứng xử thích hợp thì đúng, khi qua thời đại khác không còn thích hợp nữa nó sẽ lỗi thời.

Như ngày xưa ai cũng quý trọng tôn thờ đức Khổng Tử. Triết thuyết thời đó phục vụ chế độ phong kiến, quân xử thân tử, thân bất tử bất trung... tất cả những điều đó hợp với quyền lực của vua, của cha mẹ hoặc của người chồng. Triết thuyết ấy hay trong thời đó, nhưng qua thời này thì khác. Như quan niệm phái nữ phải tam tòng tứ đức, khuê môn bất xuất, bây giờ không còn thích hợp nữa, nhất là ở xứ Mỹ. Phái nữ phải đi làm cả ngày, như vậy là xuất cả ngày chứ không thể bất xuất như xưa được. Điều này hiện tại thấy rất rõ.



Ngày nay khoa học phát triển quá nhanh, nhất là các lĩnh vực thuộc về công nghệ. Mới ra loại máy vi tính này sử dụng vừa quen, ít tháng sau ra cái mới tốt hơn, vậy là máy trước lỗi thời. Chỉ trong vòng mấy tháng thôi mà đã thành lỗi thời, thế thì con người chạy theo chừng nào mới kịp. Sở học không cùng và luôn thay đổi thì nó không phải là cái miên viễn của mình.

Giáo pháp Phật thuyết không phải chỉ để giải quyết tạm cho xã hội đương thời, mà là sự thật muôn đời. Vì là sự thật muôn đời nên nghiên cứu pháp Phật càng cao càng sâu thì càng thích thú. Như trong kinh Kim Cang Phật dạy:

*Nhất thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ diệc như điện,  
Ứng tác như thị quán.*

Tất cả pháp có hình tướng, có sanh diệt đều như giấc mơ, như huyễn hóa... Chúng ta thấy cái gì cũng thật, còn Phật thì nói cái gì cũng giả. Thế nên Phật trái với chúng sanh, vì Phật giác còn chúng sanh mê. Con mắt người giác ngộ thấy khác con mắt kẻ mê lầm. Phật thấy tất cả pháp có mặt một giai đoạn rồi biến hoại, tan mất. Cho tới quả địa cầu chúng ta đang ở cũng đủ bốn tướng thành trụ

hoại không, chứ không phải còn hoại. Con người và muôn vật tại thế gian ở trong vòng chuyển biến tụ tán, không còn mãi, nên Phật nhìn nó như giấc mộng. Ngược lại, chúng ta khi tụ thấy có thật, khi tán thấy mất thật nên mới khổ.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh, Phật dạy khi Bồ-tát Quán Tự Tại soi thấy năm uẩn đều không liên qua hết tất cả khổ nạn. Chúng ta đọc mấy trăm lần rồi mà vẫn chưa hết khổ nạn. Chẳng lẽ lời Phật nói vô hiệu, không có giá trị? Phật dạy Bát-nhã có ba phần là: văn tự Bát-nhã, quán chiếu Bát-nhã và thật tướng Bát-nhã. Chúng ta chỉ mới đọc tụng trên văn tự, tức là mới đi được một phần mà đã tự mãn thì làm sao thấy được giá trị của Bát-nhã.

Như có người muốn qua sông, lên thuyền ngồi ì đó hoại không chịu chèo, dần dần thuyền mục chìm luôn, không tới đâu hết. Nếu chỉ thỏa mãn ngay “văn tự” mà bỏ “chiếu kiến” thì đâu đến được chỗ “thật tướng”. Văn tự như chiếc thuyền, chúng ta ngồi trên thuyền muốn qua bờ bên kia thì phải lay tay chèo là quán chiếu, chèo tới bờ bên kia là giác ngộ tức thật tướng.

Nhiều người nói tu Phật không hiệu nghiệm, không thực hành đúng thì làm sao có hiệu nghiệm? Quán chiếu là quán xét thấy thân mình không thật,

những người chung quanh cũng không thật còn đó mất đó... Quán xét tường tận thấy rõ thân này không thật rồi, có ai chửi mắng hoặc giành phần hơn thua mình cũng không giận. Vì thân đã không thật thì lời nói có thật đâu mà giận. Thế là tất cả buồn thương giận ghét êm ru, nhẹ nhàng, vậy là qua hết khổ nạn rồi.

Người tu Phật hiện nay đa số có bệnh tự mãn, cho tụng kinh giỏi là đủ. Nếu tụng kinh giỏi mà không bước sang giai đoạn thứ hai, dùng trí tuệ soi chiếu làm sao thấy đúng như thật. Tu như thế không thể nào qua được khổ nạn. Lời Phật nói trong kinh là lời vàng, lời chân thật đúng đắn, nếu chúng ta không sử dụng hết sẽ biến thành lời vô hiệu. Lỗi đó là tại mình tu không tới nơi.

Phật nói tốt lẽ thật nhưng vì cái nhìn, cái hiểu của chúng ta còn nông cạn, cố chấp thân thật, cảnh thật nên thấy pháp Phật nói khó hiểu. Những thứ mình vui thích say mê thì Phật nói là gốc của đau khổ. Bởi mình muốn thân này thật còn mãi nên có ai khen đẹp, sống lâu thì thích. Nghe những điều trái lại với mong muốn của mình thì không thích.

Trí tuệ của tam vô lậu học là trí tuệ phát xuất từ thiên định. Hành giả buông hết mọi nghĩ suy tâm mới an định, tâm an định trí tuệ phát sinh. Đó

là trí tuệ giải thoát, không còn bị trói buộc nữa. Khi đức Phật ngồi thiền dưới cội bồ-đề, Ngài không học với ai, nhưng tâm an định tới chỗ sâu thẳm bỗng Ngài sáng lên. Từ trí tuệ bừng sáng ấy Ngài chứng được Tam minh.

Trong kinh nói, mỗi người chúng ta đều sẵn có trí vô sư mà không dùng đến, để tâm loạn tưởng phủ che. Dẹp hết tâm loạn tưởng thì trí vô sư xuất hiện. Trí vô sư còn gọi là trí căn bản, trí tự nhiên. Trí này tất cả chúng ta đầy đủ không ai thiếu cả, nên Phật nói “nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, tức là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Tuy có tánh Phật, nhưng bị vô minh vọng động che khuất nên không phát hiện được, thành ra không sáng suốt. Người tu sau khi chuyển được nghiệp, dẹp hết những vọng tưởng của mình, lúc ấy trí vô sư mới hiện. Trí vô sư là trí chân thật cứu cánh, không phải trí tầm thường như trí thức của thế gian.

Người tu thiên cốt định tâm lạng xãng nhớ nghĩ phải quấy, hơn thua, tốt xấu... tất cả vọng động lạng xuống hết, tâm được an định thì trí vô sư hiện ra. Chúng ta bị luân hồi sanh tử là do tâm loạn tưởng, điên đảo. Bởi vì có nghĩ thì có thương có ghét, có buồn có giận... đó là tạo nghiệp đi trong luân hồi. Bây giờ dừng, buông hết những thứ đó để tâm yên tĩnh thì sẽ định. Từ định phát tuệ, có trí tuệ sáng

suốt thì sẽ không tạo nghiệp đi trong luân hồi nữa. Ngang đó chấm dứt sanh tử, giải thoát an vui.

Phật nói từ bi và trí tuệ là gốc của sự tu hành. Có người cho rằng, nếu thấy mình giả, người giả thì khi gặp kẻ khổ mình đâu thể thương, như vậy là tiêu cực! Nhận định như thế không đúng. Do thấy mình giả, người giả nên mình càng thương chúng sanh nhiều hơn. Vì họ không biết giả nên giành giật hơn thua khổ sở, mình là người đã thấy biết rõ rồi thì phải thương cứu vớt họ. Trong kinh nói: “Phật thương chúng sanh như mẹ thương con”, thương vì có của báu mà không biết dùng, phải lận đận lao đao chìm nổi trong sanh tử.

Thấy người đói rách cùng khổ chúng ta thương, đây chỉ là thương những nỗi khổ nho nhỏ thôi. Còn cái khổ muôn đời là si mê, không biết lối đi mới quan trọng thì lại không thương. Chúng ta là người tỉnh mà không nhắc nhở để đánh thức họ, đó là thiếu sót lớn. Vì vậy người tu chân chánh trước cần phải giác ngộ, sau mới đủ điều kiện đưa mình và mọi người ra khỏi khổ đau. Đó là đủ trí tuệ và từ bi.

Tóm lại, từ bi có hai chặng. Chặng thứ nhất là thương người trong hoàn cảnh thiếu thốn, đói rét... giúp đỡ cho họ qua cơn hoạn nạn, đó là từ bi cấp thấp. Chặng thứ hai là trước mình tỉnh giác, rồi

đem sự tỉnh giác ấy đánh thức nhắc nhở cho người hết mê lầm. Đó mới là từ bi cứu cánh. Đạo Phật nhắm tới cứu mê lầm cho chúng sanh, coi đó là trọng tâm. Nên đối với các việc từ thiện, cứu người đói khát... xem đó chỉ là phương tiện, tùy duyên làm được bao nhiêu tốt bấy nhiêu, vì mang tính cách tạm thời, không giải quyết tận gốc rễ khổ đau của chúng sanh.

Quý vị nghe giảng thấy dễ hiểu nhưng hành lại khó, song không lẽ vì khó chúng ta bỏ qua. Khó cũng phải cố gắng làm, vì đó là cứu mình ra khỏi mê lầm. Một việc làm đem lại hạnh phúc muôn đời cho bản thân, chúng ta bỏ qua sao được. Vì vậy quý vị nghe kỹ, hiểu rõ rồi mong tất cả cố gắng thực hiện, được bao nhiêu tốt bấy nhiêu, nhớ là đừng quên. Được vậy sự tu mới tiến, mới thấy giá trị chân thật của đạo Phật.



## CHUẨN BỊ CHO MÌNH MAI SAU

*Giảng tại Hoa Kỳ  
Tháng 8/ Tân Tỵ - 10/2001*

Nhân dịp quý Phật tử cúng dường Tăng Ni, tôi có ít lời nhắc nhở về sự tu hành. Phật dạy Phật tử có tài thí, chư Tăng có pháp thí. Tài thí và pháp thí hỗ tương nhau thì trên đường tu để đạt đạo, thiếu một bên sẽ không có kết quả.

Quý Phật tử tu có hai việc lợi lạc. Thứ nhất là đem lại sự bình an vui vẻ cho bản thân, cho gia đình và mọi người chung quanh. Thứ hai là vì nghĩ đến sanh tử mà tu hành, để khi nhắm mắt biết đường sáng mà đi, không lo sợ. Muốn được bình an hạnh phúc thì phải làm sao? Đây là điều chúng ta cần lưu tâm. Không phải làm được nhiều tiền của là hạnh phúc, cũng không phải có quyền cao chức trọng là hạnh phúc. Chính trong cuộc sống, trong gia đình, chúng ta cảm thông với nhau, trên dưới thuận hòa, mới là hạnh phúc.

Muốn được sự cảm thông, quý Phật tử phải có cách nhìn đúng đạo lý. Người chung quanh mình không có ai là thù nghịch hay chống trái. Chẳng qua hiểu lầm nên có những điều không vui, rồi từ thân thành sơ. Ở đời, không ai là không có lỗi lầm,

chỉ nhiều hay ít thôi. Người vợ có lỗi, người chồng hỷ xả tha thứ; người chồng có lỗi, người vợ hỷ xả tha thứ thì gia đình bình an, hạnh phúc.

Cũng vậy, con cái còn nhỏ chưa đủ trí khôn, hoặc nó có trí khôn rồi nhưng lại nhìn theo hướng khác, không hợp với cha mẹ. Nếu vì cái nhìn không hợp, mà coi nó như kẻ xấu xa, bất hiếu thì không nên. Dù con có hiểu khác với mình, cũng phải thông cảm bao dung cho nó. Như bây giờ quý Phật tử từ Việt Nam sang định cư ở Mỹ, sinh con ở xứ này, vậy con cái của quý vị có thuần Việt không? Mấy đứa trẻ tuy mang nòi giống Việt, nhưng sống theo nếp sống của Mỹ. Phật tử đã ở Việt Nam hai ba chục năm, nếp sống Việt đã thấm trong xương máu rồi. Bây giờ thấy nếp sống mới của con cái mình khác xa, phải nghĩ rằng đó là điều đương nhiên, không có gì lạ.

Con mình sống ở Mỹ thì phải theo phong tục tập quán của Mỹ. Mình sống ở Việt Nam thì theo phong tục tập quán Việt Nam. Đừng bắt nó sống như mình; nếu bắt nó sống như mình thì tốt nhất là dẫn về Việt Nam cho xong. Muốn ở Mỹ thì phải cho con sống theo Mỹ. Tôi thấy nhiều người hay làm chỗ này, cứ cố chấp theo hiểu biết của mình, thành ra có nhiều điều không vui trong gia đình.

Quý Phật tử phải thông cảm với con mình. Nếu con có lỗi lầm gì cũng hỷ xả cho nó. Cha mẹ hỷ xả



thì con cái mới có tình thương, vui vẻ sống bên cha mẹ. Nếu con cái sống theo phong tục xứ này, trái với tư tưởng ở Việt Nam, mình bực bội giận hờn là không tốt. Chúng ta phải có cái nhìn thông cảm từ trên xuống dưới, để gia đình được bình yên, vui vẻ. Người cố chấp, gặp việc gì trái ý thì hờn giận, la lối. Đó là gốc của đau khổ.

Tu là thông cảm hỷ xả cho nhau. Biết mình có lỗi thì người khác cũng có khi phạm lỗi, cần thông cảm tha thứ. Đạo Phật là đạo từ bi hỷ xả. Muốn sống bình yên vui vẻ thì phải tập đức hỷ xả, chứ còn ôm ấp giận hờn cố chấp thì không bao giờ vui được. Người sống mà không làm cho gia đình trên dưới thuận hòa là không biết đạo đức. Vì không biết đạo đức nên khổ sở. Hiện tại khổ thì mai kia chắc gì được vui.

Là Phật tử, chúng ta không có quyền khổ. Vì sao tôi nói như vậy? Bởi vì Phật tử không được cố chấp. Tất cả khổ gốc từ chấp mà ra, bây giờ chúng ta không chấp nữa thì làm gì có khổ. Đó là điều thứ nhất.

Điều thứ hai là chúng ta tu vì sợ sanh tử. Nhà Phật nói sanh tử là việc lớn, nhưng vì chúng sanh mê muội nhiều đời nên không biết. Đức Phật khi còn làm thái tử, chỉ một lần thấy người già, người bệnh, người chết liền thức tỉnh đi tu. Chúng ta thấy già, bệnh, chết bao nhiêu lần rồi mà chưa tỉnh. Người

kia già bệnh chết thì mình cũng tới lúc già bệnh chết, không sao tránh khỏi. Thế thì quý Phật tử đã chuẩn bị chưa? Lo cơm ăn áo mặc, lo gầy dựng nhà cửa, lo cho con cái học thành tài. Tới chừng nhìn lại thì đầu tóc đã bạc, cái chết gần kề.

Chúng ta lo cho sự sống 50% thì cũng phải để dành 50% nghĩ tới cái chết. Tôi nói như vậy, chắc quý Phật tử không ưng. Muốn lo cho cái sống 90%, nghĩ tới cái chết 10% thôi, phải không? Nghĩ vậy là chưa được. Ai cũng phải sống và phải chết. Chúng ta đang sống và lo cho sự sống, thì khi chết ai lo cho mình? Tự mình phải lo cho mình, đừng để cái chết tới trở tay không kịp.

Suốt một đời chỉ nghĩ đến sự sống, tự nhiên có tranh giành hơn thua, phải quấy tốt xấu. Tới chừng ngã ra chết, mang bao nhiêu buồn khổ đi theo, không có chút nào an vui. Cho nên, khi đang sống, chúng ta phải luôn nhớ ngày mai mình sẽ chết. Ngày mai chứ không phải tám chín mươi tuổi. Tôi nói ngày mai là còn cho Phật tử chút ít hy vọng, chứ còn Phật nói mạng người chỉ trong hơi thở, thở ra không hít vào là chết.

Phật tử đã chuẩn bị cho cái chết chưa? Ví dụ mỗi chiều, quý vị tự hỏi mình đã chuẩn bị gì cho cái chết? Ngày qua ngày cứ nhắc câu đó thì sẽ nhớ hoài

không quên. Muốn chuẩn bị cho cái chết là phải tu. Trước hết, đừng làm khổ lụy ai. Bởi vì làm phiền lụy người là gieo nhân không tốt, nhân không tốt tức quả không tốt. Quý vị sợ ngày mai ra đi mang quả không lành, vậy phải chuẩn bị ngay bây giờ. Đã làm gì khiến người khác phiền não thì phải sám hối, đừng để họ oán hận mình. Hơn nữa, trước khi làm việc gì phải xét xem việc đó có đem đến khổ lụy hay niềm vui cho ai không. Biết điều đó làm khổ lụy cho người, nhất định không làm. Người khéo tu là biết chuẩn bị cho ngày ra đi không có nhân oán thù.

Quý Phật tử không tạo tội là điều tốt, nhưng phải biết tạo phước. Muốn đời sau không ai oán thù, phải làm cho người chung quanh thương mến, giúp đỡ mình. Vì vậy nên chia sẻ buồn khổ với mọi người chung quanh. Ở Việt Nam, người dân còn nghèo, nên bố thí tiền của giúp người bớt đói nghèo là chuyện dễ thấy. Ở xứ này không ai đói rét, nhưng nơi nào cũng có buồn khổ từ gia đình, hoặc xã hội, làm ăn thất bại... Quý vị tùy khả năng của mình, giúp bằng lời hoặc bằng phương tiện nào đó để họ bớt khổ, giảm bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Chúng ta không gây khổ lụy cho người chung quanh, mà còn đem lại nguồn vui cho họ, nhất định họ sẽ có tình cảm tốt đẹp với mình, những điều tốt lành cũng tự nhiên đến.

Như vậy để chuẩn bị cho cái chết, chúng ta phải làm hai việc: Một là đừng làm khổ lụy ai, hai là luôn đem lại niềm an vui cho mọi người. Nếu chúng ta làm được những việc tốt đối với gia đình xã hội, chuẩn bị cho ngày ra đi tốt, nhưng còn tích lũy những xấu dở len lỏi bên trong thì chưa đầy đủ. Quý Phật tử phải gạn lọc tâm tư sao cho được trong sạch, đừng ô uế nhiễm nhơ. Vậy ngày ra đi mới được thanh thoi. Đó là người khéo tu và biết tu.

Tôi nhắc lại bốn câu kệ:

Chư ác mạc tác,  
 Chúng thiện phụng hành,  
 Tự tịnh kỳ ý,  
 Thị chư Phật giáo.

Nghĩa là:

*Đừng làm các điều ác,  
 Vâng làm các việc lành,  
 Giữ tâm ý thanh tịnh,  
 Là lời chư Phật dạy.*

Mong quý vị nhớ bài kệ này ứng dụng tu cho thật tốt, để đạt được kết quả như sở nguyện.



## MỘT NGỌN NÚI BA CON ĐƯỜNG

*Giảng tại Hoa Kỳ  
Năm Tân Ty - 2001*

Hôm nay đến với quý vị, tôi sẽ nói đề tài *Một ngọn núi ba con đường*. Với đề tài này, chúng tôi hy vọng quý vị sẽ nắm vững, hiểu rõ đường lối tu của đạo Phật.

Thuở xưa có một ngọn núi, trên đó có thờ đức Phật trong một ngôi chùa rất linh thiêng, mầu nhiệm. Ai lên tới đó vào chùa lễ Phật thì xin gì được nấy. Nhưng đường lên núi rất khó đi, lại có đến ba con đường A, B, C. Người mạnh chân đi con đường A, ai yếu hơn một chút đi con đường B, ai yếu quá thì theo đường C.

Có một đoàn người muốn leo lên núi lễ Phật, họ chia làm ba. Nhóm đi ngõ A, nhóm đi ngõ B, nhóm đi ngõ C. Nhóm đi ngõ A leo lên núi không cần gậy. Nhóm đi ngõ B và C mỗi người dùng cây gậy tùy sức mạnh yếu. Cả ba nhóm vừa tới chân núi thấy sỏi đá ở đây có màu sắc long lanh đẹp quá, người nào cũng hết đầy bao, vác lên vai leo núi.

Thấy họ làm chuyện quái gở, một người thông minh tới bảo: “Các anh muốn leo tận chót núi thì

đừng đeo mang gì hết. Vì đeo mang nặng nề sẽ không tới đỉnh núi được”. Thế nhưng các người kia tiếc những hòn đá đẹp nên cứ mang. Đi một đôi có người nặng quá leo không được, đổ mồ hôi thở hào hển, mệt quá cuối cùng tuột xuống núi. Có người tiến bộ hơn, thấy bao nặng quá, họ xúc đá bỏ ra bớt nhưng còn tiếc nên không dám bỏ hết. Leo một đôi mệt quá, xúc bỏ thêm mớ nữa nhưng không nỡ bỏ hết, nên lên tới lưng chừng núi không đi nổi.

Người thứ ba sáng suốt hơn, ban đầu cũng vác một bao nặng như ai, nhưng khi thấy nặng quá liền nhớ lại lời của người thông minh nhắc. Muốn lên tới đỉnh núi phải bỏ hết bao đá đi, người này can đảm quăng cái bao xuống đất, một mình đi thong dong lên tới đỉnh núi. Tới nơi, vào chùa lễ Phật và tất cả nguyện vọng đều được như ý. Đó là nhóm thứ nhất.

Nhóm thứ hai, thứ ba tuy có gậy, nhưng có những người vì tiếc đá không nỡ bỏ, nên nửa chừng cũng tuột trở lại. Người bỏ chút chút cũng không tới đỉnh núi. Chỉ người nào can đảm bỏ hết đá mới leo tới đỉnh.

Ba con đường, ba nhóm người đều có những tâm trạng giống hệt nhau. Khi đi thì đông nhưng tới đỉnh núi chỉ được đôi ba người. Ai cũng có nguyện vọng lên tận đỉnh núi lễ Phật và được điều như ý.

Thế mà đi không tới nơi, có đáng tiếc không? Lỗi ấy tại ai? Tại tiếc ba thứ sỏi đá.

Bây giờ tôi hợp pháp câu chuyện trên. Ngọn núi là chỉ con đường tu của chúng ta. Từ khi khởi đầu cho đến đỉnh núi là kết thúc. Kết quả việc tu hành là chúng ta đến được chỗ mình ước mơ trông đợi. Đức Phật trong chùa tức là ông Phật của chính chúng ta. Tới đó rồi thì mãn nguyện, muốn gì được nấy. Đó là ý nghĩa ngôi chùa có đức Phật trên đỉnh núi.

Ba nhóm người cùng leo núi. Nhóm thứ nhất có sức mạnh, leo núi không cần gậy, nhưng vì tiếc ba cục đá trong bao nên leo nửa chừng trở lùi, người hơn một chút cũng trở lùi, chỉ có người can đảm buông bỏ hết đá thì lên tận đỉnh núi. Những người can đảm đó là người khôn ngoan, biết nghe lời người thông minh nhắc.

Bao đá sỏi là gì? Là phiền não tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Phật dạy muốn tu đến nơi đến chốn thì không nên chứa mấy thứ đó. Chúng ta ai cũng muốn thành Phật, mà bảo bỏ mấy thứ đó lại không chịu bỏ. Tại sao lạ vậy, tham sân si có tốt không? Ai cũng chê cũng ghét nó, nhưng không biết vì sao tiếc, bỏ không được. Chính cái đó ta tự lấp vào nên mình có quyền bỏ đi, đâu có đáng nào bắt

ta phải giữ. Tự mình có quyền bỏ nhưng lại không chịu bỏ, thử hỏi chúng ta thông minh tới bậc nào? Khi nói tu ai cũng hăm hở quyết chí tu thành Phật, nhưng những thứ đáng bỏ lại không chịu bỏ, cứ mang theo hoài. Nếu ráng lắm thì bỏ chút chút thôi, bỏ chút chút làm sao đủ sức leo tới đỉnh núi được.

Qua hình ảnh thí dụ trên, chúng ta thấy sự tu hành của mình lồi thoi quá. Ước nguyện một đường mà thực hành một ngã. Có người nói càng tu càng sanh phiền não. Lỗi tại ai? Tại mình chứa phiền não, nên càng leo cao chừng nào càng nhọc nhằn chừng nấy. Muốn đi đến tận chót núi, chúng ta phải xả hết những thứ lồi thoi nặng nề trì trệ đó. Buông hết thì nhất định thông dong lên tới đỉnh núi. Thế thì ngang đây chúng ta có thể làm theo người thông minh, buông hết để lên núi hay tiếc những thứ vô ích, vô nghĩa đó?

Tất cả chúng ta nếu thật tình thông minh, có trí tuệ thì trên đường tu chắc chắn sẽ được mãn nguyện. Nếu đeo mang những thứ vô ích, vô nghĩa không dám bỏ thì e rằng đời này, đời khác không biết chừng nào xong. Có lắm Phật tử nói rằng, nhẫn nhịn quá người ta nói mình ngu. Vì vậy nhịn một phần thôi, chừa lại một phần. Giống như kẻ tiếc sỏi đá không bỏ hết, bỏ ít ít còn một mớ mang theo. Họ không biết còn mang một chút là lên tới chót núi không được.



Chúng ta phải can đảm biết những gì ngăn trở con đường tiến của mình thì phải vất bỏ luôn, không thềm ngó tới nữa. Như vậy mới thông dong tự tại leo tới đỉnh núi. Buông xuống là khỏe hay mang đi là khỏe? Cái rất khỏe mà tại sao không làm? Lạ lùng chưa! Thật lạ lùng, ai cũng biết cái nặng nề trì trệ lôi kéo mình, vứt nó rồi thì thông dong nhẹ nhàng nhưng vẫn không nỡ vứt. Bởi vậy Phật mới thương chúng sanh si mê quá, những cái không đáng làm, không đáng giữ mà cứ giữ. Vì vậy tu hoài vẫn không có kết quả. Đó là điều hết sức rõ ràng.

Bây giờ Phật tử muốn làm người tỉnh hay người mê? Ai cũng muốn làm người tỉnh. Đã muốn làm người tỉnh mà còn đeo mang sỏi đá leo núi cao, thì không phải tỉnh rồi. Dù còn một ký, nửa ký cũng chưa phải tỉnh trọn vẹn. Cho nên người leo núi nếu thông minh, thì vừa khỏe lại vừa đạt được bản nguyện. Nếu mê muội tiếc rẻ những thứ không đáng tiếc thì không bao giờ đạt được bản nguyện, chỉ phí công mà không kết quả gì.

Phật tử chúng ta cũng có lắm người tu ăn chay trường, lạy Phật ngày một hai thời. Như vậy là quá cần mẫn rồi, chỉ còn có một việc là bỏ phiền não thôi. Người leo núi dù nỗ lực bò leo, nhưng tiếc sỏi đá không chịu bỏ thì cũng không lên tới đỉnh.

Chúng ta xét kỹ mới thấy sự sai lầm, không can đảm dứt khoát ấy.

Ba con đường đó tuy ở chân núi là ba, nhưng khi tới đỉnh chỉ có một, một ngôi chùa, một đức Phật thôi. Ba con đường đó tôi tạm ví dụ cho ba tông phái trong đạo Phật: Thiên tông, Tịnh độ tông và Mật tông.

Thiên tông ví như con đường dành cho trai tráng mạnh, leo núi không cần gậy. Tuy mạnh nhưng ai còn thích vác bao đá thì vẫn không đến được đỉnh núi. Chừng nào họ tỉnh quăng đá xuống, mới đủ sức leo tận đỉnh núi và vô chùa lễ Phật. Nếu những anh hơi yếu cầm gậy chống đi mà còn tiếc bao đá không dám bỏ, đi cao lắm là vài trăm thước cũng tuột xuống, không tiến được. Người buông hết đá mới leo tới đỉnh núi.

Tịnh độ tông ví cho người cầm gậy leo núi. Chúng ta tu niệm Phật, câu niệm Phật là phương tiện giúp mình lắng dịu vọng tưởng. Từ lắng dịu rồi, câu niệm Phật thâm nhập trong lúc đi đứng nằm ngồi, lúc nào ta cũng niệm Phật. Niệm tới nhất tâm bất loạn, Phật mới đến đón. Như vậy câu niệm Phật là cây gậy để ta nương, nhưng tới chỗ cứu cánh cây gậy cũng phải để ở ngoài, không mang vào lễ Phật được. Ban đầu mượn một niệm để diệt nhiều niệm,

đến khi tới nơi rồi một niệm cũng buông luôn, mới thấy được ông Phật của mình.

Chư Tổ Tịnh độ thường thí dụ người tu niệm Phật như đạp gai lấy gai mà lể. Khi chúng ta đi đường, đạp phải một cây gai đâm sâu vào da thịt, muốn lấy ra phải mượn cây gai khác để lể. Lấy được cây gai ra rồi, ta để cây gai lể lại chỗ ấy thì vết thương có lành được không? Không được, nên cũng phải bỏ cây gai lể. Đó là ý nghĩa mượn câu niệm Phật làm phương tiện, tới chỗ cứu cánh không còn niệm nữa. Cho nên niệm tới vô niệm mới đạt kết quả chân thật, được Phật đón về Cực Lạc.

Mật tông cũng ví cho người cầm gậy, nhưng một loại gậy khác. Muốn tâm yên phải đọc câu thần chú, ví dụ: Án ma-ni bát-di hồng. Đọc thần chú để làm gì? Khi đọc câu thần chú thì trong tâm mình nghĩ đây là câu chú linh thiêng, chư thần sẽ hộ vệ. Do nghĩ và tin tưởng như vậy nên trì chú miên mật, tâm không tán loạn. Người ta nói trì chú tiêu nghiệp, ma quỷ không phá. Vì tin tưởng như vậy nên người tu Mật tông cố gắng trì chú.

Trì tới bao giờ mới có kết quả? Phải đi tới tam mật là thân mật, khẩu mật và ý mật mới có kết quả. Thân ngồi kiết già ngay thẳng, tay bất ấn, đó là thân mật. Khẩu mật là miệng tụng câu chú

không có niệm khác xen vào. Ý mật là không có một ý nghĩ nào khác chen vào, chỉ nhớ câu chú. Nhờ câu chú mà thân khẩu ý chuyên nhất, tâm và thân không hai. Tới không hai vẫn chưa được, giống như còn cây gậy. Nên tới được tam mật rồi, cuối cùng cũng buông cả câu chú để tâm hoàn toàn trong sáng thanh tịnh. Đó mới là kết quả viên mãn.

Ba con đường để chỉ cho ba pháp tu, chỗ cuối cùng gặp nhau không khác, đều bỏ tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Tức là phải bỏ bao đá, bao cát mới leo tới đỉnh. Vậy mà sau này quý thầy thương Phật tử quá, nói niệm Phật được 10 tiếng Phật cũng độ nữa. Mười tiếng mà tham, sân, si còn đầy đầy, Phật độ được không? Không. Vì thương mà nói dễ cho Phật tử ham tu, chứ sự thật phải niệm đến nhất tâm bất loạn Phật mới rước. Do nói giản dị nên Phật tử dễ sanh chênh mảng. Tôi sợ quý vị chênh mảng coi thường nên phải nói thẳng lẽ thật là như vậy. Tóm lại tu Thiên hay tu Tịnh, tu Mật gì cũng phải tới chỗ cứu cánh.

Nếu tu thiên theo Nguyên thủy thì phải qua Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, rồi tới Diệt tận định mới được nhập Niết-bàn. Như vậy từ Phi tưởng phi phi tưởng là định cao nhất mà cũng còn chưa xong. Như tôi

nói người biết bỏ đá nhưng chưa một ký cũng lên không tới nơi. Vì vậy chỗ tốt cùng không còn một mảy may niệm tưởng nào mới tới Niết-bàn.

Nếu tu theo Thiên tông, Lục tổ Huệ Năng dạy phải lấy Vô niệm làm tông. Tới chỗ không còn một niệm, không còn một ý nghĩ nào mới là trọng tâm. Vô niệm và niệm Phật tới chỗ vô niệm cũng như nhau. Cả ba đều gặp nhau ở chỗ cứu cánh với điều kiện cả ba đều phải thông minh, đều phải buông xả hết những thứ công kênh nặng nhọc vô ích. Được như vậy mới tới đỉnh gặp Phật.

Chúng ta tu ai cũng mong sao được thành Phật, nhưng dường như còn luyến tiếc một cái gì đó. Nghĩa là thấy vòng luân hồi còn vui, chưa nỡ dứt khoát, còn muốn qua lại năm phen, mười lượt nữa để gặp bà con cho vui, chưa muốn dứt khoát đi một mình. Nên rồi gặp nhau hoài, khổ hoài, rốt cuộc chẳng đi tới đâu.

Chúng ta là kẻ quyết chí tu thì phải thấy tường tận hướng đi, đường lối tu của mình. Thấy rõ rồi, trên đường tu không có gì nghi ngờ hết. Không cần phải soi căn soi kiếp gì cả, bỏ phiền não thì nhất định tu thành Phật. Giả sử trước kia mình nhiều nóng giận, bây giờ biết tu chỉ còn phân nửa. Như vậy ai biết mình giảm phân nửa? Mình biết chứ ai. Thế thì cần hỏi ai, có ai biết mình bằng mình. Nhưng không

hiếu sao Phật tử hay đi hỏi quá, mỗi lần đi hỏi rất tốn tiền. Lẽ thật ở mình mà đi hỏi người khác để tốn công tốn của, có thông minh không?

Chúng ta tu theo Phật là tu theo con đường giác ngộ. Giác ngộ là trí tuệ, mà trí tuệ thì không nghĩ quanh nghĩ quẩn, không thấy lệch lạc thế này thế kia. Khi bước chân vào đạo Phật, chúng ta phải chuẩn bị đầy đủ tinh thần tỉnh giác. Phật tử bình thường thấy quyết tâm tu, nhưng ra đường có ai chỉ mặt nói chị là người ác, lúc đó làm sao? Cự liền. Người ta nói ở ngoài miệng, chứ đâu biết được trong lòng mình. Mình mới biết mình, tại sao lại cự với người ta. Họ nói mình ác mình im lặng thì không cần đính chính vẫn thấy người kia nói sai. Còn vừa nói ác mình liền cự lại thành ra ác rồi. Chúng ta tu đã sáng suốt nhiều chưa? Còn dở quá, tu lâu mà cũng còn dở, tu theo đạo giác ngộ mà vẫn còn đang mê.

Giả sử Phật tử nào hơi lười nhác, tu lơ mơ thôi nhưng gặp một người bạn đạo khen chị tu hay quá, vượt hơn tất cả. Lúc đó mình cải chính hay lặng thinh nhận. Chắc lặng thinh nhận. Rõ ràng chúng ta nhiều bệnh quá, bị chê thì cự, được khen dù không đúng sự thật cũng làm thinh. Tu mà không tiến, không đạt được những gì Phật dạy, lại hiếu danh, ghét lời chê ưa tiếng khen, không thấy được lẽ thật, đâu thể xứng đáng là một Phật tử.

Nhiều Phật tử than, hồi chưa biết đạo nghĩ đi chùa sẽ bớt phiền não, không ngờ càng đi chùa càng nhiều phiền não. Đó là tại sao? Tại ôm cái mê, tiếc cục sỏi, cục đá nên không tiến được. Nếu là người thật tu phải can đảm nhìn lại mình, bỏ hết những gì dở đi, như vậy trên đường tu mới đạt được kết quả tốt. Ngược lại, không chịu thấy điều dở yếu của mình, cứ tưởng là hay, ai vuốt ve tán dóc thì vui lắm, còn ai nói xấu vài ba câu liền không muốn đi chùa nữa.

Tu mà bị dư luận bên ngoài làm chủ, không thấy tư tưởng, hành động của mình tốt hay xấu, đó không phải là thật tu. Người không chịu thấy những điểm yếu đuối dở tệ của mình, dù đi chùa 10 năm 20 năm, ăn chay trường, lạy Phật nhiều cũng chưa phải là hay. Không chịu đổ bao đá xuống thì cũng là kẻ vác đá nặng nề, thở ề ạch như thường.

Chúng ta tu là làm một việc cao thượng, quý báu phi thường chứ không phải chuyện thường. Đã là cao thượng, quý báu mà lại đeo mang những thứ mê lầm thì không thể chấp nhận được. Tu theo đạo giác ngộ thì nhất định phải có giác, không giác nhiều cũng giác ít. Phật tử là gì? Phật là giác, tử là con. Phật tử là con của bậc giác ngộ. Đã là con của bậc giác ngộ thì Phật giác ngộ một ngàn lần, ít ra mình cũng được 10, 20 lần chứ không thể không giác chút nào cả.

Ngày xưa đức Phật đi khất thực, có một Bà-la-môn theo sau chửi hoài, mà Phật vẫn ung dung đi. Ông tức quá chạy lên chặn đầu Phật hỏi:

- Cù-đàm, ông có điếc không?

Phật nói:

- Không.

- Không điếc, tại sao không nghe tôi chửi?

Phật nói:

- Ví như nhà người có đám tiệc. Sau khi đám xong quà bánh còn nhiều, người đem tặng thân hữu mỗi người một gói. Nếu họ không nhận thì quà đó thuộc về ai?

Bà-la-môn trả lời:

- Tôi tặng mà người ta không nhận thì thuộc về tôi chứ về ai.

Phật nói:

- Cũng vậy, ông chửi ta, ta không nhận thì thuộc về ai?

Chúng ta bây giờ mới nghe người ta nhóp nhép ngoài kia, trong này nổi giận rồi, làm sao làm con Phật được. Bà-la-môn kêu tên Phật chửi từ đầu đường tới cuối đường, Phật không nhận. Còn chúng



ta vừa nghe xâm xì, liền để ý coi có nói tên mình không. Nếu có thì đứng lại ngay, nói cho ra lẽ mới được. Rõ ràng chúng ta kiếm chuyện để dính mắc, chứ không phải buông xả.

Phật buông xả hết, nghe chửi mà không chút bận tâm, khiến cho người chửi tức ngược trở lại. Chúng ta ngày nay chỉ cần nói một câu hơi nhẹ nhẹ cũng nổi giận rồi. Vậy là con Phật chưa? ĐỨC Phật trọn vẹn không có tí gì hờn ghét, mình thì hờn giận đầy bụng. Như vậy làm sao xứng đáng là con của Phật. Nếu ngày xưa người ta chửi Phật, Phật đứng lại cự với người đó thì bây giờ chúng ta đâu có lạy Ngài. Sở dĩ mình lạy Phật, vì bị người ta chửi Ngài không màng, không dính nên ta mới kính lễ. Chúng ta là đệ tử Phật mà ôm đầy bụng thị phi thì đâu có đi đường của Phật, e rằng đó đường ma. Đường Phật sáng suốt không chịu đi, tức là đi đường si mê, đường ma rồi.

Huynh đệ cùng một chùa mà cãi nhau, không sợ người thế gian cười cho! Là con bậc giác ngộ, lẽ ra chúng ta phải tỉnh giác hơn người đời, mới hướng dẫn dạy dỗ họ được. Đàng này ta lại cãi nhau, không giữ được ba nghiệp thanh tịnh, thật hổ thẹn. Mang danh hiệu Phật tử thì phải có cả tâm tư, ngôn ngữ, hành động của Phật tử. Chỉ có tên mà không có thực chất thì thật vô nghĩa. Đó là những điều chúng ta phải thấy rõ.

Chúng ta tu phải chân thành, thật thà. Những gì Phật dạy, hôm nay làm chưa được, ngày mai ráng làm. Năm này chưa xong, năm tới ráng cho xong. Như vậy bước đường tu hành của mình mới tiến bộ. Nếu cứ để y nguyên thói xấu cũ, chỉ mang danh hiệu Phật tử thôi thì chắc lâu tiến lắm. Cho nên biết tu rồi chúng ta phải cố gắng nỗ lực sao cho xứng đáng là con của Phật. Con có hiếu thì phải nghe lời cha mẹ dạy, thực hành những gì cha mẹ muốn. Như vậy trên đường tu bảo đảm sẽ tiến. Nếu để trì trệ trong mê lầm, không tiến được thì uổng công tu hành quá.

Tại sao lên tới đỉnh núi, muốn vô lễ Phật phải buông gậy? Đức Phật đó là Phật ở đâu đến? Là Phật của chính mình. Trong kinh Phật thường dạy: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”. Chúng sanh có tánh Phật giống như người nông dân có lúa giống. Lúa giống tốt, có đất, còn phải làm sao nữa? Nếu gieo giống thì nhất định có lúa ăn, vì hạt giống đã có sẵn. Có giống có đất mà không chịu gieo, chạy sang hàng xóm mượn gạo, mượn lúa thì thật là vô lý. Cũng vậy, chúng ta có tánh Phật rồi mà không xoay lại mình, đi cầu ông này ông kia giúp con. Đó là một sai lầm lớn.

Chúng ta sẵn có Phật tánh, nhưng vì những ý niệm lăng xăng, phiền não bủa vây che mờ, khuất

lấp đi nên có mà không thấy. Bây giờ phải dẹp phiền não, dẹp ý niệm lăng xăng thì tánh Phật sẽ hiển lộ. Muốn dẹp phiền não phải quăng hết những thứ cát đá nặng nề, công kên. Quăng nó đi thì phiền não nhẹ, dần dần dứt sạch, tiến tới thanh thoi tự tại. Trở về với Phật không khó khăn gì, chỉ cần chịu bỏ, chịu dẹp phiền não là được.

Đức Phật nói nhiều câu nghe thật tha thiết: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Ngài nói thẳng cho chúng ta biết mình có Phật, nếu chịu trở về là sẽ thành Phật, không nghi ngờ gì hết. Đó là đức Phật khẳng định cho chúng ta có đầy đủ lòng tin nơi khả năng giác ngộ thành Phật của mình.

Trong kinh, có khi Phật lại nói: “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”. Tại sao? Vì Phật thấy rõ ai cũng có tánh Phật sẵn, chỉ vì chúng sanh không chịu dẹp phiền não che đậy, nên rồi chưa thành. Có mà không thấy nên cũng như không, chứ không phải là không có. Quý vị muốn thấy ông Phật của mình cũng không khó khăn lắm đâu. Thử ngồi 15 phút đừng có một ý niệm nào dấy động, chừng ấy ông Phật của mình hiện ra liền. Vây thôi, rất dễ. Mười lăm phút thôi, nhưng trong thời gian đó đừng dấy động một niệm nào, thì ông Phật hiện ra ngay. Như vậy dễ hay khó? Dễ mà làm không được thành ra khó.

Phật đã sẵn nơi mình mà không chịu thấy, cứ thấy chuyện đông tây đầu đầu. Ngồi lại nhớ anh kia mắng mình, chị nọ khinh mình, người này làm ăn giỏi tiền nhiều, người kia làm ăn dở nghèo khó... cứ nhớ như vậy làm sao ông Phật hiện ra được. Cho nên tôi thường nói chúng ta bị cái bệnh trầm trọng là thích làm cảnh sát quốc tế. Đi ngang một đám đang gây gỗ gì đó liền muốn vô coi chuyện gì. Người ta không mời cũng muốn nhào vô phân xử. Chuyện bên Tây bên Tàu đánh nhau cũng muốn biết. Chi vậy? Có phân xử được đâu mà cũng muốn biết. Biết để chất chứa đầy kho, rồi than tu hoài sao không thành Phật. Thành gì được, ông Phật bị ngập với trăm ngàn chuyện tào lao đó, làm sao cất đầu lên nổi!

Chúng ta phải sáng phải tỉnh, thấy được lẽ thật mới đúng là con của Phật. Vì Phật là giác, giác là thấy được chân lý, thấy được lẽ đạo. Chúng ta mê hoài mà xưng con Phật thì thật là hổ thẹn. Mong tất cả cố gắng thực hành được những gì Phật dạy, buông bỏ hết mọi phiền não thì lập tức thành Phật. Điều ấy chắc chắn không nghi.



**PHẦN III**  
**PHÁP THOẠI TẠI MỘT SỐ CHÙA**  
**ĐẠO TRÀNG PHẬT TỬ TRONG NƯỚC**



## **ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO CỦA TẤT CẢ MỌI NGƯỜI**

*Chùa Phật Quang - Bến Tre*

Hôm nay nhân ngày lễ chung thất của hòa thượng Thiện Tín, Trụ trì chùa Phật Quang - Bến Tre, chúng tôi về đây dự lễ và có một thời pháp với đề tài *Đạo Phật là đạo của tất cả mọi người*. Trước khi giảng, tôi xin nhắc lại những kỷ niệm với Hòa thượng, trong đạo tình cũng như trong công tác Phật sự tại Bến Tre.

Chúng tôi quen gọi hòa thượng Thiện Tín là thầy Phật Quang. Thầy lớn tuổi hơn tôi, nhưng đã nhiều năm cùng nhau chung lo các Phật sự. Khoảng năm 1957 - 1958, tôi và thầy Huyền Vi là một trong số các thành viên của Ban Hoàng pháp Giáo hội Tăng-già Nam Việt. Tổ chức này hoạt động trên cả ba miền đất nước: Giáo hội Tăng-già Nam Việt tại miền Nam, Giáo hội Tăng-già Trung Việt tại miền Trung và Giáo hội Tăng-già Bắc Việt tại miền Bắc. Trụ sở của Giáo hội Tăng-già Nam Việt ở chùa Ấn Quang, là trường tôi học ngày xưa.

Trước khi tốt nghiệp khóa học, hòa thượng Viện trưởng đặc trách cho chúng tôi nhiệm vụ hoằng pháp. Cho nên sau khi ra trường chúng tôi được bổ nhiệm vào Ban Hoằng pháp của Giáo hội Tăng-già Nam Việt. Vì thế mỗi năm tối thiểu ba tuần lễ, chúng tôi phải thay nhau đi đến các tỉnh như Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh, Bến Tre, Châu Đốc, Long Xuyên, Rạch Giá, Hà Tiên... giảng dạy Phật pháp cho Phật tử. Đó là một nhân duyên tốt, để thầy Phật Quang phát triển Phật giáo tại Bến Tre. Thầy đã đứng ra vận động Phật tử gửi thư mời Ban Hoằng pháp tới giảng, trong đó có tôi và thầy Huyền Vi.

Tình huynh đệ chúng tôi đối với thầy rất thâm sâu. Nhất là cử chỉ, hành động và đạo đức của thầy khiến tôi vô cùng kính mến. Nhiều lần liên tục tôi được mời về Bến Tre giảng dạy, từ đó Phật tử thương quý và phát tâm tu hành nhiều hơn. Tại tỉnh này có hai ngôi chùa lớn, là Viên Minh và Phật Quang. Chùa Phật Quang do gia đình ông Mười Tín lập nên, trước đã mời thầy đảm nhiệm chức vụ trụ trì nhưng chưa làm giấy cúng. Nhân thấy Phật tử về nghe giảng, ngày càng đông đảo và có lợi ích nên đến năm 1961, gia đình ông phát tâm cúng dường chùa Phật Quang cho thầy Thiện Tín, thầy Huyền Vi và tôi.

Cũng trong năm ấy, các vị lãnh đạo chính quyền, phát tâm cúng dường chùa Viên Minh cho chúng tôi. Đây là cơ duyên tốt để mở rộng việc hoằng pháp tại thị xã Bến Tre. Từ đó chúng tôi vận động Phật tử góp công góp của, xây cất thêm Tăng xá phía sau. Đồng thời mở trường Bồ-đề cho con em Phật tử, có cơ hội học văn hóa cũng như giáo lý đạo Phật. Tuy nhiên thầy Phật Quang là người chịu trách nhiệm chính, vì tôi và thầy Huyền Vi phải đi nơi này nơi kia lo Phật sự.

Đến năm 1962, thầy Huyền Vi đi Ấn Độ học, tôi bị đau phổi nằm bệnh viện, sau đó nhập thất tu để trị bệnh. Cho nên mọi việc ở đây thầy Phật Quang phải sắp đặt, điều hành một mình. Năm 1964, sau khi hết bệnh, tôi lãnh trách nhiệm giảng dạy chính tại Phật học viện Huệ Nghiêm, khóa Trung đẳng chuyên khoa trong ba năm cho chư Tăng tại Huệ Nghiêm và chư Ni tại chùa Dược Sư, đồng thời dạy thêm ở Vạn Hạnh.

Tôi còn nhớ lần đi giảng tại Rạch Giá, sau khi giảng xong Phật Học Phổ Thông khóa hai, một Phật tử thật thà hỏi: “Thưa hai Thầy! Trong bài giảng, hai Thầy kể rõ quả vị tu chứng của hàng Thanh văn là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Trong khi tu thiên chứng từ Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên cho tới Không vô



biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tướng phi phi tướng xứ. Chúng con nghe và hiểu rõ lắm, nhưng hai Thầy đã chứng quả nào rồi?”.

Câu hỏi là một đòn đau điếng đối với tôi. Tôi sững sốt không trả lời được, thầy Huyền Vi ngồi bên cạnh nhanh trí đáp: “Quả vị tu chứng của mỗi người, như uống nước nóng lạnh tự biết, không thể nói cho người khác biết được”. Phật tử nghe xong im lặng không nói gì, nhưng tôi thấy trong lòng không yên. Tôi nghĩ dù mình học bao nhiêu, giảng pháp rất nhiều người được lợi ích, mà sự tu của bản thân chưa ra gì thì thật xấu hổ. Cho nên sau khi mãn khóa lớp Trung đẳng, tôi quyết định xin nghỉ, rồi ra núi Lớn Vũng Tàu cất thất chuyên tu.

Sở dĩ tôi kể như vậy là để thấy công của thầy Phật Quang rất lớn, đã thay thế chúng tôi lo lắng, đảm đang, trực tiếp gánh vác Phật sự tại chùa Phật Quang và Viên Minh. Thầy chính là cây thạch trụ duy trì Phật pháp tại thị xã Bến Tre, chúng tôi chỉ trợ lực. Những năm đó thầy khỏe mạnh nên chúng tôi cũng yên lòng.

Tuy có bốn phận trách nhiệm chung lo, nhưng mỗi người làm mỗi việc. Sau này thầy Huyền Vi trở về nước, có tới lui phụ chút ít. Riêng phần tôi, sau khi ra thất lại thành lập thiền viện Chơn Không, chuyên

dạy tu thiền cho Tăng Ni và Phật tử. Từ đó đến nay, tôi không còn đi giảng nhiều như hồi xưa, cũng ít về Bến Tre chung lo Phật sự với thầy Phật Quang.

Sau năm 1975, thầy Huyền Vi định cư tại Pháp, còn tôi phụ trách chăm lo dạy dỗ Tăng Ni trong các thiền viện nên càng ít về đây. Tuy nhiên, khi có việc cần như sắp đặt người kế vị trụ trì chùa Viên Minh hay Phật Quang, thầy lại dạy đệ tử ra thiền viện xin ý kiến của tôi. Mỗi lần như vậy, tôi đều hoan hỷ vì thấy thầy đã hết lòng lo cho đạo, không hề có tâm riêng tư ích kỷ. Tôi rất yên lòng vì thầy đã sắp đặt đâu vào đó.

Hòa thượng Thiện Tín đã sống và hành đạo tại chùa Phật Quang trên nửa đời, bây giờ xây tháp thầy tại đây nên chùa chính thức trở thành Tổ đình của hàng môn hạ đệ tử hòa thượng Thiện Tín. Mong rằng các vị có trách nhiệm cố gắng làm tròn bổn phận, duy trì và phát triển Tổ đình ngày càng tốt đẹp hơn, xứng đáng với lòng tin cậy và mong mỏi của thầy. Đó là những kỷ niệm của chúng tôi với thầy Phật Quang, hôm nay tôi hồi tưởng lại, để ghi nhớ và trân quý đạo tình Linh Sơn một thuở của anh em chúng tôi.

Đạo Phật là đạo của tất cả mọi người, trong kinh Phật từng nói giáo lý của Ngài là những

phương thuốc trị lành tâm bệnh chúng sanh, ai cũng có quyền dùng. Cũng như vị lương y bào chế thuốc trị liệu cho bệnh nhân, bệnh nào sẽ được cấp đúng thuốc bệnh đó. Không phân biệt thân sơ, màu da, chủng tộc, giàu nghèo; khi cần uống vào đều lành bệnh. Cho nên thuốc trị bệnh không dành riêng cho một nhóm nào, mà chung cho tất cả mọi người. Pháp của Phật cũng vậy, dùng để trị tâm bệnh cho hết thảy chúng sanh.

Trong kinh thường nói Phật có tám muôn bốn ngàn pháp môn, tùy căn cơ chúng sanh mà phương tiện chỉ bày, dẫn dắt ra khỏi khổ đau luân hồi. Bệnh của chúng sanh rất nhiều nhưng ở đây tôi chỉ nói vài thứ trầm trọng, để quý vị thấy và chiêm nghiệm về sự tu cho được kết quả tốt.

Tất cả chúng ta ai cũng có bệnh tham lam, nóng giận và si mê, đó là gốc của đau khổ. Đức Phật từng dạy: Cái khổ bị thiêu đốt trong địa ngục chưa phải là khổ; cái khổ làm trâu bò mang cày kéo xe bị đánh đập; hoặc làm ngựa quý đói khát lang thang cũng chưa phải là khổ; chỉ có si mê không biết lối đi mới thật là khổ. Bởi vì chịu khổ trong địa ngục có thể một hai kiếp thoát khỏi, làm trâu bò chừng vài chục năm, làm ngựa quý cũng mấy ngàn năm, chỉ có si mê là cái khổ hơn hết vì nó khiến chúng sanh chịu luân hồi muôn đời, muôn kiếp không bao giờ ra khỏi.

Căn bệnh trầm trọng thứ nhất là tham, lòng tham khiến chúng sanh chịu đủ thứ cay đắng. Mỗi lần ngồi trên xe từ Đà Lạt về Thường Chiếu, tôi thấy mấy con chó chạy ra đường thật nguy hiểm. Chỉ cần gặp một ít thức ăn người ta đánh rớt là nó vui mừng đứng liếm hoai, xe chạy ngang bóp kèn cũng không thèm tránh. Tham ăn còn quên cái chết, huống nữa tham đủ thứ thì khổ tới cỡ nào. Lần khác tôi thấy hai con chó đang cự lộn nhau trên đường, xe chạy bóp kèn inh ỏi mà chúng cũng không tránh, chỉ lo cắn nhau, khi nổi sân tính mạng cũng quên luôn.

Khổ đau là do tham lam, sân hận, si mê mà ra. Dứt được mấy bệnh này thì khổ đau sẽ hết, đó là một lẽ thật. Ba căn bệnh trầm trọng ấy cần có thuốc của Phật để trị, đừng nghĩ rằng vô chùa lạy Phật cầu xin là hết khổ, mà phải ứng dụng những lời Phật dạy để tu sửa mới đạt lợi ích thiết thực. Phật nói tham có năm thứ: tham tài, tham sắc, tham danh, tham thực và tham thù.

Với người tham tài, tức tham tiền thì Phật dạy uống thuốc bố thí. Gặp người nghèo thiếu, bệnh hoạn, chúng ta có điều kiện nên giúp đỡ đừng tiếc. Bởi vì tiền của thuộc về năm nhà: lửa cháy, nước trôi, trộm cướp, con bất hiếu phá hoại gia sản, vua chúa tịch biên. Như vậy, không có gì bảo đảm để

chúng ta có thể giữ gìn suốt đời. Nếu quý Phật tử biết làm phước, giúp đỡ mọi người lúc thiếu thốn, đói khổ thì họ sẽ mang ơn và quý trọng quý vị. Đó là quả phước. Càng giúp được nhiều người phước càng lớn. Làm việc tốt lành, bố thí thấy như thiệt thòi mà rốt cuộc giữ được phước báu, là thứ không gì có thể phá hoại hay lấy mất được.

Với người tham sắc thì Phật dạy tu quán bất tịnh. Thấy rõ hình sắc đẹp đẽ bên ngoài của con người chỉ là giả tạm, bên trong chứa đầy đồ nhơ nhớp bất tịnh. Bản thân mình và mọi người xung quanh đều giống nhau. Luôn luôn quán xét kỹ như vậy thì không còn tham sắc nữa.

Với người tham danh, Phật dạy quán vô thường. Nếu ai tham danh vị, chức tước nhất định sẽ chịu nhiều khổ sở. Bởi vì lúc nào cũng phải dồn hết tâm lực chạy vạy vun bồi, mong mỏi cho được như nguyện. Khi được rồi lại lo lắng bất an vì sợ mất, cho nên Phật dạy người nào tham danh phải quán vô thường, thấy mọi thứ trên thế gian này được đó rồi mất đó, không có gì bền lâu chắc thật.

Với người tham ăn, Phật dạy phải quán thức ăn chỉ là tạm bợ, nuốt qua khỏi cổ sẽ hết giá trị. Bởi vì muốn ăn những món hợp khẩu vị, nên cái lưỡi đòi hỏi đủ thứ. Được như ý hay không được như ý đều

khổ. Thức ăn còn nhai trong miệng thấm vào lưỡi nghe ngon, nhưng khi nuốt xuống thì hết ngon. Đó là chưa kể, nếu bao tử không dung bắt ụa ra, tanh hôi vô cùng. Cho nên dùng pháp quán vô thường để trị bệnh tham ăn.

Với người tham ngủ, Phật cũng dạy lấy lý vô thường để đối trị. Ngoài thế gian thì tôi không biết, chú Tăng Ni trẻ trong chùa phải thức khuya dậy sớm, nên ngủ đối với họ quý vô cùng. Nhiều khi nghe tiếng kiếng đánh thức, mà còn lăn qua trở lại không dậy nổi.

Lý vô thường là để cảnh tỉnh bệnh tham ngủ. Nhắc nhở chúng ta mạng sống con người mong manh vô thường, phải tu gấp như cứu lửa cháy đầu. Vừa thấy một đốm lửa rớt trên đầu phải phủi ngay, đừng đợi cháy phừng mới phủi sẽ không kịp. Ngày nay chúng ta còn khỏe mạnh nên tu gấp không chần chừ, lỡ mai này già yếu hết tu được, hoặc sắp chết càng quờ quạng khó tu, không biết sẽ đi về đâu. Thật nguy hiểm vô cùng.

Cuộc đời vô thường, không ai bảo đảm ngày nay khỏe mạnh, ngày mai cũng khỏe mạnh. Lời Phật dạy là chân lý, chúng sanh nào khéo ứng dụng thì tâm bệnh sẽ lành. Cho nên lấy lý vô thường nhắc nhở, thúc đẩy chúng ta cố gắng tinh tấn để trị bệnh

tham ngủ. Nếu không ứng dụng lời Phật dạy thì dù tu 10 năm hay 20 năm cũng không hết bệnh. Vì vậy học Phật phải hiểu thấu đáo và khéo thực hành thì sự tu có tiến bộ và đạt kết quả tốt.

Căn bệnh trầm trọng thứ hai là sân hận, Phật dạy dùng thuốc nhẫn nhục để trị. Nhẫn nhục là sao? Khi nghe ai nói trái ý mình liền nổi giận; muốn đừng thốt ra lời nói bậy, không hành động xấu thì phải khéo điều phục đừng cho cơn nóng bùng lên. Đó là nhẫn nhục. Nhiều thầy cô không hiểu nên dạy Phật tử, khi giận lấy nước uống vô cho mát. Chẳng lẽ mỗi lần giận mỗi lần uống nước, uống hoài bể bụng mà giận vẫn y nguyên! Người tu phải sáng suốt, đừng thốt ra lời nói và hành động tạo nghiệp xấu. Đó là thuốc trị bệnh sân.

Ngoài ra Phật còn dạy pháp quán từ bi để đối trị bệnh sân. Giả sử, người thân lỡ làm điều gì trái ý thì mình dễ tha thứ; còn với người ghét mà làm trái ý mình một chút thì liền nổi nóng không thể kiềm chế. Muốn gặp việc bất như ý mà không cố chấp, không hành động nhẫn tâm thì phải có tình thương mới bỏ qua được. Phải nghĩ, họ là người chưa sáng suốt nên nói bậy làm bậy, là người đáng thương cần được tha thứ, không nên thù ghét làm gì. Quán như vậy là kết hợp thuốc từ bi với nhẫn nhục, để trị bệnh nóng giận.

Căn bệnh trầm trọng thứ ba là si mê, bệnh này rất khó điều trị. Người cuồng dại có cái si mê của người cuồng dại, người trí thức hiểu biết có cái si mê của người trí thức hiểu biết. Trong kinh Phật dạy, người nào không phân biệt được thiện ác, tội phước, tà chánh... là si mê, chết bị đọa làm súc sanh. Chúng ta cùng chiêm nghiệm chín chắn điều này, để tránh tạo nhân si mê không tốt.

Giả sử thấy người đói khát khổ sở, quý vị đem thức ăn, tiền bạc, đồ dùng... giúp họ vượt qua cơn nguy khốn. Cuộc sống của họ trở lên tốt hơn vì bớt đi phần nào cơ cực về thân cũng như sự rối rắm trong tâm, đó là việc làm thiện. Nhưng nếu gặp người ghiền á phiện đang lên cơn vật vã thì chúng ta không thể mua á phiện giùm, hay bố thí tiền cho họ hút để thỏa mãn cơn ghiền, mà phải tìm phương tiện giúp họ cai nghiện mới là thiện.

Cho nên phải khéo phân biệt rõ ràng. Người trí hiểu đạo cần có nhận định chân chánh, xem xét kỹ càng việc mình giúp người là thật sự hết khổ mới nên thực hiện. Tránh rơi vào tình trạng bớt khổ một phần tạm thời rồi sau bị khổ lâu dài, điều đó không đúng.

Về vấn đề tội phước, điều gì được coi là phước, điều gì bị coi là tội? Đây là vấn đề rất tế nhị, không



đơn giản chút nào. Nhiều khi thấy việc làm đó dường như là phước mà trở thành tội, tội mà trở thành phước. Thí dụ, thầy cô giáo muốn học trò ngoan giỏi nên khi nó lười biếng bỏ học thì bắt phạt đứng khoanh tay hoặc quỳ gối v.v... Mới thấy thì dường như thầy cô giáo làm khổ học trò, nhưng chính vì bị phạt nên nó sợ, ráng học sau này thành đạt. Cho nên việc làm này của thầy cô giáo là phước.

Nếu cô giáo dễ dãi để học trò muốn đi đâu thì đi tùy ý, làm gì cũng không rầy nhắc, thả lỏng tự do, mai một nó sẽ hư hỏng. Mới nhìn thấy cô giáo như tốt bụng, không khó khăn với học trò, nhưng vô tình đã tạo điều kiện xấu, gây tai hại về sau cho học trò. Cho nên việc làm này là tội. Chúng ta cần phải giản trạch rõ tội phước, đừng lầm lẫn đưa đến hậu quả không hay.

Kế đến là chánh tà. Phật luôn dạy chúng sanh phải có chánh tín, không nên mê tín hoặc tà tín. Chánh tín tức là tin một cách chân chánh đúng lẽ thật, giải quyết mọi việc theo luật nhân quả, sẽ được lợi ích lớn. Ngày nay có nhiều Phật tử tuy đã tu theo Phật, nhưng mỗi năm vẫn tổ chức đi miếu Bà Chúa Xứ ở Châu Đốc... để vay tiền về làm ăn cho phát đạt. Nếu bà thực sự linh thiêng như vậy thì tại sao vùng đó còn có người nghèo, lẽ ra họ phải giàu hết. Bởi vì người dân ở gần một bên miếu bà,

chỉ chạy vô chút xíu vay bao nhiêu chẳng được; còn người ở xa đến vay làm giàu thì thật không đáng tin chút nào. Việc làm không đúng lẽ thật mà chúng ta vẫn tin gọi là tà tín, không phải chánh tín.

Chánh tín còn có nghĩa là tin luật nhân quả, gây nhân nào hưởng quả nấy. Như người nông dân làm ruộng gieo giống tốt, săn sóc kỹ, tới mùa gặt được nhiều lúa. Người làm vườn có giống tốt, săn sóc kỹ tới khi thu hoạch được nhiều trái. Tạo nhân tốt nhất định hưởng quả tốt, đó là một lẽ thật. Đức Phật từng tuyên bố: Ta không có quyền ban phước giáng họa cho ai, chỉ dạy chúng sanh tin luật nhân quả. Người nào làm thì người ấy chịu, Phật không ban thưởng hay trừng phạt bất cứ ai.

Đa số chúng sanh không chịu làm lành gieo nhân tốt, đến khi gặp tai nạn chạy vô chùa cầu nguyện. Điều này tôi thấy rất khổ tâm, vì Phật tử tin tưởng chúng tôi tu hành chân chánh, nên khi gia đình gặp chuyện gì khó khăn, nguy hiểm cũng tới cầu xin. Cha mẹ có bệnh thì liền đến nhờ thầy cô cầu an cho qua cơn bệnh. Tôi thấy xấu hổ quá! Bởi vì tôi bệnh phải đến bác sĩ trị cho khỏi, tự tôi không cứu được mình, lại đi cầu cho người khác hết bệnh là chuyện không có.

Nếu chúng ta tin và hiểu không đúng lẽ thật thì dù là Phật tử vẫn chưa phải chánh tín. Thậm

chỉ một số thầy còn dạy Phật tử, nếu có bệnh rước thầy về cầu an hoặc đem tên tuổi đến chùa thầy làm lễ cho, có chết thì mời thầy cầu siêu v.v... coi như thầy là chủ vận mạng để Phật tử đóng bảo hiểm. Nhưng bản thân thầy cứu mình không xong thì làm sao cứu được Phật tử. Thế nên chúng ta phải hiểu và thực hành đúng chánh tín, không nên nghe lời người khác, làm trái với đạo lý Phật dạy.

Một sự lầm tưởng nữa là thiên hạ cho rằng, những người ít học quê mùa mới mê tín, còn người trí thức không mê tín. Gần đây dư luận đưa tin năm 2000 là tận thế, nên ở ngoại quốc có nhiều nhóm chuẩn bị chết tập thể. Bởi vì họ sợ đến ngày tận thế thiên đàng không còn chỗ cho mình, nên chết trước để giành chỗ. Thật là quá mê tín. Dân trí thức ở nước văn minh còn như vậy thì mê tín hạng nào cũng có, chứ không chỉ riêng người quê mùa. Vì thế để phân biệt mê tín và chánh tín là điều rất khó. Như vậy, quan trọng là phải tu được trí tuệ. Nhận định phân biệt rành rõ thiện ác, tội phước, tà chánh là người trí; ngược lại là si mê. Đó là nói cái si bậc thấp.

Bây giờ tới si bậc trung. Đức Phật nói thân này là giả, nhưng chúng ta không thấy giả, mà thấy thật trăm phần trăm. Theo giáo lý Phật dạy, thân người do tứ đại đất, nước, gió, lửa hợp thành. Chất

cứng trong người là đất, chất ướt là nước, động là gió, hơi ấm là lửa. Thân hoạt động và tồn tại được là nhờ tứ đại bên trong, kết hợp với sự vay mượn tứ đại bên ngoài, nếu thiếu một trong bốn thứ là chết. Thí dụ tất cả chúng ta đang hiện diện ở đây, ai cũng nghĩ mình đang nghe giảng, không làm gì thêm, nhưng sự thật quý vị đang làm một việc tối quan trọng là vay mượn tứ đại bên ngoài.

Thân này không thật, chỉ là sự vay mượn. Lỗ mũi hít thở không khí ở ngoài, đem vô rồi trả ra, mượn vô trả ra liên tục. Lát sau mượn thêm tách nước, chén cơm rồi cũng phải trả ra. Nếu mượn vô mà không trả ra, hoặc trả ra mà không mượn vô thì chết. Mượn đủ bốn chất bên ngoài để bồi dưỡng bốn chất bên trong, bồi bổ đều đều thì chúng ta sống bình an. Nếu trong bốn thứ, không mượn một thứ hoặc trả không được thì khổ. Rõ ràng thân này chỉ là sự vay mượn liên tục, không có gì thật. Lầm tưởng cho nó là thật tức si mê. Ai vỗ ngực xưng ta thật, tức không phải người trí.

Nghe Phật nói thân này tạm bợ giả dối, tưởng như Phật bi quan nhưng lại là một lẽ thật. Hiểu được điều này rồi, tất cả chúng ta phải biết tận dụng nó làm nhiều việc lợi ích cho xã hội. Không nên cung dưỡng, săn sóc, gìn giữ dẫn đến sanh tật cống cao ngã mạn. Thân này đã không thật, vậy

cái gì thật? Ai cũng cho rằng suy nghĩ tính toán tốt xấu, hay dở, phải quấy là tâm mình thật. Nghĩ như vậy là sai lầm lớn.

Chỉ cần một hoặc hai phút ngồi chơi, không nghĩ điều gì hết, lúc đó có mình không? Nếu cái suy nghĩ là mình thì lúc không suy nghĩ phải không có mình, mà không có mình tức là chết rồi. Tuy không suy nghĩ mà mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, thân vẫn xúc chạm, cái biết luôn hiện tiền. Vì thế nên biết suy nghĩ chỉ là tạm bợ, có rồi mất không thật.

Ngoài cái nghĩ lăng xăng, còn có cái biết chân thật hằng hữu mà chúng ta bỏ quên. Do đó Phật nói, chúng sanh si mê nhận giả làm thật. Trong kinh A Di Đà, đức Phật dạy niệm Phật cho tới nhất tâm bất loạn, tức là không còn một ý niệm nào chen vô mới được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Đối với người tu thiên, Phật dạy bỏ hết vọng tưởng chỉ còn cái biết chân thật. Như vậy, tu là sống trở lại tâm chân thật hiện hữu của mình từ lâu nay. Đây chính là giá trị của sự tu.

Mong tất cả quý Phật tử ghi nhớ và thực hành cho tốt để sau này không thấy đáng tiếc, uổng phí một đời.



## Ý NGHĨA PHƯỚC HẬU

*Chùa Phước Hậu - Vĩnh Long*

Hôm nay, chúng tôi về thăm Tổ đình Phước Hậu, đồng thời cũng thăm chư Tăng Ni và quý Phật tử. Về đây, tôi nhớ tới những bậc tiền bối đã gây dựng nơi này, đã truyền bá chánh pháp và nuôi dưỡng Tăng Ni tu hành. Cho nên, tôi sẽ nói về hai chữ “phước hậu”, để tất cả quý vị hiểu rõ lý do người xưa đặt tên chùa là Phước Hậu.

Chúng ta thường nghe nói chữ “phước” chứ ít nghe nói “phước hậu”. Nhiều người lầm hiểu chữ “hậu” trong tiếng Hán có nghĩa là sau, nên hiểu “phước hậu” là phước sau. Thật ra “hậu” còn có nghĩa sâu dày, cho nên chữ “phước hậu” tức là phước sâu dày, bền bỉ.

Khi thấy ai nghèo túng, khó khăn chúng ta giúp đỡ, đó chỉ là phước mỏng thôi. Người cư sĩ có điều kiện cũng có thể xây dựng chùa chiền, nhưng cũng chưa phải phước hậu. Tại sao? Bởi vì không phải chùa nào cũng có Tăng chúng tu hành và hướng dẫn Phật tử cùng tu. Một ngôi chùa xây dựng trăm năm rồi cũng đến lúc suy mòn, Phật tử tụ họp đông đảo đến bao nhiêu cũng có khi tan rã. Nên nói, chưa phải phước hậu.

Chư Tổ đặt tên Phước Hậu có hai ý. Một là tạo dựng cơ sở cho Phật tử đến chiêm bái và học hỏi Phật pháp. Hai là nuôi dưỡng và đào tạo Tăng Ni để làm lợi ích cho chúng sanh. Các ngài mong mỗi đào tạo được nhiều nhân tài, xây dựng nền móng Phật pháp trên mảnh đất quê hương này. Chùa là nơi chư Tăng Ni học hiểu Phật pháp, cũng là nơi quý Phật tử nương theo tu hành. Đó là ý nghĩa phước tốt đẹp, bền bỉ.

Chùa Phước Hậu có sự truyền thừa từ vị Tổ đầu tiên liên tục cho đến ngày nay, đó là nhờ có Tăng Ni, Phật tử hiểu đạo và hướng dẫn cho những thế hệ kế tiếp. Do vậy, ngôi chùa vẫn giữ được sự hưng thịnh, không bị hoang phế. Sau này, nếu tôi không còn thì đồ đệ của tôi sẽ tiếp nối công việc này. Cho nên, chúng ta học đạo tu hành, đầu tiên kính trọng ân đức của người đi trước, rồi sau phải tiếp nối, kế thừa những việc làm của các ngài. Được như vậy mới xứng đáng là đệ tử Phật.

Người con Phật phải lập hạnh nguyện hoàng dương chánh pháp, biết tự lợi lợi tha, đem lại lợi lạc cho nhân sinh, chứ không phải tu một mình trong am cốc. Đó là thái độ tiêu cực. Vì vậy, Tăng Ni phải có ý chí mạnh mẽ, chịu khó học hỏi, ứng dụng tu tập và giáo hóa chúng sanh. Quý Phật tử đến chùa cùng nhau tu tập, tạo thành một tập thể

hòa hợp. Khi chùa hư, có những căn nhà bị đột sập thì quý vị hỗ trợ để chư Tăng xây dựng lại trang nghiêm. Như vậy là quý vị vâng theo lời Phật dạy, Tăng Ni chuyên tu học để giáo hóa Phật tử, cư sĩ giúp đỡ phương tiện tài chính để xây dựng gìn giữ ngôi Tam bảo, đó là phước hậu lâu dài bền bỉ. Tăng Ni và Phật tử cùng chung tay chăm lo xây dựng thì ngôi Tổ đình mới miên viễn, chánh pháp được duy trì lâu dài và truyền bá sâu rộng. Nhờ đó, Phật tử địa phương và các vùng lân cận chung hưởng nhiều phúc lợi. Ý nghĩa phước hậu là như vậy.

Phật tử ở đây có phúc duyên lớn, mới được tu tập tại ngôi chùa Phước Hậu, là nơi các vị tổ đức hạnh đã gây dựng và các thế hệ Tăng Ni tiếp nối đến ngày nay. Quý vị đừng nghĩ chùa ở gần, rồi muốn đi lúc nào cũng được. Siêng thì đi, lười thì thôi, như vậy không phải là Phật tử chân chánh. Phật tử phải biết nuôi dưỡng, phát triển những thói quen tốt, bỏ dần những thói quen xấu. Thói quen tốt là luôn nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng. Phật tử tại gia phải biết giữ gìn năm giới:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.



Đối với giới thứ năm, theo cách nhìn của tôi, nghĩa là không uống rượu mạnh, trong giao tiếp hoặc làm ăn chung, Phật tử nam có thể uống chút ít rượu nhẹ. Vì thời nay có những mối quan hệ hợp tác làm ăn, hội họp... đôi khi cũng phải dùng chút ít rượu. Nhưng nhớ là không nên uống đến say xỉn mất tự chủ, không kiểm soát được hành vi. Như vậy sẽ dẫn đến việc tạo nghiệp ác, quý Phật tử cần hiểu rõ, áp dụng lời Phật dạy sống đúng đạo lý.

Giữ gìn năm giới trọn vẹn mới có thể tiến lên hành Bồ-tát đạo. Nhiều Phật tử chưa giữ tròn năm giới cũng không có ý nguyện giữ giới nghiêm cẩn, như vậy là xem nhẹ việc tu tập và chưa thấy được giá trị cao quý của giới luật. Quý vị nên nhớ, tu hành là để lợi ích cho bản thân, đời này tu tốt, đời sau sẽ được quả tốt. Vì vậy cố gắng tu hành.

Chúng ta thường nghe nói người phạm tội sát sanh thì tuổi thọ ngắn, vậy mà Phật tử không sợ, vẫn tiếp tục phạm. Để có một đời sống an vui, Phật tử phải biết tránh những việc làm hao mòn phước đức, siêng làm những việc tốt. Có thể phước đức mới tăng trưởng, mọi người chung quanh đều kính mến.

Đối với chư Tăng Ni, căn bản nhất là giữ tròn mười giới:

1. Không sát sanh.
2. Không trộm cắp.
3. Không dâm dục.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.
6. Không đeo tràng hoa và ướp nước hoa.
7. Không ca hát múa xướng và tự đi xem nghe.
8. Không nằm giường tòa cao rộng lớn.
9. Không ăn phi thời.
10. Không được giữ vàng bạc, châu báu.

Đây là mười giới căn bản nhất của người xuất gia, Tăng Ni phải cương quyết giữ gìn cho trọn vẹn. Làm được như vậy mới đầy đủ công đức, con đường tu tập ngày càng tiến, không nên nghĩ đây là những giới nhỏ không quan trọng rồi phạm. Bởi vì khi phạm một giới thì cũng có thể phạm những giới khác, giữ tròn mười giới mới gọi là người giữ giới thanh tịnh.

Phật không cho ăn chiều vì có nhiều ảnh hưởng không tốt đến công phu tu tập. Thứ nhất, làm cho sự tu hành bị trì trệ, buổi chiều nếu ăn no quá sẽ khó thở, không ngồi thiền nổi. Thứ hai, nếu Tăng Ni lo nấu và ăn ngày ba bữa thì không có thời gian tu. Cho nên Phật dạy không nên ăn chiều để thân nhẹ nhàng, ngồi thiền yên ổn. Không ăn để thanh

thời, có thời giờ tu tập, xem kinh sách. Chúng ta không ăn chiều không có hại gì cho cơ thể, do buổi sáng và trưa mình đã ăn đầy đủ. Mỗi lời Phật dạy đều rất hữu ích, quý vị phải nhớ lời Phật dạy và thực hành. Hôm nay chưa được thì ngày mai phải làm cho được, làm riết rồi cũng sẽ được.

Sau này có nhiều vị thân thể bệnh nặng, cần ăn chiều để giữ gìn sức khỏe, nên giới này được nói lỏng ra, thức ăn buổi chiều xem như thuốc uống để trị bệnh. Thuốc thì đắng, còn chúng ta đòi hỏi đồ ăn đậm đà, không chịu ăn cháo trắng với muối tiêu mà chiều nào cũng phải nấu cháo nêm, đó là điều không tốt. Tăng Ni không nên xem thường giới luật, dù là những giới nhỏ. Người tu nếu lỡ phạm giới phải biết dừng lại, đừng để phạm rồi mà không biết sửa, cứ thế phạm cả đời.

Phật dạy mỗi giới giữ được đều có lợi ích trong đời này và đời sau. Không sát sanh thì đời sau không bị giết hại. Không trộm cắp thì tránh khỏi nạn tù đày, không bị người khinh chê. Không tà dâm thì không làm khổ mình, khổ người. Không nói dối thì được người tin tưởng, không bị mất uy tín. Không uống rượu thì không bị si mê, trí tuệ sáng suốt.

Đối với giới không trộm cắp, thí như thấy nhà bên cạnh có trái cây ngon mà không chia cho mình, đợi đến lúc người ta đi vắng thì mình lén hái. Hái

mà không có mặt chủ nhà là ăn cắp. Người ta trồng cây phải chăm sóc mới có trái, thành quả đó là công sức của họ, mình không có công mà đòi hưởng thì không hợp lý. Giới này giúp chúng ta không làm việc gì trái với lương tâm, đạo đức con người.

Trong kinh Phật dạy nếu đời này nói dối, đời sau sanh ra làm người có tật ở miệng hoặc ngọng nghịu. Nếu muốn mỗi lời mình nói ra đều được người thương mến, quý trọng thì không nên nói dối. Chúng ta tu là để đời này được an lành, đời sau sanh ra tốt hơn chứ không phải tu rồi thiệt thòi. Giữ được một giới là đã có phước rồi, vậy nên nếu giữ được nhiều giới thì phước càng sâu dày hơn.

Phật dạy không nên uống rượu, bởi say rồi không còn tỉnh táo. Rượu vào thì lời ra, điều gì hay dở cũng nói ào ào ra hết, không lựa lời, không xét nét kỹ nên dễ phạm sai lầm. Người say rượu hành động giống như người điên, nên nói rượu là nhân của si mê. Muốn thành người khôn ngoan, sáng suốt thì phải giữ gìn cho đời này và đời sau đều không phạm giới này.

Phật tử giữ chưa tròn năm giới mà tự xưng là Phật tử lâu năm, là Phật tử trụ cột thì thật đáng hổ thẹn. Quý vị phải xét cho kỹ, cố gắng tu tập, giữ giới luật cho thanh tịnh mới xứng đáng là đệ tử Phật. Đó là những điều thiết yếu của cư sĩ tại gia.

Tóm lại, Tăng Ni và Phật tử phải ráng tu cho có lợi ích. Tăng Ni thì trở thành những nhà tu hành cao quý, hướng dẫn Phật tử cùng tu. Phật tử thì trở thành người cư sĩ tốt. Tôi mong tất cả Tăng Ni, Phật tử nhớ kỹ lời dặn dò của tôi để ứng dụng tu cho tốt.

Ngoài ra, tôi còn nhắc nhở thêm đối với Gia đình Phật tử Chánh Huệ đang sinh hoạt tại chùa Phước Hậu. Năm xưa, quý thầy đã thành lập gia đình Phật tử, đào tạo một số huynh trưởng để dìu dắt những em nhỏ về với đạo, vì tuổi nhỏ mà không biết Phật pháp là điều thiệt thòi. Các anh em huynh trưởng đã phát tâm chung lo, kết hợp và quy tụ được một số em nhỏ, lập thành Gia đình Phật tử Chánh Huệ, đến nay đã tròn 10 tuổi. Các huynh trưởng thì Thầy tin là đã thấm nhuần đạo lý, nhưng các cháu nhỏ còn sơ cơ lắm, nên Thầy có lời nhắc nhở chung cho các con.

Phật dạy người có duyên lành mới được gặp Phật pháp, các con còn nhỏ mà đã được đến chùa, được quý thầy dạy dỗ là nhờ có duyên lành. Vì vậy các con phải cố gắng hơn, để duyên lành được phát triển. Thí dụ năm trước mình có trái bắp giống, đem ra ươm trồng tới chừng thu hoạch được năm bảy chục trái, có khi cả trăm trái. Điều này chúng tỏ với cái nhân đã có, chúng ta tạo điều kiện tốt cho

nó phát triển thì sẽ có kết quả tốt, ngược lại không biết tạo duyên lành thì nó sẽ hao mòn.

Bây giờ các con đến chùa được anh chị trong gia đình Phật tử thương yêu, dạy giáo lý trong kinh Phật và những bài hát về đức Phật. Đó là phước lành mà các con có từ thuở xưa, nay được tăng trưởng. Mấy đứa con ở nhà có khi làm phiền lòng cha mẹ chút ít, nhưng đến chùa là vui vẻ không hờn giận ai. Từ nay về sau, tụi con phải nhớ lời Thầy dạy có hiếu với cha mẹ, không nên làm cha mẹ buồn. Bởi vì cha mẹ sanh ra tụi con, nuôi nấng, lo lắng cho tụi con từ cái ăn cái mặc cho đến việc học hành, nên phải biết thương cha mẹ. Đó là người con hiếu thảo. Có hiếu thì sẽ được mọi người khen ngợi thương mến, còn bất hiếu thì bị mọi người ghét bỏ chê cười.

Các con ráng theo các anh chị huynh trưởng, để được dạy dỗ, gần gũi với Phật pháp. Nhờ đó đời này có phước, đời sau phước nhiều hơn. Như vậy mới xứng đáng là người con trong Gia đình Phật tử.



## CỘI NGUỒN PHẬT PHÁP

*Chùa Quan Âm - Đà Lạt*

Cội nguồn Phật pháp xuất phát từ đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trước khi xuất gia Ngài là thái tử Tất-đạt-đa, con vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma-da tại thành Ca-tỳ-la-vệ nước Ấn Độ. Tại sao Ngài dám bỏ cung điện đi xuất gia? Lý do gì khiến Ngài can đảm làm điều thế gian chưa ai dám làm? Đó là vấn đề quan trọng chúng ta phải hiểu cho tường tận.

Sau khi được vua cha cho phép đi dạo bốn cửa thành, thái tử trông thấy cảnh già bệnh chết, Ngài chấn động quyết tâm đi tu. Hằng ngày biết bao cảnh già bệnh chết diễn ra, vậy mà chúng ta vẫn xem thường, trong khi nó là vấn đề hệ trọng. Từ cổ chí kim, con người luôn chấp nhận sanh già bệnh chết như một quy luật, không ai thoát được. Với thái tử Tất-đạt-đa, Ngài không chấp nhận điều đó. Trong tâm Ngài luôn trăn trở, tại sao tất cả mọi người đều cam chịu sanh già bệnh chết? Có cách nào thoát khỏi sanh già bệnh chết không? Hai nghi vấn này gắn chặt trong tâm tư thái tử khiến Ngài quên ăn bỏ ngủ. Đó là lý do thôi thúc thái tử vượt thành xuất gia.

Mục tiêu rõ ràng và ý chí cương quyết mãnh liệt, thái tử vào rừng sâu tìm học với các vị tu sĩ nổi danh thời ấy. Với trí tuệ và khả năng tiến đạo phi thường, Ngài nhanh chóng đạt được các tầng thiên định ngang bằng với thầy của mình. Trước hết Ngài đắc Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, tiến lên nữa là Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và cuối cùng là Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Ngang đây các thầy không còn khả năng chỉ dạy thêm, Ngài quyết định từ giã rồi tiếp tục lên đường tầm đạo.

Nhận thấy không còn ai khác có thể làm thầy để nương tựa, Ngài tự tìm đến rừng sâu tu khổ hạnh. Ròng rã suốt 6 năm, mục tiêu Ngài nhắm đến vẫn không thực hiện được. Càng khổ hạnh càng thấy mờ mịt, không lóe thêm chút ánh sáng trí tuệ nào. Cuối cùng Ngài từ giã khổ hạnh, đến dưới cội bồ-đề tọa thiền suốt 49 ngày đêm. Với quyết tâm cao tột, vào đêm cuối cùng khi sao mai vừa mọc, Ngài thành tựu đạo giác ngộ. Mọi nghi vấn buổi đầu ngang đây sáng tỏ, biết rõ tường tận nguyên nhân đưa chúng sanh đến trầm luân, phương pháp thoát khỏi vòng sanh tử.

Cuộc đời xuất gia và thành đạo của đức Phật có manh mối rõ ràng, kết quả tu hành rất ráo viên mãn. Chúng ta phát tâm tu theo gương hạnh của



Phật thì phải hiểu tường tận đường đi nước bước Ngài đã vạch sẵn. Từ đó cương quyết thực hành hầu đạt được kết quả đúng như sở nguyện. Đó là điều thiết yếu.

Đạo Phật lấy giác ngộ làm cứu cánh. Muốn giác ngộ trước phải đặt nghi vấn, chùng nào bùng sáng thì xong việc. Nhà thiền thường nói đại nghi đại ngộ, tiểu nghi tiểu ngộ. Đại nghi là nghi vấn đề sanh tử, việc này thái tử Tất-đạt-đa đã thành tựu, thấy rõ đầu mối đưa đến luân hồi sanh tử và đầu mối giải thoát sanh tử.

Sau khi thành đạo, đức Phật nhớ đến chúng sanh chưa giác ngộ còn trầm溺 trong khổ đau, nên thương xót dùng phương tiện giáo hóa. Trước hết Phật tới vườn Lộc Uyển, thuyết pháp Tứ diệu đế độ năm anh em ngài Kiều Trần Như. Khổ đế là một lẽ thật. Khổ vì sanh, già, bệnh, chết, thương yêu xa lìa, cầu mong không được v.v... Tính chất của sự khổ là vô thường chuyển biến, từ sanh đến già, già rồi bệnh, bệnh rồi chết. Cái khổ này không phải bỗng dưng có, cũng không do ai đặt ra mà nó có nguyên nhân, gọi là Tập đế.

Tập đế gồm: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... Thấy rõ quả khổ và manh mối tạo ra khổ, sẽ giải quyết được cái nghi tại sao chúng sanh phải đi

trong luân hồi sanh tử. Từ đó Phật tìm ra phương pháp tiêu diệt nguyên nhân khổ, gọi là Đạo đế. Thực hành các phương pháp này sẽ đưa đến kết quả Niết-bàn an lạc thanh tịnh, gọi là Diệt đế. Phần Đạo đế gồm 37 phẩm trợ đạo, chính yếu là Bát chánh đạo, đây được coi là chiếc búa đốn gốc Tập đế. Khi nghe đức Phật giảng về Tứ diệu đế, năm anh em ngài Kiều Trần Như đều ngộ được chân lý.

Thời gian sau, số lượng các vị Tỳ-kheo trong giáo đoàn của đức Phật ngày càng đông đảo. Nhiều cư sĩ thiện tín như vua chúa, trưởng giả phát tâm xây cất tinh xá làm nơi tu học cho Tăng chúng. Tại tinh xá Trúc Lâm, Phật nói pháp Mười hai nhân duyên: Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử. Đây là vòng lưu chuyển sanh tử của chúng sanh, gốc từ vô minh.

Muốn dừng sanh tử phải chặt đứt đầu mối vô minh, tức là phiền não quá khứ. Ái và thủ là nhân duyên sanh khổ hiện tại, chặt được hai thứ này vòng sanh tử đời sau chấm dứt. Đức Phật đã tường tận chỉ bày nguyên nhân trầm luân sanh tử và phương pháp giải thoát sanh tử. Hai pháp Tứ diệu đế và Mười hai nhân duyên là minh chứng cụ thể giải

quyết nghị vấn buổi đầu của đức Phật. Sáng được hai vấn đề này, đức Phật tuyên bố hoàn toàn giác ngộ, giải thoát sanh tử, thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni.

Chúng ta phải biết áp dụng lý Tứ Đế để tiêu diệt tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... Áp dụng lý Mười hai nhân duyên để dẹp vô minh hoặc ái, thủ. Đó là mấu chốt quan trọng, đưa đến giác ngộ giải thoát. Đối với ái thủ của hiện tại, mỗi chúng sanh đều có những cái thấy riêng biệt. Thí dụ khi nhìn bông hoa, phàm phu thấy nó thật, từ đó đánh giá đẹp hoặc xấu. Thấy đẹp khởi niệm tham muốn sở hữu tức là ái, thủ, hữu. Đây chính là nguyên nhân dẫn đi trong sanh tử.

Thanh văn thấy bông hoa liền quán vô thường. Hiện tại nó đang đẹp nhưng mai một sẽ tàn héo, bại hoại rồi trở về không nên nó không thật. Vì không thật nên không ái, không ái thì không thủ, ngang đây dứt được mầm sanh tử. Hàng Duyên giác nhìn cành hoa biết nó không thật, duyên hợp giả có. Phân tích từng bộ phận nào cánh, nhụy, cuống v.v... không có cái nào thật là hoa. Các bộ phận này ráp lại với nhau tạm gọi là hoa, chứ không có cái chủ thể hoa. Do không thật nên không ái, từ không ái nên không thủ. Đây là lối quán theo lý Nhân duyên, phá ái dứt thủ được giải thoát.

Bồ-tát thấy hoa hồng liền biết đương thể tức không. Do đã thuần thục về pháp quán nhân duyên, nên không cần khởi quán. Ngay cái thấy, biết các pháp không thật thể. Không thật thể tức là tánh không, do đó không sanh tâm nhiễm trước. Với cái nhìn của thiền sư, hoa hồng là hoa hồng. Tâm như như bất động, không một niệm ái thủ, đương nhiên hết sanh tử.

Tóm lại, phương tiện tu tuy nhiều nhưng cứu cánh không hai. Hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát dùng phương tiện từ giáo lý đức Phật chỉ dạy, nương đó tu tập. Chư vị thiền sư không dùng phương tiện, nhìn các pháp đúng với thật thể của nó, năng kiến và sở kiến tự như, không cần thêm bớt gì. Đây là điểm đặc biệt. Thiền sư trực diện thấy sự vật đúng như thật. Do tâm các ngài thanh tịnh nên tâm cảnh như như, đó là cái thấy chân thật không do quán chiếu.

Thiền sư Việt Nam kể, khi vua Lý Thái Tông đến thăm thiền sư Thiên Lão, hỏi:

- Hòa thượng trụ núi này đã được bao lâu?

Thiền sư đáp:

- Dẫn tri kim nhật nguyệt,  
Thùy thức cự xuân thu.

*Chỉ biết ngày tháng này,  
Ai rành xuân thu trước.*

Vua hỏi:

- Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Thiền sư đáp:

- Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,  
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân.

*Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,  
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.*

Nếu chúng ta dùng trí để quán, dù pháp đó cao siêu vẫn nằm trong quán tưởng, tức chưa sống được với cái chân thật. Tâm thiền sư luôn như như bất động, tự tại đối ăn mặc ngủ. Đây chính là đầu mối của giải thoát sanh tử.

Thiền là cái chân thật ngay trong cuộc sống hiện tại. Tinh thần Thiền tông khai triển cái chân thật nơi mỗi chúng sanh, không bắt phải nô lệ vào tư tưởng. Đây là lý do tại sao trong nhà thiền đặt vấn đề tham vấn. Manh mối ngộ đạo của đức Phật xuất phát từ nghi vấn rất lớn, cần mẫn miên mật theo đuổi bằng cách thiền định để tìm ra kết quả. Lâu ngày khối nghi tự nhiên vỡ tung, đó là trọng tâm của sự giác ngộ.

Thiền sư Trung Hoa kể, người học đạo trước phải tự khởi nghi một vấn đề, chừng nào chưa giải quyết xong mới tới thưa hỏi thầy. Các vị thầy không bao giờ giải đáp ngay, mà phương tiện thêm một chút nghi nữa, tức là nghi đồn nghi. Mục đích muốn cho học nhân cương quyết tự mình giải quyết vấn đề. Lúc nào đó đầy đủ nhân duyên, khối nghi vỡ tan thì được ngộ đạo.

Như trường hợp ngài Hương Nghiêm Trí Nhàn. Khi ở chỗ tổ Bá Trượng, ngài quá lanh lợi, hỏi một đáp mười. Sau khi Tổ tịch, ngài đến tham học với thiền sư Quy Sơn. Một hôm, ngài Quy Sơn bảo:

- Ta nghe người ở chỗ thiền sư Bá Trượng hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm. Đó là người thông minh lanh lợi, ý hiểu thức tưởng là cội gốc sanh tử. Giờ đây thử nói một câu trước khi cha mẹ chưa sanh xem.

Trước khi cha mẹ chưa sanh làm sao nói, ngài mờ mịt không trả lời được. Trở về liêu, lục lợi hết các sách vở tìm một câu đáp trọn không có, ngài cầu thầy nói phá. Thiền sư Quy Sơn bảo:

- Nếu ta nói cho người, về sau người sẽ chửi ta. Ta nói là việc của ta, đâu can hệ gì đến người?

Ngang đây ngài đốt hết sách vở và nói: “Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm Tăng thường lo

việc cơm cháo, khỏi nhọc tâm thân”. Ngài khóc rồi từ già Quy Sơn đến trụ ở Nam Dương, nơi di tích quốc sư Huệ Trung. Một hôm nhân cuộc cỏ trên núi, lượm hòn gạch ném trúng cây tre vang tiếng, ngài chợt tỉnh ngộ phá lên cười. Về thất, ngài tắm gội thắp hương hướng về thiền sư Quy Sơn đảnh lễ, ca tụng rằng: “Hòa thượng từ bi ân như cha mẹ, khi trước nếu vì con nói rồi thì làm gì có ngày nay”. Ngài đã thật sự ngộ đạo không do thầy dạy.

Người thầy dẫn cho học nhân một khối nghi ngờ lớn, rỗng đẹp hết tất cả tâm niệm lăng xăng bên ngoài, chợt lúc nào đó tự sáng ra là thấy đạo. Các vị thiền sư cho chúng ta tới thưa hỏi, tuy nhiên các ngài không chỉ dạy mà nói ngược nói xuôi, nói đông nói tây. Khi thời tiết nhân duyên chín muồi, người sáng mắt ngay đó liền ngộ, người chưa vào được cửa thấy như lạc đề, nhân đó nghi thêm, tức là nuôi dưỡng khối nghi mãi trong lòng. Thời điểm chín muồi do lòng hun đúc, sự tu hành thanh tịnh phát ra, không do thầy nói cho biết.

Phương pháp tu thiền chú trọng nhất ở sự phát minh. Nếu không có phát minh, sự tu không thành công. Muốn phát minh, trước phải đặt vấn đề thao thức. Thao thức chính là động lực cho phát minh. Đây là thủ thuật đặc biệt trong nhà thiền, tạo ra một cái nghi rồi bắt mình tự giải quyết. Cái nghi tới

quan trọng trong cuộc sống là vấn đề sanh tử, tinh thần này hoàn toàn sáng tạo.

Học nhân tha thiết làm sao giải quyết được vấn đề, từ đó tự mình phát minh ra phương pháp. Vị thầy không làm việc này, cũng không lấy trong kinh Phật ra để chỉ dạy. Chỗ này ứng với tông chỉ “Giáo ngoại biệt truyền”. Tuy không lấy kinh giáo làm khuôn vàng thước ngọc, nhưng phải theo đúng tinh thần giác ngộ của đức Phật. Trước phải tạo một khối nghi ngờ, kè dùm mọi phương tiện lạng bốt điên đảo vọng tưởng. Điên đảo vọng tưởng lạng rồi, cái nghi còn âm thầm bên trong, phút giây nào đó đầy đủ nhân duyên, nó tự mở tung và sáng lên. Đây là lối tu “Bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền”.

Đức Phật thành đạt đạo quả là do tâm Ngài quá yên định, đây chính là sức mạnh của trí tuệ, giống như một ngọn đèn sáng rọi tới đâu sáng tới đó. Cho nên định là cội gốc đi tới giác ngộ, là một trong Tam vô lậu học, tức là ba môn giải thoát: giới, định, tuệ. Từ giới sanh định, từ định phát tuệ. Người muốn phát minh trí tuệ chân thật phải trải qua ba giai đoạn này. Giới là những phương tiện kiềm hãm giúp tâm yên lắng, không còn lạng xăng lộn xộn và dính mắc với ngoại cảnh bên ngoài. Sự yên lắng đó là nhân tố quan trọng để tâm chuyên nhất vào một vấn đề, tới chừng vấn đề sáng tỏ, trí tuệ chân thật hiện tiền. Đó chính là gốc của sự tu.



Qua đây chúng ta càng hiểu rõ hơn, tại sao khi tu phải ứng dụng phương pháp thiền. Khi đối diện xúc cảnh tâm lăng xăng lộn xộn đủ thứ, cần có những giờ phút ngồi lại để huân tập cho mình một sức mạnh tự chủ. Khi thuần thục rồi, đi đâu, làm gì tâm cũng luôn an trụ trong chánh niệm, không bị dao động hoặc dính mắc, nghĩa là đối cảnh vô tâm. Tu thiền không dùng lối quán như hàng Nhị thừa và Bồ-tát, nhưng cũng có cách dừng lặng tâm điên đảo. Nếu không như thế, để tâm buông lung thì nhất định khi đối cảnh sẽ phát cuồng loạn. Đó là lý do tại sao tôi bắt Tăng Ni phải ngồi thiền.

Sự yên định là điều kiện không thể thiếu trong công phu, tuy nhiên định thôi chưa đủ. Thiền sư Trường Sa từng nói: “Mạc vị vô tâm vân thị đạo, vô tâm du cách nhất trùng quan”. Nghĩa là, đừng bảo vô tâm đó là đạo, vô tâm còn cách một lớp rào. Khi tâm lóng lặng, chúng ta tưởng ngang đó là xong, nhưng không đúng, còn phải phát minh hơn nữa mới đến được chỗ giác ngộ. Nếu dừng ngang đây, rồi thỏa mãn cho phương tiện là cứu cánh thì không đúng. Chỗ này khác trường hợp đối cảnh vô tâm, là do thấy được lẽ thật nên không còn dụng công gì nữa.

Đối với các nhà khoa học, khi muốn phát minh một vấn đề gì, trước hết họ phải thắc mắc, sau đó chuyên tâm trong vấn đề chính. Miên mật lâu ngày, đầy đủ nhân duyên, trí tuệ bừng sáng thì

phát minh thành công. Một nhà khoa học muốn đạt được kết quả tốt, phải siêng năng cần mẫn nghiên cứu như thế, huống là người tu cầu quả vị giác ngộ giải thoát, lẽ nào lại dám lơ là. Cho nên đức Phật bắt chúng ta phải khuôn mình trong giới luật, tọa thiền, nhập định... để có thời giờ chuyên một việc, mới phát minh được tâm địa.

Nhà Phật chia ra hai loại trí tuệ: hữu sư trí và vô sư trí. Hữu sư trí là trí do huân tập, học hỏi từ bậc thầy hoặc thiện hữu tri thức. Vô sư trí là trí do tâm lặng lẽ thanh tịnh phát ra, gọi là trí chân thật. Thiên tông chủ trương khơi dậy vô sư trí trong mỗi chúng sanh, đó là bản lai diện mục bất sanh bất diệt. Sự phát minh của các nhà khoa học bắt nguồn từ hữu sư trí. Vấn đề của họ hạn chế trong hiện tại, nên sự phát minh đó chỉ lợi ích một đời. Vấn đề giải thoát sanh tử của kiếp người là điều hệ trọng trong đời này và nhiều đời sau, cho nên tu không phải chuyện tầm thường dễ dàng.

Chủ đích của đạo Phật là sáng tạo. Sức mạnh Thiên tông đưa chúng ta tới chỗ tự tại trong mọi hoàn cảnh. Người thấy được lẽ thật của đạo, dù phải sống ở hoàn cảnh xấu dở, cực nhọc vẫn an nhiên tự tại. Vì tâm không còn khởi niệm, nên chỗ nào cũng là cảnh thanh tịnh. Đó là điểm đặc biệt của người tu theo đạo Phật.

Thiên tông có một sức mạnh phi thường, trung thành mà không lệ thuộc văn tự. Mục đích của đạo Phật là giác ngộ giải thoát, muốn làm được điều này chúng ta phải phát minh. Nương theo con đường Phật đã đi, chúng ta phát minh việc của chính mình trên tinh thần tự chủ và sáng tạo.

Trong cuộc sống này, ai cũng phát minh ra điều hay, lợi ích thì xã hội luôn luôn tiến bộ. Không nên cấm đầu nghe lời người trước bảo sao làm vậy, chỉ thừa hưởng mà không tạo thêm được cái gì mới thì kết quả chưa viên mãn. Muốn có phát minh phải có nghi vấn, điều này không thể chối cãi. Nghi vấn và phát minh là sức mạnh của đạo, cũng là sức mạnh của đời. Đây là điều thiết yếu người xuất gia hay tại gia đều phải nắm vững.

Mong tất cả cùng cố gắng, luôn phát huy được trí tuệ chân thật để cuộc sống ngày càng tươi đẹp hơn.



## HAI CHỮ HUYỀN KHÔNG

*Thiền tự Huyền Không - Huế*

Khi đặt chân đến đây, tôi thấy tám biển trước cổng chùa đề Huyền Không Thiền Tự. Nghiệm thấy hai chữ Huyền Không, có ý nghĩa tương quan trong sự tu tập của chúng ta, nên bất thần tôi nảy ra ý tưởng muốn nói về hai chữ Huyền Không.

Hòa thượng Mãn Giác lúc còn trẻ rất thích làm thơ, trong những tác phẩm của ngài có quyển để bút hiệu Huyền Không. Ngày nay các vị Tăng trong nước và hải ngoại hướng về quê hương xứ sở, nên dùng chữ Huyền Không đặt tên chùa, nhằm nhắc nhở Phật tử Việt Nam nhớ về cội nguồn tổ tông, là điều rất đáng quý.

Về lịch sử, Huyền Không là tên động. Trên dãy núi Ngũ Hành Sơn ở Đà Nẵng, có ngọn núi Tam Thai và ngôi chùa Tam Thai, phía sau chùa là động Huyền Không. Đáng lưu ý ở đây là ý nghĩa của động và hang. Trong núi chỗ rộng nhỏ gọi là hang, chỗ rộng to gọi là động. Nếu đứng bên ngoài cất tiếng gọi lớn thì trong động vang lại âm thanh y hệt tiếng đó. Tiếng hay thì vang ra hay, tiếng dở thì vang ra dở. Âm thanh dội lại đúng y như tiếng mình đã phát ra. Đây là điểm rất đặc biệt.

Nói về ý nghĩa trong sự tu. Huyền là nhiệm mầu, không là rỗng trống. Huyền Không là động trống rất nhiệm mầu. Sơ tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông, sau khi ngộ đạo lập ra hệ phái Trúc Lâm Yên Tử. Các tác phẩm văn học ngài để lại, có bài Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca rất nổi tiếng. Trong đó, ngài có nói về ý nghĩa tiếng vang trong động trống, nhằm nhắc người tu nghe âm thanh không nên vướng mắc vào đó.

Động trống ví như lỗ tai của chúng ta, nhiệm mầu là không vướng kẹt gì hết. Lẽ thật ngay trước mắt chúng ta, không cần tìm kiếm đâu xa. Biết ứng dụng đúng pháp thì đường tu dễ thành công, ngược lại dù tu mấy mươi năm cũng chẳng được lợi ích gì. Đối với tiếng khen, tiếng chê, tiếng hay, tiếng dở... nghe biết tất cả tường tận, tiếng để y nơi tiếng, không khởi niệm vui buồn, lấy bỏ. Đó là ý nghĩa Huyền Không.

Nghiệm kỹ lại chúng ta thấy rõ ràng, tất cả lời nói qua rồi mất, không còn hoài. Giả như có còn, cũng chỉ là trong tâm niệm của mình thôi. Nhưng có người nghe xong liền ghim sâu trong tâm thức, nên mới nhớ hoài nhớ mãi thành cả ngày buồn vui đau khổ. Sở dĩ chúng ta bị dính kẹt vì tâm phân biệt quá nhạy bén, lời khen tiếng chê... nhớ cả năm chưa quên. Bởi ghi sâu những điều bất như ý, khiến phải

khổ triền miên. Thấy mặt người mình thích thì vui, gặp kẻ không thích liền khó chịu. Thế nên, người tu Phật phải khéo dùng để vướng mắc.

Phật là bậc giác ngộ, đối với khen chê Ngài coi như trò chơi. Ngược lại, hạng phàm phu chúng ta thì bị khen chê làm khổ não. Muốn hết khổ thì phải xem tiếng khen, lời chê như gió thổi ngoài tai, qua rồi mất, đừng ghi lại trong tâm thức.

Người khôn ngoan biết tu, không bị dư luận làm điên đảo. Đối trước những lời thách đố, khen chê... đều quán như tiếng vang trong hang động, khéo buông xả, thản nhiên tự tại. Chúng ta sống giữa chốn đông người, kẻ ý này người ý kia là chuyện bình thường. Theo bàn luận lời qua tiếng lại, không thể tránh khỏi vui buồn. Nếu chúng ta cố chấp vào đó thì sự tu hành bị vướng kẹt không tiến.

Chữ “không” còn có ý nghĩa thâm sâu trong hệ kinh Bát Nhã. Câu đầu bài Bát Nhã Tâm Kinh, nguyên văn chữ Hán là: “Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách”. Chiếu là soi, kiến là thấy. Chiếu kiến là soi thấy một cách rõ ràng tường tận. Nghĩa là, khi Bồ-tát Quán Tự Tại thực hành sâu trí tuệ Bát-nhã, ngài xem thấy năm uẩn đều không liên qua hết tất cả khổ nạn. Chủ đích của hệ Bát Nhã nằm gọn trong câu kinh này.

Trong năm uẩn, sắc uẩn thuộc về vật chất, bốn uẩn kia thuộc về tinh thần. Soi thấy năm uẩn đều không, tức là soi thấy thể xác và tinh thần đều không thật. Do thấy thân không thật nên khi gặp thiệt thòi hoặc bị người lấn hiếp, liền biết đó chỉ là trò chơi nên không bị khổ não. Từ văn tự chuyển qua quán chiếu, từ quán chiếu chuyển qua thật tướng, đây là chỗ cứu cánh Niết-bàn. Hành trì Bát-nhã phải đủ cả ba chặng, nếu dừng ngang một chặng nào đó sẽ không bao giờ tới được đích. Người tu Phật phải học hiểu cho tường tận chứ không nên học suông.

Hằng ngày chúng ta tụng đọc không biết bao nhiêu biến Bát-nhã mà vô minh vẫn y nguyên không hết. Lỗi này không phải do kinh vô hiệu, mà tại chúng ta không đi tận cùng con đường Phật dạy. Hiểu rồi mới thấy giá trị cao siêu của đạo Phật. Lời Phật dạy là chân lý chắc thật, chúng ta phát tâm tu thì phải tu cho đến nơi đến chốn, đừng chỉ đọc suông. Tu không thấy an lạc là lỗi tại mình không biết ứng dụng lời Phật dạy. Cho nên muốn đạt kết quả trên đường tu thì phải nhận và sống được với trí tuệ Bát-nhã.

Trong kinh Phật nói “sắc tức là không, không tức là sắc”, chữ không ở đây có nghĩa là không tự tánh, chứ không phải không ngơ, không có gì hết.

Các pháp trên thế gian duyên hợp tạm có, không thật nên không có cái gì cố định. Bình hoa không tự có sẵn, phải được kết hợp từ bình, hoa và công sức người cắm. Dùng trí tuệ Bát-nhã phân tích tường tận biết nó do duyên hợp giả tạm nay còn mai mất, dần dần trở thành không. Đây là ý nghĩa “sắc tức thị không”.

Trước khi có bình hoa là không, đủ duyên có bình, hoa và người cắm tạo thành bình hoa, đây là ý nghĩa “không tức thị sắc”. Bản chất của sắc là không, do duyên hợp giả có. Vì duyên hợp giả có, nên duyên tan thành không. Sắc tức không, không tức sắc, nói lên tính chất duyên hợp không thật của các pháp. Con người cũng vậy, do tứ đại duyên hợp tạo thành, nếu cho sắc thân này là thật rồi nắm giữ chấp trước, tới chừng hư hoại sẽ hoảng hốt sợ sệt đủ thứ. Người thấy đúng trí tuệ Bát-nhã sẽ không lầm nhận điều này.

Trên lý thuyết ai chẳng biết mình không thật, nhưng khi động tới lại thấy thật, đó là nguyên nhân phát sinh mê lầm. Một khi lầm bản ngã, sẽ lầm luôn tất cả những thứ xung quanh. Cái giả ngỡ thật, bám chặt vào nó chấp thủ và đau khổ. Chừng nào thấu suốt được lý sắc không, mới an ổn tự tại khi thân biến hoại. Chúng ta từng chứng kiến cái chết của ông bà cha mẹ, thấy rõ bản chất thật của



thân rồi thì khi tới lượt mình sửa soạn ra đi cũng không có gì lo sợ. Tỉnh táo, sáng suốt lựa đường đi tốt, đừng lo lắng khóc lóc để nghiệp dẫn đường này, đường kia không hay.

Tu là thấu suốt lẽ thật, sống với trí tuệ Bát-nhã để làm chủ được mình, khi nhắm mắt biết chọn lối đi sáng suốt, đừng mờ mịt đi vào ba đường xấu. Sắc và không không tách rời nhau, có hợp ắt có tan, có sanh ắt có tử. Chết là con đường phải đến, không ai thoát khỏi. Cho nên bây giờ phải chuẩn bị đầy đủ tư lương, để mai kia an ổn đối diện với tử thân. Người biết tu là thấy xa hiểu rõ con đường phía trước mình sẽ đi đâu, một lòng hướng về sự tu tập, đừng mãi mê tranh danh đoạt lợi, hưởng thụ ngũ dục.

Ngũ thừa Phật giáo là giáo lý căn bản, thiết yếu của người tu theo đạo Phật gồm: Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ-tát thừa hay Phật thừa. Thừa là cỗ xe chuyên chở chúng sanh đi đến quả vị, tùy theo mức độ tu tập. Đức Phật đã chỉ bày rõ ràng, tường tận và cụ thể những phương pháp tu tập, đưa đến các quả vị tu chứng tương ứng. Tùy căn cơ và sức hành trì của mỗi chúng sanh, mà ứng hiện các cảnh giới khác nhau.

Phật tử thọ Tam quy trì Ngũ giới đầy đủ, sau khi mạng chung nhất định được trở lại làm người

tốt. Ngũ giới là năm điều ngăn cấm: không sát sanh được tuổi thọ dài lâu; không trộm cướp thì của cải, tài sản nhiều; không tà dâm nên thân tướng đẹp đẽ, trang nghiêm; không nói dối thì đời sau nói năng lưu loát, ai cũng tin quý; không uống rượu mạnh, không uống say, không hút á phiện, xì ke, ma túy, được đời sau thông minh sáng suốt. Giữ tròn năm giới cấm xứng đáng làm người tốt ở hiện tại và tương lai. Lúc sắp lâm chung tự tin mỉm cười, vì biết rõ con đường phía trước sáng sủa an lành.

Người tu Thập thiện trọn vẹn, nhất định được sanh về cõi trời Dục giới, đi trong sự sáng suốt không mập mờ hoảng hốt. Người thật tu phải nắm vững đường lối, tự hiểu thấu rồi thực hành đúng đắn. Ngày nay sống an vui, ngày mai nhắm mắt càng an vui hơn. Xe cũ hư đổi xe mới tốt, có gì đâu mà buồn. Đó là ý nghĩa thiết thực của sự tu. Khéo ứng dụng làm sao đời này và đời sau, đều đi trên con đường sáng sủa, cao quý chứ đừng để tuột xuống.

Phật đã vạch sẵn phương hướng, ai muốn đi đường nào cũng được. Ngài không bắt buộc chúng ta phải hành một pháp nào cố định, tùy khả năng và căn cơ mỗi người mà tự chọn pháp thích hợp để hành trì, miễn sao ứng dụng đúng và đi cho tới nơi tới chốn thì đều được kết quả theo sở nguyện.

Đâu ai có thể bảo đảm mình sống tới lúc nào, đừng quan niệm bây giờ còn trẻ lo làm ăn, để dành tới già mới tu. Biết đâu chưa sống tới già, nửa chừng chết mất rồi! Vì vậy ở độ tuổi nào chúng ta cũng phải cố gắng tu để chuẩn bị hành trang cho mình trên con đường phía trước. Ngay trong lúc trẻ khỏe còn tỉnh táo sáng suốt, càng nỗ lực tu càng tốt. Khi già yếu lụm cụm quên đầu quên đuôi, tu không tới đâu hết.

Trong kinh thường nói “tánh không của các pháp”, chữ tánh chỉ cho cái sẵn có. Phật là bậc giác ngộ, Ngài thấy đúng sự thật về muôn pháp ở thế gian này là tánh không. Như bình hoa này vốn là không, do duyên hợp thành bình hoa, dần dần hoa héo tàn lại trở về không. Tất cả sự vật thành hình từ cái không, nên nói các pháp duyên hợp. Do duyên hợp không thật có, chỉ tạm một thời gian rồi bại hoại trở về không. Đó là ý nghĩa “sắc tức thị không, không tức thị sắc”.

Trong Luận Trung Quán, Bồ-tát Long Thọ nói:

*Nhân duyên sở sanh pháp,  
Ngã thuyết tức thị không,  
Diệc danh vi giả danh,  
Diệc danh trung đạo nghĩa.*

Các pháp do nhân duyên sanh, từ không mà duyên hợp thành có, nên Phật nói tức là không. Lý Trung đạo không chấp hai bên hoặc thật có hoặc thật không. Do không hiểu lý Trung đạo nên chúng ta luôn sống theo nghĩa cực đoan hoặc không hoặc có, dẫn đến bất đồng quan điểm với nhau. Từ đó sanh ra cãi vã, phải quấy, hơn thua, tranh đấu, giành giật nhau đưa đến đau khổ.

Để giải thích lý Trung đạo một cách dễ hiểu, tôi dùng nắm tay để tạm thí dụ. Như tay tôi đang đưa lên đây, nếu tôi co năm ngón lại thì gọi là nắm tay, buông năm ngón ra thì không có nắm tay. Vậy nắm tay có thật không? Trước khi co năm ngón không có nắm tay, buông ra cũng không có nắm tay. Thế là biết nắm tay chỉ là giả danh, không thật có. Các pháp cũng vậy, duyên hợp giả có, duyên tan thành không. Hiểu được lý Trung đạo là thấy lẽ thật, tức hằng sống với trí tuệ Bát-nhã.

Thân chúng ta do duyên hợp từ cha mẹ và thân thức, tạm gọi là thân. Nó vốn không thật nên đẹp xấu, khen chê cũng không thật. Dùng trí tuệ Bát-nhã thấy rõ bản chất của thân tâm năm uẩn là không thì sự tu mới nhẹ nhàng. Chư Phật và Bồ-tát sống đúng với lẽ thật gọi là giác ngộ, còn chúng ta tuy biết lẽ thật nhưng vẫn sống theo tưởng tượng, hư dối nên mê lầm ngày càng tăng trưởng.

Trong kinh dùng thí dụ bóng mặt trăng rằm in dưới hồ nước để liên hệ đến nghĩa sắc không. Bóng trăng sáng hiện trên mặt nước, không thật có cũng không thật không. Giống như thân này do duyên hợp, không thật có cũng không thật không. Lý Bát-nhã dạy một cách thấu triệt về lẽ thật của con người. Không nên bám vào những thứ hư ảo, mà phải biết sống trở về với cái chân thật của chính mình. Nếu chỉ đọc văn tự Bát-nhã suông mà không chịu chiếu kiến thì biết chừng nào qua hết khổ ách.

Thiền sư Minh Chánh ở Việt Nam, nói:

*Công danh cái thế màn sương sớm,  
Phú quý kinh nhân giấc mộng dài.  
Chẳng hiểu bản lai vô nhất vật,  
Công phu uổng phí một đời ai.*

Dưới cái nhìn của thiền sư Minh Chánh, công danh sự nghiệp dù tột đỉnh tới đâu cũng chỉ là màn sương sớm, có rồi mất không còn hoài. Đến như tài sản của cải, dù cho giàu sang không ai bì nổi, cũng chẳng khác gì giấc mộng đêm qua. Cái được của thế gian như công danh, phú quý... rốt cuộc tiêu tan tợ sương mai mộng ảo, vì tất cả đều không thật. Sống để hưởng thụ nhiều lắm cũng vài chục năm, chứ không thể sống mãi. Vì vậy, nếu tu mà không nhận được bản lai vô nhất vật thì uổng phí cả một đời.

Bản lai vô nhất vật dịch là xưa nay không một vật. Câu này có liên hệ tới hai chữ Huyền Không. “Không” ấy rất nhiệm mầu. Không tất cả phiền não và niệm sanh tử thì được diệu dụng vô cùng, tức chân không diệu hữu. Cho nên, khi đức Phật đạt đến chỗ “không” chân thật đó, Ngài chứng Tam minh, Lục thông, Tứ vô sở úy, Thập bát bất cộng... Hiểu chỗ này rồi, trên đường tu chúng ta mới không bị lầm lẫn.

Tóm lại, hai chữ Huyền Không có ba ý nghĩa quan trọng:

Thứ nhất, Huyền Không dụ như tiếng vang trong hang trống, nghe mà không dính không chấp.

Thứ hai, chữ “không” trong Huyền Không nói về tánh không, duyên hợp giả có của tất cả các pháp trên thế gian. Trước không sau cũng không, gọi là các pháp tánh không.

Thứ ba, chữ “không” chân thật trong ý nghĩa xưa nay không một vật, nó sẵn có nơi mỗi chúng ta, nhận và sống được là ngộ đạo, hết mê lầm.

Hôm nay tôi chỉ nói về hai chữ Huyền Không, cũng là giải thích về tên gọi ngôi thiên tự này. Trọng tâm của người xuất gia cầu giải thoát là cốt tìm cho ra và sống được với cái thật của chính mình,

đó là chỗ tột cùng chúng ta phải đi tới. Mong quý vị hiểu và ghi nhớ ý nghĩa Huyền Không, khéo ứng dụng vào sự tu hành của mình, luôn luôn thức tỉnh và ngày càng tiến bộ, chóng đạt đến giác ngộ giải thoát.



## GIẢNG ĐẠO TẠI TRÀNG THÁI TUỆ

*Ngày 19/5/ Mậu Dần - 12/7/1998*

Nhân ngày quý Phật tử cúng dường chúng Tăng trong mùa An cư kiết hạ, tôi có ít lời nhắc nhở để quý vị tinh tấn tu hành, không bị thối chuyển khi gặp những chướng duyên trên đường tu.

Lâu nay, Phật tử thường nghĩ cúng dường Tam bảo, bố thí tài vật sẽ được nhiều phước, vượt qua mọi trở ngại trong công việc, cuộc sống gia đình bình yên như ý muốn. Những điều này mới nghe qua dường như đúng mà thật không đúng. Tại sao? Nếu mọi việc đều như ý thì chúng ta tu cái gì? Muốn gì được nấy, làm sao tu? Cúng dường, làm việc thiện dĩ nhiên có phước, nhưng nếu quan niệm nhờ làm phước mà tất cả mọi việc đều như ý, không gặp trở ngại thì rất sai.

Phật tử phải hiểu nhờ chúng ta biết làm phước, gieo duyên với Tam bảo nên gặp thầy lành, bạn tốt dìu dắt mình tu. Lại cũng nhờ phước đức ấy, nếu đời này tu chưa đến nơi đến chốn thì đời sau sanh ra ở đâu cũng gặp Phật pháp, tiếp tục tu. Nếu nghĩ rằng làm phước thì mọi việc đều như ý là chưa hiểu rõ cách tu.



Tu là xoay lại, quán chiếu thật kỹ xem cái gì thật, cái gì hư, cái gì chân lý, cái gì không phải chân lý. Thấy đúng như thật, không sai lầm là người tỉnh giác. Ngày trước, chúng ta mê muội, thấy tất cả đều thật nên quý trọng. Ngày nay, chúng ta biết tu theo lời Phật dạy, thấy rõ thân này vô thường, con người có mặt trên thế gian chỉ mấy mươi năm rồi cũng bại hoại, càng cho thân hưởng thụ nhiều thì càng sớm bại hoại. Chúng ta chỉ tạm mượn thân này để tu và làm lợi ích chúng sanh mà thôi.

Tu là chuyển mê muội thành giác ngộ. Khi còn mê, ta nghĩ mình tốt đẹp nên bản ngã to lớn vô cùng, ai động đến liền phiền não. Bây giờ biết tu rồi, thấy thân này không có gì thật để tán thán tự cao tự đại, thì có ai khinh chê mình vẫn bình an tự tại. Nếu ai gặp cũng khen thì bản ngã ngày càng lớn thêm. Người ưa lời khen, mong mọi việc như ý, đó là chưa biết tu.

Trong công việc làm ăn, đôi khi quý Phật tử cũng cần có những điều trắc trở để giạt mình thức tỉnh: “À! Việc đời có thành bại, không gì là như ý”. Sự trở ngại đó là cơ hội để chúng ta dừng công việc, có thời giờ tĩnh tu, tâm không còn mê đắm thế gian nữa. Như vậy thất bại là tai họa hay cơ hội tốt? Đối với người biết tu, thất bại là cơ hội tốt để thu gọn công việc, có thời giờ tu. Cho nên Phật tử đi chùa,

xin quý thầy cầu nguyện cho con làm ăn phát tài là sai rồi. Cầu xin như vậy chỉ làm tăng trưởng lòng tham, chứ không giúp mình tỉnh ngộ. Hiểu rõ điều này, quý vị mới thấy quan niệm tu của chúng ta sai lầm quá nhiều. Đó là nói về của cải bên ngoài.

Nói về thân, ai cũng muốn mình luôn khỏe mạnh để tụng kinh, tọa thiền, thấy đó là phước. Vậy nếu thân có bệnh, đó là họa hay phước? Là họa mà cũng là phước. Bởi vì bình thường chúng ta khỏe mạnh, làm được nhiều việc thì quên rằng mình sẽ bệnh, sẽ già, sẽ chết. Cứ tưởng mình mạnh khỏe, hăng hái xông xáo làm việc này việc kia, nên chưa nhận ra bản chất của thân là mong manh vô thường.

Phật dạy thân này trải qua bốn tướng: sanh, già, bệnh, chết; không ai trốn tránh được, có thân là có bệnh. Mai kia, mình cũng phải lãnh một phần trong đó. Thấy rõ như vậy, chúng ta áp dụng vào đời sống tu hành. Khi khỏe mạnh cố gắng ngồi thiền, giữ tâm không loạn tưởng, dần dần đi tới an định. Khi bệnh, nằm trên giường cũng quán chiếu thân này vô thường bại hoại, để bớt tham luyến nó. Làm được như vậy thì nhắm mắt không tiếc nuối gì hết.

Tóm lại, bệnh có cơ hội tốt của bệnh, đừng nghĩ tu là phải luôn mạnh khỏe, chư Phật gia hộ cho mình lúc nào cũng mạnh để tu và làm Phật sự. Nếu

nghĩ rằng mình chăm chỉ tu hành, làm Phật sự nhiều mà Phật không gia hộ cho mạnh khỏe, thành ra thối tâm. Đó là suy nghĩ sai lầm. Phải nghĩ rằng bệnh là cơ hội cho ta thấy rõ bản chất thân này mà thức tỉnh tu hành. Người tỉnh giác rồi thì không còn đắm luyến gì nữa. Bởi vì đã thức tỉnh thân này là tạm bợ, vô giá trị. Cho nên, mất tiền của hay bệnh hoạn cũng là cơ hội tốt để tiến tu.

Có người cho rằng làm việc thiện lẽ ra phước nhiều, tại sao người này người kia ganh tỵ, nói nặng nói nhẹ mình. Vậy là không có phước sao? Quý vị phải hiểu cho tường tận. Nếu chúng ta tu hành nghiêm chỉnh, làm Phật sự tốt, tin tưởng Tam bảo, tận tình lo cho huynh đệ mà bị chê bai, nghĩ mình thiếu phước là còn yếu đuối lắm. Phải nghĩ đó là Bồ-tát tái lai để thử đạo lực tu hành của mình. Giống như trong kinh Pháp Hoa, đức Phật tán thán Đề-bà-đạt-đa là thiện tri thức bậc nhất. Bởi vì Đề-bà-đạt-đa luôn tìm cách hãm hại Phật, chính là làm cho Ngài mau thành Phật.

Nếu quý Phật tử tu hành, làm Phật sự mà ai gặp cũng tán thán, thì bản ngã sẽ lớn lên. Bản ngã càng to thì sự tu hành càng chậm, càng lui sụt. Cho nên, lâu lâu cũng phải có vị làm Bồ-tát để thử mình. Vị ấy là người tạo thắng duyên để mình vươn lên, không lui sụt. Người đó đáng kính hơn đáng giận.

Khi người ta chê hay nói nặng nhẹ, mà lòng mình vẫn thản nhiên tự tại, đó là khéo tu, đã thực hành được đức tính nhẫn nhục, trên đường tu đã tiến lên chứ không dừng một chỗ.

Người thế gian mỗi khi làm việc thiện mà gặp chướng ngại, liền cho là ma chướng, người gây khó khăn là kẻ thù của mình. Nghĩ như vậy sẽ càng làm tâm Bồ-đề thối chuyển. Đạo tràng đông người, mỗi người mỗi ý, làm sao giống nhau được. Có khi mình nghĩ thế này phải, người kia cho là không phải, rồi cãi qua cãi lại, giận hờn nhau. Người này cho người kia là ma, người kia cũng cho người này là ma, rốt cuộc ai cũng là ma hết. Bây giờ chuyển lại, quý Phật tử thấy tất cả huynh đệ nổi sân la hét là Bồ-tát thử mình. Được vậy thì đạo tràng của chúng ta đều là Bồ-tát. Chỉ vì quan niệm sai lầm, chúng ta liền mất hết đạo đức. Ngược lại, nếu quan niệm đúng thì làm tăng trưởng đạo đức.

Mong rằng quý Phật tử ghi nhớ, ứng dụng cho đúng những lời tôi chỉ dạy, huynh đệ cùng nhau chung lo Phật sự cho đạo tràng tốt đẹp, lâu dài và bền vững. Đó là lời nhắc nhở của tôi.



## GIẢNG TẠI ĐẠO TRÀNG TUỆ TÂM

*Ngày 04/5/ Mậu Dần - 27/6/1998*

Hôm nay chúng tôi có duyên lành về đây, trước hết thăm chư Tăng trong mùa An cư, sau có vài lời muốn nói cùng quý Phật tử đạo tràng Tuệ Tâm cũng như quý Phật tử bốn chùa. Tôi thấy quý thầy lãnh đạo địa phương này đều nhiệt tình lo cho đạo, nhất là mùa An cư chư Tăng quy tụ đông đảo về đây tu học. Đây là điều hết sức đáng quý.

Chúng tôi thường tự tuyên bố rằng tôi là kẻ nợ của Tăng Ni, nên trọn đời lúc nào tôi cũng canh cánh trong lòng nghĩ đến người tu xuất gia, muốn làm sao tạo duyên tốt để giúp Tăng Ni có đủ tài đức mà duy trì mạng mạch Phật pháp cho hôm nay và mai sau.

Về Phật tử, chúng tôi cũng lo nhưng ít hơn, quý vị tu bao nhiêu tốt bấy nhiêu, có mất việc đạo thì còn lợi ích việc đời, chứ không như Tăng Ni. Người xuất gia là người hy sinh trọn vẹn đời mình cho sự tu hành, để đi tới chỗ an vui giải thoát và diu dắt chúng sanh cũng được như thế. Nếu Tăng Ni tu không ra gì thì sự hy sinh đó thật đáng tiếc. Vì vậy,

chúng tôi bận tâm nhiều đến sự tu học của Tăng Ni, nên đã nhận lời mời của chư Tăng Ni ở các điểm an cư, đến nhắc nhở quý vị tu, sao cho việc tu hành được như sở nguyện. Đó cũng là nguyện vọng của chúng tôi.

Trong kinh kể lại, một hôm Phật hỏi các thầy Tỳ-kheo:

- Nay các Tỳ-kheo, nếu trong thất của các ông có ba con rắn độc chui vô thì các ông ngủ có ngon không?

Các thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con không ngủ ngon.

Phật hỏi:

- Làm sao các ông ngủ mới ngon?

Các thầy thưa:

- Bạch Thế Tôn, chừng nào chúng con đuổi hết ba con rắn độc ra khỏi thất thì ngủ mới ngon.

Phật bảo:

- Ba con rắn độc tuy độc nhưng không độc bằng ba thứ tham, sân, si. Tại sao? Vì rắn độc chỉ làm ta chết thân đời này thôi, còn tham sân si là cái nhân dẫn ta luân hồi muôn kiếp.

Vì vậy, chúng ta phải nhớ nơi mình còn ba con rắn độc đang ngủ ngầm bên trong, cố gắng loại trừ, xua đuổi nó ra khỏi nhà thì mới được bình an thanh tịnh. Nếu không đuổi ba con rắn độc này ra khỏi nhà thì sự tu chỉ có tiếng, chứ không có ý nghĩa. Cho nên, tất cả chư Tăng tu từ thô đến tế hay từ cạn đến sâu, đều phải đuổi ba con rắn tham sân si trước thì đời tu mới bình yên, thanh tịnh. Tôi mong mỗi chư Tăng đang an cư tại đây nhớ đuổi ba con rắn độc ra khỏi nhà mình để xứng đáng là người lãnh đạo, hướng dẫn tín đồ ngày nay và mai sau.

Kế đó, tôi có ít lời nhắc nhở quý Phật tử trong đạo tràng Tuệ Tâm. Đối với sự tu hành, tôi luôn nhắc Tăng Ni, Phật tử đã tu thì phải tu sao cho đúng với ý nghĩa của sự tu. Muốn vậy, chúng ta phải chuyên cần nỗ lực tha thiết từng giây phút, thì dù tu theo phương pháp nào cũng có thể đạt kết quả. Nếu pháp tu hay mà chúng ta lơ là, tu cầm chừng thì cũng khó mà có kết quả được. Vì vậy, quý Phật tử đã quyết tâm tu thì ngày nào, giờ nào, phút nào cũng là giờ tu.

Song, Phật tử đừng tưởng tôi nói như vậy là không cho quý vị làm gì hết, cứ lo tu thì cơm gạo ở đâu mà ăn? Thật ra không phải chỉ ngồi thiền mới tu, mà khi buôn bán, làm việc bên ngoài, giờ nào quý Phật tử cũng phải tu. Chúng ta ngồi thiền để

thân tâm thanh tịnh. Khi tiếp xúc với mọi người, vừa có một niệm nhiễm ô dấy lên, chúng ta liền xua đuổi, không để tinh thần trong sáng của mình bị ô nhiễm.

Được vậy, đạo đức mới thuần thực, sự tu hành mới bền vững lâu dài. Chứ còn chỉ tu giờ tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật thì ít lắm. Chúng ta phải tu hằng ngày hằng giờ, vừa có một ý niệm xấu dấy lên liền đuổi đi, vừa có một hành động trái đạo lý liền dừng lại, không một phút giây nào lơ lửng. Đó là tu.

Quý Phật tử trong đạo tràng Tuệ Tâm cũng có gia đình, con cái, cũng làm ăn như bao người. Nhưng người ta chạy theo danh lợi, còn quý vị biết tu nên không vì danh lợi mà mất đạo tâm, không vì thói hư tật xấu mà quên lãng đạo đức. Cho nên, Phật tử phải nhớ đạo đức là trên hết, không có gì an vui, bền chắc bằng đạo đức.

Thí như một gia đình đang đầm ấm, an vui, bỗng người chồng nổi sân thì không còn đầm ấm nữa. Hoặc người chồng, người vợ có tâm riêng tư, làm những việc trái đạo lý thì gia đình cũng mất hạnh phúc. Như vậy người biết tu là người tạo dựng cho mình một niềm vui bền vững, biết xây dựng cho mình một ngôi nhà chắc chắn, được bình an mãi mãi, không bị hư hoại.



Con đường đạo là con đường tốt đẹp, chân chánh. Quý Phật tử cố gắng nỗ lực chuyên tu, làm sao đi giữa cuộc đời mà sống khác với người đời, ấy là người biết tu, nắm vững được căn bản đạo đức. Đó là lời nhắc nhở của tôi.



## **ĐẠO PHẬT VÌ CON NGƯỜI XOÁY SÂU VÀO CON NGƯỜI**

*Đạo tràng Trúc Lâm Tuệ Phát*

Đề tài buổi nói chuyện hôm nay mang tên *Đạo Phật vì con người, xoáy sâu vào con người*. Đây là vấn đề quan trọng mà tất cả những người con Phật cần phải hiểu rõ.

Đọc trong sử ai cũng biết thái tử Tất-đạt-đa đi tu vì chán động khi chứng kiến cảnh khổ sanh, già, bệnh, chết, ngoài thế gian. Biết chắc người kia già bệnh chết, ta cũng già bệnh chết cho nên Ngài luôn băn khoăn phải làm sao tìm cho ra con đường giải thoát sanh tử. Đó chính là lý do đức Phật xuất gia.

Trải qua 5 năm tâm học với các vị đạo sĩ thời đó, cộng với 6 năm tu khổ hạnh, nhưng rốt cuộc Ngài vẫn chưa giải quyết được vấn đề thắc mắc trong lòng. Cuối cùng từ giã các thầy đạo sĩ, bỏ lối tu khổ hạnh ép xác, Ngài đi tới cội bồ-đề phát lời thệ rằng: “Nếu không đạt đạo, dù thịt nát xương tan, ta quyết không rời khỏi chỗ này”. Với quyết tâm cao tột, trong 49 ngày đêm Ngài chuyên tâm miên mật thiền định và chứng được đạo quả. Từ đó đức Phật thấy rõ nguyên nhân lưu chuyển sanh tử

của chúng sanh và rõ được con đường đưa tới giải thoát sanh tử. Sau khi thành đạo, Ngài thương xót chúng sanh lầm mê, trôi lăn trong biển khổ sanh tử nên bắt đầu khởi sự hoằng hóa.

Trọng tâm thiết yếu trong các bài pháp đức Phật thuyết đều xoáy sâu vào con người. Đây là điểm rất quan trọng trong đạo Phật. Chúng sanh trăm người như một, ai cũng thấy thân mình thật, nhưng với con mắt giác ngộ, đức Phật thấy nó tạm bợ hư giả. Cho nên hệ Bát Nhã, mà căn bản là kinh Kim Cang, đã nói tường tận sự thật về con người. Mê lầm trước nhất của chúng sanh là thường thấy thân này thật, từ đó phát sinh phiền não tham sân si, trong đó si là gốc. Chấp thân thật nên muốn được thụ hưởng tất cả những gì thế gian cho là quan trọng. Nếu bị ai đó ngăn trở chặn đón liền nổi sân chống cự lại, thành thủ si tham sân nổi tiếp nhau không ngừng.

Với sự tiến bộ của khoa học ngày nay, con người được hưởng đầy đủ các phương tiện hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần của nhân loại ngày càng nâng cao. Tuy nhiên chúng ta vẫn không khỏi lo lắng, sợ hãi ngày mai không biết khoa học sẽ đưa mình tới chỗ an lành hay tiêu diệt? Nếu người giữ các khí giới nguy hiểm mà đạo đức lương thiện thì nhân loại khỏi lo. Nếu họ còn tham sân si, chắc chắn đây là điều đáng sợ.

Sở dĩ ngày nay trên thế giới vẫn còn chiến tranh giành giết vì người ta thấy mọi thứ xung quanh thật. Ai cũng muốn xứ sở mình được hưởng sung sướng đầy đủ vật chất, nên kéo qua xâm lấn những chỗ tốt hơn. Dù thắng hay thua rốt cuộc cũng đều đổ máu thôi. Do si mê đưa đến tham lam, sân hận, thù hằn gây đau khổ cho nhân loại. Đó là mê lầm về thân.

Kế đến mê lầm về tâm. Hầu hết mọi người đều cho suy nghĩ buồn thương, giận ghét là tâm mình và luôn chấp nó đúng, ai phản bác lại là sai. Đây là nguyên nhân gây ra biết bao đau khổ cho con người. Gần thì gia đình, vợ chồng, anh em; xa thì nhóm này nhóm kia, nước này nước nọ. Đặt niềm tin vào một đối tượng nào đó chấp làm lý tưởng, mê lầm tội lỗi từ đây phát sinh. Xét cho cùng lý tưởng cũng không thật. Chấp thân thì giành nhau về vật chất, chấp tâm thì giành nhau về lẽ phải, đó là hai nỗi khổ lớn của nhân loại.

Ngày xưa tổ tiên chúng ta theo Nho giáo coi đức Khổng Tử là bậc thánh, lý tưởng của ngài xây dựng một thế giới phong kiến. Bây giờ chuyển qua thời đại dân chủ, các điều hay lẽ phải trước đây không còn thích hợp nữa. Những gì ngày trước coi là chân lý thánh thiện, bây giờ đều lạc hậu, các pháp luôn sanh diệt đổi thay, trước sau không bao giờ nguyên

ven. Chừng nào chúng sanh trên thế gian không còn giành giết nhau về vật chất, không tranh đấu về lý tưởng thì nhân loại an lạc.

Căn cứ trên lý nhân duyên chúng ta biết vạn vật có hợp ắt có tan, đủ duyên tụ hết duyên tán, không pháp nào có thể tồn tại mãi. Từ thân cho đến quả địa cầu đều duyên hợp không thật. Quá trình sanh diệt nơi con người và các loài động vật trải qua bốn giai đoạn: sanh, già, bệnh, chết; quả địa cầu trải qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại, không. Tất cả các pháp có sanh ắt có diệt, chỉ khác nhau ở chỗ chậm hay mau thôi. So với quả địa cầu, con người chết đi sống lại không biết bao nhiêu lần mà nó vẫn chưa tan, vì vậy mình lầm tưởng nó thật. Với con mắt giác ngộ, đức Phật thấy tường tận tất cả các pháp đều duyên hợp, hư giả, không thật.

Thân này do cha mẹ sanh ra, không phải trên trời rớt xuống hay dưới đất chui lên. Nó được nuôi lớn do tứ đại bên trong và vay mượn tứ đại bên ngoài. Dù mạnh khỏe đi lại tự do nhưng cũng phải đến ngày tan rã, đó là quy luật muôn đời không thay đổi. Ngày xưa mấy ông tiên lên núi luyện thuốc trường sinh, bây giờ kiếm một ông không ra. Vậy mà người thế gian nghe nói tu tiên sống dai, được trường sinh thì mừng lắm, còn nói vô sanh họ không chịu.

Đạo Phật dạy tu đến rốt ráo là vô sanh, tức giải thoát sanh tử. Đó là cái nhìn thấu đáo tường tận của đức Phật. Mỗi chúng ta nếu hiểu và sống đúng như lời Phật dạy, không còn giành giật chấp thủ, khả dĩ cuộc sống an vui thanh bình hơn. Do thấy thân không thật nên phá hết si mê, tham lam, sân hận. Biết các pháp hư giả là trí tuệ, chỉ cần thấy được như thế là chúng ta đã vượt qua biết bao đau khổ rồi. Trong kinh Kim Cang Phật dạy, muốn tu đến nơi đến chốn phải phá bốn tướng: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thấy mình, người, chúng sanh và thọ mạng không thật, duyên hợp tạm có. Được vậy là bước tiến khá lớn trên đường tu.

Chỉ có trí tuệ mới phá tan lầm chấp và giải quyết mọi chuyện một cách an ổn tốt đẹp nhất. Biết rõ thân không thật, lời chửi mắng không thật thì khỏi cần nhẫn sự sân giận tự nhiên hết. Người nào còn ôm giữ si mê mà muốn vượt qua khó khăn trong đời đời là điều không thể thực hiện. Do thấy lời nói, hành động, việc gì cũng thật hết nên không bao giờ được toại nguyện như ý.

Hằng đêm chúng ta thường tụng kinh Bát Nhã: “Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách”, soi thấy năm uẩn đều không thật thì qua hết tất cả khổ nạn. Sắc uẩn thuộc về thân; thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn thuộc về tâm. Chỉ

một câu kinh nếu chịu khó nghiên ngẫm, ứng dụng vào cuộc sống là dứt khổ ngay. Siêng tụng đọc thuộc lòng mà không thực hành thì không thể nào hết khổ được.

Trên đường tu, nếu chúng ta hiểu rõ ý nghĩa lời Phật dạy sẽ thấy được lẽ thật. Tôi năm nay sắp 80 tuổi, nhìn lại bạn bè kẻ trước người sau đi gần hết, biết rằng mình đang ở đây chứ mai một cũng không còn. Đức Phật là bậc giác ngộ, Ngài đã chỉ bày tường tận chân lý cho tất cả chúng sanh. Chúng ta phát tâm tu theo Phật thì không chấp nhận làm kẻ mê muội hoài. Tu phải giác, dù chưa giác tột như Phật, nhưng ít ra đối với thân năm uẩn biết nó không thật và không chấp trước. Nhờ vậy cuộc sống không bị trôi buộc, tâm nhẹ nhàng thanh thoi.

Kinh Bát Nhã dạy chúng ta quán thân tâm đều không thật, còn Thiên tông nhìn thẳng vào tâm. Thấy vọng tưởng lăng xăng biết nó không thật, buông xả. Thân tuy nặng nề mấy chục ký nhưng bị tâm điều hành, thành thử không quán thân mà quán tâm. Người tu thiên nhắm thẳng đầu mỗi chủ chốt để phá, những râu ria theo đó tự rã. Ngồi thiền đem hết tâm tư nhìn lại niệm hư dối, biết rõ nó sanh diệt ra sao, thế nào. Tâm suy nghĩ, tính toán giả dối là cái bị biết, cần phải bỏ; còn cái “biết” biết tâm đang vọng tưởng là cái chân thật thường

hằng trong mỗi chúng ta. Nhận và sống được với nó là việc chính yếu của hành giả.

Do mê lầm chấp vọng tưởng cho là lý tưởng, từ đó phát sinh vô số đau khổ. Người tu phải biết vọng tưởng chỉ là bóng dáng của sáu trần rơi rớt trong tâm thức, đừng mê muội chạy theo. Nó lăng xăng chạy nhảy như những trò đùa trên sân khấu, không có gì thật là mình, cái biết được vọng tưởng mới là chân thật không sanh diệt. Đây là ý nghĩa thâm trầm trong sự tu hành, phải đi sâu vào nội tâm và có công phu lắm mới thấu hiểu, người tu sơ sài chưa thể nhận ra.

Phật dạy dùng trí tuệ Bát-nhã thấy tâm hư dối không thật để phá hết si mê. Trí tuệ đó luôn hiện tiền không vắng thiếu, chỉ vì mình chạy theo vọng tưởng lăng xăng nên bỏ quên nó. Cũng như con trâu hoang tuy chạy tứ tung, nhưng chú mục đồng biết cách nhất định sẽ điều được. Mười bức tranh chăn trâu trong nhà thiền là minh họa cho tiến trình tu hành từ sơ cơ đến viên mãn, phù hợp với lối tu chúng ta đang thực hành.

Trong công phu, biết mình có cái biết vọng là tiến sâu được một phần, tuy nhiên không nên hài lòng ngang đó. Khi vọng hết, nếu cứ khởi biết vọng hoài là bệnh. Cũng như trâu hoang mới phải chăn,



nếu nó hết hoang rồi thì chẵn làm chi? Cho nên trí Bát-nhã chỉ dùng khi còn mê lầm. Nhiều người thắc mắc sau khi biết vọng rồi, phải làm sao với cái biết đó? Chỉ người chưa nhận được cái “biết” mới hỏi như vậy, nếu đã nhận rồi thì không bao giờ có câu hỏi ấy. Đã là tánh biết không hình không tướng, mà đòi làm sao với nó thì rõ ràng là không biết gì hết. Cho nên chuyện tu hành không đơn giản chút nào.

Một số người cho rằng tu thiên ngộ ngó xuống là bi quan tiêu cực, trong khi ở ngoài đời một giờ người ta làm ra biết bao nhiêu tiền. Thiên sinh ngộ giờ này qua giờ kia chỉ ngó xuống có lợi gì? Người thế gian chạy lo kiếm tiền, còn chúng ta quay lại tìm viên ngọc của chính mình. Khi chết vàng bạc không thể đem theo, chỉ có viên ngọc sẵn có là không mất. Nhưng vì lâu nay mình bỏ quên, bây giờ nhận lại để không còn trầm luân khổ sở nữa. Tu mà không biết đường hướng và mục đích rõ ràng, nghe người ta phê phán liền lo lắng băn khoăn.

Thiền sư Thần Hội nói: “Ví như gương sáng nếu không đối hình tượng trọn không thấy hình tượng, nếu thấy không vật mới là thấy gương thật”. Khi đưa chiếc gương lên, thông thường chúng ta chỉ thấy bóng người bóng vật mà quên mất mặt gương. Khi không có hình bóng phản chiếu trong gương mới thấy rõ ràng mặt gương sáng trong. Bóng từ

gương ra là cái không thật, mặt gương sáng trong mới là thật.

Cũng vậy, tâm thể chúng ta vốn tròn sáng nhưng vừa dấy niệm liền bị che khuất. Chạy theo niệm là quên tâm thể, muốn cho tâm thể hiện tròn đủ thì đừng theo bóng. Ngồi thiền biết vọng không theo là phương tiện giúp tâm dừng lặng lặng xăng, được thanh tịnh. Dù có bóng hiện hay không bóng mặt gương vẫn còn đó. Hình ảnh này dụ cho tánh giác tròn sáng bất sanh bất diệt, dù mê hay giác nó luôn luôn có.

Đức Phật là bậc giác ngộ do Ngài không lầm nhận giữa cái giả và cái thật. Chúng ta thấy giả ngộ là thật thành ra si mê chấp thân chấp tâm, tạo đủ thứ nghiệp khiến phải trầm luân muôn kiếp trong luân hồi sanh tử.

Trong bài sám hối, đoạn cuối viết:

*Tánh tội vốn không, do tâm tạo,  
Tâm nếu diệt rồi, tội sạch trong.  
Tội trong tâm diệt, cả đều không,  
Thế ấy mới là chân sám hối.*

Tội từ tâm sanh diệt, do si mê chấp tâm nghĩ tưởng lặng xăng là thật, đây là gốc tạo nghiệp. Chừng nào lặng được tâm lặng xăng, tội sẽ theo

đây hết. Cả hai thứ tội và tâm đều lặng mới thật là sám hối. Nhiều người không hiểu chỗ này, mỗi lần lỡ gây tạo tội lỗi, liền lên điện Phật sám hối. Tâm tham lam chưa hết, mai mốt tiếp tục tái phạm rồi lại sám hối như vậy, thì chừng nào hết tội?

Tâm lăng xăng là nhân tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi sanh tử, chừng nào nó lặng thì giải thoát sanh tử. Rõ ràng không sai chạp. Giống như chiếc gương khi không còn bóng hiện, nó sáng trong đầy đủ, không bị che khuất. Tu là cốt phăng tìm cho ra cái chân thật luôn hiện hữu nơi mình. Nó là cái biết rõ ràng hiển thị qua sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Chỉ vì chúng ta lầm nhận suy nghĩ lăng xăng nối tiếp không ngừng làm mình, nên không sống được với nó. Vừa thấy hoa biết hoa, ngay đó đủ rồi. Nếu thêm niệm phân biệt đẹp xấu đâm ra ưa thích, hoặc chán ghét là nhân tạo nghiệp.

Người tu hành chân chánh mang lại cho nhân loại tình thương yêu rộng khắp. Những ai thực sự giác ngộ mới có lòng từ bi chân thật, nếu chưa giác ngộ chỉ là từ bi gượng gạo. Giúp người nghèo thiếu cơm gạo ăn qua ngày, lo áo quần lúc thiếu thốn rét mướt... Tất cả những hình thức từ thiện chỉ mang tính chất tạm thời, chưa dạy họ nhận được cái chân thật, nên tiếp tục tạo nghiệp đi trong sanh tử không ngừng. Giá trị siêu thoát của đạo Phật nằm ở chỗ

tự cứu đời mình và cứu chúng sanh ra khỏi trầm luân sanh tử.

Nhận được cái thật sẵn có nơi mình thì không còn lệ thuộc một đấng nào khác bên ngoài. Đức Phật từng tuyên bố: “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành”. Mỗi chúng sanh đều có quyền bình đẳng nhận và sống được với tánh giác bất sanh bất diệt của mình. Đó là chỗ cứu cánh chúng ta cần phải trở về. Điều này xác chứng ý nghĩa “đạo Phật xoáy sâu vào con người”. Biết trở về với con người chân thật là không mê lầm chấp thân tâm giả cho là thật, sống hẳn với cái thật.

Mục đích tu cao thượng như vậy, chứ không phải tu để đời sau hưởng phước báu nhân thiên. Muốn giải thoát, trước phải giác ngộ thấy đúng như thật về thân tạm bợ và tâm lăng xăng. Trên đường tu, chúng ta đi từng bước vững vàng khả dĩ kết quả chắc chắn và tốt đẹp. Điều này thật quá tầm hiểu biết của người thế gian, nên sau khi thành đạo đức Phật dùng nhiều phương tiện giáo hóa chứ không nói thẳng chỗ chân thật. Khi đúng cơ duyên Ngài mới nêu bày, ai nhận hiểu được thì thành tựu con đường giác ngộ giải thoát.

Khi tu chúng ta phải làm sao giải quyết những mê lầm, sống với tinh thần giác ngộ thực sự, mới mong giải thoát sanh tử. Người chưa sống được với

tâm chân thật mà câu giải thoát là việc khó. Đó cũng chính là lý do tại sao tôi phải nghỉ giảng dạy, để dành thời giờ chuyên tâm tu tập. Tôi tự nhận thấy việc mình làm chưa xong nên ngang đây không dám hài lòng. Vì vậy tôi quyết định năm tới phải nghỉ các Phật sự, ráng tu cho xứng đáng, để củng cố thêm niềm tin cho Tăng Ni và Phật tử.

Đức Phật Thích Ca thị hiện nơi cõi Ta-bà vì thương xót chúng sanh, muốn cứu chúng sanh ra khỏi trầm luân sanh tử. Tuy nhiên sau khi thành đạo, Ngài không nói pháp liền vì biết chắc chúng sanh chưa thể nhận hiểu điều Ngài muốn nói. Do đó chư thiên cầu thỉnh Phật tùy căn cơ chúng sanh mà phương tiện nói pháp yếu. Kể từ đây giáo pháp của Phật lần lần được tuyên thuyết. Chúng sanh tùy duyên tùy nghiệp có được những sở chứng khác nhau.

Trong các bộ kinh A Hàm, Phật dạy cách tu chứng từ Sơ thiên đến Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, rồi Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Từ Tứ thiên qua Tứ không mới tới Diệt thọ tướng định. Thọ là cảm giác, tướng là tâm tướng, sạch hết hai thứ đó sẽ chứng A-la-hán. Các vị A-la-hán đạt được quả vị Vô sanh, ngang đây cho là đủ, không muốn làm gì thêm.

Thiên tông dạy, xong phần mình rồi phải ứng thân hóa độ chúng sanh mới tròn đủ tâm nguyện tự giác giác tha, vì không giác tha thì chưa đủ tư cách làm Phật. Điều này rất quan trọng, chúng ta phải hiểu cho tường tận. Nếu giác ngộ rồi nằm ì nơi Niết-bàn tịnh lạc, Phật quả là “trầm không trệ tịch”. Chủ trương của đạo Phật nhắm tới chỗ tự mình giác ngộ lại giác ngộ cho người, công đức tròn đủ mới thành Phật.

Tóm lại, mục đích của đạo Phật nhằm đưa chúng sanh tới chỗ giải thoát. Chúng sanh sẵn có cái không sanh diệt mà bỏ quên, bây giờ phải dẹp sạch vọng tưởng suy nghĩ lăng xăng thì nó mới hiện tiền. Mong tất cả Tăng Ni cùng Phật tử luôn cố gắng tinh tấn, ứng dụng và thực hành lời Phật dạy để thoát khỏi nỗi khổ trầm luân sanh tử từ bao đời.



## CĂN BẢN TU HÀNH CỦA PHẬT TỬ

Hôm nay, tôi sẽ nói về căn bản tu hành của người Phật tử, để quý vị biết cách tu đúng với lời Phật dạy. Chúng ta đã là đệ tử Phật thì phải đi đúng chánh pháp, làm sao trên đường tu mỗi ngày mỗi tiến. Nếu xưng là Phật tử mà không biết tu thế nào, lại có những tư cách, thái độ không đúng đạo lý, đó là trái với sở nguyện ban đầu.

Đời Đường ở Trung Quốc có thiên sư Đạo Lâm rất quyết tâm tu hành. Để đạt được kết quả như sở nguyện, ngài ngồi thiền trên cháng ba của một cối đại thụ. Đương thời người ta không biết tên ngài, nên gọi là thiên sư Ô Sào (Điểu Khòa). Ô là quạ, sào là ổ, tức thiên sư ngồi tu trên ổ quạ. Do quyết tâm tu nên chẳng bao lâu ngài ngộ đạo. Từ đó, tiếng lành vang khắp.

Khi ấy, Bạch Cư Dị là đại văn hào nổi tiếng, rất mến mộ đạo Phật. Nghe danh ngài, ông tìm tới thưa hỏi:

- Bạch Hòa thượng, cúi xin Ngài nói pháp cương yếu để con theo đó tu tập.

Ngài liền đọc bài kệ:

Chư ác mạc tác,  
Chúng thiện phụng hành.  
Tự tịnh kỳ ý,  
Thị chư Phật giáo.

Dịch:

*Chớ làm các điều ác,  
Vâng làm các điều lành.  
Giữ tâm ý trong sạch,  
Đây lời chư Phật dạy.*

Bạch Cư Dị nghe xong, cười:

- Bạch Hòa thượng, bài kệ này con nít 8 tuổi cũng thuộc, Ngài dạy con làm gì?

Thiền sư nói:

- Phải! Bài kệ này con nít 8 tuổi cũng thuộc, nhưng ông già 80 làm chưa xong.

Bài kệ này thường được in trong lá phái quy y của Phật tử, đủ biết nó quan trọng thế nào, vì đã toát yếu được giáo lý căn bản của đạo Phật.

*Chư ác mạc tác* là không làm các điều ác. Muốn không phạm điều ác, tất cả Phật tử khi bước chân vào đạo đều phải giữ giới. Hàng cư sĩ tại gia giữ năm giới: không sát sanh, không trộm cướp, không



tà dâm, không nói dối, không uống rượu mạnh và hút á phiện, xì ke ma túy. Không phạm năm điều ấy thì đừng được tội ác. Ngược lại, giết người hay trộm cắp đều phải tù tội; tà dâm làm gia đình đau khổ; dối trá bị xã hội ruồng bỏ; uống rượu mạnh và hút á phiện, xì ke ma túy sẽ làm mờ tối trí tuệ. Giữ năm giới là chặn đứng không cho tạo điều ác, chỉ làm việc thiện lành. Cho nên năm giới là hàng rào ngăn chặn, không cho chúng ta rơi xuống hố sâu tội lỗi.

Quý Phật tử thường răn dạy con cái không uống rượu, không cờ bạc, không chơi với bạn xấu, không hút á phiện, xì ke ma túy. Vì lòng thương, muốn bảo vệ con được an toàn, tốt đẹp trong hiện tại và mai sau nên răn cấm như vậy. Lời dạy đó mới nghe qua dường như khát khe, khó khăn; nhưng nếu con biết nghe lời cha mẹ và vâng giữ thì cuộc đời sẽ tốt đẹp.

Cũng vậy, đức Phật vì thương tất cả chúng sanh, muốn bảo vệ nhân phẩm tốt đẹp của con người, giúp họ bớt khổ thêm vui, trở thành người tốt trong gia đình, xã hội nên mới răn cấm như thế. Nếu Phật tử giữ tròn năm giới, chẳng những đủ nhân phẩm làm người, mà đến khi nhắm mắt được trở lại làm người tốt hơn. Đó là đi theo con đường Nhân thừa Phật giáo, là bước đầu tu Phật. Bước đầu tu được thì bước thứ hai, thứ ba mới tiến lên.

Trong xóm làng, người nào cũng giữ tròn năm giới thì xóm làng bình yên, tối ngủ không cần đóng cửa, không có ăn trộm, cũng chẳng ai nghi ngờ ai. Đức Phật dạy cụ thể giúp chúng ta sống một cuộc đời bình an với tất cả mọi người chung quanh. Biết tu theo đạo Phật thì chẳng những tiến bộ trong đời này, mà đời sau cũng tốt đẹp.

Phật tử biết tu là dẹp bớt lòng tham. Nếu quý vị làm việc gì cũng thành công thì có chịu dừng lại không? Không. Cứ làm hoài tới chừng lăn đùng ra chết mà không hay. Lòng người ví như cái túi không đáy, bỏ vào bao nhiêu cũng không đầy. Lòng tham thúc giục đẩy chúng ta làm tất cả việc dù tốt hay xấu. Làm mãi không dừng nên quên nghĩ tới việc tu hành, tới những điều lương thiện, chỉ cốt làm sao cho đầy túi mà thôi. Chừng xoay đầu ngó lại, tuổi già chồng chất, chẳng giữ được gì ngoài nghiệp lực đã gây tạo.

Trong kinh Di Giáo, đức Phật dạy người có lòng tham không cùng tận thì dù được ở cõi trời cũng không vừa ý, người ít tham dù nằm trên bãi cỏ cũng ngủ an lành. Lòng tham không đáy, được cái này lại muốn cái khác, lên cõi trời lại muốn lên cao hơn nữa. Nếu bớt tham sẽ biết tới đâu là vừa với khả năng của mình, dừng lại để có thời giờ tu hành bòn chút phước đức. Đó là người biết tu. Nuôi dưỡng

lòng tham thì hết tu, càng được nhiều chùng nào càng khó tu chùng ấy. Chư Phật đã dạy người tham nhiều giống như người khát uống nước muối, càng uống càng khát mà thôi.

Nhiều Phật tử thường mơ ước được sanh về cõi trời cho sung sướng. Nhưng Phật đã dạy người tu không nguyện sanh lên cõi trời, bởi vì ở trần gian có vui có khổ, nếu thành công đôi ba lần thì cũng thất bại một lần. Khi vui, chúng ta quên tu, nhưng gặp cảnh khổ liền thức tỉnh tu hành. Ở cõi trời toàn là cảnh vui chỉ lo thụ hưởng, không nhớ tu.

Người thừa tiên của cũng ăn mặc chùng ấy, chứ không thể ăn gấp hai, ba lần người khác. Chúng ta biết chùng mực và giới hạn thì có thời giờ tu. Ngược lại sống sung sướng, mọi sự đều như ý, rất khó tu. Phật nói tuổi thọ ở cõi trời dài bằng trăm ngàn lần ở thế gian. Song, bấy nhiêu thời gian ấy chỉ là thụ hưởng, hết phước rồi cũng chết trở lại những cõi thấp hơn.

Trong xã hội những người giàu nay tiệt này mai tiệt kia liên miên, không có thời giờ rảnh. Người nghèo thì suốt ngày lo no lo đói cũng khó tu. Những người trung bình lại dễ tu hơn. Cho nên khổ như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh hay sung sướng như cõi trời đều không tu được. Ở thế gian có vui có khổ

mới dễ thức tỉnh tu hành. Chúng ta muốn tu tiến thì phải ngay thế gian này mà tu, đừng mong lên cõi trời hoặc đừng tạo ác phải rơi xuống địa ngục, chẳng những không tu được mà thọ khổ cùng cực.

Thế thì người tu Phật làm mười điều lành có từ chối lên cõi trời được không? Người tu Thập thiện đủ phước sanh về cõi trời, nhưng chúng ta phải nuôi bản nguyện đời sau được trở lại làm người tiếp tục tu. Đến chừng nhắm mắt, chư thiên xuống rước cũng từ chối, vì chỉ có trần thế này mới đủ duyên để ta thức tỉnh tu hành. Đó là ý nghĩa tu trong đạo Phật.

Lòng tham đã khôn cùng thì sự nóng giận càng khó dẹp hơn. Vậy nóng giận từ đâu mà có? Một là do tham không được nên sân, hai là do chấp ngã mà sân. Thí dụ cha mẹ bàn việc với con cái, sắp đặt con phải làm thế này thế kia, nhưng con không nghe lời mà làm theo cách khác, thì dù con nói đúng cha mẹ cũng giận. Tại sao giận? Giận vì ta là cha mẹ, phận làm con lại dám cãi. Đó là do chấp ngã mà nổi giận.

Quý Phật tử phải cố gắng tu, bớt tham, bớt nóng giận. Tôi dùng chữ “bớt”, chứ không nói hết. Hết tham, hết sân là thánh rồi. Làm sao để bớt sân? Trong nhà Phật dạy, muốn giảm bớt nóng giận thì phải tập tu đức nhẫn nhục. Nhẫn nhục thế nào?

Trong kinh Phật nói: “Nhẫn nhục độ sân nhuê”. Khi gặp việc trái ý, quý Phật tử liền nói: “Nhịn là khôn, nói là dại”. Đọc câu thần chú đó một hồi sẽ không nói, nếu không nói thì không thành tội. Nhưng nhẫn như vậy chưa triệt để, khi khác nhớ lại liền giận tiếp. Thế thì làm sao búng được gốc nóng giận đó? Phật dạy quán từ bi. Trước là nhẫn nhục để ngăn chặn cơn thịnh nộ, qua cơn thịnh nộ rồi phải quán từ bi.

Quán từ bi thế nào? Người nói những chuyện không đúng lẽ thật làm mất danh dự của mình, không giận sao được! Thấy mặt là không muốn ngó rồi, làm sao thương? Cho nên, chúng ta phải hiểu những người nói bậy thì không hiền lành, không sáng suốt. Thế mà chúng ta cãi lại, sân giận với họ tức là mình cũng không sáng suốt. Biết người ta quấy, vô lý thì bỏ qua vì họ mê. Chúng ta đã tỉnh, thấy được lẽ thật thì phải khởi lòng thương kẻ mê.

Bớt nóng giận thì cuộc sống sẽ tốt đẹp biết bao. Sở dĩ thiên hạ cự cãi, gia đình vợ chồng con cái không bằng lòng, làm phiền lụy nhau cũng vì nóng giận. Người này nói người kia cãi, một hồi đi tới đâu? Không ai biết trước được. Sân giận đưa người ta đến những tai họa không lường. Niệm khởi ban đầu rất nhỏ, nhưng hậu quả khó ngừa đoán nổi. Nhà Phật thường nói: “Một đốm lửa sân thiêu hết

cả rừng công đức”. Chỉ cần quăng một tàn thuốc vào đám lá khô thì cháy hết cả rừng. Sân thiêu hủy tất cả công đức tu hành, nên người biết tu phải tập quán nhẫn nhục và từ bi để giảm sân giận.

Thứ ba là si mê. Si mê có nhiều tầng bậc. Bậc thấp nhất là điều thiện không biết, điều ác không hay, điều phước không rành, điều tội không rõ, điều tà điều chánh cũng không phân biệt được. Tóm lại, si mê là không phân biệt rành rõ thế nào là thiện, thế nào là ác, thế nào là tội, thế nào là phước, thế nào là tà, thế nào là chánh.

Quý Phật tử có giản trạch được tà và chánh không? Thí dụ một người chuẩn bị đi xa, đến trước bàn Phật, thắp hương nguyện Phật gia hộ cho con đi đường bình an, đó là điều tốt. Nhưng nếu trên đường đi có ai nói trái ý làm mình nổi nóng, cự lại với họ thì bình an không? Chúng ta đã sáng suốt nguyện Phật gia hộ cho bình an thì chính mình phải biết tu sửa, giảm bớt nóng giận mới bình an. Nếu chỉ trông cậy vào Phật mà bản thân không chịu bỏ thói xấu dở thì không thể bình an. Đó là người chưa hiểu đạo chân chánh.

Chúng ta tin Phật là tin những lời Phật dạy đúng lẽ thật, áp dụng tu sẽ bớt khổ được vui. Chú không phải tin Phật ban cho cái này cái kia. Phật tử cứ cầu xin Phật chuyện này chuyện nọ là mê tín.

Tại sao? Quý vị đến chùa xin Phật, khi về nhà được như ý thì nói Phật linh thiêng, lỡ mai kia xin Phật không được, liền nói Phật hết linh.

Phật đã từng dạy: Ta không có quyền ban phước giáng họa cho ai. Ngài chỉ dạy chúng ta tu để chừa bỏ những điều xấu dở, làm điều tốt đẹp. Phước hay tội, lành hay dữ gốc đều ở mình tạo ra. Gây nhân lành sẽ hưởng quả lành, tạo nhân ác thì nhận quả ác, không có chuyện ban phước giáng họa, mà chính mình phải tự tu, tự sửa. Người biết tu sửa là chánh tín.

Trong những lời Phật dạy, chúng ta còn phải chọn lọc, nghĩ suy, nhận định đúng lẽ thật. Huống nữa là những điều không phải Phật dạy mà vẫn cứ tin. Thí dụ mỗi khi cất nhà, Phật tử thường đi coi ngày, nhưng ngày giờ trong lịch đâu phải chân lý. Nếu là chân lý thì người nào cất nhà gặp ngày tốt cũng phát tài, nhưng thực tế có kẻ giàu, có người nghèo. Thế mà Phật tử không dám cất nhà, phải đợi coi ngày tốt mới dám cất, cũng vì chưa tin chắc lẽ thật.

Nhiều vị không biết đầu đuôi gốc ngọn thế nào, tưởng rằng việc coi ngày giờ là của đạo Phật. Kỳ thực không phải vậy. Việc coi ngày giờ là trong sách Nho, hồi xưa mấy ông đồ coi ngày giờ để định vợ gả chồng, cúng sao cúng hạn. Sau này, chẳng còn lại

mấy ông đồ biết chữ Hán, người ta vô chùa nhờ mấy thầy coi lịch giùm, rồi cúng kính. Việc đó không phải của đạo Phật, mà chúng ta đem vào đạo Phật.

Một điều vô lý nữa là cúng sao cúng hạn. Phật tử cúng sao mà không biết ông sao nào, ở đâu? Đầu năm cúng sao hạn để cầu mong trọn năm bình an, mà không nghĩ điều đó có phải lẽ thật hay không. Nếu cúng sao cúng hạn khỏi tai ách thì chắc mấy chú trộm cướp cúng liên miên, để khi trộm cướp khỏi gặp tai nạn, nhưng họ vẫn gặp tai nạn đó thôi. Phải hiểu điều tốt không phải do cúng sao hạn mà được, chính do ta tu tạo phước lành mới được. Người tu Phật phải có trí tuệ, quý trọng chân lý, bỏ đi những điều vô nghĩa.

Muốn bớt si mê, phải bỏ những điều tà. Những điều tà không có gì đảm bảo mà chúng ta cứ theo đuổi. Theo đuổi hoài sẽ trở thành thói quen. Chẳng lẽ suốt đời mình chịu si mê sao? Phải gan dạ, buông bỏ điều không đúng lẽ thật mới là người trí. Tu là dẹp si mê để tiến lần lên trí tuệ, chứ không phải tu để nuôi dưỡng si mê. Nhiều Phật tử không can đảm, nuôi dưỡng si mê hoài. Trong kinh Di Giáo, Phật cấm không được xem bói, không được đoán kiết hung... Bây giờ Phật tử cứ tin cứ làm, nghĩa là không nhận lời dạy của Phật. Là Phật tử mà không nghe theo lời Phật dạy thì có lỗi không? Biết là lỗi



phải can đảm bỏ đi, không dám bỏ thì rất yếu đuối. Si mê bậc hạ mà quý Phật tử còn chưa chữa được, huống nữa là si mê bậc trung, bậc thượng.

Người tu không làm ác tức là chặn đứng ba cửa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tối thiểu cũng được trở lại làm người. Nguyên làm người để tu, đời đời sanh ra gặp Phật pháp, tu cho tới ngày thành Phật mới thôi. Nếu muốn hưởng phước cõi trời thì sẽ được sanh lên cõi trời. Đó là chặng thứ nhất.

Chặng thứ hai là *chúng thiện phụng hành*, tức làm các điều lành. Quý Phật tử đã làm được bao nhiêu điều lành? Những điều lành nhỏ thì khả dĩ, chứ chưa làm nổi những điều lành lớn. Cho nên, thiên sư Ô Sào nói bài kệ này con nít 8 tuổi cũng thuộc, nhưng ông già 80 làm chưa xong. Làm lành là làm mọi việc lợi ích cho chúng sanh trong khả năng của mình, chứ không phải ai nói gì cũng làm.

Quý Phật tử thường cho rằng bố thí, cúng dường là làm lành, nhưng thực tế không phải chỉ bấy nhiêu đó. Nếu gặp người đau khổ vì nghèo khó, bệnh hoạn, chúng ta có thể khuyên giải, giúp đỡ họ, đó là điều lành. Làm điều lành tức là thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành. Người giàu bỏ tiền của để làm lành, mình nghèo không có tiền của thì bỏ công. Biết làm lành rồi thì trường hợp nào chúng ta cũng có thể thực hiện được.

Thứ ba là *tự tịnh kỳ ý*, nghĩa là giữ tâm ý thanh tịnh. Bởi tâm ý lăng xăng lộn xộn, nghĩ cái này cái kia suốt ngày, nên gom lại bằng một câu niệm Phật. Niệm Phật để không nghĩ bậy, tâm ý trong sạch. Đó là một pháp tu. Hoạch như ngồi thiền đếm hơi thở. Hít vô cùng, thở ra sạch đếm một; hít vô cùng, thở ra sạch đếm hai. Vì nhớ hơi thở ra vô nên không nghĩ bậy, tâm dần dần thanh tịnh. Người tu tiến hơn thì buông bỏ dần tất cả những nghĩ suy, tính toán để tâm ý thanh tịnh.

Người tu niệm Phật nhất tâm bất loạn từ một ngày đến bảy ngày, khi lâm chung được Phật đón về cõi Cực Lạc. Nhất tâm là chỉ còn một tâm. Khi nhất tâm bất loạn thì không còn niệm nào khác. Tâm hết dơ bản, không còn ngẫu dục thì được sanh về cõi tịnh. Tâm dơ bản quá, Phật nào đến rước? Nhiều người niệm Phật để về Cực Lạc, mà niệm một chuỗi nghĩ lăng xăng đến năm, mười lần thì không thể được. Đó là tu Tịnh độ.

Tu thiền, chúng ta ngồi thiền để bao nhiêu nghĩ suy đều lặng xuống, buông bỏ hết. Tuy nhiên, không phải buông một lần liền sạch mà buông từ từ, giảm cho tới khi tất cả vọng tưởng lặng hết thì tâm an định. Quý Phật tử thử đặt câu hỏi: Khi nghĩ một vấn đề thì ai đang nghĩ? Khi giận thì ai giận? Tôi nghĩ. Tôi giận. Vậy cái nào là tôi thật? Đây là

vấn đề rất tế nhị, phải suy gẫm cho kỹ. Từ khi cha mẹ sanh ra cho tới ngày nhắm mắt, tôi là một hay nhiều? Thế mà tôi nghĩ, tôi giận, tôi thương, tôi ghét... cái nào cũng giành về mình hết, thì cái nào thật?

Vậy mới thấy chúng ta lầm lẫn quá đáng, cứ ngỡ cái buồn thương giận ghét, nghĩ suy là tâm mình. Nhưng đó chỉ là cái bóng không thật, dấy lên rồi mất. Như Phật tử đang giận một người, bất thần người thân từ xa về liền tay bắt mặt mừng. Lúc đó còn giận không? Không. Rõ ràng chúng ta bám vào những thứ không thật mà cho là thật, thành ra lầm lẫn cả ngày.

Có khi nào quý vị không nghĩ gì trong năm phút không? Rất khó. Nghĩ hết vấn đề này tới vấn đề kia. Phật tử thấy một người vừa đi vừa lầm nhảm trong miệng, vậy họ có điên không? Nói lầm nhảm một mình là điên chứ gì! Chúng ta không nói ra ngoài, mà nói trong suy nghĩ, như vậy cũng điên rồi. Cho nên Phật nói chúng sanh điên đảo là vậy. Tới giờ ngủ không chịu ngủ, cứ nghĩ chuyện này chuyện kia bâng quơ, rõ ràng để vọng tưởng làm chủ mình.

Ngài Triệu Châu đến tham vấn thiền sư Nam Tuyền, gặp lúc Nam Tuyền nằm nghỉ, nhưng ngài Nam Tuyền vẫn hỏi:

- Vừa rời chỗ nào?

Triệu Châu thưa:

- Vừa rời Đoan Tượng.

- Thấy Đoan Tượng chẳng?

- Chẳng thấy Đoan Tượng, chỉ thấy Như Lai nằm.

- Người là Sa-di có chủ hay không chủ?

- Sa-di có chủ.

- Chủ ở chỗ nào?

- Giữa mùa đông rất lạnh, ngưỡng mong tôn thể Hòa thượng được muôn phúc.

Nam Tuyên khen ngợi liền nhận vào chúng.

Lại một hôm, ngài Triệu Châu đến hỏi thiền sư Nam Tuyên:

- Bạch Hòa thượng, thế nào là đạo?

Ngài Nam Tuyên đáp:

- Tâm bình thường là đạo.

Người học đạo cầu giác ngộ, chỉ cần giữ tâm bình thường. Nếu để tâm sanh diệt dấy khởi liên miên là bất thường. Như người lấy nước đổ vào khạp, qua một thời gian cạn bã lắng xuống thì nước trong hiện ra. Khi nước đục chúng ta nhìn vào

không thấy gì, nước trong thì thấy cảnh, thấy người rõ ràng. Cũng vậy, những nghĩ suy lăng xăng là vẫn đục cặn bã, nó lắng xuống thì tâm bình thường trong trẻo hiện ra.

Tóm lại, trên con đường Phật đạo người tu phải đi từng bước, bước đầu giữ giới, bước thứ hai làm điều lành, bước thứ ba giữ tâm ý thanh tịnh. Trong đó, bước thứ ba là then chốt của sự tu. Quý vị phải cố gắng, người tu theo pháp môn Tịnh độ, chuyên nhất để niệm Phật nhất tâm. Người tu thiền phải giữ tâm thanh tịnh để được định. Đức Phật thiên định dưới cội bồ-đề 49 ngày đêm, lóng sạch hết phiền não, thành tựu trí tuệ sáng suốt. Bây giờ, chúng ta dừng lại những tâm lăng xăng, phiền não thì trí tuệ hiển bày. Phật ngay tâm mình, chứ không phải trên rừng trên núi. Khéo lóng lắng là tâm Phật, ngẫu đục là tâm chúng sanh. Tâm bình thường là đạo, đạo là chân lý của người tu.

Mong quý Phật tử nhớ, áp dụng những lời tôi nhắc nhở, để tu hành tinh tấn.



## TU LÀ XÂY DỰNG BẢN THÂN

Mục đích của đạo Phật là đem lại cho chúng sanh cuộc sống an vui, hạnh phúc. Nắm vững tinh thần chủ đạo trong những lời Phật dạy, chú trọng phản tỉnh lại mình để dẹp bỏ nguyên nhân đau khổ nơi nội tâm, mang đến cuộc sống an vui tốt đẹp là mục tiêu tu tập của chúng ta.

Trong pháp Tứ diệu đế đức Phật dạy, khổ do nguyên nhân tập đế tạo nên. Tập đế là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... Muốn được an vui phải quay lại tìm cho ra nguyên nhân gây đau khổ trong hiện tại để tiêu diệt. Vì vậy, tu mà cầu xin Phật cho hết khổ là điều không thể được. Giả sử khi ra đường thấy người khác làm việc trái tai gai mắt, chúng ta liền phẫn nộ nổi cơn giận gây gỗ, hai bên kình chống sanh ra ẩu đả. Có ẩu đả ắt có khổ. Cái khổ này gốc từ sự nóng giận, chứ không do ông Phật hay ông trời nào xúi giục. Từ nổi sân đến sanh sự, từ sanh sự đến họa hại, mầm mống xuất phát từ nhân nóng giận.

Mỗi đêm chúng ta lạy Phật nguyện được bình an mà nóng giận không bỏ, thử hỏi bình an không? Gốc sự tu nằm ở chỗ này. Kính lễ Phật, tụng kinh

Phật, đem lòng thành kính hướng về Tam bảo chưa đủ mà phải xoay lại mình, thấy tường tận điều gì xấu dở dẹp bỏ hết. Đây là một lẽ thật. Nhiều khi huynh đệ bạn đạo cùng tới chùa tu, tụng niệm, thọ Bát quan trai hết sức tha thiết, nhưng nếu ai làm trái ý liền nổi giận, thành thử mất hết công phu cả ngày. Đây là họa hại từ nội tâm, nguyên nhân gây ra những bất lợi làm hư hỏng sự tu hành.

Cho nên phản tỉnh lại mình là vấn đề hết sức thiết yếu. Phản là quay lại, tỉnh là sáng suốt. Xem xét một cách rõ ràng tường tận suy nghĩ, việc làm ngay nơi nội tâm và bản thân mình đúng hay sai. Khi được hỏi thân này thật hay giả, ai cũng trả lời giả, đó là nói theo kinh chứ không do phản tỉnh. Lúc nghe giảng tỉnh lắm, tới chừng ra ngoài mọi việc đều thật hết. Tuy có nhận lãnh lời Phật dạy nhưng chưa thực sự biết phản tỉnh lại mình.

Sự tu hành đích thực phải hội đủ ba yếu tố văn, tư, tu. Văn là nghe lời Phật dạy thông qua sự giảng dạy của chư Tăng. Tư là soi xét lại bằng trí tuệ xem sự thể đó như thế nào, đúng hay sai, tức là phản tỉnh. Thí dụ, thân này chia làm hai phần nội tứ đại và ngoại tứ đại. Nội tứ đại là đất nước gió lửa bên trong, ngoại tứ đại là đất nước gió lửa bên ngoài. Chất cứng trong người như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương... là đất. Chất ướt trong người

như mồ hôi, máu, mủ, đàm dãi... là nước. Hơi ấm trong người là lửa, động trong người là gió. Khi cha mẹ sanh ra chúng ta, ai cũng sẵn có nội tứ đại. Tự bản thân mình không tồn tại được mà phải nhờ tứ đại bên ngoài phụ giúp luôn luôn.

Đức Phật từng dạy được thân người là khó, mất thân rồi muôn kiếp khó gặp lại. Chỗ này chúng ta đừng hiểu lầm rồi cứ lo cung chiều quý mến nó hoặc bi quan chán đời đòi tự tử. Nếu chúng ta không chịu tu, không chịu làm thiện lành là đi sai con đường Phật đã dạy. Phải lợi dụng nó làm tất cả việc tốt đẹp trên thế gian và cố gắng tu hành tới được bờ an vui hạnh phúc. Đó thực là người khôn ngoan biết phản tỉnh.

Hạnh phúc đôi khi ở ngay trong những hành động việc làm nhỏ nhặt mà chúng ta không để ý. Ai chẳng biết thân này duyên hợp giả có, nhờ mượn tứ đại bên ngoài bồi bổ nó mới tồn tại và hoạt động. Khi khát khô cổ, chỉ cần một ly nước mát uống vô liền hết khát. Vậy mà nhiều người cầu kỳ không chịu uống, đòi nước này nước kia. Uống để sống chứ không phải uống cho ngon cái lưỡi, bởi vì cảm giác nơi lưỡi tạm bợ không thật, không bền lâu. Một bữa ăn cũng cần có đủ dinh dưỡng để nuôi thân, những thứ đơn giản giàu chất bổ như rau muống, khoai lang, đậu hũ ít người chịu ăn. Họ phải tốn hao rất



nhiều tiền của để mua cao lương mỹ vị hầu đáp ứng cho một bữa ăn ngon.

Chỉ cần ăn uống đạm bạc qua ngày để cuộc sống thanh thoi, an nhàn lo việc tu hành. Hạnh phúc trước mắt quá rõ ràng, miễn sao đủ điều kiện tốt cho thân này an lành không bệnh hoạn là tốt rồi. Vay mượn ít chùng nào khỏe chùng nấy, nhờ biết cuộc sống tạm bợ, tất cả nhu cầu chỉ là vay mượn, không vì hưởng thụ mà sống thì tâm luôn an ổn. Người biết sống đủ sẽ giải quyết được rất nhiều phiền muộn đau khổ, đồng thời đủ khả năng tạo thiện nghiệp. Đó là tư lương chuẩn bị cho đời này và đời sau tốt đẹp hơn. Chỉ cần phản tỉnh lại thân đúng sự thật thì bớt khổ rất nhiều và sự tu dễ dàng thành công.

Kế đến là phản tỉnh về nội tâm. Hầu hết mọi người đều cho nghĩ suy tính toán, hơn thua phải quấy là tâm rồi chấp cái nghĩ của mình đúng, người ta nghĩ khác là sai. Từ đó dẫn đến phiền muộn, cự cãi, ẩu đả với nhau. Mấy hôm trước vào buổi chiều trời chuyển mây đen, mưa to kéo đến. Hôm nay tôi cũng thấy y như vậy và nghĩ trời sẽ mưa, nhưng đợi hoài không thấy mưa chút nào. Vậy là cái nghĩ hồi nãy đã sai mất rồi. Mọi chuyện trên thế gian cũng như thế, không ai có thể bảo đảm mình luôn đúng trăm phần trăm. Do đó đừng bắt người khác phải

ngĩ giống y như mình, bởi vì họ cũng có quyền nghĩ khác. Đây là cái nghĩ đúng của tôi thì kia là cái nghĩ đúng của chị, đó là chân lý. Biết tôn trọng nhau thì mọi việc bình an, không còn cãi vã, tranh luận làm mất hòa khí.

Trong công phu hành trì có những điều tưởng chừng đơn giản lại là trở ngại cho tiến trình tu tập. Nhiều khi quý Phật tử tay lần chuỗi ngời niệm Phật mà tâm còn duyên theo ngoại cảnh bên ngoài. Hoặ khi ngời thiền, bóng dáng sáu trần lưu giữ trong tàng thức cứ nhảy ra, dẫn mình chạy hết đầu này tới đầu kia. Như khi ra chợ thấy một người ăn mày dáng dấp kỳ lạ đáng sợ, hình ảnh đó nhanh chóng được nạp vào tàng thức, tới ngời niệm Phật nó hiện ra. Những vọng tưởng đó chỉ là bóng của tiền trần rơi rớt trong tàng thức. Nó chợt sanh chợt diệt, tạm bợ giả dối chứ không phải thật mình. Người tu thiền cốt dẹp sạch vọng tưởng lăng xăng để tâm được an định. Nhất tâm, an định là trở về tâm thanh tịnh chân thật gần với cõi Phật và Niết-bàn.

Người khéo biết tu phải hiểu trọng tâm sự tu nằm ở chỗ nào, đừng cố chấp sai lầm nhận suy nghĩ làm mình dẫn đến phiền não khổ đau. Trong nhà mọi người gây gổ cũng vì không bằng lòng ý kiến của nhau. Mỗi người có tập khí riêng cho nên không thể bắt đấm trẻ sống đúng như mấy người già, đó

là chuyện đương nhiên. Ai cũng biết tôn trọng cái hay cái đúng của người kia thì gia đình bình an hạnh phúc. Nhờ thấy đúng như thật về thân tâm này nên chúng ta có thể sống với nhau một cách cởi mở, nhẹ nhàng.

Điều quan trọng nữa là trong cuộc sống chúng ta phải phá dẹp được cố chấp sai lầm về ngôn ngữ và danh vọng. Thế gian có câu: Con gà ghét nhau vì tiếng gáy, người ta ghét nhau vì thị phi qua lại. Ai nói lời êm dịu hòa nhã vừa ý thì mình chịu, ai nói lời chống đối nặng nề thì mình giận không ưa, cho nên suốt ngày lo khổ vì lời nói thị phi. Những người chuyên tâm thị phi lo đôi chối hoài, đâu rảnh nhớ Phật mà tu. Học đạo rồi chúng ta phải hiểu lời nói vốn không thật, phán xét, suy ngẫm chưa chắc đúng. Người tu Phật phải có cái nhìn đúng như thật về các pháp, đừng bận tâm nhiều đến chuyện thị phi hư giả. Chuyên tâm nhất ý công phu, tu tạo nhiều thiện nghiệp để cuộc sống ngày càng sáng sủa hơn, mai này nhẹ nhàng thành thoi ra đi.

Trong sách xưa kể một câu chuyện nhỏ vừa thực tế vừa rất vui. Thuở ấy có hai cha con ông già nuôi lừa. Một hôm trên đường đi qua xóm khác, ông già cưỡi lừa và bắt thằng con trai chừng hơn 10 tuổi đi đằng trước dẫn. Đi một đôi gập người ta phê phán: “Ông này ác, ngồi trên lưng lừa để thằng

nhỏ dân cực khổ”. Nghe vậy ông hoảng quá nhảy xuống bảo con ngồi lên cưỡi để ba dẫn. Đi thêm một đôi gặp người khác mắng: “Thằng nhỏ bất hiếu, dám ngồi trên lưng lừa để ba đi bộ”. Nó xấu hổ tuột xuống thật nhanh, cuối cùng hai cha con cùng đi bộ. lát sau có người bảo: “Hai cha con ông dốt quá, con lừa khỏe như vậy mà không leo lên cưỡi lại dẫn bộ”. Nghe vậy cả hai trèo lên lưng lừa cưỡi, thấy thế người khác quở: “Hai cha con ông này xấu bụng, để con lừa cực khổ chịu sao nổi”. Cha con vội vàng tuột lệ xuống. Chỉ vì một con lừa mà cả ngày hai cha con bị người ta rầy rà mãi. Do tâm không sáng suốt nên bị lệ thuộc vào lời phê bình, rốt cuộc chẳng biết giải quyết cách nào cho hợp lý.

Ý câu chuyện muốn nói, chúng ta đừng vội chấp theo ngôn ngữ, phán đoán của thế gian. Việc gì mình làm với tâm thành chân chánh thì cứ giữ vững lập trường, cẩn thận chớ để ngoại cảnh chi phối. Các pháp trên thế gian vốn không thật, sở dĩ chúng ta khổ vì không biết chân lý này. Ngôn ngữ không quan trọng, chỉ vì lâu nay mình quen cố chấp, nên hơn một tiếng không chịu, thua một tiếng ngủ không yên. Hiểu và bỏ được chấp trước, ngang đây hết phiền não khổ đau.

Đối với người chấp danh dự, bị ai nói đụng chạm một chút liền không vui, phải tìm cách ăn

thua lại. Nếu biết thân này không thật, tâm suy nghĩ không thật thì danh dự làm gì. Người tu Tịnh độ cốt phải niệm Phật được nhất tâm, người tu thiên đạ định mới thực là danh dự nhất. Chuyện hơn thua vốn không thật thì đâu có gì để tranh đấu, cãi vã giành phần hơn với nhau. Đó là những điều thiết yếu chúng ta nên ứng dụng vào cuộc sống của mình, hầu mong xây dựng bản thân ngày càng tốt đẹp hơn.

Nội dung bài giảng hôm nay đã chỉ rõ lẽ thật về thân tâm và các pháp. Mong quý Phật tử nhận hiểu đâu là chỗ cần yếu phải tu, đâu là chỗ sai lầm cần tránh. Đồng thời luôn nhớ phản tỉnh ngay nơi bản thân mình và ngoại cảnh xung quanh đúng với lẽ thật của nó. Được vậy nhất định chúng ta có hạnh phúc, an vui thanh tịnh ngay trong đời này, mai kia ra đi bảo đảm thanh thản nhẹ nhàng, không có gì phải lo sợ.

Chúc quý vị cố gắng ứng dụng lời Phật dạy, làm sao đời tu có được giá trị thiết thực.



## CHỮ DŨNG TRONG ĐẠO PHẬT

Ngày 15/01/ Tân Mùi - 01/3/1991

Hôm nay ngày rằm tháng Giêng năm Tân Mùi 1991 còn gọi là ngày Thượng ngươn, quý Phật tử tụ hội về chùa đông đảo nên chúng tôi có một thời pháp để nhắc nhở quý vị tu hành. Người Phật tử đi chùa không chỉ cúng dường, lễ Phật là đủ mà còn phải tìm hiểu chánh pháp của đức Phật dạy thì sự tu mới có lợi ích. Đề tài tôi giảng hôm nay là *Chữ dũng trong đạo Phật*.

Thông thường đạo Phật hay dùng ba chữ Bi - Trí - Dũng để chỉ cho ba đức tính của người tu Phật. Trong đó, dũng theo nghĩa thế gian là mạnh mẽ, hùng dũng, sức mạnh vô địch. Chữ dũng trong nhà Phật mang ý nghĩa gì? Những ngôi chùa xưa, tấm hoành phi giữa chánh điện thường hay đề bốn chữ Đại Hùng Bảo Điện. Đại Hùng là đáng rất mạnh mẽ, Bảo Điện là điện báu; điện báu thờ đáng Đại Hùng. Đáng Đại Hùng chỉ cho đức Phật.

Chúng ta không thấy trong sử ghi Phật cầm quân khiến tướng dẹp giặc nơi này nơi kia, cũng không từng tranh đấu chiến thắng ai. Vậy mà trong đạo lại tôn xưng Ngài là đáng Đại hùng, Đại lực, Đại từ bi. Hùng lực là sức anh dũng phi thường, nói

gọn là dững. Ngài đã làm gì để thành tựu sức mạnh ấy? Có phải chinh phục được người bên ngoài, hay chinh phục được điều gì mới cho là mạnh không? Đây là điều chúng ta cần nghiên cứu kỹ. s

Câu 179 trong kinh Pháp Cú phẩm Phật-đà, nói về cái dững của đức Phật:

*Vị chiến thắng không bại,  
Vị bước đi trên đời,  
Không dấu tích chiến thắng,  
Phật giới rộng mênh mông,  
Ai dững chân theo dõi,  
Bậc không để dấu tích?*

Đức Phật được gọi là người chiến thắng không bại. Vậy Ngài đã chiến thắng cái gì, chiến thắng ai? Trong nhà đạo thường dùng từ chuyên môn là “chiến thắng ma quân”. Ma quân thì vô số, cả đàn cả lũ nhưng tóm lại có ba đứa chúa trùm là tham, sân và si. Thắng được ba đứa này thì đám em út cũng phải đầu hàng luôn. Đức Phật là người chiến thắng không bại vì đã diệt được tâm tham, hết tâm sân và phá si mê, hoàn toàn giác ngộ. Lúc Ngài sắp thành đạo, đám ma vương đến vây hãm phá phách, đó là ma bên ngoài. Đám ma chúa trùm tham, sân, si là ma bên trong. Đức Phật đã hoàn toàn chiến thắng tất cả nên được gọi là chiến thắng ma quân.

Những gì làm trở ngại đạo đức trong khi chúng ta tu, gọi là ma. Từ ba thứ ma chính là tham, sân, si sanh ra không biết bao nhiêu quyến thuộc phụ đông đúc. Vì thế sau cơn nổi sân còn cái hờn, hết hờn còn bực bội. Tham cũng vậy, từ tham làm chủ sanh ra trộm cắp, lừa gạt, nói láo, nói thêu dệt. Bởi tham nên gạt gẫm lấy của cải người khác, tìm cách này cách kia lợi mình hại người, đủ thứ chuyện. Si còn độc hại hơn hai cái trên, là nhân vô minh dẫn chúng sanh trôi lăn trong sanh tử không cùng tận.

Khi đức Phật đã thành đạo, Ngài tự tuyên bố là người chiến thắng không bại. Tuy nhiên những chiến công đó không còn dấu vết, bởi vì chúng không có hình tướng. Nếu thua, nó sẽ dẫn mình chạy nơi này nơi kia tạo nghiệp. Nếu thắng, nó sẽ biến mất tiêu. Cũng vậy khi bị ai chọc tức nổi giận, những hình tướng xấu như mặt đỏ, mắt trợn, tay chân múa may hiện ra. Nhưng tới chừng thắng được cơn giận, làm chủ mình thì chúng chạy mất hết, im lìm không dấu vết. Chiến thắng mà không còn dấu tích giống như cảnh giới của Phật thânh thàng không bờ mé, phạm tình không thể biết được.

*Ai dùng chân theo dõi, Bậc không để dấu tích?*  
Người nào có dũng khí mới dũng cảm bước chân dõi theo đường đức Phật đi. Phật là người đi trước không để lại dấu tích. Ngày nay chúng ta đi theo



con đường của Phật phải là người hùng dũng, mạnh mẽ, kiên quyết chứ không thể yếu hèn, khiếp nhược. Người thế gian không hiểu, họ cho rằng người tu là nhu nhược, thật ra người tu không hề nhu nhược. Như hai người đồng thời bị người thứ ba sỉ nhục. Người thứ nhất bình tĩnh, không đổi nét mặt, không tức giận, người thứ hai nổi sân đùng đùng. Hai người cùng bị sỉ nhục không khác, nhưng một người không nổi sân, còn người kia nổi sân la lối, vậy ai mạnh hơn? Người nổi sân la lối là chuyện thường, ai cũng làm được. Người bình tĩnh, biết kiềm hãm cơn sân, làm chủ được mình mới là khó. Đây là người chiến thắng. Cái khó làm mà làm được, đó là sức mạnh không phải tầm thường.

Người xuất gia nếu gặp hoàn cảnh bất như ý mà giận đùng đùng, la lối om sòm, quý Phật tử sẽ phê bình: “Thầy cũng như con chứ có hơn gì đâu”. Vì thế khi bị người khác sỉ nhục mà không nổi sân điên đảo mới hay. Muốn noi theo gương Phật phải có dũng mới làm được, còn nhu nhược yếu hèn làm không nổi. Người tu nhìn bên ngoài thấy hiền lành, không la lối hăm hét tưởng đâu yếu đuối. Nhưng thực chất nội lực bên trong phải mạnh thì tu mới được, còn yếu quá tu không xong.

Đó là điều tôi muốn nhấn mạnh để quý vị thấy đức Phật là bậc anh dũng đã chiến thắng được ma

quân. Chúng ta là con Phật phải học gương hạnh của Ngài mới xứng đáng là đệ tử trung thành. Đã quy y, thọ giới theo Phật mà ai động tới không nhin chút nào, chỉ muốn hơn không chịu thua là không tốt. Người tu quan trọng là phải hiền, chứ không phải cãi thắng hay kiện hơn.

Vậy mà đa số Phật tử lại có quan niệm người ta nói nặng nhẹ mà mình nhin là ngu. Có vị trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, một hôm đang trên đường đi khất thực, bị Bà-la-môn có ác cảm với Phật giáo theo sau chửi thậm tệ. Ngài vẫn im lặng đi. Người bàng quan thấy vậy nói: “Ông thầy ngu quá, người ta chửi nặng mà không cãi lại”. Ngài liền nói kệ:

*Với ai bị chửi mắng,  
Lên tiếng chửi mắng lại,  
Người ấy tệ ác hơn,  
Người đã chửi mắng trước.  
Với ai bị chửi mắng,  
Nhưng không chửi mắng lại,  
Người ấy được chiến thắng,  
Trên cả hai mặt trận.  
Là thầy thuốc cả hai,  
Cho mình và cho người,  
Quần chúng nghĩ là ngu,  
Không khéo hiểu chánh pháp.*

Bốn câu đầu nói: *Với ai bị chửi mắng, lên tiếng chửi mắng lại, người ấy tệ ác hơn, người đã chửi mắng trước.* Tại sao lại tệ ác hơn? Bởi vì mình đã chọc tức người ta quá rồi nên họ mới chửi. Vừa gặp mình, người ta muốn chửi là biết họ đã tức đầy bụng, không thể nhịn nổi. Đã làm người khác tức, lên tiếng chửi mà còn chửi lại, nghĩa là thêm một lần chọc tức nữa. Cộng lại thành hai lần làm cho người ta phiền não, không tệ ác hơn là gì. Mới nghe tưởng chừng như oan nhưng không phải oan.

*Với ai bị chửi mắng, nhưng không chửi mắng lại, người ấy được chiến thắng, trên cả hai mặt trận.* Mặt trận này chính là nội tâm của mỗi người. Làm cho bọn ma quân tham, sân, si phải đầu hàng là thắng mặt trận thứ nhất. Bị chửi mà không nổi nóng la lối, lại khiến cơn sân của người kia nguội lạnh dần là thắng mặt trận thứ hai nơi người. Đến đây quý vị đã hiểu rõ đâu là người chiến thắng thật sự, đâu là người tệ ác hơn rồi.

Ngài nói tiếp: *Là thầy thuốc cả hai, cho mình và cho người, quân chúng nghĩ là ngu, không khéo hiểu chánh pháp.* Người giải được bệnh nóng giận cho mình và cho người chính là bậc thầy thuốc trong đời. Vì vậy nhịn không phải là ngu. Một người nóng giận chửi mắng, người kia không nhịn chửi lại, không ai chịu nhịn ai, cuối cùng đánh nhau. Người

này trầy mắt, người kia xệ má, có khi bị ở tù nữa. Nhiều khi anh này đánh anh nọ, bà con dòng họ chạy ra bên vực dẫn đến hai bên ẩu đả, tai họa không lường. Cuối cùng làm cho cả hai bên cùng khổ. Nếu ngay từ đầu sáng suốt nhìn thì bình yên, đó là hạnh lành, hạnh tốt. Cho nên vì không khéo hiểu chánh pháp, chỉ sống trong u mê tăm tối, mới có tư tưởng sai lầm như vậy.

Nhiều Phật tử hỏi nhẩn nhục là nhẩn phải chịu nhục, đúng không? Không đúng. Đức Phật là người chiến thắng không để lại chút dấu vết, bởi vì Ngài đã hành được hạnh nhẩn mà không hề nhục. Đêm nào chúng ta cũng tụng kinh, lạy Phật vì mình quý kính Ngài ở chỗ đã chiến thắng được ma quân. Giả sử Phật cãi lại với người ta để tranh hơn thua thì chắc giờ không ai lạy Ngài đâu. Như vậy mới thấy người nhẩn nhục lợi mình lợi người là điều rất tốt, anh dũng phi thường. Trái lại, không nhẩn nhục, đua nhau tranh giành hơn thua, rốt cuộc cả hai chỉ lôi kéo nhau vào bể khổ. Bây giờ biết rồi thì khi gặp chuyện bất mãn cứ lẳng lặng nhìn. Dần dần hai bên nguôi giận, gặp nhau cười, khỏe biết chừng nào! Tu là cứu khổ cho mình và kẻ khác, đâu phải chuyện thường.

Thói đời lại hay xúi dẫn con người đi vào tội lỗi. Như hai đứa nhỏ sân si nhau muốn đánh lộn. Mấy

chú lớn hơn đứng ngoài thúc: “Đứa nào đánh trước làm anh”, có phải đẩy người ta vào chỗ nguy hiểm, tội lỗi không. Trong năm giới của Phật tử tại gia có giới không uống rượu. Đối với Phật tử nam, đây quả là một sự đấu tranh cay đắng không dễ dàng chút nào. Nhưng xét kỹ mới thấy giới này rất cần thiết, bởi vì uống rượu vừa say sưa vừa sanh ra bệnh hoạn. Thân thể tiêu tụy, bệnh tật đủ thứ, còn thêm hao tổn tiền của. Khi say sưa lại nói bậy bạ mất tư cách con người. Cái hại trước mắt như vậy mà người ta cứ xúi mình phải làm theo. Xúi không được họ kiếm những lời mạ nhục khiến mình mất mặt.

Phật tử nếu không tập cho mình có được dững khí chiến thắng cám dỗ sẽ dễ phạm sai lầm. Chính những người bạn xấu xúi mình làm điều sai bậy cũng thuộc về ma quân, chứ không phải có nanh vuốt mới gọi là ma. Cho nên chúng ta phải dè dặt, cẩn thận, tập cho mình có ý chí mãnh liệt, hùng dũng chiến đấu ma quân bên ngoài và ma quân bên trong.

Quý vị muốn tu hành tốt phải luôn luôn tranh đấu. Tranh đấu với bản thân mình, dù có ai khinh khi, mạ nhục vẫn không để bị lôi cuốn đưa đến sa ngã. Đó là sức mạnh phi thường của người tu chứ không phải yếu đuối. Nếu ai rủ đầu làm đó, ai nói gì theo nấy là kẻ hèn nhát. Người tu theo đạo Phật

phải có lập trường vững vàng trước mọi cám dỗ. Đây chính là cái dũng trong đạo Phật.

Đức Phật từng nói bài kệ:

*Nếu dùng tranh với tranh,*

*Rốt cuộc không thấy dứt.*

*Chỉ nhẫn hay dứt tranh,*

*Pháp nhẫn tôn quý nhất.*

*Khởi ta ta không tranh,*

*Xả rồi tâm oán thân.*

*Tay mặt tô chiêm-đàn,*

*Tay trái đao cắt bén.*

*Đối với hai người này,*

*Tâm kia hai chẳng chấp.*

*Hành pháp nhẫn nhục này,*

*Pháp thân sớm đã sống.*

Đức Phật dạy nếu dùng tranh đấu để dứt tranh đấu, rốt cuộc không thể dứt. Giả sử chuyện này mình thắng, người thua sẽ hận rồi tạo điều kiện khi khác trả thù lại. Cũng vậy, nếu mình thua mai một lại tìm cách trả thù họ. Thù oán kéo dài mãi không có ngày cùng.

*Chỉ nhẫn hay dứt tranh, pháp nhẫn tôn quý nhất*; nghĩa là chỉ nhẫn mới dứt được tranh đấu, đó là pháp tôn quý nhất. *Khởi ta ta không tranh, xả*

*rồi tâm oán thân*; oán là kẻ oán, thân là người thân. Khi chúng ta khởi niệm bị người khác chê bai hay chửi mắng mà không sanh tâm tranh đấu, xả được nó rồi thì không còn chứa chấp trong lòng đây là người thân, kia là kẻ oán.

Vì thế: *Tay mặt tô chiêm-đàn, tay trái đao cắt bén*; đây là hai hình ảnh biểu trưng, một bên khen ngợi tán dương, tô điểm cho mình được tốt đẹp, một bên làm hại mình. *Đối với hai người này, tâm kia hai chẳng chấp*; đối với hai hạng người trên tâm chúng ta không chấp, không hờn bên này không giận bên kia, thì: *Hành pháp nhẫn nhục này, Pháp thân sớm đã sống*. Nghĩa là người nào sử dụng được pháp nhẫn nhục, tức thấy được Pháp thân hiện tiền.

Đối với sự khen chê của thế gian, chúng ta khó mà thoát ra khỏi. Được khen ngợi, tăng bốc thì ưa nhưng bị soi mói làm cho đau khổ thì ghét. Cho nên dù người khó tính mấy mà tán dương khen ngợi, mình cũng nở nụ cười vui vẻ. Còn ai làm mình phiền hà khổ sở thì nhất định phải bực bội, khó chịu. Bên đây khen, thích thú; bên kia hại, giận hờn. Tâm luôn luôn không an ổn vì có thân và thù.

Người thân chúng ta thương, lỡ họ bỏ đi đâu mình buồn rầu. Người thù chúng ta ghét, bắt sống chung với họ mình sẽ bực bội khó chịu. Nhà Phật gọi là “ái biệt ly, oán tắng hội” tức là thương phải xa

lìa khổ, ghét gặp hoài cũng khổ. Cả hai cái khổ gốc từ thấy đây là thân, kia là thù. Khi phiền não dấy khởi sẽ không thấy được Pháp thân, chỉ buông hết thân, thù thì Pháp thân mới hiện tiền. Pháp thân này chính là tâm Phật của mỗi chúng ta.

Đó là ý nghĩa tại sao chúng ta tu theo Phật phải tập chiến thắng chính mình. Chiến thắng những cái xấu dở lâu nay mình cố chấp, quen đuổi theo yêu ghét để rồi phiền não dẫn đi tạo nghiệp, chịu khổ đau không cùng. Bây giờ biết nó là gốc của khổ, chúng ta buông xả hết, không kẹt bên nào thì được an vui. Điều này đòi hỏi cần phải có trí tuệ sáng suốt. Vì vậy trong ba thứ Bi - Trí - Dũng, cái dũng đi theo trí tuệ và lòng từ bi. Muốn thắng những xấu dở, phải có trí soi thấy nó tai hại nên nhẫn. Biết nó sẽ gieo rắc đau khổ cho người khác nên mình không nỡ tạo, đó là lòng từ bi.

Trong Tương Ưng Bộ Kinh có đoạn đức Phật dạy:

*Phàm có sợ hãi,  
Chỉ cho người ngu,  
Không cho người hiền trí.  
Phàm có thất vọng,  
Chỉ cho người ngu,  
Không cho người trí.*



*Phàm có hoạn nạn,  
Chỉ cho người ngu,  
Không cho người trí.*

Phàm có sợ hãi là chỉ cho người ngu chứ không phải người hiền trí. Tại sao? Tất cả chúng ta ai rồi cũng phải chết. Biết cái chết trước sau gì cũng đến, vậy sợ là ngu hay trí? Bao nhiêu đó thôi, có thể đánh giá trí với ngu dễ dàng. Chuyện tránh khỏi được thì sợ để mà tránh, đằng này không thể tránh khỏi mà sợ làm chi cho khổ. Tóm lại vì không có trí sáng suốt để quyết định nên chúng ta mới khổ. Nhiều vị tu hành lúc sắp mất họ cười vì thấy thân này không thật, hợp rồi tan nên không hề hoảng hốt sợ sệt.

Sanh tử là lẽ đương nhiên, hết sanh tới tử, có ai khỏi tử đâu mà phải sợ. Người hiền trí không bao giờ sợ điều đó, bởi vì họ biết mọi việc xảy ra không phải ngẫu nhiên mà đều có lý do. Tới thì chấp nhận, sợ có thoát đâu. Trong cuộc sống này chúng ta sợ nhất là cái chết, nói tới chết ai cũng rợn người. Đi tới chỗ nào người ta chúc lành mình chịu, nhưng nghe lời nói hơi bất thường liền chạy nhanh. Cái sợ hãi đó chỉ có ở kẻ dại mờ tối, không có ở người trí sáng suốt.

Thí dụ anh đi ăn trộm lấy đồ của người ta, mai một bị bắt liền hoảng sợ run lẩy bẩy, như vậy là

khôn hay ngu? Dám đi ăn trộm mà bây giờ sợ bị bắt, có phải ngu khờ không? Nếu sợ thì tốt hơn đừng đi ăn trộm. Chúng ta phải sáng suốt, biết việc làm đó sẽ gây quả xấu thì đừng làm. Nhân xấu không tạo thì quả khổ làm gì đến. Không đi ăn trộm, có sợ bị bắt về tội ăn trộm không? Bây giờ lỡ làm, bị người ta bắt lại sợ, lạ chưa?

Mong muốn việc đó tốt đẹp nhưng nó lại thất bại không được như ý rồi thất vọng, buồn khổ. Điều đó chỉ có ở kẻ ngu, không có ở người trí. Giả sử hai người ra ứng cử một chức nào đó, đương nhiên sẽ có người đậu kẻ rớt. Người đậu vui vẻ, kẻ rớt thất vọng, buồn bực. Đối với người trí thấy rõ, người kia được mình mừng giùm họ nên không thêm buồn. Vì buồn không thể thay đổi vấn đề, chỉ tăng thêm tổn hại cho mình. Xét kỹ như vậy nên được yên ổn, không có gì phải thất vọng. Người không có trí cứ buồn hoài, trách sao không ai đứng về phía tôi. Chuyện qua rồi không thể kéo lại được, buồn khổ chỉ là kẻ ngu, không phải người trí.

Như quý Phật tử làm ăn muốn phát đạt, xuất số vốn lớn mong được lợi nhuận nhiều, nên phải mượn vốn đầu tư. Rủi thất bại không được như ý còn thêm thiếu nợ, khi ấy thất vọng hoàn toàn. Đã lỡ lỡ bây giờ buồn rầu đâu có lợi gì, không khéo sanh bệnh hoạn, tốn tiền thuốc hơn nữa. Lỡ thất bại rồi,

thua keo này gây keo khác chứ buồn làm gì. Nằm gác tay lên trán thở dài, chỉ tự chuốc khổ thêm mà thôi, vô ích. Kỳ này mình làm ăn không được thì ráng tạo dựng lại, gây dựng một cơ ngơi khác, chứ không đại gì nằm đó thở ngắn than dài, như vậy mới là khôn. Vì thế nói thất vọng chỉ có ở người ngu, không có ở người hiền trí.

Ở đời người ngu, người trí đều bị hoạn nạn, hoặc là bệnh tật đau ốm, hoặc khó chịu bực bội do làm ăn thất bại, tai nạn... Khi tất cả sự việc đó xảy ra, cứ cho nó qua không thêm buồn thì không thấy hoạn nạn. Người nào than vãn năm nay khổ quá, rớt cuộc đâu hết hoạn nạn. Như vậy mới thấy người trí tuệ là người có sức mạnh can đảm chấp nhận mọi việc. Không than thở, buồn trách ai, chuyện gì qua rồi cho qua. Thất bại trước là kinh nghiệm để tạo dựng cái sau tốt đẹp hơn, không nên phiền muộn làm gì.

Trên đường tu ai ai cũng gặp hoạn nạn, chứ không khi nào suôn sẻ hết. Nhiều khi quý thầy cô còn trẻ ham tu nên phát tâm mạnh. Muốn chừng ba tháng, sáu tháng thành Phật, mà sao tu hoài không thành, gặp cảnh phiền não cũng muốn khóc. Những gì chúng ta tưởng tượng nếu không được như ý đâm ra chán nản, đó là người yếu đuối. Với người sáng suốt thấy rõ, tu không phải chuyện làm

hạn kỳ năm tháng, bảy tháng. Tu là chuyện phải làm suốt cả cuộc đời chứ không phải mau chóng.

Giả sử khi tu phát nguyện từ đây về sau, ai nói nặng hay làm khổ vẫn thương họ, không giận. Mai mốt người ta nói nặng mình nổi sân, lúc đó làm sao? Đã hứa với lòng là không sân mà bây giờ làm không xong. Không lẽ hứa tu, tu không được, thôi về cho rồi. Đức Phật dạy lỗ sân, lỗ quấy thì sám hối để tiến lên. Sám hối rồi cố gắng hơn nữa, chứ không phải thua một chút là bỏ cuộc.

Như quý Phật tử phát nguyện ăn chay ngày rằm, rủ anh em bà con có dịp đám cưới trúng ngày ấy, tới đó sợ phiền người ta, nên xả một bữa mai ăn thế. Vì hoàn cảnh mà phải chiều người ta để cho khỏi phiền hà. Nhưng ngày mai ăn chay lại, trong lòng cứ ray rứt hoài, vì thấy mình không can đảm, không xứng đáng với lời phát nguyện, sao ngày rằm mà còn ăn mặn. Cứ ôm ấp tâm trạng đó hoài đâu có tốt. Lỡ rồi thì gan dạ sám hối, từ đây về sau chùa không dám như thế nữa. Sám hối rồi thì vui vẻ tiến lên.

Hiểu đạo lý thì tất cả chúng ta ai cũng có khả năng qua được khổ nạn. Không phải làm việc gì đều như ý hết, đôi khi cũng có trục trặc. Mỗi lần trục trặc là mỗi lần kinh nghiệm để vươn lên, không nên

lui sụt. Tóm kết chữ dững trong nhà Phật chỉ cho sức mạnh chiến thắng ma quân. Đó là ý nghĩa của sự tu.

Trong kinh Pháp Cú, đức Phật dạy: “Thắng một vạn quân không bằng thắng mình, thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất”. Nhiều người tuy tài giỏi nhưng chỉ giỏi với người ngoài, còn với chính mình thì lại thua. Như truyện Lữ Bố, Diêu Thuyền ngày xưa; chàng Lữ Bố rất anh hùng, đánh đâu thiên hạ khiếp vía tới đó. Vậy mà chỉ cần cô Diêu Thuyền than nhẹ một tiếng là ông phải thua. Thắng được kẻ ngoài mà không thắng mình là người yếu đuối.

Đức Phật đã tự thắng được Ngài, chúng ta cũng phải thắng được mình, không để những thứ bên ngoài cám dỗ. Đó mới là chiến công oanh liệt nhất cần phải đạt được. Bởi vậy tu là cố gắng chiến đấu và chiến thắng chính mình, đó là dững. Chữ dững trong nhà Phật tập cho chúng ta biết xoay lại, thấy rõ từng tập nghiệp xấu dở dứt khoát bỏ, đừng để bị nó lôi kéo. Người chiến thắng được mình mới làm nên việc lớn.

Chúng ta là con của Phật, đi theo đường Ngài đã đi thì phải có ý chí dững mãnh để tiến lên. Đừng bị bọn ma quân lôi kéo khiến lui sụt, mới hy vọng có

ngày đạt kết quả như ý. Chúng ta tu để giải thoát sanh tử thì phải là người anh dũng, không thể làm kẻ hèn nhát. Muốn anh dũng phải thắng mình. Mọi nhu nhược, yếu hèn do dục lạc thế gian cám dỗ đều gạt qua một bên, quyết đi tới chỗ chiến thắng vẻ vang, xứng đáng là người Phật tử chân chánh.



## NÓI CHO NGƯỜI GIÀ BỆNH

Hôm nay tôi có bài thuyết pháp ngắn về đề tài *Nói cho người già bệnh*. Lý do có bài pháp này là vì một Phật tử đến yêu cầu chúng tôi có cha mẹ già bệnh nặng, nên muốn khi cha mẹ lâm chung được tỉnh táo sáng suốt, không bị hôn mê hoảng sợ. Vì tình của người Phật tử hiếu thảo nên tôi hứa, đồng thời cũng nghĩ thương người già bệnh trong khi mệt mỏi đau đớn, nên chúng tôi nói bài pháp này.

Trước hết nói về cái chết không đáng sợ. Mọi người đều có quan niệm sanh là vui chết là khổ, sanh là mừng chết là sợ. Vì vậy ngày sinh nhật gọi là ngày ăn mừng sinh nhật, còn ngày chết con cháu cúng giỗ gọi là ngày cúng kỵ, tức ngày sợ sệt.

Quý Phật tử hiểu đạo thì ngày chết là ngày đáng sợ hay không đáng sợ? Thật tình cái chết không đáng sợ. Già, bệnh là hai thứ khổ trong bốn thứ khổ Phật nói: sanh, lão, bệnh, tử. Đã mang hai thứ khổ này vào mình là một gánh nặng đau khổ. Nếu gánh nặng đau khổ được quăng đi thì nhẹ nhàng. Chết là quăng được gánh nặng của già và bệnh. Lúc đó chúng ta thành thơi nhẹ nhàng, có gì đâu mà phải sợ. Nên nói chết không đáng sợ.

Điểm thứ hai, kinh Phật thường nói có sanh là có tử. Có sanh ra thì phải có chết, đây là chuyện thường, không ai tránh khỏi. Như đức Phật tu hành, rốt cuộc 80 tuổi Ngài cũng chết. Các ông tiên mà chúng ta đọc được trong truyện Tàu như Bát tiên v.v... nói trường sinh bất tử, nhưng sự thật tám chín trăm năm rồi cũng mất, cũng chết. Nghe nói tám ông tiên mà bây giờ tìm một ông cũng không ra.

Nên biết dù cho tu đắc đạo như Phật, thân này tới khi hoại cũng phải hoại. Dù luyện được thuốc trường sinh bất tử như thần tiên, thân này đến lúc hoại cũng phải hoại, chứ không bao giờ giữ được mãi mãi. Vì vậy chết là lẽ thường, là việc chung cho tất cả, không ai tránh khỏi. Cái không tránh khỏi mà mình sợ là chuyện vô ích, nếu không nói đó là chuyện khờ khạo. Chúng ta là người hiểu đạo rồi biết rằng có sanh là phải có tử. Ngày chết là ngày sẽ đến, bất cứ người nào cũng phải nhận. Chết là chuyện thường, đã là thường thì không sợ.

Tôi nhớ ngài Tuệ Trung thượng sĩ khi sắp tịch nằm nghiêng bên phải nhắm mắt chuẩn bị tịch. Bấy giờ những người hầu thiếp khóc rống lên, ngài liền ngồi dậy nói: “Sanh tử là lẽ thường, sao lại buồn thảm luyến tiếc như thế, làm náo hại chân tánh ta!”. Nghe xong, các vị kia mới yên lặng. Sau đó, ngài nằm xuống nghiêng bên phải mà tịch.



Chúng ta thấy rằng đối với ngài sanh tử là việc thường. Đã là việc thường thì không có gì quan trọng hết, tự tại ra đi. Còn chúng ta cho cái chết là lớn lao đáng sợ, nên tới khi ấy mình kinh hoàng. Kinh hoàng là đau khổ. Vì vậy người Phật tử chân chánh lúc nào cũng biết rằng chuyện sống chết không thể tránh được. Không tránh được thì chúng ta chuẩn bị ngay những cái gì cần sau khi chết, đừng để tới đó rồi sợ hãi chỉ là chuyện vô ích thôi.

Điểm thứ ba, người Phật tử hiểu đạo khi tu ít nhất cũng giữ năm giới, nhiều hơn thì Thập thiện. Biết giữ năm giới, biết tu Thập thiện thì khi chết chúng ta sẽ sanh về đâu? Nếu giữ năm giới trọn vẹn thì sau khi chết chúng ta sẽ trở lại làm người đầy đủ phước đức. Do giữ giới không sát sanh nên được tuổi thọ; giữ giới không trộm cướp nên được nhiều của cải; giữ giới không tà dâm nên được đẹp đẽ oai nghi; giữ giới không nói dối nên lời nói thanh tao, được mọi người tín nhiệm; giữ giới không uống rượu nên có trí tuệ sáng suốt. Thế nên sanh làm người được đầy đủ phần tốt đẹp của con người, không có gì thiếu thốn hết.

Như vậy thân này hoại rồi được thân kế tốt đẹp hơn, phước đức hơn, có gì mà chúng ta phải sợ. Nếu tu Thập thiện khi bỏ thân này sẽ được sanh lên cõi trời, hưởng phước đức thù thắng nhiều hơn cõi này,

tức là đẹp đẽ hơn gấp bao nhiêu phần. Chết như đổi chiếc xe cũ lấy chiếc xe mới. Chiếc xe cũ xấu hư, chúng ta lấy chiếc xe mới tốt đẹp, hoàn hảo hơn. Cho nên hoan hỷ bỏ thân này, vì biết rằng ta sẽ được thân sau tốt đẹp hơn, có gì đâu phải lo buồn. Thật ra chết không đáng sợ, chỉ sợ mình không biết tu. Đó là điều tôi muốn nhắc tất cả quý vị đang ở trong hoàn cảnh bệnh hoạn đau ốm, không thể tin tưởng rằng mình còn sống lâu, ráng nhớ mà tu hành.

Trong nhà Phật có nói đến cận tử nghiệp. Cận tử nghiệp này rất mạnh, có công năng đưa chúng ta tới chỗ tốt hay chỗ xấu khi chúng ta sắp lâm chung. Trước hết nói cận tử nghiệp của người làm ác. Nếu người khi gần chết khởi tâm ác liền chuyển cả sự tu hành hay công đức trước của mình, lập tức sanh vào chỗ không tốt.

Trong kinh có kể: Một người tu ngoại đạo đạt đến định Phi tưởng phi phi tưởng, nếu chết sẽ được sanh về cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng. Nhưng khi gần chết gặp chút nghịch duyên, ông nổi giận bực tức lên rồi chết. Sau khi chết ông sanh làm con chó sói. Như vậy, từ quả vị cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng mà chuyển làm một con vật xấu xa, đủ cho ta thấy cận tử nghiệp nguy hiểm như thế nào. Cận tử nghiệp là nghiệp gần lúc chết, nếu khởi niệm ác thì nó sẽ dẫn chúng ta sanh vào cõi ác, cõi dữ.

Do đó chúng ta thấy trong cõi người cũng như các loài thú, có những người, hoặc những con thú sanh ra một thời gian ngắn liền chết. Chúng ta không hiểu tại sao. Nếu là duyên làm người hoặc làm thú thì phải ở lâu cho mãn kiếp người, kiếp thú, tại sao chỉ một thời gian ngắn thì đi? Đó là lý do để thấy rằng những người ấy lẽ ra không phải sanh chỗ như thế, nhưng vì cận tử nghiệp ác mạnh nên phải sanh chỗ đó. Thời gian ngắn sau khi chết, sanh lại chỗ khác theo tích lũy nghiệp, tức là nghiệp chứa đựng lâu dài lúc trước của họ. Vì vậy sức mạnh của cận tử nghiệp đưa đẩy người ta sanh vào chỗ không đúng sở nguyện của mình, chỉ vì cơn nóng giận hoặc khởi những niệm ác lúc sắp lâm chung mà ra như vậy. Đó là tôi nói trường hợp cận tử nghiệp ác.

Kế đến là cận tử nghiệp thiện, tức người gần chết khởi niệm lành. Lúc sắp lâm chung khởi niệm lành liền sanh về cõi lành, dù cho tích lũy nghiệp của họ ác, nhưng nhờ khi sắp chết khởi niệm thiện nên chuyển sang sanh cõi lành. Do sức mạnh của cận tử nghiệp làm cho tích lũy nghiệp mờ đi, nhưng không phải mất. Nghĩa là người ấy phải theo cận tử nghiệp một thời gian. Khi nào cận tử nghiệp hết thì họ mới trở lại tích lũy nghiệp.

Nên nhớ nghiệp tích lũy là nghiệp quan trọng mà chúng ta chứa từ thuở nhỏ cho đến lớn trong đời

sống. Giả sử chúng ta chứa điều lành, điều tốt đầy đủ, nhưng giờ chót bị cận tử nghiệp ác lôi đi thì phải trả hết nghiệp cận tử đó rồi mới trở lại với nghiệp tích lũy lành, được quả lành, chớ không phải mất hẳn. Nên lúc sắp lâm chung chúng ta phải dè dặt tối đa, không nên khởi những tâm niệm ác.

Trong kinh nói người phạm hai tội trong năm tội ngũ nghịch là ông Đề-bà-đạt-đa, đức Phật thọ ký khi chết ông phải đọa địa ngục. Do đó lúc sắp lâm chung ông hối hận hướng về Phật chấp tay xin sám hối. Sau này đức Phật kể lại cho ngài A-nan nghe rằng Đề-bà-đạt-đa tuy bị đọa địa ngục vì tội ngũ nghịch, nhưng nhờ sắp chết ông biết hối hận sám hối với Phật, nên sau khi hết đọa địa ngục ông được trở lại làm người gặp Phật pháp tu hành, cuối cùng cũng chứng quả thành Phật.

Chúng ta thấy rằng cả đời Đề-bà-đạt-đa đã tạo những nghiệp ác nhưng khi sắp lâm chung ông đã có tâm thức tỉnh, hối cải. Vì vậy, sau này khi nghiệp ác hết, ông sanh về cõi lành và được tu hành chứ không mất luôn chủng duyên lành. Nên biết cận tử nghiệp lành có thể giúp người bị khổ lâu dài chuyển thành khổ ngắn không còn lâu dài nữa.

Thêm một chuyện nữa. Có một vị tiên ở cõi trời Ba mươi ba. Ông biết mình hết phước sắp chết. Do

có thiên nhân, ông thấy mình sẽ sanh làm con của một trưởng giả ở nhân gian, sau kiếp làm con trưởng giả ông sẽ đọa địa ngục. Hoảng sợ quá, ông khóc rống lên, kêu la cầu cứu. Khi đó trời Đế Thích đến hỏi: Vì sao ông khóc kêu cứu như vậy? Ông trình bày chỗ thấy của mình. Trời Đế Thích liền khuyên ông nếu muốn được cứu phải quy y Tam bảo.

Ông hỏi:

- Quy y Tam bảo là sao?

Trời Đế Thích nói:

- Quy y Tam bảo là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Ông hỏi:

- Bây giờ Phật ở đâu?

- Hiện giờ Phật đang thuyết pháp ở vườn Trúc tại xứ Nalanda.

Ông than:

- Bây giờ tôi sắp chết làm sao đến đó để quy y được.

Trời Đế Thích bảo:

- Không sao, chỉ cần ông chấp tay hướng về chỗ Phật đang thuyết pháp nói to lên thế này: “Con tên

... xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin Phật cứu con, xin Phật độ con”, như vậy ba lần.

Nghe vậy ông liền quỳ gối chấp tay hướng về vườn Trúc Nalanda, nói ba lần: “Con xin quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin Phật độ con”. Sau khi nói ba lần như vậy rồi, ông liền chết. Quả thật sanh xuống nhân gian ông làm con trưởng giả. Khi con ông trưởng giả lớn lên, một hôm gặp đức Phật khát thực ngang qua nhà. Thấy Phật, ông liền phát tâm muốn đi tu và được Phật độ tu hành chứng quả A-la-hán.

Qua đó, chúng ta thấy chỉ cần cận tử nghiệp hướng về Tam bảo mà sau này khỏi đọa địa ngục, còn được xuất gia và tu hành giải thoát. Như vậy cận tử nghiệp rất là quan trọng. Nếu chúng ta không biết, để cận tử nghiệp chuyển thành ác sẽ đưa tới cõi ác. Nếu chúng ta biết, dù trước kia có làm ác, nhưng nhờ cận tử nghiệp thiện thì sẽ đưa tới cõi lành. Do đó người Phật tử chân chánh phải nhớ, phải biết rõ tầm quan trọng của cận tử nghiệp.

Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa phủ nhận tích lũy nghiệp, là nghiệp do chúng ta chứa chấp từ khi mới sanh ra cho tới già. Nếu chúng ta làm điều lành nhiều thì gọi đó là tích lũy nghiệp thiện; làm điều ác nhiều thì gọi là tích lũy nghiệp ác. Nếu tích lũy nghiệp thiện, và lúc sắp lâm chung

không khởi niệm ác, thì con đường thiện nhất định sẽ đến với chúng ta. Nếu tích lũy nghiệp thiện nhưng khi sắp lâm chung khởi niệm ác thì con đường thiện của chúng ta phải bị quanh co, có khi nó dẫn mình tới chỗ dữ. Ngược lại, nếu tích lũy nghiệp ác nhưng sắp lâm chung khởi niệm thiện thì con đường ác lý đáng chúng ta phải chịu nhưng giờ đây chuyển sang con đường lành. Quý vị nào tuổi đã lớn, hoặc hay bệnh hoạn nên dè dặt tối đa, không nên tạo nghiệp làm cho mình đau khổ sau này. Đó là tôi nói về sức mạnh của cận tử nghiệp.

Tiếp theo, tôi sẽ nói những điều cấm kỵ của người khi sắp lâm chung. Những điều cấm kỵ là những điều không nên làm khi chúng ta biết đạo lý.

Một là lúc sắp lâm chung cấm kỵ không nên sân giận. Dù cho có điều gì trái ý cũng phải bỏ qua để lo cho cái chết của mình, không nên sân giận làm gì. Nếu sân giận thì chúng ta sẽ đọa vào cõi dữ làm những con vật hung dữ khó thể tránh khỏi. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai là phải dứt tâm oán thù. Nếu ôm tâm oán thù thì khi nhắm mắt chúng ta sẽ theo nghiệp oán thù, đên đên trả trả không có ngày cùng. Nghĩa là mình thù người, sanh ra gặp lại nhau rồi hại nhau, đau khổ chồng chất không biết đến đâu cho hết. Vì vậy chúng ta phải dứt tâm oán thù.

Thứ ba là tâm yêu mến con cháu, tiếc của cải, v.v... Đó là mối hiểm họa, vì yêu tiếc mà đôi khi bị trầm luân hay trở lại làm những con vật không tốt.

Trong sử 33 vị Tổ có kể về một vị Tăng Ấn Độ, tôi không nhớ rõ tên<sup>1</sup>. Một hôm ngài đi khát thực ngang qua nhà ông trưởng giả, nhưng ông đi khỏi. Trong nhà có con chó chạy ra sủa rất to. Ngài nhìn nó và quở: “Người vì bệnh tiếc của mà trở lại làm chó, đã không biết còn sủa om sòm!”. Nghe nói như vậy con chó buồn bỏ ăn. Ông trưởng giả về, thấy con chó cứng của mình bỏ ăn, ông liền hỏi lý do và được người nhà kể lại rằng hồi sớm có một vị Sa-môn đi ngang, nó thấy liền sủa. Rồi không biết ông ấy nói gì với nó, từ đó nó buồn bỏ ăn. Ông hỏi vị Sa-môn ấy ở đâu và tìm gặp được ngài. Với tâm rất sân hận, ông hỏi:

- Hồi sáng ông nói gì mà con chó của tôi buồn đến bỏ ăn?

Ngài bảo:

- Ông đừng nóng, để tôi nói cho nghe. Con chó đó là cha của ông.

Ông càng tức hơn, hỏi:

- Tại sao con chó đó lại là cha tôi?

Ngài nói:

---

1. Tổ thứ 18 Già-da-xá-đa.



- Nếu ông không tin, hãy về tìm ngay giữa giường nơi cha ông khi xưa ngủ, bây giờ là chỗ con chó đó hay nằm, ông đào xuống sẽ thấy một ché vàng. Vì khi cha ông chết không kịp trối trăng lại, nên bây giờ tiếc của mới sanh trở lại làm chó giữ của. Nếu không tin ta, ông hãy về đào lên sẽ thấy!

Khi ấy vị trưởng giả không còn lớn tiếng với Tổ nữa, mà trở về đào chỗ Tổ chỉ. Quả nhiên ông thấy có một ché vàng. Trưởng giả liền chạy tới xin Tổ cứu cha ông. Tổ khuyên trưởng giả nên đem của đó bố thí để cha ông hết nghiệp. Trưởng giả nghe lời Tổ dạy liền đem ché vàng bố thí. Sau đó con chó chết.

Như vậy, vì yêu tiếc của nên cha ông trưởng giả trở lại làm chó để giữ của. Đó là điều đáng sợ. Nên ở đây tôi nhắc ba điều cấm kỵ trước khi lâm chung, Phật tử phải nhớ đừng bao giờ để xảy ra, có ba tâm đó là nguy hiểm.

Nếu khi sắp lâm chung mà khởi tâm thiện thì sẽ được điều lành. Tâm thiện là tâm gì? Điều thứ nhất, khi sắp lâm chung phát tâm bố thí, giúp đỡ người nghèo khổ bệnh. Mình có phương tiện tới đâu phát tâm tới đó. Điều thứ hai đối với người quy y rồi thì phát tâm cúng dường Tam bảo; còn chưa quy y thì phát tâm quy y Tam bảo để tâm thiện tăng trưởng. Làm như vậy là đã hướng về điều thiện và

sẽ đi theo con đường thiện. Điều thứ ba là phát tâm phóng sanh, nghĩa là cứu những con vật bị người ta bắt và sẽ bị giết. Mình cứu nó bằng cách mua lại đem thả, hoặc tìm cách cứu cho con vật không bị chết. Đó là phát tâm phóng sanh.

Bố thí, cúng dường, phát tâm phóng sanh là tâm lành. Nhờ phát tâm lành, tự nhiên lần lần chúng ta sẽ đi theo con đường lành. Đó là những điều tâm nên khởi khi sắp lâm chung.

Người Phật tử biết tu, sắp lâm chung cần biết ứng dụng pháp Phật dạy, gìn giữ tâm mình luôn đi đúng đường, không bị lệch lạc. Đối với người tu Tịnh độ, lâu nay chuyên niệm Phật, khi bệnh nhiều phải ráng nhớ niệm Phật, không quên. Lúc nào tâm cũng hướng về Phật không lơ lửng, không nghĩ tới con, không nghĩ tới cháu, cũng không nghĩ tới tài sản gì hết. Được như vậy thì nhất định sẽ đi theo Phật không nghi ngờ. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai, đối với người không chuyên niệm Phật mà thường hay xem kinh sách thì phải nhớ một bài kệ. Chẳng hạn, nếu quý vị thường tụng kinh Kim Cang, thì phải nhớ một bài kệ, tức là nhớ tới pháp giống như nhớ tới Phật, niệm Phật vậy. Chúng ta nghiên cứu kinh điển, học pháp của Phật thì phải nhớ pháp, như tụng bài kệ sau đây trong kinh Kim Cang:

*Nhất thiết hữu vi pháp,  
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,  
Như lộ diệc như điện,  
Ứng tác như thị quán.*

Nghĩa là tất cả pháp hữu vi như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như sương mai, như điện chớp, phải luôn quán như thế. Chúng ta tụng mãi bài kệ này thì tâm được trong sáng, không kinh hoàng khi sắp lâm chung. Đó là trường hợp thứ hai.

Trường hợp thứ ba, nếu người biết tu thiên, tâm được yên tĩnh phần nào thì nhớ lúc sắp lâm chung, mình hằng sống với tâm thanh tịnh, đừng chạy theo tâm vọng tưởng điên đảo. Nhớ ngay trong thân người bại hoại này có cái không bại hoại. Nhờ vậy chúng ta không kinh hoàng, không sợ sệt mà hằng sống với tâm bất sanh bất diệt của mình. Thân này chẳng qua là tướng hư ảo, có đó rồi mất đó, chứ không bền. Chỉ cái thể chân thật của mình là thanh tịnh, không sanh không diệt. Đó là chúng ta biết tu.

Trong ba trường hợp kể trên, người tu niệm Phật thì chuyên niệm Phật, không nhớ chuyện đời. Người chuyên nghiên cứu pháp thì nhớ một bài kệ. Người tu thiên thì nhớ ngay nơi mình có cái không sanh diệt, hằng thanh tịnh, không có gì đáng sợ,

không có gì đáng lo. Người biết tu nhớ được những điều này thì không bị mê muội, không có gì sợ hãi, ra đi êm ái nhẹ nhàng. Đó là những điều tôi nhắc cho quý vị khi sắp lâm chung.

Bây giờ tôi nói tới hậu sự, tức là việc sau khi mình chết. Nhiều vị nghĩ rằng khi mình chết phải trối trăn lại với con cháu làm thế này, làm thế kia cho mình. Điều đó dư. Tại sao? Bởi vì thân này do tứ đại hòa hợp mà thành, chúng ta sống cũng mượn tứ đại mà sống. Uống nước giúp cho thủy đại, ăn giúp cho địa đại, thở giúp cho phong đại v.v... Như vậy bốn đại đó nhờ vay mượn bên ngoài mới tồn tại.

Đến khi chết là không vay mượn nữa thì trả về cho tứ đại. Tứ đại trả về tứ đại thì chỗ nào cũng là tứ đại hết. Tại xứ người, tứ đại cũng là tứ đại; ở quê hương mình thì tứ đại cũng là tứ đại. Đừng nghĩ bỏ thân ở xứ người là thiệt thòi. Thiệt thòi nhất là cái tâm, tinh thần của mình ra đi mà không sáng suốt, đó mới thật thiệt thòi. Còn thân tứ đại này bỏ ở đâu cũng được. Người ta hay nói thân này là thân cát bụi cho nên khi chết trả về cho cát bụi, chứ không phải trả về xứ mình thành vàng thành ngọc gì, cho nên đừng quan trọng nó.

Thân này để cho con cháu giải quyết bằng cách nào thuận lợi nhất thì tốt, mình khỏi cần dặn dò, khỏi cần bắt buộc gì hết. Dặn dò bắt buộc nhiều

khi làm cho con cháu càng thêm lúng túng. Thí dụ nơi đó không có lò thiêu mà bảo phải thiêu, trong khi có đất chôn mà không chịu chôn. Hay ngược lại, chỗ đó không có đất chôn mà có lò thiêu, mình lại không chịu, nói thiêu nóng lắm, phải tìm đất chôn. Như vậy con cháu lo sợ không biết tìm đất đâu mà chôn, càng làm cực khổ cho người sống chứ không ích lợi gì. Đã là thân tứ đại hoại rồi thì còn biết gì nữa mà sợ nóng, còn biết gì nữa mà đòi đem về quê hương. Biết chẳng là cái tinh thần, cái tâm của mình. Do đó quý vị đừng có lầm lẫn thân này phải trở về quê mình mới tốt. Nghĩ như vậy là sai lầm. Chính cái tâm của chúng ta, tâm sáng thì đi tới chỗ tốt, điều đó mới quan trọng.

Tôi chỉ nói một phần ngắn cho quý vị biết khi đau, bệnh và già sắp lâm chung. Theo đó, quý vị có hướng chọn lựa, đừng bị tâm phàm tục làm cho mình đau khổ ngay hiện tại và kéo dài sau khi lâm chung. Đó là những điều thiết yếu tôi nhắc nhở để quý vị biết, sau này khi chúng ta có trăm tuổi không làm phiền hà con cháu.

Mong tất cả quý Phật tử nghe rồi, khéo ứng dụng để tự cứu mình. Đó cũng là lời Phật dạy cho chúng ta thoát khổ.



## XÂY DỰNG MỘT SỰ NGHIỆP BẤT HOẠI

*Ngày 08/5/ Mậu Dần - 02/6/1998*

Hôm nay, tôi sẽ hướng dẫn quý Phật tử xây dựng một sự nghiệp bất hoại. Hiện giờ, quý vị đều muốn lập nghiệp, muốn gây dựng tài sản để dành cho cuộc đời sau này được ấm no, an vui, hạnh phúc. Ai cũng cố gắng nhưng kết quả thì nhiều người chưa như ý.

Quý vị muốn làm ra rất nhiều tiền bạc, của cải phải đánh đổi bằng mồ hôi, nước mắt của chính mình. Nhưng Phật tử có giữ gìn được vẹn toàn những thứ ấy không? Làm ra được tiền là khổ, giữ tiền cũng chẳng phải dễ dàng. Nào trộm cướp, nào nạn lửa nước, nào lường gạt, đủ thứ mảnh khèo để quý vị mất mát tài sản. Như vậy tạo ra tiền chưa phải sự nghiệp bền vững chắc chắn.

Chúng ta gây dựng nhà cửa, xe cộ, đồ đạc, bàn ghế... trang hoàng cho nhà cửa đầy đủ tiện nghi. Nhưng bỗng một trận hỏa hoạn, mọi thứ đều cháy rụi, bao nhiêu công sức gây dựng không còn gì nữa. Như vậy tạo ra đồng tiền và nhà cửa rất khó, nhưng giữ nó lại càng khó hơn. Có khi ngày nay là của mình, ngày mai là của ai đó. Công lao khổ cực gây dựng sự nghiệp nhưng không bảo đảm còn mãi với mình.

Phật nói có một thứ theo ta mãi không mất, đó là nghiệp. Tất cả những thứ có hình tướng dễ hư hoại, còn nghiệp lành hay dữ không có hình tướng nên không mất. Vậy nghiệp là gì? Nghiệp là hành động tạo tác từ thân, miệng, ý. Thân, miệng, ý hành động tốt thì tạo nghiệp thiện lành. Thân, miệng, ý hành động xấu ác thì tạo nghiệp xấu ác.

Thí dụ một bác sĩ, một thầy giáo và một thợ hồ, mỗi người đem theo đồ đạc của mình, cùng qua một con sông. Đi ra giữa sông, bất chợt dò chìm, họ vội vàng bơi nhanh vào bờ, quên hết đồ đạc. Đến khi tới bờ, nhìn lại mới thấy người nào cũng tay không, những thứ linh kiện đem theo đều bị nước cuốn trôi hết. Nhưng nghề bác sĩ, nghề thầy giáo, nghề thợ hồ có bị cuốn trôi không? Nghề nghiệp hoàn toàn không mất. Dù nước trôi lửa cháy, dù trộm cướp cũng không ai lấy được nghề nghiệp của mình. Ta còn sống thì nghiệp còn, ta đến đâu thì nghiệp theo đến đó.

Thế gian gọi nghiệp là nghề nghiệp, là hành động do chúng ta chăm chú vào một việc, tiếp tục làm việc đó mãi thì thành thói quen. Thói quen ấy không có hình tướng nhưng lại có lực dụng rất mạnh. Ví dụ hồi còn nhỏ, đâu có người nào nghiện rượu hay trầu cau. Khi lớn lên, người nam tập hút thuốc, người nữ tập ăn trầu, tập riết thành thói

quen. Hồi xưa cứ nghĩ tập cho vui, muốn hút thì hút, không thì thôi. Nhưng khi đã nghiện rồi thì thói quen lôi dẫn bắt buộc mình phải làm theo nó.

Một người đi ngoài đường quên mang theo thuốc, bỗng nghe mùi thuốc thoang thoảng, tự dưng có một sức mạnh thúc đẩy họ tìm xin một điếu thuốc. Đó là nghiệp nghiện thuốc đẩy họ phải như thế. Nhưng nếu hỏi nghiện thuốc ra sao, hình dáng thế nào, chúng ta không nói được. Bởi vì nghiệp không có tướng mạo, nhưng khi nghiện rồi nó có sức mạnh thúc đẩy mình đi tìm kiếm cho được cái mình đang thèm, để thỏa mãn.

Nghiệp là do con người tự tạo, trời Phật đâu có bắt ai nghiện thuốc, nghiện rượu. Chỉ tại mình tập lâu ngày thuần thục rồi trở thành nghiện. Nghiệp là do chúng ta chủ tạo, nhưng khi đã hình thành nghiệp, chính nó lại lôi dẫn ta theo nó vào chỗ tốt hoặc xấu.

Mỗi chiều, quý Phật tử đến chùa tụng kinh, lâu dần thành thói quen, hôm nào không đi được thì cảm thấy buồn thiếu. Cảm thấy như vậy là đã thành nghiệp rồi. Giống như người thế gian mỗi ngày đều đến rạp chiếu bóng, hôm nào không đi được thì buồn lắm. Như vậy tất cả những gì chúng ta tập quen sẽ tạo thành nghiệp, thúc đẩy mình đi theo nó.



Nghiệp không có hình tướng nên không bị mất đi. Có người nói mình chết thì nghề nghiệp mất, nhưng chưa hẳn mất. Ví dụ ở trường học, thầy cô giáo dạy bốn năm chục học trò trong một lớp. Thầy cô dạy như nhau, nhưng học trò mỗi người mỗi khác. Có trò giỏi văn, có trò giỏi toán, trò giỏi thủ công... không ai giống ai. Tại sao như vậy? Do nghiệp quá khứ còn lại. Nếu do học mà biết thì thầy cô giáo dạy thế nào, học trò biết thế ấy. Nhưng nhiều khi thầy dạy thủ công, mà trò còn khéo tay hơn thầy. Hoặc ông thầy dạy văn, mà học trò viết nhiều câu hay hơn cả thầy. Cho nên biết thân này dù mất, nghiệp vẫn không mất. Nhà Phật thường nói nghiệp theo mình như bóng với hình. Thân ở đâu thì nghiệp ở đó. Thế nhưng chúng ta lại không lưu tâm, không để ý tới nghiệp.

Thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành thì tạo nghiệp lành. Thân làm dữ, miệng nói dữ, ý nghĩ dữ là tạo nghiệp dữ. Chúng ta thấy có người miệng nói toàn lời dữ, nhưng cũng có người nói những lời rất hiền lành đạo đức. Như vậy quý Phật tử đừng lo mai kia chết rồi không biết đi đâu, mà chính mình có thể biết trước nơi thác sanh đến.

Đức Phật bảo có sáu đường luân hồi: trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba đường

lành là trời, người, a-tu-la. Trong kinh Thập thiện, Phật dạy rất rõ mười điều lành. Thân có ba: không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm. Miệng có bốn: không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói thêu dệt. Ý có ba: không tham lam, không sân hận, không si mê. Ở đây, tôi dùng chữ “bớt”: bớt tham, bớt sân và bớt si. Thân, miệng, ý đều tạo nghiệp lành thì đủ phước sanh về cõi trời.

Nếu muốn đời sau sanh làm người, đầy đủ phước báu thì giữ năm giới: không giết hại, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối và bớt uống rượu. Không sát hại thì được tuổi thọ dài; không trộm cướp được nhiều tiền của; không tà dâm được đẹp đẽ; không nói dối được ngôn ngữ lưu loát, nói ra ai cũng tin cũng quý; không uống rượu thì trí tuệ thông minh.

Quý Phật tử muốn đi đường lành thì phải tạo nghiệp lành. Nếu tạo nghiệp dữ, sát sanh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, uống rượu thì đi vào ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như vậy khi tu, quý vị có thể biết chắc chắn sau khi nhắm mắt mình đi đâu, không nghi ngờ.

Nhìn lại trên thế gian này, người giữ được năm giới nhiều hay ít? Ít. Cho nên chúng sanh thiếu tư cách làm người sẽ rơi vào đường khác. Vì vậy, trong kinh Phật nói được làm người rất khó.

*Thiên niên thiết thọ khai hoa dị,  
Nhất thất nhân thân vạn kiếp nan.*

Một ngàn năm cây sắt trở hoa còn dễ. Mất thân này, được trở lại làm người còn khó hơn cây sắt trở hoa. Tại sao? Vì ít ai giữ được năm giới. Nếu giữ được, cũng chỉ một phần hoặc ba bốn phần, ít có người giữ tròn năm phần.

Người giữ giới không sát sanh sẽ được sống lâu. Như ở đây có mấy cụ già bảy tám mươi tuổi, nhất định đời trước đã giữ giới sát nên đời này được tuổi thọ dài. Nếu giữ giới không trộm cướp, đời này được nhiều tiền của. Người nào sống lâu mà nghèo là đời trước cũng lượm của người ta chút ít tiền của.

Người giữ giới không tà dâm, đời này sanh ra đẹp đẽ, trang nghiêm. Chúng ta nhìn lại thấy thân hình không đẹp là biết hồi xưa mình không tốt, bây giờ ráng giữ cho tốt để sau này có thân tướng tốt đẹp. Người nào nói năng lảm cẩm, lấp vấp, ngọng nghịu, bị người cười chê, lời không ra lời, người nghe không hiểu hoặc hiểu lầm, là do đời trước không giữ giới nói dối. Nếu đời này lỡ uống rượu nhiều thì sẽ bị si độn, đời sau sanh ra tăm tối, không sáng suốt.

Trên đây là năm điều kiện thiết yếu để Phật tử trở lại làm người tốt. Người nào giữ năm giới trọn vẹn thì khi nhắm mắt, chỉ cười thôi. Chiếc xe của tôi

đã hư cũ rồi, tôi sắp có xe mới đẹp và chắc chắn hơn. Nếu làm những điều dữ thì khi thân này hoại, lo lắng thân sau không biết ra sao, đâm ra sợ hãi. Cho nên, chúng ta tu là để chuẩn bị cho cuộc đời mình ngày càng sáng sủa, tốt đẹp hơn, chứ không phải tu để hủy hoại thân, làm cho thân này tàn tạ đi.

Nghiệp hệ trọng vô cùng, quý vị tạo nghiệp lành là đang xây dựng một sự nghiệp tốt. Khi nghiệp lành đầy đủ, dư giả, có ai trộm được nghiệp lành không? Dù cho nước trôi, lửa cháy nghiệp lành cũng không mất. Sự nghiệp thế gian là tướng bại hoại dễ mất, còn nghiệp trong nhà Phật không hình tướng nhưng lại không mất. Thế mà chúng ta quên, không nghĩ không lo cho nó, đó là thiếu sót lớn.

Tôi đã hướng dẫn quý Phật tử tạo sự nghiệp không bị hư hoại. Nếu chịu cố gắng tạo nghiệp thiện lành thì chắc chắn mai sau sẽ được quả lành. Đừng ỷ lại mình có số tốt thì giàu sang, làm quan to. Sự nghiệp ấy không thể bền chắc.

Ông bà ta hay nói câu rất bình dị: “Có đức mặc sức mà ăn”. Đức là gì? Là nghiệp lành. Chúng ta tạo nghiệp lành thì mọi điều tốt đẹp tự nhiên đến, không phải ai mang đến cho mình. Như người cố gắng học, thi đậu, làm được nhiều việc, lương cao. Thành quả đạt được là nhờ sự cố gắng của bản

thân, đâu phải ai đặt để cho mình. Nên biết nghiệp là một sự nghiệp thiết yếu để dành cho đời này và đời sau. Đó là ý thứ nhất.

Ý thứ hai, Phật tử đang sống đây, có ai dám nói mình hoàn toàn hạnh phúc không? Không ai tin mình có hạnh phúc, nhưng tôi xác quyết quý vị có hạnh phúc mà không biết hưởng. Có một Phật tử bị tai biến mạch máu não, đi không được, nằm mê man một chỗ. Sau khi tập vật lý trị liệu một thời gian, ông đi lại được nhưng rất khó khăn. Ông nói một câu hết sức dễ thương: “Con thấy mấy người đi thông thả, con thêm quá. Ước gì con đi được như họ thì hạnh phúc biết bao nhiêu”. So với những người bệnh tập đi từng bước, chúng ta mới thấy mình thông dong, hạnh phúc biết mấy. Tại sao chúng ta lại không biết hưởng hạnh phúc đó?

Có người lúc trước thường đi chùa, sau này bị mù, không tự đi được nữa, lúc nào cũng phải có người dẫn đường. Gặp tôi, vị ấy nói: “Ước gì mắt con sáng để được đi chùa thì hạnh phúc biết chừng nào?”. Phật tử đang có hai mắt sáng, được đi chùa, được ngồi đây nghe pháp, có hạnh phúc không? Hạnh phúc biết mấy mà không thấy, không biết mình hạnh phúc. Người thiếu mới thấy hạnh phúc của quý vị, Phật tử có đầy đủ rồi nên thấy thường quá.

Lại có Phật tử kể rằng hồi trẻ tai nghe rõ lắm, bây giờ già không còn nghe rõ nữa, thành ra mỗi khi Thầy giảng, con ngồi gần bên Thầy mà nghe câu được câu mất. Ông than phải chi con được nghe giảng rõ hơn thì sung sướng biết mấy. Như vậy hiện tại vị nào nghe tôi giảng rõ ràng là đang hạnh phúc.

Chúng ta có hạnh phúc lúc đi đứng thông dong, hạnh phúc nghe thấy rõ ràng, trắng đen tốt xấu đều biết hết, vậy mà không chịu hưởng, cứ đòi hạnh phúc ở đâu? Con người thường thiếu thực tế, tìm kiếm hạnh phúc ở chỗ mơ hồ, trong khi hạnh phúc sờ sờ đó lại không biết hưởng.

Nhà Phật nói: “Được làm thân người, sáu căn hoàn cụ là phước đức”. Sáu căn hoàn cụ là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều đầy đủ. Có phước mới được như vậy, bây giờ không chịu hưởng phước, đi làm những chuyện tội lỗi, tạo ra nghiệp xấu ác, để sau này phải chịu khổ, đó là hủy hoại hạnh phúc hiện tại, mơ ước viễn vông.

Quý Phật tử phải nhớ hiện giờ mình có đầy đủ sáu căn là nhân duyên tốt lành, nên dùng nó vào việc hữu ích cho đời, làm lợi lạc chúng sanh, đừng dùng nó tạo tội lỗi, làm đau khổ cho mình và mọi người. Như thế chẳng những chúng ta không hưởng được hạnh phúc của thân này, mà mai sau còn phải sa đọa, khổ đau nhiều hơn nữa.

Mong quý Phật tử nhớ, hiểu và ứng dụng tu những điều tôi nói, để đem lại sự an vui tốt đẹp cho đời mình và mọi người. Chúc tất cả quý vị hưởng được hạnh phúc trong hiện tại.



## CHẾT CÓ PHẢI LÀ HẾT

Sau khi chết, chúng ta còn hay mất là một vấn đề lớn trong cuộc đời, mỗi người sẽ có câu trả lời khác nhau. Ở đây, tôi chỉ nói theo cách nhìn của đạo Phật. Nhà Phật cho rằng chết không phải hết. Tại sao như vậy? Con người có hai phần thân và tâm. Thân là phần vật chất. Tâm là tri giác, tức sự hiểu biết của mỗi người.

Về phần thân, ai cũng nghĩ thân này sau khi chết là hết. Thật sự thân này không nguyên vẹn một hình hài duy nhất, mà là sự kết tụ của hàng tỷ tế bào. Những tế bào này luôn luôn sanh diệt, đã sanh diệt thì cái gì là thật? Hôm nay có ngày mai đã mất đi, cái khác lại thế vào. Thân là một dòng sanh diệt liên tục, khi tụ lại thì còn, hết duyên thì tan đi. Tan không có nghĩa là hết, chỉ là mất đi những giả tướng tụ hợp mà thôi.

Thí dụ khi thiêu xong một người chết thì chỉ còn tro, tất cả những cái li ti của thân vì quá tầm mắt mình, nên chúng ta cho là hết. Thật ra nó tan trở lại vị trí ban đầu. Thân người do đất, nước, gió, lửa hợp thành. Chất cứng như tóc, lông, răng, móng, da, thịt, gân, xương... là phần đất. Mồ hôi,



máu, mủ... là nước. Hơi thở ra vô là gió. Chết ấm là lửa. Nếu phân chia nữa thì còn rất nhiều. Khi tụ lại, tứ đại quân bình thì ta sống bình yên, tứ đại chống trái thì bệnh. Như khi lửa mạnh hơn nước, hoặc nước mạnh hơn lửa sẽ gây nóng lạnh trong người.

Khi chết, hơi thở trả vào trong bầu trời, hơi ấm tan từ từ; đất, nước cũng vậy. Cái nào trả về cái nấy, mất là mất cái giả tướng, chứ không mất cái thật. Cho nên chết không phải là hết. Sự sống và cái chết chỉ là một sự vay mượn liên tục.

Về phần tinh thần, thí như muốn đèn sáng phải bật công tắc. Khi đèn sáng, chúng ta thấy có hai phần rõ ràng: bóng đèn bên ngoài và dòng điện bên trong. Khi bóng đèn hư, ta nói hết điện, nhưng thật sự điện trở về với dòng điện, vì nó không có chỗ để phát ra ánh sáng, chứ không phải hết. Cũng vậy, tâm chúng ta gá vào thân, khi thân hoại thì tâm trở về với chính nó. Vì thế, nếu cho rằng chết là hết thì hơi thiếu cận, không thấu đáo được bản chất con người.

Lại nữa, khi chết rồi chúng ta sẽ đi đâu? Ngay lúc còn nhỏ, đức Phật đã nhiều lần trần trở về vấn đề này, nên Ngài quyết tìm cho ra manh mối. Đức Phật đi tu vì thắc mắc những vấn đề then chốt của

con người. Chúng ta quá hời hợt, có mặt ở đây, loay hoay giành ăn với nhau rồi ngã ra chết. Không biết mình từ đâu đến, không biết chết rồi đi đâu, chỉ sống như một cái máy, sử dụng hết xăng nhớt rồi hư mà thôi.

Bước đầu, đức Phật tìm tới các vị tiên học đạo, nhưng chưa ai giải quyết được vấn đề then chốt mà Ngài từng trần trở. Cuối cùng, Ngài đến dưới cội bồ-đề, trải tọa cụ ngồi với quyết tâm mãnh liệt: Dù thịt nát xương tan, cũng không rời chỗ này, cho đến khi thành đạo. Đêm thứ 49, vào canh hai, Ngài chứng Túc mạng minh, thấy rõ vô số kiếp trước như nhớ chuyện mới xảy ra hôm qua. Như vậy Ngài đã biết được chết không phải là hết, mà còn tái sinh trở lại.

Đức Phật tiếp tục tọa thiền, đến canh ba, Ngài chứng Thiên nhãn minh, nhìn thấu cả không gian và thời gian, thấy được tất cả nghiệp của chúng sanh. Ngài thấy rõ chúng sanh theo nghiệp sanh trong lục đạo luân hồi, như người đứng trên lầu cao nhìn xuống ngã tư đường thấy kẻ đi qua, người đi lại. Nghiệp lực tuy không nhìn thấy nhưng có sức mạnh dẫn chúng sanh đi trong lục đạo luân hồi. Ví như hai cục nam châm để gần sẽ hút lại với nhau, dù chúng ta không nhìn thấy lực hút đó, nhưng rõ ràng giữa chúng có một từ trường.

Thi hào Nguyễn Du nói:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân,  
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.*

Nghĩa là tạo nhân khổ thì nghiệp dẫn đi vào chỗ khổ, sao lại trách trời trách đất. Người thế gian không biết tại sao khổ, cứ cho là tại trời đất. Chúng ta thấy có những người sanh ra trong gia đình quan chức giàu có được coi như vàng như ngọc. Những người sanh ra trong gia đình nghèo khổ thì xã hội coi như rơm như rạ, là do ta không làm chủ được nghiệp, nên bị nó lôi đi.

Khi ta làm hoài một việc sẽ thành thói quen gọi là nghiệp. Đến lúc chết, nghiệp chi phối lại mình. Nếu còn trong vòng sanh tử thì đi trong lục đạo luân hồi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, a-tu-la, trời. Tạo nghiệp ác thì đi trong ba đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Tạo nghiệp lành thì đi trong ba đường còn lại. Ngày nay chúng ta được làm người đầy đủ sáu căn tức là đã có duyên lành, nếu để rơi xuống ba đường ác thì không biết chừng nào mới ngoi lên. Phật dạy được làm thân người ví như rùa mù gặp bọng cây, mất thân người tìm lại rất khó. Cho nên, quý vị phải tiến lên.

Thế thì tạo nghiệp gì đọa địa ngục, tạo nghiệp gì được sanh lên cõi trời? Đức Phật nói người phạm

mười điều ác, khi nhắm mắt liền rơi vào địa ngục. Mười điều ác là, thân có: ba sát sanh, trộm cướp, tà dâm; khẩu có bốn: nói dối, nói thêu dệt, nói lưỡi hai chiều, nói lời hung ác; ý có ba: tham, sân, si. Ngược lại, người không phạm mười điều ác khi chết liền được sanh lên cõi trời. Nghĩa là không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai chiều, không nói ác độc, bớt tham, bớt sân và bớt si.

Phật cũng dạy muốn được làm người phải giữ năm giới: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu và hút thuốc phiện, xì ke, ma túy. Giữ năm giới là tu Nhân thừa Phật giáo. Người giữ được năm điều này là người tốt, đời này và đời sau tiếp tục làm người tốt hơn. Nếu bòn xẻn tham lam thì khi chết sẽ đọa làm ngựa quý, si mê thì đọa vào súc sanh. Si mê tức là không phân biệt thiện ác, tội phước, tà chánh.

Chúng ta tự xét lại mình đang đi đường lành hay đường dữ? Tạo nghiệp lành sẽ đi đường lành, tạo nghiệp ác sẽ đi đường ác. Chúng ta đời này được làm người thông minh sáng suốt là do đời trước tu tạo nghiệp lành. Cho nên, nếu làm những điều xấu dở thì sẽ bị dẫn xuống ba đường xấu, không biết chừng nào mới trở lên. Như con mèo muốn làm lành cũng không được, vì mèo thích ăn thịt chuột

nên cứ sát sanh hoài. Tạo nghiệp liên tục như vậy thì không thể sanh lên những cõi trên, chỉ đi xuống mà thôi. Cho nên lại tiếp tục bị nghiệp dẫn đi trong lục đạo luân hồi.

Tu là dừng nghiệp ác, làm nghiệp lành. Nghiệp từ thân, miệng, ý mà phát sinh. Thân làm lành, miệng nói lời lành, ý nghĩ những điều tốt là tạo nghiệp lành. Chúng ta muốn đi đường sáng, phải dè dặt ngừa đón việc ác, siêng làm các việc lành.

Chúng sanh tạo nghiệp nên bị nó dẫn đi, chứ không phải trời đất ban thưởng hay trừng phạt. Là chủ nhân tạo nghiệp thì chúng ta cũng có quyền chọn lấy con đường tốt hay xấu để đi, không ai xúi giục mình được. Nếu rơi vào hoàn cảnh khó khăn, nghèo khổ là do chính mình đã tạo, đừng than trời trách đất gì cả. Chết không phải là hết mà tiếp tục đi. Nhưng đi đâu thì mỗi người phải tự biết, không ai có thể trả lời thay. Đời này ta sống thế nào thì đời sau sẽ nhận kết quả đó.

Nhà Phật thường nói muốn biết tương lai ra sao thì hãy nhìn hành động trong hiện tại. Người thế gian thật đáng thương, hiện tại đã quá khổ, mà cứ tạo thêm nghiệp khổ để mai kia khổ nữa. Đạo Phật dạy lòng từ bi thương xót chúng sanh, nhưng không có nghĩa là thấy người ta khổ thì đem tiền

bạc cho. Phải dạy cho họ hiểu tạo nhân nào để đời sau an vui, tạo duyên gì để đời sau khỏi khổ. Dạy rồi phải răn nhắc, làm sao cho họ thức tỉnh tiến tu là ta đã cứu họ. Nhưng lời Phật dạy quá tầm mắt của người thế gian, nên họ thấy dường như viễn vông, chỉ nghĩ rằng cho tiền bạc mới là cứu giúp.

Gần đây có một gia đình gồm vợ chồng và hai đứa con, quý thầy cô thấy gia đình nghèo nên tìm cách giúp đỡ để họ có tiền nuôi con. Nhưng làm một tháng 500 mà tiêu xài tới 800 rồi phải vay nợ, cuối cùng bán nhà bỏ đi. Vậy mới thấy dù quý thầy cô có tốt bao nhiêu cũng không cứu được. Họ khổ là do không sáng suốt, dù ta đem tiền cho họ bao nhiêu cũng không đủ.

Chúng ta thấy trên thế gian có nhiều người vợ bị chồng hành hạ nhưng vẫn phải sống với nhau, hoặc có những người vợ lười thôi nhưng người chồng cũng không bỏ được. Người ngoài cuộc thấy như vậy thì bực tức nói: Sao không ly dị cho bớt khổ? Dù ta bực tức thì cũng không làm gì được. Bởi vì họ đã tự cột mình trong nghiệp, gỡ không ra. Nếu muốn cứu thì phải hướng dẫn họ nhận ra cái hay cái dở, rồi tự chuyển hóa cuộc đời mình.

Nghiệp có sức mạnh dẫn chúng sanh đi trong luân hồi sanh tử. Chúng ta là chủ tạo nghiệp nhưng

chưa biết sợ. Người thế gian cũng vậy, bất kỳ việc gì miễn kiếm được nhiều tiền là làm, không biết rằng mình đang làm ác. Đến khi quả khổ tới thì kêu la khóc lóc. Đã làm thì phải chịu chứ hối hận sao kịp.

Chúng ta phải khôn ngoan, biết cái nào cần giữ và cái nào cần bỏ. Đó là gốc của sự tu. Tu là tránh khổ trong hiện tại và khổ vị lai. Chết không phải là hết, khi từ già thân này, nghiệp sẽ dẫn chúng ta đi. Cho nên, phải lo tránh những điều xấu ác, dù kiếm được nhiều tiền mà tạo tội lỗi thì cũng không làm. Bởi vì tiền bạc từ già chúng ta sớm lắm, danh vọng cũng là hư danh. Chỉ có nghiệp lành là trung thành nhất, đưa mình tới nơi tới chốn, từ đời này đến đời sau.

Chúng ta hiểu và thực hành đúng như vậy là tu. Quý vị phải là ông trưởng giả sáng suốt, biết sống theo đạo lý, biết tu theo Phật pháp. Đừng làm ông trưởng giả mù tối, chẳng những uổng đời này mà khổ cả đời sau.



## CUỘC ĐỜI LÀ MÂU THUÃN

*Nói chuyện với đoàn Bác sĩ Tp. Hồ Chí Minh,  
tại thiền viện Trúc Lâm Phụng Hoàng  
Ngày 15/3/ Kỷ Mão - 30/4/1999*

Ở đây tôi không nói những gì cao siêu lắm mà nói về những kinh nghiệm sống của người Phật tử và người tu. Chúng ta sống như thế nào để cho cuộc đời được an lành tự tại, không bị những đau khổ làm ray rứt, đó là chủ yếu.

Cuộc đời là những mâu thuẫn, mới nghe qua rất lạ nhưng xét kỹ thì đó là sự thật. Bởi vì người Phật tử tại gia cũng như người xuất gia luôn luôn có những thứ buồn phiền. Than tại sao ở gia đình mình không có ý chí thống nhất với nhau, hoặc ở trong chùa sao không đồng tâm hiệp lực với nhau. Tập thể nào cũng có những chuyện như vậy hết.

Lý do gì mà có những buồn phiền, những phàn nàn đó? Bây giờ chúng ta thử kiểm tra lại nơi bản thân, từ thể xác cho đến tinh thần; và đi xa hơn là các quan niệm, những tổ chức, cuối cùng là làm sao thoát ra khỏi những mâu thuẫn ấy.

Chúng ta hãy nhìn lại con người của mình. Ai cũng ngỡ rằng có sự mâu thuẫn là do người này



đối với người kia, hoặc người kia với người nọ, chứ không nghĩ cái mâu thuẫn đó ở sẵn trong bản thân mình. Tôi nói theo Phật học, nhưng trong y học quý vị có thể nghiên cứu để ứng dụng. Trong Phật học, Phật dạy thân này do tứ đại hòa hợp gồm: đất, nước, gió, lửa. Đất với gió không thuận, nước với lửa không thuận. Cho nên những gì có sự chống trả nhau người ta thường nói như nước với lửa.

Trong thân mình, gió với đất có thuận không? Quý vị thấy nơi nào có giông lớn thì đất bụi bay tứ tung lên. Như vậy, trong thân con người khi nào lạnh phải uống thức nóng cho ấm lại. Khi nào bị nóng phải uống thức mát cho dịu lại. Vì nóng là lửa nhiều nước ít, còn lạnh là nước nhiều lửa ít, cho nên phải dung hòa nó. Cái gì yếu phải nâng lên, cái gì mạnh phải kéo xuống, đây là chuyện làm của bác sĩ. Trong sự sống chúng ta phải làm sao trung hòa các yếu tố có tính chất trái ngược nhau. Nếu quá bên nào cũng đều sanh bệnh hết.

Như gió với đất, cụ thể là người nào trúng gió thì phải làm sao? Trúng gió là gió nhập nhiều, triệu chứng nó là đau râm cả người, nên gió mạnh thì đất rung rinh, vì vậy chúng ta phải đánh gió. Đánh một hồi bớt gió thì người nhẹ, khỏe lại. Còn nếu ở lỗ mũi, cổ họng đất nhiều thì nó mọc nhánh ra; phải đi cắt bỏ, nếu không sẽ bị nghẹt. Rõ ràng đất với

gió luôn luôn đối chọi với nhau, cái này trội thì cái kia bị ngăn trở. Vì vậy chúng ta phải tìm cách điều hòa làm sao cho nó được quân bình. Chúng ta thấy rõ ràng thân này mang mầm mống của mâu thuẫn.

Phật dạy chúng ta điều hòa thân này giống như ông chủ điều hòa bốn con rắn sống chung trong một cái giỏ vậy. Nó luôn luôn thù địch nhau, muốn cho nó yên phải tìm cách điều hòa, đừng để nó cắn mổ nhau. Nhưng điều hòa tới mức nào? Kết quả ra sao? Cố gắng điều hòa tối đa, đến một lúc nào đó cái giỏ thủng bể thì mấy con rắn mạnh con nào con nấy chạy. Điều hòa giỏi như bác sĩ nhưng cũng có ngày cái giỏ sẽ thủng, mấy con rắn cũng chạy. Nước chảy theo nước, gió theo gió, lửa theo lửa, đất về đất. Không ai có thể điều hòa được suốt năm này tháng kia cho tới năm bảy trăm năm được. Chỉ một giới hạn nào thôi. Như vậy phần thân do đất, nước, gió, lửa nên có mâu thuẫn với nhau, còn nội tâm có mâu thuẫn không?

Theo Duy thức học của nhà Phật thì nội tâm chia ra các nhóm: nhóm thiện tâm sở và nhóm ác tâm sở. Thiện và ác có lẫn trong tâm ta. Có những sự việc xảy ra chúng ta bực tức nói lớn tiếng. Lát sau, thiện tâm sở rầy làm như vậy không đúng cho nên mình bị ray rứt, tự thấy khổ, tức là chính mình trừng trị mình rồi. Cái thiện răn cái ác, nhưng cũng

có khi cái ác thắng cái thiện. Như lẽ ra chúng ta không nói nặng với ai, không làm cho người đau khổ, đó là tâm niệm của người tu. Vậy mà khi có điều gì làm mình nổi tức lên thì ác tâm sở quá mạnh, nó lấn lướt làm cho chú thiện trốn đâu mất. Chú ác la lối một hồi, chú thiện mới trời đầu ra thì chuyện đã rồi. Nên nói mình có sẵn cái thiện mà cũng có sẵn cái ác. Nội tâm chúng ta lúc nào cũng có hai thứ đó giằng co với nhau khiến mình bất an hoài.

Thân chống đối, tâm chống đối đều là mâu thuẫn cả. Mâu thuẫn là gì? Thuần còn gọi là cái khiên, mâu là cây giáo. Giáo đâm thì khiên đỡ, chỏi lại. Trong tâm chúng ta sẵn sàng mâu thuẫn, thân cũng sẵn sàng mâu thuẫn. Tự mình đã mâu thuẫn thì sống với mọi người có mâu thuẫn không? Đó là điều không ai muốn, nhưng làm sao được! Thân đã mâu thuẫn, tâm đã mâu thuẫn thì người khác cũng vậy. Cho nên có hòa hợp là có chống đối, không bao giờ tránh khỏi điều đó. Như vậy trong thể xác và tâm hồn chúng ta luôn có sự mâu thuẫn.

Nói rộng hơn ở thế gian có mâu thuẫn không? Trong thế gian người ta thường nói có khí âm, khí dương. Âm với dương có chụu nhường nhau đâu. Dương nhiều thì nắng hạn khô, âm nhiều thì mưa dầm dề. Âm dương lúc nào cũng chống chọi nhau,

cái nào tăng nhiều cũng nguy hiểm. Như vậy âm dương ở thế gian cũng luôn luôn chống đối, chứ không phải hoàn toàn hòa hết. Có sự bất thường tức là có sự chống đối. Vì khí ở thế gian đối chọi nhau, luôn thay đổi nên ảnh hưởng tới con người, ít ngày cảm, sổ mũi nhức đầu v.v...

Rõ ràng con người, không gian bên ngoài, sự sống trên mặt đất đều có sự chống đối, mâu thuẫn với nhau, chứ không phải lúc nào cũng hoàn toàn an ổn. Về điện cũng có âm dương, biết điều hòa thì mới sử dụng được sự đối chọi của nó. Các nhà khoa học ngày nay đã tiến bộ vượt bậc, các công nghệ kỹ thuật phát minh không thể lường trước được là nhờ sử dụng được sự chống đối của điện. Thế nên chúng ta không sợ sự mâu thuẫn của điện, chỉ sợ mình không đủ khả năng điều hòa và sử dụng nó thôi.

Tới con người với con người. Ở đây tôi nói giữa người nam với người nữ. Thông thường người ta bảo nam thì cương, nữ thì nhu. Cương là cương cứng, nhu là nhu hòa, nên cũng chỏi. Vì vậy khi lập gia đình có chồng có vợ thì cũng là sự chống chỏi; bên cương, bên nhu làm sao giống nhau được. Cho nên vợ chồng thường hay cãi vã nhau cũng tại lý do đó. Những gì người nam đề nghị thì người nữ không chịu, người nữ đề nghị thì người nam không chịu. Như vậy mới thấy cuộc sống gia đình giữa nam nữ

muốn được hạnh phúc dễ hay khó? Đã là hai tính chất không giống nhau thì làm sao dễ được. Quý vị mới thấy cuộc sống luôn mâu thuẫn, không lĩnh vực nào không có mâu thuẫn. Vì vậy muốn cho cuộc sống trong gia đình được điều hòa thì phải hết sức khôn khéo. Đó là tôi nói chuyện cá nhân giữa nam nữ, bây giờ nói tới tập thể.

Tập thể nào cũng có một lập trường riêng, sinh hoạt riêng, chính kiến riêng không giống nhau. Không giống nhau thì sẽ có chống đối. Nhìn chung từ bản thân tới con người, gia đình, xã hội tất cả đều mâu thuẫn. Như vậy chúng ta sống làm sao được an vui hạnh phúc mà ta cứ đòi hạnh phúc, đòi giống nhau thôi. Đối với cuộc sống này phải khéo léo, khôn ngoan chứ không thể nào tưởng tượng được như ý mình. Ai nghĩ rằng những gì mình đề nghị ra mọi người đều nghe, đều tuân theo hết thì đó là ảo tưởng. Chỉ có mình đề nghị ra người ta phản đối nhiều hay ít vậy thôi, chứ không bao giờ mọi người chấp thuận hết.

Hiểu như vậy rồi, chúng ta phải làm sao cho cuộc sống được ôn hòa, vui vẻ? Nói điều này tôi nhớ những năm trước có người hỏi: “Thưa Thầy, nếu có hai tập thể thù địch nhau thì theo quan niệm của Thầy, phải làm sao cho hai tập thể đó được hòa hợp?”. Tôi trả lời: “Có nước, có lửa thì có cơm ăn”.

Câu trả lời đơn giản vậy thôi. Quý Phật tử thử xét, thật ra người ta cứ sợ mâu thuẫn, nhưng không ngờ chính cái mâu thuẫn là điều kiện để cho con người trong vũ trụ này có sự sanh hóa. Nam không cũng không sanh được, nữ không cũng không sanh được. Muốn sự sanh hóa được liên tục tốt đẹp thì người điều hòa phải khéo. Như chúng ta có nước mà không có lửa, hay ngược lại có lửa mà không có nước thì không có cơm ăn. Phải có nước, có lửa và người khéo dùng nước, dùng lửa để nấu thì có cơm ăn; chứ dùng nước để dập tắt lửa, hay dùng lửa đốt cho cạn nước thì không có cơm ăn.

Cho nên cuộc sống phải khéo điều hòa, nếu nặng bên nào cũng thất bại cả. Vợ chồng trái nhau, không giống nhau, nhưng đừng để bên nào thiệt thòi mà phải có cuộc sống vừa phải, không nên vì được phần mình mà mất lòng người thì gia đình tan nát. Do đó chúng ta phải có cuộc sống hết sức khéo léo và đừng bao giờ chủ quan. Nhất là bên nam hay chủ quan ta là phái mạnh, cái gì cũng bắt phái yếu tuân theo, đó là điều không tốt, không khéo điều hòa. Đã không khéo điều hòa thì mầm đau khổ sẽ nảy sinh, nên đừng để bên nào bị thiệt thòi thì cuộc sống mới đi tới chỗ tốt đẹp, an vui, hạnh phúc.

Nên biết hạnh phúc trong cuộc đời chỉ là hạnh phúc tương đối. Vì nó được kết hợp bởi hai thứ

không giống nhau thì làm sao trường cứu được. Nếu khéo điều hòa thì cuộc sống tạm an ổn, tạm vui, chứ không có hạnh phúc nào hoàn toàn như ý hết. Kể cả ông vua cũng không như ý, bởi vì vua cũng có người chống, chứ đâu phải ai cũng nghe theo. Vì vậy chúng ta phải điều hòa để cho cuộc sống được tốt đẹp. Như vì nồi cơm chúng ta phải điều hòa lửa, nước; nhờ có điều hòa nước, lửa nên chúng ta có cơm ăn ngon.

Cũng vậy, trong cuộc sống khéo điều hòa thì gia đình hạnh phúc, vợ chồng vui, con cái tốt. Đừng bao giờ nghĩ tưởng dùng thế mạnh đàn áp người ta phải theo mình. Bởi vì khi người ta bị đàn áp họ phải tuân theo, nhưng trong lòng họ không phục, thế nào cũng có lúc họ phản ứng lại thôi. Cho nên khéo quân bình thì tốt, mới là người sống khôn ngoan. Nếu mình giỏi, mình khôn rồi bắt người ta cũng theo mình, đó là chưa thật khôn ngoan. Đây là chuyện mâu thuẫn và điều hòa giữa con người, gia đình, xã hội.

Vậy điều hòa bằng cách nào? Phật dạy, muốn điều hòa phải tập hai đức tính nhẫn nhục và hỷ xả, người thế gian nói nhẫn nhịn và tha thứ. Muốn nhẫn nhịn và tha thứ thì trước tiên chúng ta phải có cái nhìn thật đạo lý. Có lần tôi được hỏi: “Thầy làm Phật sự có gặp những trở ngại do người khác

tạo ra không?”. Tôi nói: “Có”. Hỏi: “Như vậy Thầy nghĩ sao về người gây trở ngại cho Thầy?”. Tôi trả lời: “Trước mắt tôi không có kẻ thù, chỉ có những người bạn đã thông cảm và chưa thông cảm thôi”.

Nhìn cuộc đời phải như vậy. Những người đã thông cảm thì tốt với mình, còn những người tuy chưa thông cảm nhưng họ cũng là bạn, chứ không có thù. Như vậy trong gia đình, vợ chồng chẳng lẽ coi nhau như kẻ thù. Nếu có việc vui buồn xảy ra thì cũng nghĩ rằng đây là người bạn chưa thông cảm, sẽ tìm cách để được thông cảm, chứ đừng bao giờ coi như kẻ thù.

Chẳng những trong gia đình mà kể cả mọi người bên ngoài, chúng ta phải có cái nhìn cởi mở, thương yêu. Có thế mới giải quyết được nỗi khổ của con người. Trên thế gian này tràn trề đau khổ bởi vì người mạnh cứ nghĩ mình hơn, rồi cuộc gây đau khổ hoài. Hiểu đúng lẽ thật chúng ta mới thấy rằng sống là để đem lại an vui cho mình, cho người. Muốn được như vậy thì đừng xem ai là kẻ thù hết. Đó là chúng ta biết sống, chúng ta khéo léo.

Cuộc sống từ cá nhân, gia đình cho tới tập thể, không bao giờ hoàn toàn đúng theo ý mình, được chừng sáu mươi đến bảy mươi phần trăm là tốt lắm rồi, chứ đừng đòi hỏi phải như ý hết. Những người



đòi hỏi như vậy là hiểu sai lầm, không đúng lẽ thật. Bây giờ làm sao để thấy người chung quanh chúng ta là bạn? Phải tập nhìn nhận. Bởi vì con người ai cũng có sẵn ác tâm sở là nóng giận, đàn ông đàn bà ai cũng biết giận. Khi mình nổi giận nói lời không phải thì người khác cũng nổi giận nói lời không phải. Vậy thì làm sao? Cái phải về mình hết hay mỗi bên nhường một chút. Chúng ta có tật hay cãi lý. Cãi cho ra lý mà lý không có thật, thường thường lẽ phải ở kẻ mạnh chứ không thật lý. Cho nên đừng đòi hỏi lẽ thật, chỉ có ai mạnh, ai được nhiều người bênh vực thì người đó phải. Còn ai yếu, ít người bênh vực thì không phải. Ở đời là như vậy thôi.

Thời nay người ta dùng lá thăm<sup>2</sup>, dù người không hay lắm nhưng được lòng thiên hạ thì cũng được thăm, còn người dù cho hay mà thiên hạ không hiểu cũng không được thăm như thường. Đừng cho rằng những gì hay, những gì phải thì sẽ được. Chỉ khéo được nhiều người mến, được nhiều người ủng hộ, hoặc đưa ra những gì đúng với sở nguyện của họ thì họ hưởng ứng theo mình. Ngược lại dù có đưa ý kiến đúng mà họ không muốn thì cũng không theo như thường. Như vậy không hẳn nhiều người khen là lẽ phải. Lâu nay chúng ta cứ ngỡ rằng được nhiều người chấp nhận, đó là lẽ phải. Không phải

---

2. Phiếu bầu, thẻ biểu quyết.

như vậy. Lẽ phải chân thật cần người có nhận định thật sâu, chứ không phải thường. Được phần đông quần chúng theo thì trong đó đa số là những người xu hướng thôi.

Chỉ chúng ta tùy thuận với nhau, nhường nhịn nhau để mà sống. Đừng nói việc này phải, ai làm khác thì sát phạt họ, nghĩ như vậy là không được. Người chồng thấy mình phải, người vợ cũng thấy mình phải rồi đòi sát phạt nhau. Như vậy là có hai quan tài rồi. Trong cuộc sống, chúng ta phải một phần, người kia phải một phần, thôi thì nhường nhịn nhau cho tốt đẹp, đó là hạnh nhân nhục của đạo Phật.

Nhưng nếu nhịn nhau mà không tha thứ, cứ nhớ lỗi người ta hoài thì điều hòa được chưa? Hôm nay nhịn chứ mai một gặp việc cũng bùng nổ nữa. Đó là căn bệnh người ta hay chứa trong lòng. Có ai làm phật lòng lần đầu ráng nhịn, mai một gặp nữa thì nói tôi nhịn lần thứ hai rồi nghe. Như vậy không phải là điều hòa thật. Chúng ta nhịn thì phải bỏ qua luôn, đừng nhắc tới nhắc lui. Nhịn mà không chịu quên cứ nhắc hoài. Nhắc hoài thì người kia cũng sân lên, rốt cuộc không ai nhịn ai cả.

Vì vậy mong quý Phật tử khéo nhân nhịn với nhau. Qua sự nhân nhịn đó chúng ta còn phải hỷ xả,

nghĩa là vui mà bỏ chứ đừng gượng bỏ. Bởi vì chẳng qua đều do khờ dại nên ta mới cãi vã với nhau. Biết rồi thì bỏ hết đừng thêm giận hờn gì nữa. Nếu nghĩ mình phải, kia quấy rồi ôm ấp, mai một gặp việc cãi lại nữa, rốt cuộc không hết khổ đau. Phương pháp nhẫn nhịn sẽ đưa chúng ta tới chỗ an ổn. Nhẫn nhịn là khéo léo điều hòa ngọn lửa, đừng để nước dập tắt lửa, cũng đừng để lửa đốt cạn nước.

Ở gia đình, vì con cái nên vợ chồng nhường nhịn nhau. Ngoài xã hội, vì một lý tưởng nào đó mà người ta phải nhịn nhau. Trong đạo thì vì đạo đức cao thượng nên nhường nhịn nhau, tha thứ nhau. Nhờ thế mà gia đình, tập thể mới thật có an ổn, thật có vui tươi. Nếu không như vậy thì chẳng bao giờ có niềm vui được. Chồng với vợ gặp nhau gượng nói chuyện chứ trong bụng không ai ưa ai, đó là nỗi khổ lớn nhất trong gia đình. Ngoài xã hội cũng thế.

Do biết cuộc đời là mâu thuẫn nên chúng ta phải điều hòa bằng hai hạnh nhẫn nhục và hỷ xả. Muốn được nhẫn nhục, hỷ xả, trước phải có tâm từ bi, thấy tất cả là bạn, không có ai thù. Ba điều đó từ bi đi trước, nhịn sau, rồi tha thứ nhau. Không có từ bi thì không thể có nhẫn nhịn và tha thứ được. Cứ cho người làm trái ý mình là kẻ thù thì không bao giờ nhường nhịn. Cho nên đừng thấy ai là kẻ thù cả, chỉ có bạn đã thông cảm và chưa thông cảm.

Đó là tâm từ bi. Chính do tâm từ bi nên chúng ta mới nhường nhịn, tha thứ nhau được. Chúng ta ứng dụng giáo lý của Phật trong cuộc sống thì mình sống vừa có đạo đức, vừa được an vui trong gia đình.

Đó là ba điều kiện để chúng ta điều hòa sự mâu thuẫn. Tuy khó nhưng chúng ta cố gắng ứng dụng trong cuộc sống, nếu không ắt sẽ chịu khổ thôi. Hiểu được vậy mới biết sống và sống có hạnh phúc, chứ đừng tranh phải quấy hơn thua thì không bao giờ hạnh phúc. Đó là lẽ thật. Tóm lại, muốn cho sự sống tốt đẹp bình yên thì phải đủ ba điều kiện từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả. Nói theo thế gian là tình thương, nhẫn nhịn và tha thứ.

Kinh nghiệm trong cuộc sống đã cho thấy, tôi sống chung quanh năm sáu trăm Tăng Ni, không bao giờ tôi dám ảo tưởng rằng ai cũng giống hệt tôi và tôi nói ai cũng nghe. Có những điều họ nói không vừa ý tôi, nhưng rồi tôi cũng bỏ qua, không có buồn. Chứ nếu mỗi chút mỗi buồn thì chắc tôi chết sớm lắm. Thôi thì việc gì cũng bỏ qua, miễn họ tu được là tốt.

Vì vậy quý Phật tử nhớ, vợ chồng có gì trái ý nhau nên bỏ qua, miễn gia đình bình yên, con cái học hành đàng hoàng, khôn lớn nên người là được rồi, những gì riêng tư thì bỏ qua hết. Vì việc chung

nên bỏ cái riêng thì sẽ được an ổn. Ở trong gia đình chẳng những vợ chồng không giống nhau mà cha mẹ, con cái cũng không giống nhau. Muốn được bình yên vui vẻ thì trên dưới cũng phải điều hòa.

Cái khổ là cha mẹ không bao giờ nhịn con. Con có nhịn hay không chịu nhịn cha mẹ thôi, chứ cha mẹ không bao giờ nhịn con, mà chắc gì cha mẹ đã đúng 100%. Bởi vì người ta cứ cho rằng cha mẹ sanh ra con cái nên cha mẹ là bề trên, con cái không có quyền cãi. Nhưng thật ra cha mẹ sanh là sanh thân thể thôi, chứ đâu có sanh được tâm hồn. Tâm hồn con cũng có cái hay riêng của con nên cha mẹ cũng phải nhịn.

Như tôi là thầy, đâu thể nhịn trò, nhưng có khi thầy cũng bỏ qua. Bỏ qua tức là nhịn rồi. Nhờ vậy tôi điều hòa được mấy trăm người, chứ nếu bắt như mình mà người ta không được như mình, rồi đuổi đi hết thì thôi chắc tôi cũng sống một mình. Hiểu được như vậy mới thấy nhờ chúng ta khéo điều hòa nên mọi việc tốt đẹp. Đây là phương pháp thứ nhất, phương pháp tương đối.

Bây giờ tới phương pháp thứ hai là phương pháp tuyệt đối, phương pháp này ít người thực hiện được. Khi nào chúng ta dẹp được tâm đối đãi của mình; tâm sở thiện, tâm sở ác hết thì chừng

đó hoàn toàn khỏi nhãn nhĩ, khỏi tha thứ gì cả. Nên nói tuyệt đối là vậy. Như Lục tổ Huệ Năng bảo thượng tọa Huệ Minh: “Không nghĩ thiện, không nghĩ ác, cái gì là bản lai diện mục của thượng tọa Minh?”. Ngay câu nói này Huệ Minh liền nhận ra bản lai diện mục của mình. Bản lai diện mục đó không có hai bên, mà không có hai bên thì đâu còn mâu thuẫn. Không còn mâu thuẫn mới là vĩnh viễn an lành. Đây chính là mục đích Phật nhắm đến để dạy chúng ta tu đạt được giải thoát viên mãn.

Trong Tín Tâm Minh, tổ Tăng Xán nói: “Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm”. Tin mình có cái tâm chân thật thì không còn hai. Không còn hai mới tin được tâm chân thật của mình, còn thiện tâm sở và ác tâm sở không phải thật tâm của mình. Một nhóm tham lam và một nhóm hiền lành, hai nhóm đó lặng xuống mới hiển bày tâm chân thật của mình. Được tâm chân thật rồi thì cười hoài, không cần nhãn nhĩ, không cần tha thứ gì nữa. Nếu hai thứ đó còn thì phải từ bi, nhẫn nhĩ, hỷ xả cuộc sống mới yên.

Tổ Trúc Lâm có bài kệ Hữu Cú Vô Cú, tức là câu có câu không. Người còn thấy có, thấy không là còn thấy hai. Tôi tạm dẫn vài câu trong bài kệ ấy:

*Hữu cú vô cú,*

*Tự cố tự kim,*

*Chấp chỉ vong nguyệt,  
Bình địa lục trâm...*

Nghĩa là thấy có thấy không, từ xưa đến nay, như người chấp ngón tay mà quên mặt trăng. Ngón tay chỉ mặt trăng mà cứ cho mặt trăng chính là đầu ngón tay. Đó là kẻ ngu xuẩn. Phải bỏ ngón tay mới thấy mặt trăng ở trên kia. *Bình địa lục trâm*, tức là trên đất bằng mà chết chìm, đây là chỉ cho những kẻ quá ngu xuẩn. Còn hai bên là còn đau khổ, còn ngu xuẩn. Chừng nào hết hai bên mới được tự tại, an lành.

Nên phải hiểu quý thầy dạy Phật tử tu, ngồi thiền để làm gì? Để bỏ cái tâm chạy theo hai bên đó. Ngồi thiền thì nghĩ ác, nghĩ lành gì cũng bỏ hết để đi tới chỗ không còn hai, khi đó mới hoàn toàn giải thoát. Còn có hai thì không bao giờ giải thoát được. Do đó chúng ta mới hiểu ý nghĩa tại sao mình phải ngồi thiền, tại sao mình bỏ hết tất cả vọng tưởng thiện ác. Bởi vì còn thiện tức là còn ác đối đãi, vì vậy phải buông cả hai thì tâm mới yên. Tâm yên mới là tâm chân thật, còn tâm nghĩ thiện nghĩ ác v.v... chưa phải là tâm thật.

Lâu nay chúng ta cứ tưởng nó thật, giống như ngón tay chỉ mặt trăng mà mình cứ cho đầu ngón tay là mặt trăng. Không ngờ bỏ đầu ngón tay, nhìn tận chân trời mới thấy mặt trăng, người tu phải

khôn ngoan ở chỗ này. Tu là siêu thoát. Siêu thoát nghĩa là không kẹt trong đối đãi. Không đối đãi thì qua được các thứ mâu thuẫn khổ đau, hoàn toàn an lành tự tại, cho nên mục đích cuối cùng của người tu Phật là không còn thấy hai. Được vậy thì tự nhiên hết mâu thuẫn, không còn gì để chống đối.

Song nếu người chưa qua khỏi hai bên thì phải tập tu từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả thì cuộc sống mới yên lành. Bước đầu quý Phật tử nên tập từ bi, nhẫn nhục và hỷ xả trước, cho cái mâu thuẫn trong mình được điều hòa, cuộc sống bình an. Lấy đây làm bài học thì có thể nói là có một triết lý sống. Vì lâu nay Phật tử sống mà ai cũng nuôi cực đoan nên mang lấy đau khổ, rồi kêu trời trách đất hoài. Nếu biết được lẽ sống như vậy thì cuộc sống rất bình an. Người vượt qua được sự đối đãi thì thành thánh rồi, không nói thánh cũng là thánh, có việc gì phải buồn. Chúng ta còn thương người làm lành ghét người làm ác, cho nên còn có hai tức là còn đối chọi. Chỉ khi nào qua được hai bên mới hết mâu thuẫn. Ý nghĩa của đạo Phật cao siêu là vậy.

Nếu Phật tử ứng dụng được điều này trong cuộc sống thì thật là hay, bằng ngược lại thì học Phật bao nhiêu cũng chẳng có ích lợi gì. Đạo lý thật hay, nhưng đôi khi cả người tu cũng không thực hành nổi, cứ thù người này giận người kia. Người



tu mà còn thù giận thì chưa phải người tu. Hiểu thấu đáo cuộc sống rồi chúng ta chỉ cười thôi, không có gì quan trọng hết. Khi đặt vấn đề quan trọng, có người hưởng ứng với mình thì là bạn, không hưởng ứng lại trở thành thù. Cứ mãi như vậy thì phải chịu đau khổ thôi.

Có người hỏi tôi: “Thầy có thuật gì mà điều hòa mấy trăm Tăng Ni và nhất là bên Ni?”. Tôi nói: “Ai đến thưa kiện người này sai, người kia trái, tôi đâu có xử. Tôi bảo, thấy người ta quấy thì mình cũng đã quấy rồi. Nhờ vậy không ai dám đến thưa kiện”. Quý Phật tử có thấy thật tình là như vậy không? Chưa bao giờ hai người cãi nhau mà có người chịu mình quấy cả, nhưng làm sao cả hai đều phải được, cho nên thấy người quấy là mình đã quấy trước. Không quấy thì không cãi, mà cãi thì đã quấy. Đây là kinh nghiệm, từ kinh nghiệm sống cho đến tu tập Phật dạy rất nhiều, nhưng trọng tâm đều nằm ở đó. Nhiều vị sau này giảng một bài pháp dài mênh mông, mà chỉ toàn lý thuyết suông thì không đi tới đâu hết, phải có thuật sống để cho người biết mà noi theo.

Điểm ưu việt của Phật giáo đời Trần chính là chủ trương Tam giáo đồng nguyên. Thiên tông dung hợp chứ không thấy đây khác kia để rồi đi đến chống chọi nhau. Do đó người trong nước theo

đạo Lão, đạo Khổng không chống với đạo Phật. Nhờ ba tôn giáo hòa nhau nên dân mạnh, đó là điểm rất hay. Tôi mong quý Phật tử nghe rồi áp dụng những điều tôi nói vào cuộc sống cho khéo, cho đầy đủ ý nghĩa, mới thấy niềm vui hiện tại, sống là vui.



## NGƯỜI PHẬT TỬ PHẢI TU NHƯ THẾ NÀO

Hôm nay, tôi nhắc nhở những điểm thiết yếu trong sự tu tập cho quý Phật tử hiểu rõ và ứng dụng tu có kết quả tốt. Các phương pháp tu hành trong đạo Phật rất cụ thể, gần gũi với con người và cuộc sống. Sự hành trì của Phật tử tại gia được thể hiện nơi bản thân, cách ứng xử với thân quyến trong gia đình và mọi người ngoài xã hội. Nhiều Phật tử rất ham tu, tuy hiểu đạo mà xử sự chưa được khéo và hợp lý nên vô tình đánh mất giá trị đích thực của sự tu.

Trước hết, người Phật tử phải tu như thế nào? Nhiều vị nói tu mà không biết tu làm sao, tưởng rằng chỉ cần quy y, ăn chay, niệm Phật là đủ, không biết trong tâm phải tu thế nào cho đúng ý nghĩa. Vì vậy đầu tiên quý vị phải nắm vững cách thức hành trì, hiểu rõ ý nghĩa và giá trị tu tập của một người Phật tử. Những tạp niệm như xấu trong nội tâm cần được gột rửa sạch sẽ. Đồng thời nỗ lực chiến thắng những tham ái của thân, đắm mê ngũ dục. Cuối cùng, tiêu diệt chuyển hóa những tập nghiệp từ đời trước còn sót lại. Đó là ba điều cần yếu, người Phật tử ghi nhớ và cố gắng phấn đấu thực hiện.

Quý vị cố gắng chuyển hóa, đừng để tham sân si sai sử gây tạo tội lỗi. Do không hiểu như thật về thân tâm nên chúng ta thường nuôi dưỡng những ý niệm sai lầm, tự cho mình là người khôn ngoan sáng suốt nhất trên đời. Nếu thật sự như thế thì lẽ ra tất cả mọi chuyện mình phải biết hết, đấng này mỗi người chỉ giỏi lắm chừng hai ba sở trường nào thôi. Có người chẳng làm được gì mà cũng vỗ ngực xưng tên ta là anh hùng. Thật tức cười!

Ngày xưa tôi tập đánh máy đánh chữ để soạn bài, biết sử dụng như vậy coi bộ cũng khá rồi. Bấy giờ Tăng Ni chuyển qua dùng máy vi tính thì tôi mù tịt không biết gì, tự nhiên mình trở thành lạc hậu. Kiểm lại mới thấy, trong hàng triệu điều trên thế gian mình không thể nào biết hết, vậy mà cứ nghĩ ta khôn ngoan, thật là lầm lẫn. Nếu vô tình nghe ai nói “anh ngu quá” thì nổi giận liền. Do không hiểu đúng như thật nên bị chê mới sân như vậy. Ngu mà tưởng khôn là đại si mê, là tai họa lớn lao.

Từ si mê sanh ra tham lam, tham lam mà không được thì sanh ra nóng giận, ba thứ độc này đa số mọi người đều còn nguyên. Đây là những cù cặn làm nhơ bản tâm Bồ-đề. Mỗi một lần quý vị sân giận thì la lối om sòm, tới lúc thức tỉnh biết mình bậy thì đã quá muộn. Người học đạo lâu mà không nhớ sửa thì tập khí vẫn y như cũ. Sự tu không tính

trên năm tháng, cốt làm sao từ bỏ được những điều dở xấu trong tâm. Mỗi người tự nỗ lực tu hành, đừng lấy thời gian năm tháng làm tiêu chuẩn đạo đức. Nhiều vị đã quy y 10 năm 20 năm, nghe bộ Phật tử thuần lấm, mà tập khí xấu chưa trừ bỏ được thì cũng chưa xứng đáng.

Ngoài ba độc chính là tham sân si, thì ngã mạn kiêu căng cũng là một trong sáu căn bản phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Mạn là ngã mạn, nghi là nghi ngờ, ác kiến là thấy biết tà vạy, cố chấp thiên lệch. Đó là điều thứ nhất nói về sự tu của bản thân.

Thứ hai, đối với ngoại cảnh bên ngoài, năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta đã làm chủ được chưa? Con mắt thấy sắc đẹp liền chạy theo đắm mền hay dừng ở cái biết hiện tiền? Từ con người cho đến những món đồ quý, hoặc đơn giản như một cành hoa, hầu hết chúng ta vừa thấy đẹp là muốn sở hữu ngay.

Quý thầy cô ở thiền viện Trúc Lâm trồng nhiều hoa, Phật tử đến tham quan rất thích chụp hình lưu niệm. Hôm đó tôi đang đi ngoài sân, một Phật tử nữ lại xin: “Bạch Thầy, cho con xin ngắt một cành hoa”. Tôi trả lời: “Thầy muốn bông hoa tươi đẹp bền lâu trên cành, chứ không muốn nó khô héo mau

chóng trong tay con”. Đó là thói quen chung của đa số mọi người. Thấy hoa đẹp muốn bẻ cho mình chơi, tới chùng héo thì quăng đi. Thật uổng phí vô cùng. Điều tế nhị này rất ít người để ý đến.

Đối với mắt, những gì chúng ta cho là đẹp thường luôn bị nó lôi cuốn khiến mình mất tự chủ. Thấy hoa đẹp biết hoa đẹp rồi thôi, thì tốt biết bao nhiêu. Cảnh hoa ấy sẽ được nhiều người thưởng lãm và sống lâu trên cảnh. Nếu khởi niệm hái mà người ta không cho thì lén ngắt là chịu thua nghiệp. Muốn hưởng riêng hương sắc của hoa, vô tình hủy hoại nó và còn làm tăng trưởng nghiệp tham. Cũng vậy, đối với con người, đồ vật quý v.v... muốn mọi thứ đều thuộc về mình mà không được như ý thì trần trọc nghĩ tưởng. Đó là bị lệ thuộc vào trần cảnh, không tự chủ. Cho nên tu là làm chủ và thắng nghiệp tập. Ngày nào an ổn là mừng ngày đó, đừng để bại trận bị nghiệp xô đẩy không đứng vững trên đường đạo.

Đối với lỗ tai, mọi người thường thích nghe những bản nhạc hay, dù tới giờ niệm Phật, tụng kinh hoặc tọa thiền cũng bỏ hết để nghe nhạc. Bị âm thanh lôi cuốn thì phải tập chiến thắng nó. Dù là bản nhạc mình ưa thích nhưng phải chú tâm vào đề mục đang tu, nghe qua rồi thôi chứ đừng để nó lôi cuốn. Được như thế là tạm thắng trận, ngược lại là thua trận.

Lỗ mũi người mùi thơm hôi cũng vậy, ưa thơm ghét hôi. Giả sử gặp thứ gì có mùi thơm nức thì muốn ngửi hoài. Nhiều vị đi ngang cây hoa hoàng lan, ngửi xong ngắt một cành đem theo ngửi tiếp, chừng nào khô thì quăng chứ không chịu để nó yên. Đó là thói quen xấu, không làm chủ được căn mũi, bị lệ thuộc vào mùi hương.

Riêng về cái lưỡi thì thôi vô số chuyện, đáng nói nhất là bệnh tham ăn. Nghiệp này đa số người thế gian phải mệt vì nó. Đồng lương thấp mà muốn ăn thật ngon, thành thử chừng vài bữa thì lương đã hết. Cả ngày làm việc nặng nhọc chỉ vì miếng ăn. Nhưng sự thực dù cao lương mỹ vị hay đơn giản như rau luộc chấm nước tương, cũng vô đầy bao tử rồi thôi. Tới chừng nó đi ra thì chẳng cái nào quý hơn cái nào, đều là đồ bỏ hết. Vì lưỡi quá lệ thuộc về vị ngon nên chúng ta mới có cảm giác thèm thuồng như vậy. Bây giờ biết bệnh của lưỡi rồi thì tập vui trong mọi trường hợp, dù ngon dù dở, dù tiền nhiều hay tiền ít, miễn có ăn để hết đói là tốt rồi. Phải làm chủ nó, không khen cũng không chê thì thắng được nghiệp tham vị ngon. Đây là chỗ chúng ta cần phải tu.

Đối với thân thể, con người ưa thích xúc chạm những thứ mềm mại mát mẻ chứ không thích thô rít, nên dễ sanh ra bực bội nóng nảy khi không vừa ý. Đa số chúng ta thường đòi hỏi sự thỏa mãn từ

xúc chạm, nhưng người biết tu thì càng phải chiến thắng được cái xúc chạm về thân. Đó là lược nói qua sự tu tập khi nắm căn tiếp xúc nắm trần. Giá trị sự tu nằm ở chỗ chúng ta làm chủ và thắng được bao nhiêu phần đối với nghiệp tập. Nếu tu mà cứ khao khát đủ thứ thì không bao giờ tiến, nói cách khác là chưa thật biết tu.

Thứ ba, tu là thắng thói quen và tật xấu của bản thân. Ai cũng có một vài tật xấu riêng chứ không ai tốt hoàn toàn. Người thì nặng về tham danh, tham lợi, tham sắc. Người thì nặng về sân hận, nóng giận. Người thì nặng về mê muội, mờ tối. Những tập khí đó có từ thuở nào chứ không phải mới đây. Người tu thiên phải luôn kiểm điểm lại, xem mình nặng về bệnh gì để tu sửa. Hằng luôn nhớ phản quan lại mình, đừng để tập khí trời lên kết tạo thành nghiệp, sau hối hận không kịp.

Nhiều người không kiểm soát được mình, nghe điều trái tai liền nổi nóng la ầm ĩ, qua cơn giận lại xin lỗi với lý do “vì tôi nóng quá”. Nóng là thói quen từ lâu đời, cho nên động tới nó trào ra, kiểm soát không kịp thì bị nó dẫn kết thành tội lỗi. Đối với những tật xấu nặng, chúng ta phải khéo điều trị cho hết. Đừng bao giờ bảo vệ nó bằng cách nói “tánh tôi nóng lắm, đừng chọc tôi”. Bảo người khác đừng chọc tức là bảo vệ cho cái tật xấu còn hoài.



Những người có tật cống cao ngã mạn, thấy ai cũng coi không ra gì và thường khinh rẻ người khác. Trong khi bản thân mình không hề giỏi mà lúc nào cũng hui hui tự đắc là điều rất sai lầm. Đó là tật xấu có từ thuở nào nên chúng ta phải biết điều phục cho giảm bớt và tiêu mòn dần. Đây là lối tu rất thực tế ngay trong cuộc sống này. Những gì là tật xấu phải cố gắng dẹp bỏ, không nên để nguyên như cũ. Khi tu, xét thấy mình có chuyển hóa hoặc đã thắng được tập khí là tu tiến. Nếu chưa thắng được nghiệp, để nó quật ngã thì phải cố gắng nỗ lực nhiều hơn. Những điều thiết yếu này quý vị cần nắm vững và thực hành cho tốt.

Trường hợp tu với gia đình và thân quyến. Nhiều Phật tử nói mình siêng năng tới chùa lễ Phật tụng kinh, nhưng về nhà lại xích mích không vui với con cái, anh em. Tự nghĩ: “Mấy người này phạm tục quá, chịu không nổi, chỉ có mình là thánh thiện thôi”. Đó là bệnh rất lớn. Sự tu gần nhất được thể hiện đối với người thân, ông bà cha mẹ, thân bằng quyến thuộc trong gia đình.

Cha mẹ là người gây dựng nên hình hài này, mình chính là một phần tinh huyết của cha mẹ. Nếu khinh cha mẹ thì không còn chút đạo lý, vì vậy người biết tu lúc nào cũng quý kính song thân. Dù cha mẹ dốt nát quê mùa mình vẫn quý kính. Cái

hay của Phật tử là làm sao khéo tìm phương tiện, cách thức để hướng dẫn cha mẹ quy hướng Tam bảo, đừng bao giờ xem thường hay xa lánh. Nhiều vị tu mà thấy cha mẹ không biết tu thì coi thường. Đó là tội lỗi, chưa xứng đáng người tu theo đạo Phật. Dù song thân có như thế nào thì chúng ta cũng kính trọng, không bao giờ dám khởi tâm xem thường.

Trong trường hợp cha mẹ đã biết đạo đức, khuyên mình đi chùa, làm việc phước thiện thì cho rằng cha mẹ không sáng suốt, bị người ta gạt theo mê tín dị đoan, thành ra khinh rẻ. Điều này phải nên tránh. Dù cha mẹ có lỡ làm những việc chưa đúng chánh đạo, mình vẫn kính trọng rồi tìm cách khuyên lớn. Hướng nữa cha mẹ đã có tâm hướng thiện thì phải vui mừng trợ giúp cho lòng tốt đó tăng trưởng, không nên ngăn trở hoặc làm điều gì khiến cha mẹ bực bội.

Nên nhớ nếu không có cha mẹ làm gì có thân ta, điều này ai cũng biết. Vì vậy Phật tử không được phép xem thường hoặc bất hiếu, mà luôn luôn tôn kính cha mẹ. Như vậy mới xứng đáng người biết sống với đạo lý và lẽ thật. Có nhiều người lớn lên lại quên ơn cha mẹ, ơn trọng hậu của song thân còn quên được thì không cái ơn nào có thể nhớ. Người như vậy thật đáng trách!

Cái gốc của đạo đức xuất phát từ lòng kính trọng và hiếu thảo với ông bà cha mẹ. Người không biết gốc rễ là càn bướng, ngu khờ, thiếu sáng suốt. Người sáng suốt lúc nào cũng nhớ mình là máu thịt của cha mẹ. Cha mẹ tốt thì mình tốt, cha mẹ xấu thì mình cũng vui lòng chịu xấu. Không nên tự hào mình là người tốt còn cha mẹ chẳng ra gì, điều này thật trái đạo lý. Thực tế, khi sanh ra ai cũng thừa hưởng gen tốt hoặc xấu từ cha mẹ, không thể tách rời được. Lẽ thật này nếu không biết, tuy nói tu đạo mà ân nghĩa chân thật lại quên, là sai lầm hết sức lớn.

Anh em quyến thuộc cũng là một phần máu thịt của cha mẹ, tức là của mình. Có thể mỗi người một hình tướng và tâm niệm khác nhau, nhưng rốt cuộc cùng chung huyết thống. Đạo đức nhân nghĩa không cho phép chúng ta làm những điều trái lẽ thật, nhất là trong cùng một dòng tộc. Mọi người đều phải thương yêu giúp đỡ nhau, đừng vì lợi ích cá nhân mà trở lại oán hờn thù địch lẫn nhau. Dù người đó có nhiều tật xấu, mình cũng phải tha thứ, đừng quá cố chấp. Điều này Phật tử phải khắc ghi, xét theo thế gian thì không có gì quý bằng tình ruột thịt. Một khi đánh mất rồi khó tìm lại được.

Người biết tu luôn sáng suốt xét kỹ và trân trọng mối quan hệ giữa mình và mọi người trong

xã hội. Như khi chúng ta uống một tách cà phê, không phải chỉ có tiền là được. Nếu phân tích kỹ sẽ thấy bao nhiêu ân nghĩa trong đó. Để có được hạt cà phê, người nông dân phải mất rất nhiều công sức chăm sóc vun trồng, bón phân, tưới tẩm. Kế đến là những người chế biến đóng thành sản phẩm bán ra thị trường. Cuối cùng là người pha khuấy cho mình uống. Tất cả đều là người ơn của chúng ta. Đừng nghĩ mình có tiền thì uống, phải biết trân trọng công ơn của mọi người.

Từ đó chúng ta suy rộng các mối quan hệ trên thế gian này, thực là một chuỗi nhân duyên chằng chịt. Ai ai cũng là người cho mình mang ơn. Một chiếc áo chúng ta mặc do công sức người trồng bông vải, người kéo chỉ, dệt may. Một chén cơm chúng ta ăn cũng chứa chan trong đó bao nhiêu mồ hôi nước mắt và công sức của người nông dân, người xay giã, người nấu nướng. Ngoài cơm, trong mỗi bữa ăn nào là nước tương, dầu muối, thức ăn... Xét kỹ mới thấy ai ai cũng là người ơn của mình. Chúng ta không thể sống đơn độc, riêng lẻ mà phải có sự quan hệ qua lại với mọi người.

Xét cho cùng tất cả người trên thế gian đều là ân nhân của mình, vì vậy phải thương yêu nhân loại, không nên kỳ thị oán ghét. Mất một người là mất một phần giúp đỡ, một phần của sự sống. Nên

nhớ trong xã hội luôn có mối liên hệ không tách rời giữa mình và mọi người. Nghĩ thế thì chúng ta cố gắng làm việc lợi ích cho cộng đồng, đó là người hiểu đạo lý, người biết sống.

Bồ-tát thấy một chúng sanh còn đau khổ thì các ngài chưa yên. Quý ngài thấy như thật về mối tương quan duyên trong cuộc sống này, nên phát tâm đi vào đời làm lợi ích chúng sanh không một lời than phiền. Chúng ta là những người tu theo đạo Phật, cố gắng noi theo gương hạnh các ngài, phát triển trí tuệ và lòng từ bi vô hạn, như vậy tiến lên mục đích cứu cánh là giác ngộ giải thoát.

Ý nghĩa tu hành trong nhà Phật rất sâu rộng. Đừng nghĩ chỉ cần thọ Tam quy Ngũ giới để trở thành Phật tử là đủ, mà không cần tu tập gì thêm. Thật ra, để trở thành một người tốt trong xã hội, chúng ta phải có một tâm hồn rộng rãi bao dung, luôn tương trợ tương kính đối với cha mẹ anh em trong thân tộc và với tất cả mọi người chung quanh. Đừng chỉ biết riêng mình, miễn mình vui là được ai khổ mặc ai, điều đó không hợp đạo lý chút nào hết.

Hôm nay nhân buổi giảng cuối năm, tôi nhắc nhở quý Phật tử hiểu rõ tinh thần đạo đức gắn liền với cuộc sống thực tiễn. Làm sao đời tu của mình

phù hợp với đạo đức chân thật, chứ đừng học đạo bằng ngôn ngữ hay lời nói suông. Mong quý vị cố gắng thực hiện được bao nhiêu thì quý bấy nhiêu. Điều nào chưa được thì cố gắng hơn lên để sự tu càng ngày càng tiến bộ, không nên giậm chân một chỗ.



## VU LAN MÙA BÁO HIẾU

Mỗi năm vào ngày rằm tháng bảy, quý Phật tử gần xa tụ hội về chùa dự lễ Vu Lan. Sau buổi tụng kinh, chúng tôi thường có một thời pháp nói về ý nghĩa của ngày này. Vu Lan còn có các tên gọi khác là Tụ tứ, Phật hoan hỷ nhật, Cứu độ vong nhân và mùa báo hiếu. Năm nay tôi chú trọng nhiều hơn về chữ Hiếu, cho nên đề tài buổi giảng này mang tên *Vu Lan mùa báo hiếu*.

Đạo Phật lấy đạo đức làm trọng, đức lấy lòng hiếu thảo làm gốc. Mùa báo hiếu gọi lại trong tâm tư mỗi người con Phật công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Lễ ra hiếu thảo chỉ dành cho người thế tục, còn người xuất gia phải lo việc cao siêu hơn là độ chúng sanh thoát khỏi trầm luân sanh tử. Thế nhưng, ngài Mục-kiền-liên tuy đã chứng quả A-la-hán vẫn nhớ đến người mẹ ngày xưa chưa biết đạo đức, muốn cứu mẹ thoát khỏi cảnh thống khổ. Bởi vậy ngài được nhân gian xưng tán là Đại hiếu Mục-kiền-liên, một gương hạnh tu hành đầy đủ công đức và thâm đạt đạo lý siêu thoát.

Vu Lan là ngày tưởng nhớ đức Mục-kiền-liên vâng lời Phật dạy, làm lễ cứu độ vong linh mẹ thoát

kiếp nọ quý khổ đau. Chúng ta là con Phật cũng noi gương ấy, cố gắng siêng năng tu tập, hướng nguyện công đức về cho song thân đã quá cố hay còn hiện đời được nhiều lợi lạc. Trong nhà Phật đặt nặng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Đây cũng là ý nghĩa vô cùng cao quý của mùa báo hiếu.

Tình thương của con đối với cha mẹ hoặc cha mẹ đối với con không phải bốn phận bắt buộc. Đó là thứ tình cảm thiêng liêng gắn bó từ thuở nào, không thể dùng lời diễn tả hoặc dùng hình ảnh tâm thường phô diễn được. Trong kinh Phật dạy, giả sử có người vai trái công cha, vai phải công mẹ trải qua một thời gian rất dài, dù cha mẹ đại tiểu tiện trên lưng cũng chưa đủ đền đáp công ơn trời biển. Tại sao? Hình hài chúng ta có được là từ máu huyết, tế bào của cha mẹ. Nó là của cha mẹ tạo nên, dùng nó để đền đáp lại công ơn cha mẹ chẳng biết bao nhiêu mới đủ.

Cha mẹ sanh ra chúng ta, thân này là của cha mẹ, cho nên cha mẹ có quyền sử dụng. Huống nữa cha mẹ còn phải nuôi dưỡng, lo lắng cho ta từ thuở nằm nôi đến ngày lớn khôn. Bao nhiêu công lao cực khổ nhọc nhằn cha mẹ đều dồn hết cho con. Song thân vừa lo làm lụng để có cơm áo gạo tiền, vừa lo đối xử với xã hội để gia đình được bình an hạnh phúc, vậy mà không bao giờ cha mẹ than phiền hay



trách móc. Đi đâu làm gì đều trông ngóng về con, thấy con mạnh khỏe là mừng, thấy con chạy chơi là vui. Nếu về nhà thấy con bệnh hoặc buồn, cha mẹ xót xa đau nhói trong lòng. Ân đức đó thật thâm sâu, khó có thể báo đền!

Nhiều lúc vì quá thương con mà cha mẹ quên đi sự hôi hám, nhọc nhằn. Dù con có đại tiểu tiện trên mình cũng không thấy nhòm gớm, chấp nhận hết mọi khó khổ để con được bình an mạnh khỏe. Cha mẹ giữ gìn con bằng cách nào thì phận làm con cũng phải đối lại với cha mẹ sao cho xứng hợp. Nghĩ đến sự hy sinh tột cùng của cha mẹ mà không dám lơ đãng. Dù người xuất gia hay tại gia cũng phải luôn khắc cốt ghi tâm điều này.

Tình thương cha mẹ dành cho con đâu phải vì bốn phận, nó xuất phát từ đáy lòng chân thật, vượt lên trên tất cả. Một Phật tử kể, hồi nhỏ cha cô mất sớm chỉ còn mẹ. Mẹ lúc nào cũng cưng chiều, thương yêu chăm sóc cô. Cô thích ăn cơm nạc, không ưa ăn cơm cháy, mẹ thấy vậy nói: “Mẹ thích ăn cơm cháy”. Vì nhường cho con mà nói khác đi, chứ sự thật đâu phải mẹ ưa cơm cháy. Tấm lòng cha mẹ đối với con thật vô bờ bến, sự hy sinh này không sao tính kể được.

Bởi lẽ đó, lòng kính thương cha mẹ của con không thể bắt buộc theo bốn phận, luân lý, mà

nhuận thấm trong tim gan máu thịt. Từng tế bào, từng giọt máu của chúng ta đều từ cha mẹ mà ra, nên tình thương đó là huyết thống chứ không phải bình thường. Đằng sau sự trưởng thành của con có biết bao hy sinh khổ nhục, quên ăn bỏ ngủ của cha mẹ. Nhiều khi con bệnh, cha mẹ phải chạy bán nhà bán ruộng, quên cả thân mình vì lo cho con. Thật không ngôn từ nào có thể nói hết. Người làm con phải khắc ghi và đền đáp sao cho xứng đáng với hai chữ hiếu thảo.

Ngài Mục-kiền-liên sau khi đắc đạo, dùng thiên nhãn thấy mẹ sanh trong kiếp quỷ đói nên đem cơm đến dâng cho mẹ. Vì nghiệp nhân của bà quá nặng nên cơm vừa để vào miệng liền biến thành than đỏ. Trước cảnh ngộ đó ngài rất đau lòng, trở về tinh xá bạch Phật cầu chỉ dạy. Người đã đắc đạo còn thương mẹ thiết tha như thế, huống nữa chúng ta đang sống chung với song thân lại dám bỏ bê sao?

Đức Phật dạy ngài Mục-kiền-liên, đến ngày rằm tháng bảy cũng là ngày Tụ tứ của chư vị thánh chúng, nên thiết lễ cúng dường Trai tăng. Nhờ sức chú nguyện và lực gia trì của chư vị thánh chúng giúp mẹ ngài chuyển đổi tâm ác, thoát kiếp nạn quỷ. Vâng lời Phật dạy, ngài Mục-kiền-liên đã dùng hết khả năng và tâm thành hiếu thảo của mình thiết lễ cúng dường. Kết quả mẹ ngài được sanh lên cõi trời.

Phật tử học hạnh hiếu thảo phải bắt chước gương hạnh ngài Mục-kiền-liên, ngõ hầu đền đáp phần nào công ơn cha mẹ. Nếu song thân đã quá cố được sanh về cõi lành; nếu còn hiện đời được nhiều phúc lạc, tăng trưởng tuổi thọ và thiện căn.

Ngày nay với lòng kính tin Tam bảo và lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, năm nào đến mùa Vu Lan, Phật tử cũng sắm đủ phẩm vật cúng dường. Nhờ sức gia trì của Tam bảo và sức chú nguyện của Tăng Ni mong cứu thoát tội khổ cho cha mẹ. Sự thật ngày xưa ngài Mục-kiền-liên làm lễ có các bậc thánh tăng chứng dự gia hộ. Ngày nay người thọ lãnh chỉ là phàm tăng, như vậy sự hiệu nghiệm và kết quả e rằng không được viên mãn như sở cầu của quý vị.

Lẽ ra chúng tôi không nên khuyến khích Phật tử đến chùa cúng lễ vào ngày rằm tháng bảy, mà tại sao chúng tôi vẫn làm? Việc cầu mong tuy chưa hẳn được như ý nguyện, nhưng một ngày một giờ người con biết hồi tâm nhớ đến cha mẹ là đang sống với tâm chân thành, lương thiện và hiếu thảo. Trong kinh Phật dạy, không tội lỗi nào lớn bằng tội bất hiếu, không phước đức nào lớn hơn phước hiếu thảo. Dù chỉ một giờ chúng ta tưởng nhớ cha mẹ là một giờ có phước đức.

Hằng năm chúng tôi đều nhắc tới nhắc lui ân đức của cha mẹ trong ngày lễ Vu Lan để gợi lại lòng hiếu thảo cho quý Phật tử. Trong cuộc đời này, cha mẹ là người có công lớn nhất đối với chúng ta. Nếu chúng ta bội bạc thì không còn ai để mình đối xử tốt hơn được. Người có đạo đức phải bắt đầu từ lòng hiếu thảo đối với cha mẹ. Biết báo đáp công người đã hy sinh cho mình, từ đó mới có tâm từ thương xót mọi người xung quanh, dần dần lan rộng ra tới cộng đồng, xã hội.

Đạo đức phát nguồn từ lòng hiếu thảo, người không hiếu thảo khó có đạo đức. Phật tử tuy cúng dường chư Tăng Ni còn phạm tục, chưa đáp ứng đủ tâm nguyện như sở cầu, nhưng với lòng hiếu thảo phát tâm làm việc lành, thiện nghiệp của quý vị đã tăng trưởng. Điều đáng quý nhất là đối với cha mẹ hiện đời, quý vị biết thương nhớ và đem hết tâm chân thành cung kính báo đáp. Nếu cha mẹ đã quá cố cũng đem lòng thành làm những việc thiện lành hồi hướng cho họ được siêu thoát. Đó là ý nghĩa thiết thực của mùa báo hiếu.

Trong sử kể lại rằng, thái tử Tất-đạt-đa vượt thành xuất gia vì muốn cứu cha mẹ và chúng sanh, chứ không phải lánh tránh bổn phận đối với vua cha. Cho nên sau khi đắc đạo, Ngài trở về thăm hoàng cung, khuyên Tịnh Phạn vương quy y Tam bảo, thọ trì Ngũ giới. Đến lúc vua cha lâm bệnh nặng,

Ngài khuyến tấn cha hướng tâm về con đường Phật đạo. Đức Phật thuyết lý vô thường của vạn pháp cùng bốn đức thường lạc ngã tịnh của Niết-bàn, Tịnh Phạn vương cởi mở tâm thức, thân tâm an lạc, chứng quả A-la-hán trước khi mạng chung.

Đối với thân mẫu là hoàng hậu Ma-da, sau khi sanh thái tử Tất-đạt-đa được bảy ngày, bà thác sanh về cung trời Đao Lợi. Vào mùa An cư thứ bảy, đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết Vi Diệu Pháp và kinh Địa Tạng Bồ-tát Bốn Nguyện cho mẹ cùng thiên chúng nghe trong suốt ba tháng. Ngài đã làm tròn bốn phận của người con, độ được cha mẹ hiện đời và quá cố. Đệ tử của Phật là ngài Mục-kiền-liên chứng A-la-hán cũng cứu được mẹ. Ngày nay Tăng Ni đi tu đâu phải vì trốn tránh bốn phận đối với cha mẹ. Nhiều khi nghĩ cha mẹ ai cũng phải già chết, lúc còn sống chúng ta lo săn sóc nhưng chỉ giới hạn phần nào. Đến khi cha mẹ sắp qua đời, phải lo làm sao mới là điều thiết yếu.

Người xuất gia luôn mong mỗi đời này cha mẹ an ổn, những đời sau được tự tại thanh nhàn. Cho nên ai cũng ráng tu để độ mình, độ cha mẹ và tất cả chúng sanh. Vì thế đi tu là lý tưởng siêu thoát vượt ngoài thường tình. Lòng hiếu thảo của người xuất gia phát xuất từ đạo đức chân thành, lòng dũng cảm và sự hy sinh cao đẹp. Trong kinh sách từ xưa đến nay có rất nhiều chuyện nói về gương hiếu hạnh

của chư vị Phật, Bồ-tát, thánh tăng cũng như các bậc tôn đức trong từng tông lâm để chúng ta noi theo.

Tôi có đến chùa Hồng Phúc, tức chùa Hòe Nhai ở Hà Nội thăm Sư cụ Trụ trì. Trước đó tôi đã được nghe câu chuyện về gương hiếu hạnh của thiền sư Tông Diễn (1640 - 1711), vị Tổ truyền thừa dòng thiền Tào Động, dân gian miền Bắc quen gọi là hòa thượng Cáy, miền Nam gọi là hòa thượng Cua. Gặp Sư cụ, tôi thỉnh ngài kể lại hành trạng của thiền sư Tông Diễn và được ngài chấp thuận.

Chuyện kể rằng, thiền sư Tông Diễn mồ côi cha từ thuở nhỏ, sống với mẹ trong căn nhà lá đơn sơ, cách chợ chừng ba cây số. Mẹ ngài tần tảo bắt cá mò cua, buôn gánh bán bưng để nuôi con, ngài ở nhà lo cơm nước. Năm đó ngài khoảng 12 tuổi, một hôm trước khi gánh hàng ra chợ bán, bà dặn: “Sáng nay mẹ bắt được mấy con cáy, đang đựng trong giỏ treo nơi góc bếp. Con ở nhà giã cáy nấu canh, trưa mẹ về hai mẹ con cùng ăn”. Ngài vâng lời, khoảng giữa buổi ra vườn hái rau đay rồi vào bếp lấy giỏ cua xuống. Lúc đổ chúng ra chậu định làm thịt, thấy bọt sùi lên rất nhiều, ngài nghĩ cua đang khóc. Thương quá không nỡ giết nên ngài đem cua trút hết xuống ao cạnh nhà.

Tối trưa mẹ từ chợ về vừa mệt vừa đói, giỏ mâm cơm ra không thấy canh, bà hỏi: “Sao mẹ

dẫn nấu canh cáy mà con không nấu?”. Ngài ngập ngừng thưa: “Thưa mẹ, hồi sáng định làm thịt cáy nấu canh, nhưng thấy chúng nó khóc quá, con tội nghiệp thả hết rồi”. Đang trong cơn mệt, bà bực tức lấy đòn gánh đánh con. Ngài sợ quá chạy một mạch không quay lại. Mẹ gục mặt xuống bàn, vừa tức tối vừa đau lòng. Tối chững tỉnh lại gọi con thì không thấy đâu hết, vội nháo nhác đi tìm nhưng không thể được nữa.

Bấy giờ ngài lưu lạc đến một ngôi chùa và được cứu mang cho tu học. Sau này lớn lên ngài theo đại sư Thông Giác, ngày ngày sở học càng uyên thâm, công đức tu hành càng tăng tiến. Trải qua hơn 40 năm, ngài đã trở thành hòa thượng Trụ trì một ngôi chùa, tâm luôn nhớ đến mẹ, muốn cầu báo hiếu. Nhiều lần trở về quê tìm thăm mẹ nhưng chẳng thấy tin tức. Cho tới một hôm ngài gặp một cụ bà đầu tóc bạc phơ, sống hiu quạnh nơi quán nước ven đường. Ngài hỏi chuyện:

- Cụ lớn tuổi mà còn bán trà, sao không ở nhà con cháu nuôi?

Bà than:

- Thưa thật với Thầy, con chẳng còn ai cả. Trước đây con có đứa con trai, vì chút hiểu lầm nó sợ hãi bỏ con đi luôn. Bây giờ không biết ở đâu?

Nghe bà cụ kể lại chuyện cũ, biết chắc đây chính là mẹ mình nhưng ngài không nói ra, nhẹ nhàng ôn tồn hỏi:

- Bà cụ muốn theo tôi về chùa không?

Bà mừng rỡ thưa:

- Được thế thì còn gì bằng. Nhưng con già yếu rồi, không làm được gì, lại phải tốn hao cơm gạo của chùa, e sợ phải tội.

Ngài an ủi:

- Không sao, bà cụ đừng lo. Người khỏe có việc của người khỏe, người già có việc cho người già. Quý thầy sẽ sắp công việc phù hợp với sức khỏe của cụ, không làm được gì, niệm Phật thôi cũng tốt mà.

Nghe thế bà cụ bằng lòng. Ngài nói tiếp:

- Để tôi về bàn lại với chúng Tăng trong chùa, nếu quý thầy bằng lòng, tôi sẽ tới rước cụ.

Về tới chùa, ngài họp Tăng chúng hỏi ý kiến, mọi người đều hoan hỷ chấp thuận. Sau đó ngài cho cất một am tranh cạnh chùa rồi rước bà cụ về ở. Mỗi sáng, ngài ra trước đóm cỏ khoanh một vòng, chỉ vào đó bảo: “Bữa nay cụ làm cỏ trong vòng này, vừa làm cỏ vừa niệm Phật nghe”. Ngày này qua ngày khác, cả bà lẫn chư Tăng đều không biết quan hệ



giữa bà với hòa thượng Trụ trì. Ít năm sau bà cụ già yếu dần, hồi xưa vẽ vòng lớn bây giờ Hòa thượng vẽ vòng nhỏ. Lâu dần bà cụ đau yếu không thể làm công quả.

Một hôm bà bệnh nặng, ngài và chúng Tăng tận tình chăm sóc. Biết bà không thể qua khỏi, nhưng vì có Phật sự phải đi vắng nên ngài dặn Tăng chúng: “Nếu bà cụ có mệnh hệ gì, quý vị để bà trong áo quan đừng đậy nắp, đợi tôi về hãy đậy sau”. Quả đúng như dự đoán, vài hôm sau bà cụ mất, chúng Tăng trong chùa làm lễ tẩn liệm rồi đặt bà vào áo quan mà không đậy nắp. Ngày đêm mọi người thay phiên nhau tụng kinh, niệm Phật.

Hai hôm sau, thiền sư Tông Diễn về tới, ngài chậm rãi bước quanh quan tài ba vòng, mọi người ai nấy đều ngạc nhiên trước cử chỉ hành động thành kính đó. Bỗng nhiên ngài cất tiếng nói: “Đức Phật từng dạy, một người tu hành ngộ đạo cha mẹ sanh thiên. Nếu lời ấy không sai thì xin cho quan tài bay lên hư không để chứng minh”. Nói xong, ngài cầm tích trượng gõ ba cái, quan tài từ từ bay lên hư không, áp sát mái tranh rồi hạ xuống. Lúc đó mọi người mới biết bà cụ chính là mẹ của ngài. Ai nấy đều kính ngưỡng bậc chân tu đắc đạo với tâm hiếu hạnh vẹn toàn. Từ đó dân gian gọi ngài với cái tên thân thuộc gần gũi là hòa thượng Cáy (Cua).

Câu chuyện là bài học quý báu cho tất cả chúng ta. Tuy rằng ngài đi tu nhưng đâu phải quên hẳn cha mẹ. Chỉ vì lúc đầu quá sợ hãi nên mới chạy trốn. Vô chùa cấm đầu lo tu, do lòng thành kính tu hành mà sau này độ được mẹ. Trong kinh thường nói, một người con tu hành đắc đạo cha mẹ được sanh cõi trời. Nhắc lại sự tích này, tôi muốn củng cố thêm niềm tin vào sự tu hành cho tất cả quý vị. Hồi xưa đức Phật đi tu không quên cha mẹ, kể đến ngài Mục-kiền-liên đệ tử lớn gần với đức Phật cũng thế. Sau này cách chúng ta mấy trăm năm lại có thiên sư tu hành đắc đạo cũng không quên công ơn cha mẹ. Đó là những dẫn chứng cụ thể để chúng ta nương theo học tập và thực hành.

Ngược lại những tấm gương hiếu hạnh đáng quý kính, còn rất nhiều trường hợp bạc bẽo với cha mẹ, đây là điều chúng ta cần phải tránh. Thời Phật còn tại thế, ở nước Ma-kiệt-đà có thái tử A-xà-thế là con vua Tần-bà-sa-la (Bình-sa vương) và mẹ là hoàng hậu Vi-đề-hi. Vua cha và hoàng hậu đều mộ đạo và là đệ tử thân tín của đức Phật. Chỉ riêng thái tử A-xà-thế chưa quy y Tam bảo, lại bị Đề-bà-đạt-đa xúi giục âm mưu ám hại đức Phật, giết vua cha để đoạt ngôi.

Hôm nọ vào lúc đêm khuya, thái tử giấu thanh gươm trong mình lẻn vào phòng cha định ám sát

nhưng bị phát hiện. Vua cha xét hỏi, thái tử nói rằng vì muốn làm vua nên được Đê-bà-đạt-đa sắp đặt mưu kế. Với tấm lòng từ bi của một người con Phật, vua Tần-bà-sa-la tha tội cho con và trao ngai vàng. Với ý đồ xấu, Đê-bà-đạt-đa kể cho A-xà-thế biết khi thái tử ra đời được tiên đoán là kẻ sẽ giết cha. Điều này làm cho A-xà-thế càng thêm bực tức. Tuy đã nắm được ngai vàng nhưng thái tử không yên tâm. Vì thế ông ra lệnh hạ ngục và bỏ đói vua cha cho đến chết, chỉ một mình hoàng hậu được phép vào thăm.

Mỗi lần vào thăm, bà Vi-đê-hi đều giấu thức ăn trong người cho vua ăn. Giấu trong túi áo bị phát hiện, bà giấu trong búi tóc v.v... cách nào cũng bại lộ. Cuối cùng bà tắm rửa sạch sẽ rồi bôi lên mình một lớp thức ăn được làm bằng đường, sữa và mật ong. Lần này vua A-xà-thế biết nên cấm luôn không cho mẹ vào thăm cha. Tuy nhiên, với sự thực tập thiên quán học được nơi đức Phật, vua Tần-bà-sa-la vẫn duy trì sự sống một cách an ổn. Thấy cha chưa chết, vua A-xà-thế sai thợ cạo vào ngục, lấy dao bén gọt gọt chân cha, xát dầu và muối rồi hơ lên lửa nóng cho đến chết mới thôi.

Song song với thời gian ấy, vợ A-xà-thế hạ sanh một đứa con trai. Quá sung sướng, ông thương con quá đỗi, xem như ngọc như vàng, quý báu vô cùng.

Chứng đó A-xà-thế mới nghĩ không biết hồi xưa cha có thương mình như vậy không, liền chạy vào lãnh cung tìm thái hậu hỏi:

- Thưa mẹ, khi xưa lúc con ra đời, cha có thương con không?

Thái hậu Vi-đề-hi đáp:

- Sao con hỏi lạ vậy? Cha làm sao mà không thương con.

- Bằng chứng nào mẹ nói cha thương con?

Thái hậu kể lại năm bảy chuyện, trong đó có một điều khiến A-xà-thế sửng sốt. Bà nói:

- Một hôm con bị mụn nhọt ở đầu ngón tay, nó hành đau đớn khiến con khóc nức nở. Cha đã lấy miệng hút mủ trong mụn nhọt ra, rồi nuốt luôn chứ không nhổ vì sợ lấy tay ra con sẽ đau.

Nghe xong vua sững người, không ngờ cha thương mình như vậy mà mình lại hại cha. Ôm lòng hối hận, A-xà-thế hoảng hốt vừa chạy về khám đường vừa la lớn: “Thả cha ta ra, thả cha ta ra”. Tới nơi mở cửa ngục, vua cha đã chết. A-xà-thế đau đớn thống thiết vì không còn cách nào cứu được cha. Lúc đó ông mới biết mình đã phạm tội bất hiếu, nhất định phải đọa địa ngục.

Ông tìm tới Phật than thở: “Con là kẻ giết cha, chỉ có cái chết mới đền được tội của con”. Đức Phật nói: “Dù chết vẫn bị đọa địa ngục, vì tội này thuộc trọng tội đại nghịch, phải nên phục thiện làm các việc lành mới mong chuyển nghiệp”. A-xà-thế nghe thế liền phát tâm quy y Tam bảo, thọ trì năm giới. Từ đó ông ăn chay, sám hối và khuyên tất cả quần thần quy y Tam bảo, dạy dân chúng làm mười điều lành v.v... Đó là bài học lớn có giá trị đối với tất cả chúng ta. Muốn bù đắp tội lỗi, chính mình phải chuyển nghiệp xấu và tu dưỡng nghiệp lành. Nếu hối hận mà tự tử là càng thêm tội, vẫn phải đọa địa ngục. Gương hạnh chuyển hóa của vua A-xà-thế thật đáng trân quý.

Những năm tôi ở thiền viện Chơn Không, gần đó có một vị đáng người vạm vỡ tuổi gần 60 nhưng bị mù. Nhà ông có đứa con trai và một đám cháu nội. Tuy ông mù nhưng ngày nào con trai cũng bắt ra giếng gánh 20 đôi nước về nhà mới cho ăn cơm, bữa nào không gánh thì không được ăn. Nghe những điều đó tôi thấy thật bất nhẫn. Nhiều khi thiếu gạo, ông lên núi xin mì, thấy hoàn cảnh thương tâm nên tôi cũng cho. Tôi không biết lý do tại sao, chỉ nghe người ta kể ông bị xử sự tàn nhẫn như thế. Sau này một người hàng xóm lên thiền viện chơi kể lại tường tận, tôi mới biết rõ nguyên nhân. Họ nói khi

xưa lúc ông còn tráng kiện sống với người mẹ già bị mù. Mỗi lần bà mẹ nói điều gì trái ý, ông cầm roi quất mẹ, cho nên bây giờ bị con trai và cháu nội đối xử tệ bạc. Đây thật là những chuyện nhân quả trước mắt không đâu xa.

Khi chúng ta làm điều ác tội lỗi, không thể tránh khỏi quả khổ. Hiếu thì được phước rất lớn nhưng bất hiếu lại mang tội không nhỏ. Muốn trở thành người con đạo đức, chúng ta phải đặt hiếu thảo lên trên. Ai chẳng biết mình có mặt trên cõi đời này gốc từ cha mẹ. Lo lắng săn sóc, thương yêu cha mẹ là việc đương nhiên, không đợi ai ép buộc. Hiếu thảo không phát xuất từ luân lý bắt buộc, cũng không vì trong kinh dạy chúng ta mới làm. Tình thương sâu đậm giữa cha mẹ với con đã ăn sâu trong lòng mỗi người, và sẵn có từ thuở nào. Chúng ta không có quyền quên giá trị thiêng liêng cao đẹp đó, và phải thể hiện bằng cách rắng tu hành để báo đền ân đức cha mẹ.

Ý nghĩa chữ hiếu trong đạo Phật rất rộng và thâm trầm, làm sao giúp cha mẹ ngay trong đời này và đời sau đều được an lành mới xứng đáng. Nếu cha mẹ đòi làm những việc sai lầm thiếu đạo đức, người con phải tìm cách khuyên can. Thậm chí không được giận cũng không nên nói lời nặng nề mà phải khôn ngoan khéo léo, tránh đừng để cha mẹ bị tổn phước. Đó là ý nghĩa hiếu thảo cao đẹp.

Tinh thân hiếu thảo trong nhà Phật vừa thương cho đời này, vừa nghĩ cho đời sau. Dù dướng cha mẹ món ngon vật lạ đến bao nhiêu cũng chỉ trong chốc lát. Thân vô thường trước sau đều phải chết, khi chết rồi bị nghiệp ác đã tạo trong đời này dẫn đi, chừng đó ai cứu? Lòng hiếu thảo không chỉ hạn cuộc ngắn ngủi tạm bợ trong thân vô thường, mà còn mang ý nghĩa sâu xa ở tương lai. Hướng cha mẹ về con đường Phật đạo, tu tạo thiện nghiệp và phước đức để đời đời an lành thanh thoi mới thật là báo hiếu.

Tình thương cha mẹ không do bên ngoài áp đặt mà sẵn trong tim gan, xương tủy của mỗi người con. Không cần đợi luân lý đạo đức dạy phải thương cha mẹ, chúng ta mới thương. Không cần đợi người xưa nhắc nhở hiếu thảo, chúng ta mới hiếu thảo. Bổn phận làm con thì phải giữ gìn và luôn trân quý giá trị thiêng liêng này. Cha mẹ còn hiện đời là phước lớn, con cái phải đem lòng chân thành hiếu kính thờ phụng. Biết hướng đến điều thiện và sự tu tập để gây dựng phước đức ngày càng tăng trưởng, xứng đáng tư cách người Phật tử tu theo đạo Phật. Đối với cha mẹ đã quá vãng, người con phải một lòng thành kính hướng về Tam bảo phát tâm tu hành, làm nhiều việc phước thiện hồi hướng công đức về cho cha mẹ. Đó chính là tâm hiếu thảo của những người con Phật.

Hôm nay nhân ngày lễ Vu Lan báo hiếu, tôi mong tất cả quý Phật tử hướng tâm về cha mẹ, khắc cốt ghi tâm ân đức cao vời của song thân. Tự mình trôi tròn bốn phận đối với cha mẹ, đồng thời tạo dựng cho con biết trân quý giá trị đạo đức cao đẹp này. Làm sao những điều tốt lành ăn sâu trong tâm trí chúng, khiến con cháu sống đạo đức, đầy đủ trí tuệ và tình thương. Đây cũng chính là bốn phận của người Phật tử. Mong quý vị cố gắng tu tập, xứng đáng là người con hiếu theo gương hạnh của ngài Mục-kiên-liên.





## TẠI SAO PHẬT TỬ PHẢI TỤNG KINH NIỆM PHẬT TRÌ CHÚ VÀ TỌA THIỀN

*Năm Nhâm Ngọ - 2002*

Buổi giảng hôm nay tôi nói đề tài rất gần gũi với quý Phật tử: *Tại sao người Phật tử phải tụng kinh, niệm Phật, trì chú và tọa thiền.* Phật tử thường nghĩ rằng mình tu thì phải tụng kinh, niệm Phật, trì chú và tọa thiền. Tất cả những việc ấy là một hay khác, chúng ta nên thực hiện hết hay thực hiện từng phần? Đó là nội dung buổi giảng hôm nay.

Nếu Phật tử tu vừa tụng kinh, vừa niệm Phật, vừa trì chú, vừa tọa thiền thì quá nhiều. Phật bảo: Chúng sanh có nhiều phiền não nên Phật cũng có nhiều pháp môn để đối trị. Cho nên mỗi một phương pháp tu là thích ứng với mỗi căn cơ, mỗi bệnh của chúng sanh. Ai thích hợp với pháp môn nào thì tu pháp môn ấy, tu một cách triệt để cũng đạt đến kết quả viên mãn. Không nhất thiết tu một lượt hai ba pháp môn, mà chẳng pháp nào ra pháp nào, rốt cuộc không có kết quả gì.

Tại sao chúng ta phải tụng kinh? Khi nói tới tụng kinh, nên biết có hai ý nghĩa quan trọng. Ý

nghĩa thứ nhất, tụng kinh là để nghe nhớ lời Phật dạy, ứng dụng tu hành. Ý nghĩa thứ hai, tụng kinh cốt làm sao cho tâm mình không xao động, không chạy theo ngoại cảnh như lúc bình thường. Cho nên khi tụng kinh bắt buộc chúng ta phải chú ý từng lời, từng chữ trong kinh, dồn hết tâm vào kinh, tụng cho đúng. Vừa tụng vừa nghe tiếng tụng của mình, tâm lắng dịu, tỉnh sáng. Còn vừa tụng kinh vừa nghĩ chuyện này chuyện nọ là làm mất giá trị của việc tụng kinh. Tụng kinh đúng pháp, tâm chúng ta từ từ bớt xao xuyến, bớt loạn động. Đó là hiệu quả của tụng kinh.

Tại sao Phật tử phải niệm Phật? Vì muốn về Cực Lạc. Pháp môn này chắc quý Phật tử đã từng thực hành. Thật ra niệm Phật là một pháp rất thiết yếu đối với người Phật tử. Phật tử nào đầy đủ lòng tin là Tín, nguyện sanh về Cực Lạc là Nguyện và luôn luôn niệm Phật là Hạnh. Nói rõ hơn Tín là tin cõi Cực Lạc có thật, tin đức Phật A Di Đà sẽ đến đón mình. Hạnh là đi đứng nằm ngồi luôn luôn niệm Phật. Nguyện là khi lâm chung, mong Phật sẽ đến đón chúng ta về Cực Lạc. Có đầy đủ ba yếu tố Tín, Hạnh, Nguyện thì niệm Phật sẽ đạt được kết quả tốt.

Nhưng hiện nay Phật tử niệm Nam Mô A Di Đà Phật, mà đã hiểu ý nghĩa câu niệm Phật ấy

chưa? Nhiều người thế gian hơi khó tính hay giễu cợt: “Ông bà nếu nghe người ta kêu tên mình hoài chắc giận lắm”. Quý Phật tử nghĩ sao? Niệm Phật là gọi tên Phật hoài phải không, vậy Ngài có buồn có giận không? Điều này nếu chúng ta không hiểu, sẽ không giải quyết được những thắc mắc của người thế gian.

A Di Đà là danh hiệu Phật, tức tên của Ngài. Khi chúng ta niệm Phật là niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Chữ nam-mô nghĩa là cung kính. Nam Mô A Di Đà Phật là cung kính đức Phật A Di Đà. Nhiều Phật tử đơn giản quá cứ A Di Đà Phật thôi, đó là gọi tên mà không nói lời cung kính. Chúng ta xưng danh hiệu Ngài với lòng cung kính quy ngưỡng thì không có lỗi. Phật tử cần nên biết điều này để có ai thắc mắc hỏi, chúng ta giải đáp rõ ràng.

Câu hỏi kế, Phật tử niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà để Ngài đón mình về Cực Lạc hay để làm gì? Kinh A Di Đà nói rõ quá, người niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà từ một ngày cho tới bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì sẽ thấy đức Phật hiện tiền. Như vậy mục đích Phật dạy niệm danh hiệu đức A Di Đà trước hết là để chúng ta nhất tâm bất loạn. Mà nhất tâm là vô niệm, vì không còn một niệm tạp loạn nào. Nên nói niệm đến chỗ vô niệm, tức là chúng ta niệm Phật tới khi tâm không còn dấy

niệm. Chỉ một tâm hoàn toàn tri giác không dấy động, gọi là nhất tâm. Bảy giờ nhắm mắt, đức Phật A Di Đà và chư thánh chúng sẽ hiện ở trước.

Chúng ta thấy ý nghĩa tu hành quá rõ ràng. Dùng câu niệm Phật với lòng cung kính, quên hết chuyện thế gian, chỉ nhớ Phật thôi. Nhớ cho tới bao giờ câu niệm Phật lặng, chỉ còn một tâm thanh tịnh, lúc đó thấy Phật A Di Đà ở trước mắt. Hình ảnh này nói lên điều gì? Chúng ta tu là để lặng tâm lãng xăng điên đảo hằng ngày của mình. Muốn lặng tâm đó phải tin tuyệt đối vào đức Phật, dốc lòng niệm danh hiệu Phật càng ngày càng miên mật. Cho tới bao giờ được nhất tâm tức là vô niệm thì Phật Di Đà hiện ở trước, không nghi ngờ gì hết.

Quý Phật tử niệm Phật tới chỗ miên mật chưa? Chưa. Vậy mà đòi Phật đón mình, nếu Ngài không đón thì sao? Tại mình tu chưa đến nơi đến chốn nên không có kết quả, chứ không phải tại Phật quên. Người nào niệm Phật đến nơi đến chốn cũng đều có kết quả tốt. Tôi kể câu chuyện có thật để quý Phật tử, nhất là các Phật tử lớn tuổi cố gắng niệm Phật miên mật.

Bà thân của Thầy chúng tôi có nhiều con và tất cả đều ham tu. Thầy chúng tôi là con thứ chín. Bà ăn chay một tháng mười ngày thôi, nhưng chuyên

niệm Phật, lúc nào cũng có xâu chuỗi huyền trên cổ. Khi bà quét nhà, một tay lẩn chuỗi một tay quét; nhỏ cỏ cũng vậy, một tay lẩn chuỗi một tay nhỏ. Ngày nào tháng nào năm nào cũng thế. Đến 84 tuổi bà bệnh nặng sắp tịch, chúng tôi về trợ niệm. Bà đang mệ nằm trên giường, Thầy chúng tôi đứng trên đầu, Tăng Ni đứng hai bên, con cháu ngồi ở dưới chân cùng nhau trợ niệm cho bà. Khi bớt mệ bà cười hết sức vui, đứa cháu nội gọi:

- Bà nội, bà nội! Bà thấy gì mà cười?

Bà nói:

- Thấy Phật A Di Đà đến rước tao.

Đứa cháu hỏi:

- Có cho tụi con theo không bà nội.

Bà nói:

- Không được, rước có mình tao hà.

Rồi bà lại cười, cười một hồi thì im. Chừng 10 phút sau bà cười một lần nữa y như vậy. Như thế đến ba lần thì bà tắt thở. Cho nên bà chết không ai khóc được, vì thấy bà cười mọi người đều vui mừng theo.

Quý vị thấy người niệm Phật chí tâm, đi tới chỗ miên mật thì thấy Phật không nghi ngờ. Đó là điều

xác thật, không phải tưởng tượng. Chúng ta niệm Phật cốt để đi tới chỗ nhất tâm. Nhờ câu niệm Phật không nhớ gì hết, nhất là quý cụ già có bệnh hay nhớ con nhớ cháu. Bây giờ đổi lại, nhớ niệm Phật, nhớ mãi như thế sẽ quên nhớ con nhớ cháu.

Nếu nhớ con nhớ cháu khi nhắm mắt sẽ lẫn quẩn theo con cháu nữa, chịu khổ trầm luân không biết bao giờ ra khỏi. Nên người tu lớn tuổi phải dồn hết tâm lực nhớ Phật thôi. Chỉ nhớ Phật thì khi nhắm mắt theo Phật, không đi đường nào khác. Đó là ra khỏi vòng sanh tử, hết khổ đau. Nếu còn nhớ con nhớ cháu thì còn đi lại trong thế gian, lúc tốt lúc xấu không cố định. Nhiều khi đời này tốt mà đời sau không tốt. Cho nên Phật tử phải dè dặt cẩn thận.

Các vị Tổ trong Tịnh độ thường nói câu này: Người tu Tịnh độ như người đập gai lấy gai mà lễ. Nghĩa là sao? Tâm chúng ta lỗ lã xăng lộn xộn quá, bây giờ muốn hết tâm đó phải mượn câu niệm Phật để trấn áp nó. Do đó câu niệm Phật giống như cây gai thứ hai để lễ cây gai thứ nhất. Gai thứ nhất đã lấy ra rồi, nếu để cây gai thứ hai ở vết thương cũ thì vết thương có lành không? Không. Lẽ rồi cũng phải bỏ cây gai thứ hai luôn, vết thương mới lành.

Chúng ta niệm Phật nhập tâm rồi, được miên mật không còn một niệm nào chen lẫn, cuối cùng câu niệm Phật cũng lặng luôn. Đó mới gọi là nhất

tâm. Khi ấy nhắm mắt thấy Phật. Phật A Di Đà, Trung Hoa dịch là vô lượng thọ, vô lượng quang. Vô lượng thọ là sống lâu vô lượng, Vô lượng quang là ánh sáng vô lượng. Sáng suốt và sống mãi đó là danh hiệu của Phật A Di Đà.

Đức Phật dạy tất cả chúng ta khi tu đến chỗ kết quả viên mãn sẽ có đầy đủ ba thân: Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Pháp thân không còn chết nên gọi là vô lượng thọ. Pháp thân luôn luôn sáng suốt, không mờ tối nên gọi là vô lượng quang. Quý Phật tử thấy Phật A Di Đà tức thấy được Pháp thân của mình. Bấy giờ Phật khởi đốn về Cực Lạc, ta cũng nhập Niết-bàn như thường. Kinh nói thấy Phật hiện tiền chính là ý này, chứ không phải mong Phật đốn về Cực Lạc mà được thấy Ngài hiện tiền.

Chúng ta tu nếu không nắm vững, không biết lối đi, cứ lẩn quẩn hoài. Càng niệm Phật càng quên chuyện đời, niệm càng lâu càng nhiều thì việc đời càng giảm. Cho tới câu niệm Phật cũng lặng luôn, chùng đờ nhất tâm bất loạn, đâu còn mong muốn sanh về chốn nào nữa. Chính khi ấy đức Phật mới hiện tiền. Phật đó chính là Phật pháp thân của mình. Đó là kết quả của sự tu.

Hiện giờ thân của chúng ta là thân gì? Báo thân. Báo là thân theo quả báo mà có. Người quả báo lành được thân đẹp, ít bệnh. Người quả báo dữ

tuy được thân người mà bệnh hoạn tàn tật. Thân chúng ta không giống nhau tùy theo phước nghiệp của mỗi người. Đã là thân quả báo, chúng ta không thể nào giữ được mãi, vì hết nghiệp nó phải đi.

Còn Hóa thân ở đâu, chúng ta có không? Thật ra chúng ta cũng có Hóa thân mà ít ai biết. Tôi nhớ trong kinh Pháp Hoa, phẩm Hiện Bảo Tháp đức Phật Thích Ca giới thiệu với đại chúng trong tháp báu có thân của đức Phật Đa Bảo. Lúc đó chư Tăng hỏi làm sao thấy được thân đức Phật Đa Bảo. Phật Thích Ca trả lời: Muốn thấy thân Phật Đa Bảo thì các Hóa thân của Ngài đi làm Phật sự khắp nơi tụ họp về, mới thấy được. Thân Phật Đa Bảo trong tháp tượng trưng cho Pháp thân, các Phật đi làm Phật sự khắp nơi là Hóa thân. Khi nào Hóa thân tụ hội về một chỗ thì thấy được Pháp thân.

Chúng ta cũng có Pháp thân mà không thấy, vì Hóa thân đi làm việc nhiều quá, chạy ngược chạy xuôi đầu này đầu nọ liên miên. Chừng nào Hóa thân tức những niệm vọng động dừng lặng, bấy giờ Pháp thân mới hiện ra. Một ngày quý vị nghĩ chừng bao nhiêu việc? Có khi chạy từ đây qua Mỹ, rồi trở về Việt Nam... xong lại chạy tiếp, chạy liên miên. Thử hỏi làm sao Pháp thân xuất hiện được?

Tất cả kinh Phật dạy ý không khác, đều nhắc chúng ta phải quy tụ tâm lắng xảng về chỗ lặng lẽ,



không còn dấy động nữa. Lúc đó Pháp thân hiện ra là giải thoát sanh tử. Nếu chạy theo tâm lăng xăng, tích cực làm Phật sự trong cõi ngũ dục, thì ngược xuôi trong ba cõi hoại, không có ngày dừng. Chúng ta tu cố gắng làm đúng như lời Phật dạy, nhất định sẽ được kết quả tốt. Đó là tôi nói về ý nghĩa niệm Phật.

Tại sao chúng ta trì chú? Trì chú là sao? Thí dụ quý bà khi gặp tai nạn hay qua chỗ tối sợ ma, thì trì chú để bớt sợ. Quý vị tưởng nhờ thần chú ma quỷ hoảng chạy. Như vậy trì chú để dẹp ma dẹp quỷ, hay để tai qua nạn khỏi. Hiểu như thế là quá sơ sài. Phật không dạy điều này bao giờ. Vậy ý nghĩa trì chú ra sao?

Mật tông dạy chúng ta trì chú muốn được kết quả viên mãn thì phải tam mật là thân mật, khẩu mật và ý mật. Mật là thâm diệu. Thâm diệu tới chỗ ba nghiệp lặng lẽ hoàn toàn, thân lặng, khẩu lặng, ý lặng. Nói tam mật chứ động cơ chủ yếu là ý. Ý mật thì tất nhiên thân, miệng cũng mật, dù ta vẫn đi vẫn nói nhưng tâm luôn thanh tịnh. Ý lặng yên thì còn lăng xăng không? Không. Như vậy trì chú được tam mật có khác với nhất tâm đâu. Cho nên trì chú cũng với mục đích đưa chúng ta tới chỗ ý mật, tức là nhất tâm. Vì vậy niệm Phật, trì chú đều gặp nhau ở chỗ cứu cánh, chỉ khác nhau ở phương

pháp. Rõ ràng hai phương pháp khác nhưng cứu cánh không hai.

Tại sao chúng ta tu thiền định? Hiểu hai pháp trên thì sẽ hiểu được pháp tu thiền định. Phật dạy chúng ta tu thiền định cốt để buông xả các niệm tạp loạn, tâm lắng lẽ thanh tịnh. Theo kinh Nguyên thủy Phật dạy Bát chánh đạo, trong Bát chánh đạo từ chánh kiến cho tới cuối cùng là chánh định. Theo kinh Đại thừa Phật dạy Lục độ, thứ nhất là bố thí tới thứ năm là thiền định, thứ sáu là trí tuệ. Như vậy có giống kinh Di Đà không? Định giống như niệm Phật được nhất tâm, tuệ giống như thấy Phật A Di Đà vô lượng thọ, vô lượng quang. Rõ ràng kinh và pháp tu thiền không rời nhau. Hệ Nguyên thủy đạt tới chánh định là cao tột, nhưng hệ Đại thừa từ định phải qua trí tuệ mới rốt ráo. Đúng như kinh Di Đà, Phật dạy nhất tâm rồi thấy Phật Di Đà.

Chúng ta tu thiền định là tu thế nào? Nhiều vị không hiểu, nói người mới tu thiền phải quán hơi thở tức là số tức. Số tức là đếm số, hít vô cùng thở ra sạch đếm một, hít vô cùng thở ra sạch đếm hai, đếm tới mười bốn, rồi đếm trở lại một. Cứ như vậy đếm hoài cả buổi có lợi ích gì đâu, mầu nhiệm gì đâu, còn người ta niệm Phật có phước.

Nhưng tại sao chúng ta đếm hơi thở? Vì muốn dừng tâm lăng xăng. Như hít vô nhớ mình hít vô

tới đâu, thở ra nhớ mình thở ra tới đâu, rồi nhớ số nữa. Bất nhớ như thế để tâm quên chạy theo vọng tưởng. Pháp tu có khác nhưng trọng tâm không hai, cốt dừng tâm chạy ngược chạy xuôi hằng ngày. Dừng được tâm này là định nên nói thiền định. Thiền định là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là tĩnh lự, nghĩa là lặng cái suy nghĩ lăng xăng, chứ không gì lạ.

Qua giai đoạn đếm hơi thở rồi đến giai đoạn theo hơi thở. Khi ta chú tâm đếm hơi thở, tâm không chạy bậy, lần lần thuần thục ta bỏ đếm, chỉ theo hơi thở thôi. Hít vô tới đâu biết, thở ra tới đâu biết. Theo dõi như người thiếu nợ trốn chủ, bất thần chủ nợ tìm gặp, nên theo sát lưng không bỏ. Tu cũng vậy, ban đầu đếm hơi thở, sau đó theo hơi thở thật khít khao để tâm không tán loạn. Đó là phương tiện buổi đầu của người tập tu thiền.

Ở đây chúng tôi dạy tu thiền hơi khác hơn một chút. Tôi dạy khi niệm dấy khởi lên biết nó là hư dối, bỏ. Không chạy theo mà cứ chỉ mặt nó hoài, lâu ngày nó tan mất. Bởi vì khởi nghĩ của mình không thật, mà mê theo nó thì thành thật. Như giận người A, khi dấy niệm giận mình theo niệm đó phát nổi hung hăng, muốn chửi đánh người ta, thành ra có tạo nghiệp. Còn vừa nhớ tới chú A liền bỏ không nghĩ, thì đâu còn tức mà muốn đánh chửi người ta.

Manh mối ban đầu vừa mọc mầm liền thấy, chỉ mặt nó thì nó dừng lại nhẹ nhàng.

Niệm Phật là dùng câu niệm để dẹp vọng tưởng, trì chú là dùng câu thần chú để dẹp vọng tưởng, còn tọa thiền dùng trí thấy thẳng, chỉ thẳng vọng tưởng để dẹp nó. Nhưng chỉ thẳng để dẹp là thấy ngay lẽ thật, chứ không mượn phương tiện để dẹp. Vì vậy tới chừng vọng tưởng lặng là xong, không còn gì để bỏ nữa. Như vậy tu tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tọa thiền, trọng tâm đều dừng các niệm lăng xăng. Tất cả pháp Phật dạy không có ý khác, chỉ khác ở phương tiện thôi.

Thiền tông dạy “trực chỉ nhân tâm” tức chỉ thẳng tâm người, “kiến tánh thành Phật” là nhận ra bản tánh của mình thì thành Phật. Chỉ thẳng tâm người là tâm lăng xăng, tâm điên đảo. Nó vừa dấy lên, chỉ mặt rầy thì nó lặng. Cho tới bao giờ tâm ấy hoàn toàn lặng hết thì tánh Phật hiện ra. Tánh Phật là Pháp thân, ngang đó gọi là kiến tánh thành Phật, tức nhận ra bản tánh thì thành Phật, cũng như thấy Phật Di Đà. Vì vậy người tu thiền không đặt lòng tin mà đặt trí tuệ lên hàng đầu. Nhìn thẳng thấy rõ ràng, không để nó lừa gạt mình. Nó rủ đi đâu là chặn liền, không cho nó dụ dỗ.

Pháp tu tuy nói ba nhưng gốc chỉ có một. Cho nên người tu Tịnh độ không nên chê người tu thiền.

Người tu thiền không nên chê người tu Mật v.v... Nếu tu đúng lời Phật dạy thì pháp nào cũng đưa đến nhất tâm, đưa đến chỗ cứu cánh thành Phật.

Phật tử bây giờ có bệnh, người thích hợp với pháp này liền chê pháp của người khác, khen pháp của mình. Do đó tâm lăng xăng càng tăng trưởng chứ không giảm. Như vậy đâu phải tu. Vì tu là để giảm suy nghĩ lăng xăng rồi bời, mà mình tu càng ngày càng tăng loạn tưởng là không đúng rồi. Cho nên thấy người tu niệm Phật, ta hoan hỷ nói: “Chị tu niệm Phật tốt. Ráng niệm cho nhất tâm”. Thấy người tu trì chú, nói: “Anh tu trì chú tốt. Ráng trì cho tới tam mật”. Thấy người tu thiền nói: “Anh tu thiền tốt. Ráng ngồi thiền cho được định”. Như vậy ai cũng tốt hết.

Người biết tu phải hiểu cho thấu đáo để không hờn phiền huynh đệ đồng đạo. Nếu không khéo sẽ dẫn tới tình trạng người này trách người kia, người kia phiền người nọ. Chính huynh đệ trong đạo chỉ trích nhau hoài, không hòa thuận nói gì tu hành.

Tại sao Phật dạy chúng ta phải dẹp cái nghĩ lăng xăng lộn xộn của mình? Những ý nghĩ quấy dẹp thì đúng, nhưng ý nghĩ phải tại sao cũng dẹp? Nếu nghĩ xấu sai, ta sẽ nói làm theo nghiệp ác. Nếu nghĩ tốt dĩ nhiên ta nói làm theo nghiệp lành. Như vậy nghiệp lành, nghiệp ác từ ý nghĩ mà ra. Nghiệp

ác thì đọa vào đường dữ, nghiệp lành thì sanh về cõi lành. Nhưng dù lành hay dữ cũng còn trong vòng trầm luân sanh tử, còn trở đi trở lại mãi trong ba cõi là còn khổ.

Tại sao nghiệp lành vẫn không giải thoát? Vì nghiệp lành thì sanh cõi lành, như được làm người sung sướng. Nhưng mấy chục năm hưởng hết phước rồi cũng chết. Hoặc sanh lên cõi trời, ở cảnh cao sang muốn gì được nấy, nhưng hết phước cũng đọa xuống trở lại. Lên lên xuống xuống không có ngày cùng. Chỉ khi ra khỏi vòng sanh tử mới được giải thoát, hết khổ đau.

Nếu chúng ta tu tới nhất tâm, không còn nghĩ thiện nghĩ ác thì đi đâu? Hết nghĩ thì hết nghiệp, hết nghiệp là hết sanh tử, đó là giải thoát. Chỗ cứu cánh chân thật đức Phật chỉ cho chúng ta thấy là cái sáng suốt, bất sanh bất diệt nên gọi là Niết-bàn, vô sanh. Không có sanh lấy gì tử.

Đức Phật vì thương chúng sanh mê lầm đuổi theo hư ảo cho là mình, rồi cả ngày sống trong cái hư ảo đó, chịu vô lượng khổ đau. Đã sống trong hư ảo thì dù làm việc tốt cũng chưa hẳn là tốt. Ví như có hai nhóm đi làm từ thiện. Nhóm A được nhiều người hoan nghênh, nhóm B bị nhiều người chỉ trích. Vậy nhóm B có vui với nhóm A không? Bị thua thì giận, giận vì làm việc thiện thì cũng không tốt.

Bởi vậy nói tâm của chúng ta không chân thật. Vì nó hư ảo nên biến chuyển luôn. Do đó nhiều người lúc nhỏ rất hiền lành, nhưng lớn lên bị ngoại duyên không tốt tác động, lâu ngày trở thành hung dữ. Ngược lại, có người lúc nhỏ hung dữ, nhưng lớn lên nhờ gần gũi duyên tốt nên trở lại hiền lành. Tâm ta luôn đổi thay, không đứng một chỗ. Gặp môi trường tốt, thầy tốt, bạn tốt thì tốt theo. Gặp môi trường xấu, thầy xấu, bạn xấu thì xấu theo. Tâm đó tùy thuộc ngoại cảnh chứ không tự làm chủ được. Vậy mà tất cả chúng ta đều đuổi theo nhận nó là mình, thử hỏi có đáng buồn không?

Nếu chúng ta không nhận những suy nghĩ lăng xăng lộn xộn đó là tâm mình, thì dù ở chung cả trăm ngàn người cũng không có chuyện cãi vã, nói gì đánh đập nhau. Sở dĩ chúng ta ở chung có chuyện này, chuyện kia là vì không đồng ý nhau. Mỗi người đều cho cái suy nghĩ của mình là đúng, nên hơn thua phải quấy, oán thù đủ chuyện. Nuôi tâm ấy như nuôi kẻ cướp trong nhà nên Phật nói nhận giặc làm con. Vì nhận giặc làm con nên cưng nó, nghe lời nó, không chịu bỏ nó. Đã vậy thì đời ta cứ đi trong trầm luân đau khổ không có ngày cùng.

Muốn ra khỏi vòng sanh tử không gì hơn là dừng tạo nghiệp, nghĩa là dừng nhận vọng tưởng làm con nữa, đuổi nó ra khỏi nhà. Nó không phải

con mình thì đuổi đi. Nhưng khổ nỗi ta lại thương nó, không chịu đuổi. Khi thấy chúng sanh mê lầm như vậy, đức Phật rất thương. Chúng ta thấy tượng đức Phật A Di Đà đứng duỗi tay xuống, phía dưới là chúng sanh đang lặn hụp giữa biển cả mênh mông. Ngài đưa tay xuống chờ chúng sanh ngóc đầu dậy thì kéo lên, nhưng chúng sanh cứ mãi miết lặn hụp, không chịu đưa tay cho Ngài kéo.

Mỗi một ngày hết 12 tiếng chúng ta chạy theo cái hư giả, chỉ còn một hai tiếng trở về cái thật, nên ráng buông xả cho các vọng tưởng lắng xuống, giành quyền làm chủ phần nào. Nếu không thì mình cứ bị nó làm chủ hoài. Ngày nào ta giảm bớt hơn thua, phải quấy thì ngày đó an vui. Ngược lại, nếu cứ để nó lôi dẫn chạy ngược chạy xuôi, khi nhắm mắt chắc chắn phải luân hồi sanh tử.

Phật tử tu mà không hiểu, cứ ỷ lại vào thầy. Tháng nào cũng đi chùa cúng thầy một ít, chừng nào nhắm mắt mời thầy tới độ cho về Cực Lạc, khỏe ru. Tu như vậy thì oan cho đạo Phật quá. Quý vị phải nhớ chúng ta lo cho Tam bảo, để việc giáo hóa mọi người thức tỉnh được trường tồn, được phát triển. Muốn thế, bản thân mình phải tu rồi tạo điều kiện hỗ trợ Tam bảo tồn tại lâu dài nơi thế gian, đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh.



Hôm nay tôi nhắc những điều thiết yếu cho tất cả quý Phật tử biết, ứng dụng tu đúng pháp Phật dạy. Quý vị đã hiểu tại sao chúng ta phải tụng kinh, niệm Phật, trì chú, tọa thiền rồi, mong tất cả thực hành đúng theo chủ ý Phật dạy. Đừng vì sự tu mà tạo phân biệt, nuôi lớn thêm phải quấy đối đãi, trái xa với bản ý của đức Thế Tôn, cũng là tự vùi lấp sự giác ngộ của mình.

Hiểu vậy trên đường tu tôi tin chắc quý vị sẽ tiến, sẽ đạt được kết quả tốt đẹp. Chúc tất cả quý Phật tử luôn an vui và tinh tấn trên bước đường tu tập.

